

KT.2.149

ẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI
PTS. KTS. HÀN TẤT NGẠN

KIẾN TRÚC CẢNH QUAN



NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG



THƯ VIỆN
HUBT

TÊN CHỦ PHỤC VỤ THƯ VIỆN KINH HOA NỘI BỘ



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI
PTS. KTS. HÀN TẤT NGẠN

KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

(Tái bản)



NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG
HÀ NỘI - 2014



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT HẢI PHÒNG
P.TS. KTS. HÀNH TẤT NGUYỄN

KỸ THUẬT CÁNH QUẢN

(Tài liệu)



KINH QUẢN XÂY DỰNG



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LỜI NÓI ĐẦU

Bản sắc văn hóa của kiến trúc không chỉ tồn đọng ở hình dạng, hoạt động trong không gian công trình mà còn là mối quan hệ của nó với môi cảnh xung quanh và những hoạt động dây chuyền từ trong ra ngoài và ngược lại ở mỗi công trình. Do đó thiết kế kiến trúc không chỉ bản thân công trình mà còn là cảnh quan, trong tổng thể đó công trình chỉ là một thành phần của cảnh quan.

Bởi thế và vì thế, cần có một nghiên cứu đồng bộ, hệ thống hóa kiến trúc cảnh quan xoay quanh ba vấn đề : tạo dựng không gian chức năng ; tạo dựng và cải thiện (không gian) môi trường; tạo dựng không gian thẩm mỹ nhằm tạo nên cảnh quan văn hóa cho con người phát triển. Trong đó mối quan hệ của các thành phần tạo cảnh quan có ý nghĩa quyết định về chất trong việc giải quyết ba vấn đề trên.

Trước đây kiến trúc cảnh quan chỉ giải quyết các mối quan hệ gián đơn trong phạm vi nhỏ hẹp của các đô thị thời tiền công nghiệp. Ngày nay trong thời kỳ công nghiệp hiện đại, tốc độ đô thị hóa ngày càng cao tạo ra nhiều nguy cơ tàn phá cảnh quan. Do vậy kiến trúc cảnh quan có nhiệm vụ nặng nề hơn và trên phạm vi rộng hơn.

Về mặt lý luận và thực tiễn, kiến trúc cảnh quan đã được nhiều nước trên thế giới đúc rút nhiều kinh nghiệm quý báu.; ở Việt Nam, những vấn đề này còn mới mẻ.

Do có điều kiện được nghiên cứu sâu về lĩnh vực này trong quá trình giảng dạy tại Trường đại học Kiến trúc Hà Nội và một số lớp cao học tại Trường đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời sử dụng những kết quả nghiên cứu đã công bố trên một số sách, tạp chí và với một cách nhìn cấu trúc hệ thống để chúng tôi đúc rút những khái niệm cơ bản về kiến trúc cảnh quan, từ mối quan hệ giữa cảnh quan của không gian trống với cảnh quan của không gian xây dựng đến các thành phần tạo thành cảnh quan để tìm ra các quy luật, các nguyên tắc... ứng dụng trong quy hoạch cảnh quan và thiết kế cảnh quan – hai lĩnh vực chuyên sâu của kiến trúc cảnh quan.

Chúng tôi xin cảm ơn Ban giám hiệu, Phòng quản lý khoa học Trường đại học Kiến trúc Hà Nội đã tạo điều kiện và PGS.PTS.KTS Huỳnh Đăng Hy, PTS.KTS Phạm Kim Giao đã khích lệ chúng tôi hoàn thành cuốn sách này, đồng thời xin gửi lời cảm ơn các học viên cao học Trường đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh về những câu hỏi, các bài luận có tính gợi mở hữu ích cho việc biên soạn sách.

Hình ảnh minh họa trong sách một phần của chúng tôi và phần còn lại từ các sách báo tham khảo, của ThS. KTS. Phan Trường Sơn, Thạc sĩ sử học Phan Thuận An, ThS. KTS. Đoàn Bá Cử, chúng tôi xin mạn phép được sử dụng và xin chân thành cảm ơn.

Cuốn sách là kết quả của nhiều năm nghiên cứu và trăn trở, tuy vậy cũng không tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp bổ sung để lần in sau được hoàn thiện hơn.

Tác giả

Chương một

NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ CẢNH QUAN

Tùy theo mỗi ngành mà có cách quan niệm khác nhau về cảnh quan.

Theo các nhà địa lý, cảnh quan (landscape) là một bộ phận của bề mặt trái đất, có những đặc điểm riêng về địa hình, khí hậu, thủy văn, đất đai, động thực vật v.v... và phong cảnh (paysage) là những cảnh thiên nhiên bày ra trước mắt [57]. Còn D.L.Armand, nhà địa lý cảnh quan Nga quan niệm : cảnh quan đồng nghĩa với thuật ngữ "tổng thể lãnh thổ tự nhiên" là phần lãnh thổ được phân chia một cách ước lệ bằng các ranh giới thẳng đứng theo nguyên tắc đồng nhất tương đối, và các ranh giới nằm ngang theo nguyên tắc mất dần ảnh hưởng ra vùng bao quanh [1] của nhân tố trong tổng thể.

Theo các nhà kiến trúc cảnh quan, phong cảnh là thuật ngữ từ tiếng Pháp, chỉ một không gian hạn chế, mở ra những điểm nhất định. Đó là những phần thiên nhiên và nhân tạo mang đến cho con người những cảm xúc và tâm trạng khác nhau. Còn cảnh quan là thuật ngữ từ tiếng Đức chỉ một tổ hợp phong cảnh có thể khác nhau, nhưng tạo nên một biểu tượng thống nhất về cảnh chung của địa phương. Như vậy về mặt không gian, phong cảnh nhỏ hơn cảnh quan. (M. Corfev, L.X.Dalexxcaya, E.M.Miculina...) [82, 107, 108, 109, 110].

Ở đây cả thuật ngữ phong cảnh và cảnh quan đều là không gian chứa đựng vật thể nhân tạo, thiên nhiên và những hiện tượng xảy ra trong quá trình tác động giữa chúng với nhau và giữa chúng với bên ngoài. Trong đó mỗi tác động nội lực là tương đối chặt chẽ. Cũng cần nhấn mạnh rằng, Armand quan niệm thiên nhiên là một hệ thống gồm các hiện tượng và vật thể tự nhiên, kể cả những hiện tượng và vật thể bị biến đổi do con người, các công trình kỹ thuật (ảnh hưởng đến môi trường xung quanh) ; và con người (được coi như một loài sinh vật).

Nghĩa là vật thể do con người tạo ra trên bề mặt đất có tác động đến môi trường như vật thể tự nhiên cũng được coi là yếu tố thiên nhiên. Ngôi nhà tạo bóng râm, làm lệch hướng gió, phản xạ tia nắng mặt trời ... như một viên đá cùng kích thước [1].

Song thuật ngữ cảnh quan hay phong cảnh chứa đựng các yếu tố thiên nhiên và nhân tạo nhiều hay ít không quan trọng mà cần phải hiểu biết bản chất của cảnh quan là gì ? Sự khác biệt giữa cảnh quan và phong cảnh ?

Phần đông khi nói về cảnh quan, người ta thường xét trên quan điểm hình thái học, nghĩa là cảnh nhìn được. Song con người chịu sự tác động của môi trường thông qua nhiều giác quan (mắt, tai, ...). Môi trường này được hình thành do hệ quả tác động

tương hỗ các thành phần của cảnh quan. Hệ thống mối quan hệ này đã tạo nên nét đặc trưng của mỗi vùng với các kiểu cảnh quan khác nhau như :

- Cảnh quan đô thị
- Cảnh quan làng bản
- Cảnh quan đồng ruộng
- Cảnh quan vùng biển

... (hình 1).

Mỗi một kiểu cảnh quan đó có cấu trúc và thành phần tạo dựng đặc trưng và được biến đổi thường xuyên do sự tác động của thiên nhiên, con người trong quá trình hoạt động. Đó là cảnh quan nhân tạo. Song hệ quả của nó không hẳn là các cảnh quan có giá trị thẩm mỹ.

Cảnh quan nhân tạo là cảnh quan được hình thành do hệ quả của quá trình tác động của con người làm biến dạng cảnh quan thiên nhiên.

Cảnh quan thiên nhiên bị biến đổi do quá trình hoạt động kinh tế-của con người, đem đến sự biến đổi về động thực vật, chế độ nước, phá vỡ mối quan hệ và tác động tương hỗ giữa các yếu tố đã được hình thành trong cảnh quan, đồng thời làm xuất hiện các yếu tố mới trong cảnh quan như mạng lưới điện, đường giao thông, nhà máy v.v... nghĩa là hình thành cảnh quan mới - cảnh quan nhân tạo [109, 110].

Mức độ can thiệp vào sự thay đổi các yếu tố của cảnh quan thiên nhiên biểu thị ít nhiều hay toàn bộ tính chất nhân tạo của cảnh quan. Và như vậy, có thể phản ánh mức độ biến đổi cơ tính của sinh thái cảnh quan.

Sự hình thành và phát triển cảnh quan nhân tạo gắn liền với tiến trình phát triển khoa học kỹ thuật và có thể được chia thành ba giai đoạn : thuộc về văn minh nông nghiệp trước thế kỷ XVII ; thuộc về văn minh công nghiệp từ thế kỷ XVII (khi máy hơi nước xuất hiện), và thuộc về văn minh khoa học kỹ thuật (thời kỳ hậu công nghiệp, từ năm 1949, khi xuất hiện máy tính điện tử đến nay).

Sự can thiệp ngày càng mạnh mẽ và đỉnh cao ở khoảng cuối nền văn minh công nghiệp của con người đã gây nên sự đổi thay sâu sắc đối với cảnh quan thiên nhiên. (Vì thế về sau có xu hướng xây dựng cảnh quan nhân tạo trên cơ sở kế thừa, phát triển và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên).

Như vậy cảnh quan nhân tạo bao gồm các thành phần của cảnh quan thiên nhiên và các yếu tố mới do con người tạo ra. Hai yếu tố này có mối quan hệ tương hỗ với nhau. Tùy theo tương quan tỷ lệ của các yếu tố thiên nhiên và nhân tạo, cảnh quan nhân tạo được chia ra ba loại : Cảnh quan văn hóa (cảnh quan điểm dân cư, cảnh quan nghỉ ngơi - giải trí, cảnh quan vùng công nghiệp) ; cảnh quan vùng trồng trọt (cảnh quan nông, lâm nghiệp) và cảnh quan vùng phá bỏ (các khu khai thác mỏ lộ thiên và các khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác). Sơ đồ 1.



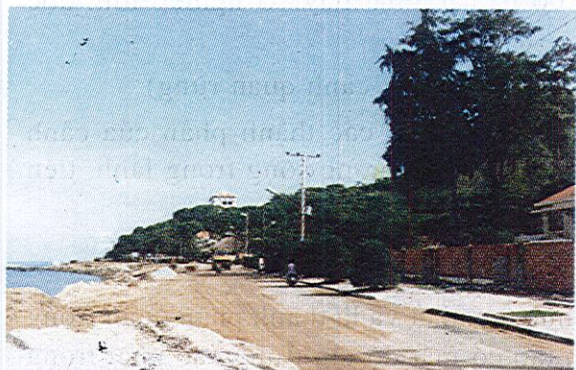
a)



b)



c¹)

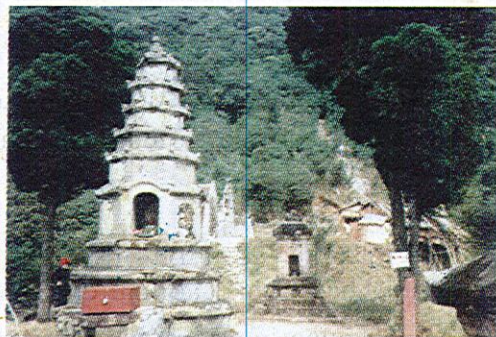


d)

d¹)



d²)

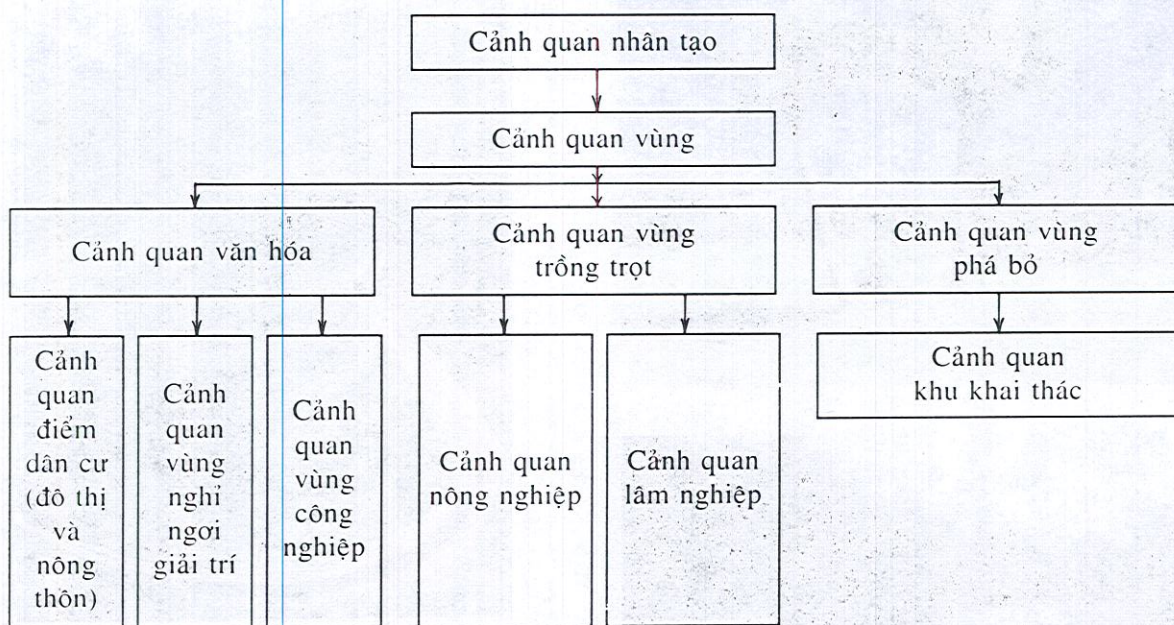


c²)



Hình 1: Các kiểu cảnh quan được hình thành trên cơ sở tương quan tỷ lệ các yếu tố thiên nhiên và nhân tạo cũng như đặc điểm thiên nhiên.

a) Cảnh quan nông thôn (Thanh Hoá); b) Cảnh quan đặc trưng đồng bằng Nam Bộ; c) Cảnh quan đô thị; c¹) Phố Nguyễn Huệ - TP. Hồ Chí Minh; c²) Thành phố Melbourne; d) Cảnh quan đồi núi; d¹) Đèo Hải Vân; d²) Yên Tử - Quảng Ninh; đ) Cảnh quan ven biển - TP. Vũng Tàu.



Sơ đồ 1 : Các thành phần cảnh quan nhân tạo

Trong đó cảnh quan đô thị và cảnh quan nông thôn do chứa đựng nhiều yếu tố nhân tạo và là nơi cư trú của con người nên trở thành cảnh quan nhân tạo đặc biệt.

1. Cảnh quan vùng

Cảnh quan vùng là một bộ phận quan trọng của cảnh quan nhân tạo. Trong cảnh quan vùng bao gồm (các loại chủ yếu) :

- Cảnh quan bảo tồn (các khu vườn quốc gia, nơi bảo tồn cảnh quan thiên nhiên có giá trị lịch sử hệ động, thực vật, các cảnh quan di tích như khu đền Hùng, khu chùa Hương v.v..., công viên rừng, các cảnh quan có giá trị nghệ thuật độc đáo như phong cảnh hồ Ba Bể, vịnh Hạ Long v.v...).

- Cảnh quan nghỉ ngơi - giải trí (các khu nghỉ ngơi, điều dưỡng ở ngoại đô, ở ven mặt nước lớn, khu thiên nhiên phong phú - nơi có môi trường trong lành và đẹp).

- Cảnh quan điểm dân cư (cảnh quan đô thị và cảnh quan nông thôn).

- Cảnh quan vùng công nghiệp (khu vực bố trí các nhà máy, xí nghiệp lớn, độc hại nằm ngoài điểm dân cư).

- Cảnh quan vùng trồng trọt (cảnh quan đồng ruộng và cảnh quan rừng).

Mối tương quan hợp lý cũng như vị trí tương hỗ giữa các thành phần của cảnh quan vùng có một ý nghĩa rất lớn và quyết định đến môi trường sống trong lành, tiện nghi và giá trị thẩm mỹ.

2. Cảnh quan đô thị

Cảnh quan đô thị là môi trường nhân tạo phức tạp nhất và là thành phần quan trọng của cảnh quan văn hóa. Ở đó các yếu tố nhân tạo có mật độ tập trung cao nhất trong

các loại cảnh quan và thường gây nên những hậu quả không thuận lợi cho môi trường cư trú của con người. Do đó tác động tương hỗ của con người và môi trường xuất hiện ở đây là mạnh mẽ nhất mà trong quá trình tác động đó các yếu tố chủ yếu của cảnh quan đô thị (địa hình đô thị, mặt nước và cây xanh) đóng vai trò chính.

Địa hình đô thị được quan niệm ở đây là cấu trúc bề mặt đô thị bao gồm các trạng thái lồi lên, lõm xuống. Sự lồi lõm của các tòa nhà, dãy phố, quần thể công trình và của các con đường, quảng trường, sân, mặt nước, vườn công viên... Ở đây các tòa nhà được coi là những viên đá thiên nhiên. Bởi vậy, những diễn biến của sinh thái - môi trường trên bề mặt đô thị không khác gì nhiều với thiên nhiên có cấu trúc bề mặt địa hình tương tự. Nghĩa là, địa hình đô thị cũng làm thay đổi nhiệt độ, cản, làm chệch hướng gió và biến đổi tốc độ gió, độ ẩm, làm ngưng tụ khí độc và bụi bẩn của môi trường đô thị bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến bức xạ mặt trời, độ chiếu sáng. Thêm vào đó, việc tỏa nhiệt từ các nguồn nhân tạo như lò đun, hệ thống chiếu sáng và điều hòa nhiệt độ đã làm tăng thêm những biến đổi trên đây.

Bản thân địa hình đô thị là một bộ phận của cảnh quan, song được chứa đựng trong một khoảng không gian rộng lớn, vô bờ. Nó chỉ được thu nhận trong hai trường hợp : từ trên máy bay hoặc từ đỉnh núi khi đô thị nằm dưới thung lũng và có quy mô nhỏ.

Trong lòng địa hình đô thị có nhiều khoảng không gian có giới hạn. Đó là các không gian đô thị được hình thành từ các bức tường nhà, mặt nền và thậm chí, diện thứ 6 của không gian đó là gầm nhà. Các yếu tố thiên nhiên (mặt nước và cây xanh) chủ yếu nằm ở trong các không gian này.

Ở đây, khi rời khỏi ngôi nhà con người chỉ có thể "rơi" trong không gian đô thị. Bởi thế mọi diễn biến của môi trường - sinh thái đô thị và thẩm mỹ kiến trúc đô thị tác động trực tiếp đến con người về cơ bản thông qua không gian này. Như Le Corbusier đã khẳng định : "Chúng ta là những con người và như thường lệ chúng ta nhìn thế giới từ chiều cao 170cm của mình so với mặt đất"⁽¹⁾.

Mặt nước và cây xanh là một bộ phận quan trọng của cảnh quan được đưa vào trong không gian đô thị để cải thiện môi trường đã được hình thành bởi cấu trúc bề mặt địa hình đô thị, tạo cảnh và trang trí trong lòng không gian. Bởi vì mặt nước và cây xanh có tác dụng làm giảm nhiệt độ, tăng độ ẩm và tạo nên sự chuyển động của dòng không khí do sự chênh lệch áp suất giữa vùng có cây xanh, mặt nước và vùng không có hoặc ít cây xanh, mặt nước hơn. Và hệ quả của nó là tạo sự lưu thông không khí theo chiều đứng. Từ đó kéo không khí độc, bụi lên không trung và dồn không khí trong lành từ khu mặt nước - cây xanh vào không gian chứa đựng con người.

Ngoài ra, cây xanh còn có tác dụng chống ồn, cách ly đám cháy, bụi giữa nguồn gây ra với khu sinh sống của con người, cũng như làm thay đổi thành phần hóa học của không khí theo hướng có lợi cho sự sống.

(1) Dẫn theo Xutrevia A. V. Bảo vệ thiên nhiên và kiến trúc. NXB Đại học Minxc, 1976.

3. Cảnh quan nông thôn

Cảnh quan nông thôn cũng giống như cảnh quan đô thị là có các yếu tố thiên nhiên và nhân tạo tham gia vào việc hình thành cảnh quan. Nhưng mức độ nhân tạo của cảnh quan nông thôn ít hơn nhiều. Do đó môi trường nông thôn (làng, bản...) ít bị ô nhiễm bởi giao thông, sản xuất và sinh hoạt.

Tuy nhiên đô thị hóa phát triển đã, đang và sẽ làm cho khoảng cách "an toàn" giữa điểm dân cư nông thôn với đô thị và khu công nghiệp ngày càng thu hẹp. Sự nhiễm bẩn môi trường tràn sang vùng nông thôn. Do đó việc tổ chức cảnh quan nông thôn không thể bỏ qua vấn đề bảo vệ và hình thành môi trường như đối với đô thị.

1.2. KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

1. Khái niệm kiến trúc cảnh quan

Nếu cảnh quan nhân tạo là hệ quả của các hoạt động do con người tác động vào môi trường thiên nhiên, thì kiến trúc cảnh quan là một trong những dạng hoạt động kiến trúc của con người nhằm đáp ứng các yêu cầu về thẩm mỹ, tạo lập một môi trường hài hòa bao quanh con người, có ý nghĩa sử dụng và tư tưởng nhất định.

Kiến trúc cảnh quan là một môn khoa học tổng hợp, liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên ngành khác nhau (quy hoạch không gian, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc công trình, điêu khắc, hội họa ...) nhằm giải quyết những vấn đề tổ chức môi trường nghỉ ngơi - giải trí, thiết lập và cải thiện môi sinh, bảo vệ môi trường, tổ chức nghệ thuật kiến trúc.

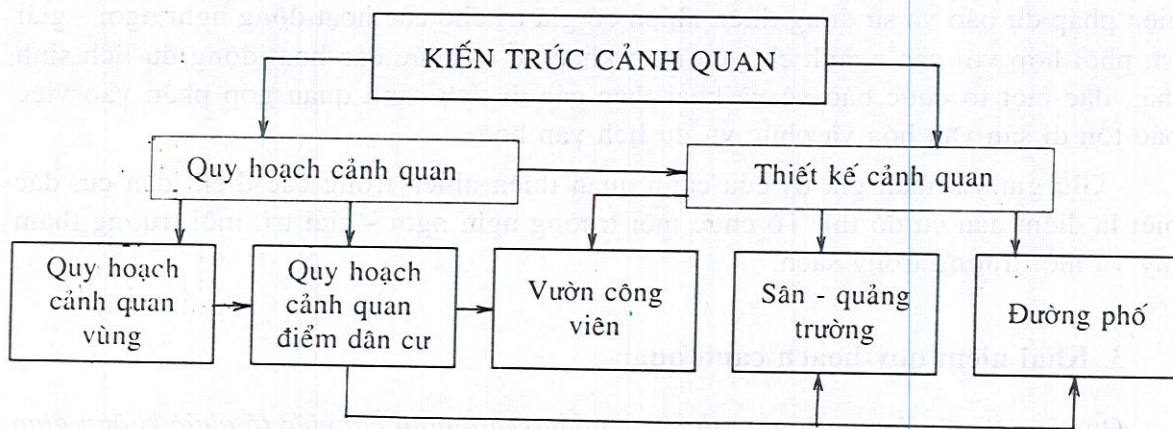
Kiến trúc cảnh quan là hoạt động định hướng của con người tác động vào môi trường nhân tạo để làm cân bằng mối quan hệ qua lại giữa các yếu tố thiên nhiên và nhân tạo, tạo nên sự tổng hòa giữa chúng. Đô thị hóa phát triển kéo theo sự gia tăng đất xây dựng, đẩy dần thiên nhiên xa rời con người, gây nên sự rối loạn sinh thái, ô nhiễm môi trường. Bởi vậy kiến trúc cảnh quan nghiên cứu tổng thể từ phạm vi vùng, miền đến giới hạn nhỏ hẹp của môi trường bao quanh con người có lợi cho sự sống, phù hợp sinh thái phát triển (eco-development) mang lại mối quan hệ tổng hòa giữa thiên nhiên – con người – kiến trúc.

Để thiết kế cảnh quan trong phạm vi nhỏ hẹp bao quanh con người cần phải dựa trên cơ sở của quy hoạch cảnh quan để bảo đảm sự ổn định về cấu trúc không gian, chất lượng môi trường, không gian hoạt động nghỉ ngơi - giải trí và sinh hoạt của cộng đồng.

Sự phát triển kiến trúc cảnh quan nhằm đáp ứng xu hướng thời đại vươn tới sự hài hòa trong dây chuyền con người - xã hội - thiên nhiên, tiến tới thiết lập một môi trường vững bền cho cuộc sống con người. Trước đây kiến trúc cảnh quan chỉ giải quyết các mối quan hệ giản đơn trong phạm vi nhỏ hẹp của các đô thị thời tiền công nghiệp. Ngày nay và tương lai đến năm 2000, trên 50% dân số thế giới sẽ sống trong các đô thị. Đô thị là tâm điểm văn minh của loài người, là trung tâm của sự sản sinh của cải vật chất và tinh thần xã hội, là nơi tiện nghi nhất cho đời sống con người.

Song sự bành trướng của đô thị với công nghiệp hiện đại cũng lại tàn phá thiên nhiên, đẩy tình trạng cạn kiệt tài nguyên tới mức không thể cứu vãn được, ô nhiễm môi trường, thay đổi khí hậu toàn cầu và kéo theo một loạt quan hệ xã hội bị sa sút trầm trọng [21]. Do vậy kiến trúc cảnh quan [landscape architecture], có nhiệm vụ ngày càng nặng nề hơn, bao gồm hai lĩnh vực chuyên sâu : *quy hoạch cảnh quan* (landscape planning) và *thiết kế cảnh quan* (landscape designing).

Quy hoạch cảnh quan có nhiệm vụ giải quyết những vấn đề chung về việc hình thành môi trường trên phạm vi vùng miền và điểm dân cư, còn thiết kế cảnh quan là tạo lập một cách chi tiết môi trường bao quanh con người bằng việc tổ hợp các thành phần thiên nhiên, tạo hình và các chi tiết hoàn thiện kỹ thuật. (Sơ đồ 2).



Sơ đồ 2 : Các giai đoạn quy hoạch và thiết kế cảnh quan các loại hình chủ yếu

2. Đối tượng và nhiệm vụ của kiến trúc cảnh quan

a. Đối tượng của kiến trúc cảnh quan

Môi trường sống của con người luôn luôn bị biến đổi trong quá trình phát triển của xã hội với sự tác động tương hỗ của hai nhóm thành phần nhân tạo và thiên nhiên, của nhân tạo với nhân tạo, của thiên nhiên với thiên nhiên. Mỗi quan hệ có thể hòa hợp hay không hòa hợp, mâu thuẫn hay không mâu thuẫn.

Môi trường sống cần được tổ chức hợp lý, thỏa mãn các yêu cầu sử dụng, sự trong lành của môi cảnh và thẩm mỹ, đáp ứng sự phát triển đa dạng và phong phú của cuộc sống con người.

Cảnh quan là một cơ thể luôn phát triển và biến đổi theo mùa, bởi vậy các thành phần hình thành và tạo dựng cảnh quan còn nằm trong một tổng thể có mối quan hệ khăng khít nhưng biến đổi theo thời gian. Kiến trúc cảnh quan cần phân tích, tổng hợp các mối quan hệ ấy để xây dựng môi cảnh vững bền, gắn với quy hoạch không gian (vùng, đô thị và nông thôn) với thiết kế kiến trúc công trình để bổ khuyết cho quy hoạch không gian và thiết kế công trình.

b. Nhiệm vụ của kiến trúc cảnh quan

Mục tiêu của kiến trúc cảnh quan là xây dựng môi cảnh vững bền, thỏa mãn các nhu cầu và hoạt động sống của con người trong môi trường trong lành, hài hòa và tiện nghi.

Để đạt được mục tiêu này, kiến trúc cảnh quan có các nhiệm vụ sau đây :

- Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và di tích cảnh quan trong môi trường nhân tạo hoá và vùng bao quanh.

- Tài nguyên thiên nhiên ngày càng bị cạn kiệt, thu hẹp do các hoạt động kinh tế của con người, đặc biệt công nghiệp hóa và đô thị hóa. Bởi vậy việc bảo vệ gìn giữ "ngân quỹ" thiên nhiên là rất cấp bách. Kiến trúc cảnh quan có nhiệm vụ lập những biện pháp dự báo và sử dụng thiên nhiên có giá trị cho các hoạt động nghỉ ngơi - giải trí, phối hợp với các ngành chuyên môn khác để tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái, đặc biệt tổ chức bảo vệ và khai thác các di tích cảnh quan góp phần vào việc bảo tồn di sản văn hóa và phục vụ du lịch văn hóa.

- Giữ gìn và nhân giá trị của cảnh quan thiên nhiên trong các điểm dân cư, đặc biệt là điểm dân cư đô thị. Tổ chức môi trường nghỉ ngơi - giải trí, môi trường thẩm mỹ và môi trường trong sạch.

3. Khái niệm quy hoạch cảnh quan

Quy hoạch cảnh quan là một thuật ngữ chuyên ngành chỉ việc tổ chức không gian chức năng trên một phạm vi rộng, mà trong đó chứa đựng các mối quan hệ tương hỗ của các thành phần chức năng, hình khối của thiên nhiên và nhân tạo.

Đối tượng của quy hoạch cảnh quan rất rộng từ phạm vi vùng, miền của một nước, tỉnh, liên huyện hay huyện cho tới điểm dân cư. Về cụ thể, nghiên cứu quy hoạch cảnh quan nhằm vào việc tạo dựng và giải quyết mối quan hệ giữa thiên nhiên và nhân tạo ở phạm vi vĩ mô mà thực chất là giữa không gian trống và không gian xây dựng hướng tới thỏa mãn các nhu cầu phát triển của con người về công năng, thẩm mỹ và môi sinh. Không gian trống giữa các điểm dân cư và không gian điểm dân cư ; không gian trống và không gian xây dựng trong phạm vi các điểm dân cư cần phải được xác định tương quan về hình thể, tỷ lệ, quy mô, giải quyết các vấn đề về bảo vệ di tích cảnh quan, tận dụng các cảnh quan thiên nhiên có giá trị. Xác định tỷ lệ của không gian mặt nước, cây xanh trong không gian trống, đặc biệt là phân bố hệ thống vườn - công viên với quy mô và hình thể phù hợp với nhu cầu phát triển xã hội.

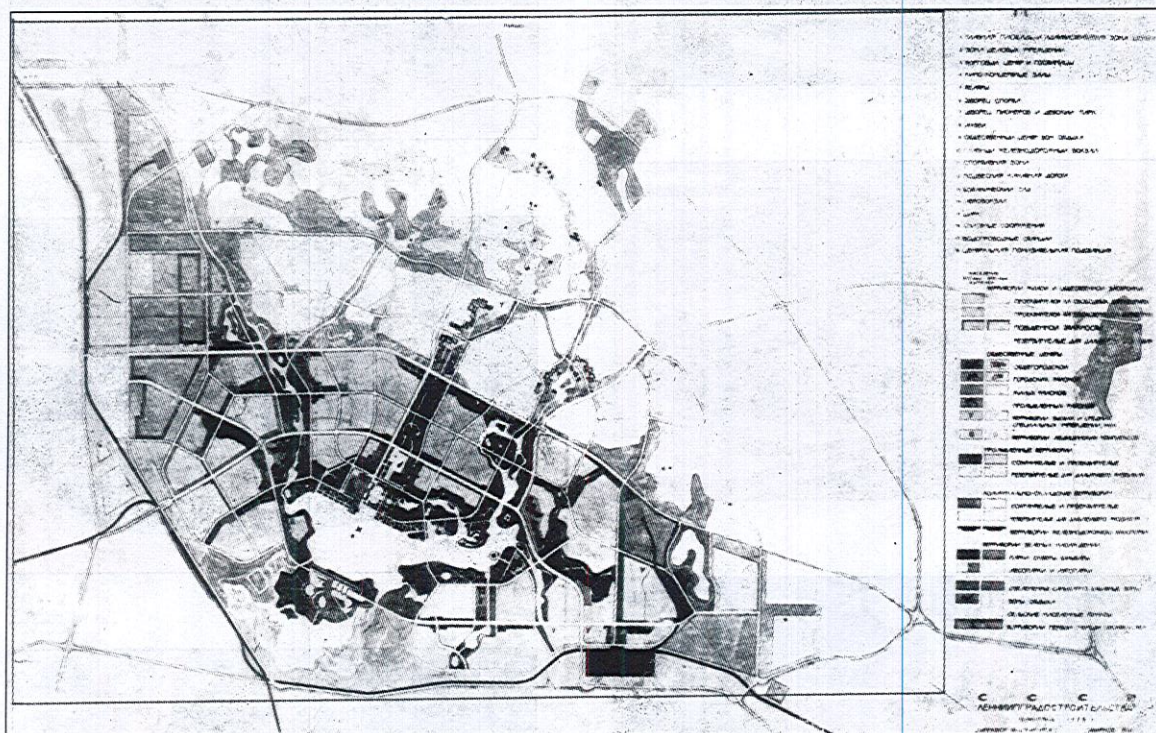
Sự phát triển mạnh mẽ của đô thị hóa tạo nên những chuỗi, chùm đô thị, gây tác động mạnh đến vùng bao quanh, ngoài giới hạn hành chính của đô thị, thậm chí còn lan ra ngoài giới hạn của chùm đô thị. Bởi vậy quy hoạch cảnh quan nghiên cứu ba mức độ tác động tương hỗ giữa cảnh quan thiên nhiên và đô thị [10] :

- 1 - Môi trường đô thị như là một phần của môi trường vùng miền ;

- 2 - Môi trường trong phạm vi của điểm dân cư ;

3 - Tiểu môi trường trong các khu, quần thể của đô thị.

Từ đó, quy hoạch cảnh quan đưa ra những dự báo về việc khai thác cảnh quan hiện có và sự phát triển của cảnh quan thiên nhiên (bao gồm tự nhiên và con người tạo ra) (hình 2).



Hình 2: Quy hoạch cảnh quan thị xã Vĩnh Yên tỉnh Vĩnh Phúc. Các không gian trống chủ yếu của đô thị (màu đen) được tạo thành trên cơ sở khai thác đầm Vạc và mặt nước của con kênh (màu trắng), đồng thời đã tạo nên lõi bố cục của thị xã. Phương án do Viện Xây dựng đô thị Leningrad thực hiện năm 1979.

4. Khái niệm thiết kế cảnh quan

Vật thể bao quanh con người rất phong phú về ý nghĩa, chức năng, thẩm mỹ... liên quan đến các ngành chuyên môn sâu khác nhau (như kiến trúc, điêu khắc, thực vật...) song để kết dính các vật thể ấy trong một tổng thể có ngữ nghĩa, hữu ích và hài hòa lại phải có chuyên môn thiết kế cảnh quan.

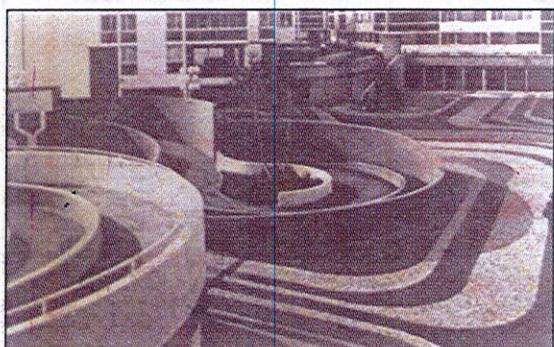
Thiết kế cảnh quan là một hoạt động sáng tác tạo môi trường vật chất – không gian bao quanh con người. Đối tượng của thiết kế cảnh quan là tạo hình địa hình với bậc thang, tường chắn đất, bề mặt trang trí từ vật liệu xây dựng và cây xanh, các tác phẩm điêu khắc, hình thức kiến trúc, công trình nước... nghĩa là các thành phần của môi trường vật chất - không gian (hình 3).



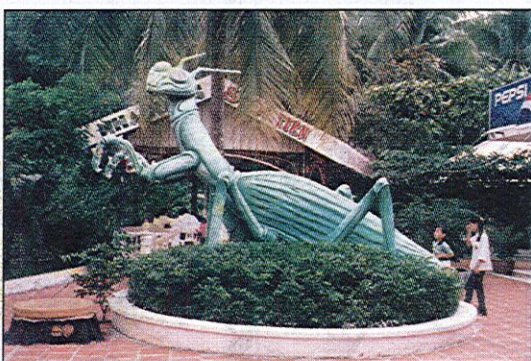
a)



d)



b)



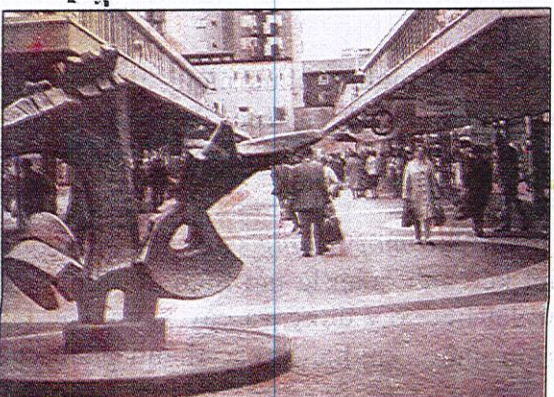
e)



c)



g)



đ)

Hình 3: Thiết kế cảnh quan là thiết kế không gian trống.

a) Bể cảnh trước nhà hát Lớn - thành phố Hồ Chí Minh; b) Trang trí bề mặt đất chủ yếu bằng vật liệu nhân tạo - Pháp; c) Bể nước rồng phun trong khu du lịch suối Tiên - thành phố Hồ Chí Minh; d) Trang trí bằng yếu tố nhân tạo trong khu trung tâm Vellindbuy; đ) Trang trí bề mặt sân trước bách hoá tổng hợp "Aitrureca"; e) Năm cách điệu trong khu vực lối vào thủy cung, khu du lịch suối Tiên; g) Bộ ngựa trong khu du lịch suối Tiên.

Trong mỗi quan hệ của hệ thống "thiên nhiên - nhân tạo" có thể phân thành các nhóm đối tượng sau :

- Kiến trúc bề mặt đất
- Kiến trúc bề mặt bao không gian ("tường")
- Kiến trúc "trần" của không gian.

Hoặc cũng có thể nói thiết kế cảnh quan là thiết kế không gian bên ngoài. Vậy không gian bên ngoài là gì ? Đó là không gian được hình thành do quan hệ ngoại vật và con người nhận thức ra nó bằng các giác quan (chủ yếu là thị giác). Như tác giả Yoshinobu Ashihara đã mô tả. "Một người đàn ông và một người đàn bà đi bộ dưới mưa, họ bật dù lên và ngay lập tức chiếc dù đã hình thành một thế giới của "anh và em", xếp dù lại không gian thân mật đó biến mất. Đám đông tụ tập quanh một diễn giả tuy không có một phương tiện nào cả nhưng vẫn hình thành một không gian đầy căng thẳng vây quanh diễn giả"⁽¹⁾.

Song không gian kiến trúc là không gian có giới hạn, ổn định. Không gian tĩnh với khung bao của nó. Đó là không gian bị giới hạn bởi nền và tường, trong lĩnh vực ngoại thất gọi là *không gian kiến trúc không mái*. Song quan niệm của cảnh quan, không gian này không chỉ hàm chứa mối quan hệ mà còn tương quan giữa nó với khối xây dựng bao quanh, cũng như các thành phần khác của thiên nhiên và nhân tạo. Bởi thế cho nên Armand không dùng thuật ngữ không gian địa lý mà dùng cảnh quan địa lý để chỉ tổng thể thiên nhiên của một vùng miền. Trong lĩnh vực kiến trúc cảnh quan tường có thể là mặt nhà, hay bức tường chắn đất, giàn đứng hoặc hàng cây. Không gian ngoài nhà (hay còn gọi là không gian điểm dân cư) không chỉ bị giới hạn bởi tường và nền mà đôi khi còn hạn chế bên trên bởi gầm nhà trong các kiến trúc hiện đại. Đồng thời các căn phòng trống lại đón nhận các yếu tố của không gian điểm dân cư tràn vào và ngược lại, tạo nên một sự hòa quện nhuần nhuyễn giữa trong - ngoài, thiên nhiên - nhân tạo. Đúng như kiến trúc sư Yoshinobu Ashihara đã nhận định : "trong việc thiết kế không gian bên ngoài thì điều quan trọng là phải diễn tả ý định của mình một cách đầy đủ tới cả không gian đảo ngược. (Tức là phải có liên hệ với không gian bên trong). Chỉ khi nào kiến trúc sư chú ý đồng thời cả không gian bị chiếm chỗ bởi tòa nhà và không gian trống còn lại và cũng chỉ khi nào ông ta hình dung toàn bộ tòa nhà và không gian xung quanh như một tổng thể kiến trúc : phần có mái, phần không có mái, thì việc đó mới thực sự được coi có thiết kế không gian bên ngoài"⁽¹⁾.

Theo cách phân loại của Yoshinobu Ashihara, không gian có hai loại dương và âm. Về cơ bản, không gian được coi là dương khi hướng vào một trung tâm - (Không gian có ý nghĩa quyết định trong mối quan hệ với không gian trung tâm) ; Còn không gian âm là không gian ly tán, hướng ra ngoài.

(1) Yoshinobu Ashihara. Thiết kế không gian kiến trúc bên ngoài (The exterior design in architecture) reinhold, book corporation 1970. Bản dịch của KTS. Võ Thành Lâm.

Chương hai

LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

Kiến trúc cảnh quan là một lĩnh vực khoa học và nghệ thuật còn non trẻ. Việc hình thành và phát triển về mặt lý luận mới chỉ vào khoảng năm 1948 - khi xuất hiện tổ chức đầu tiên về kiến trúc cảnh quan - Liên đoàn kiến trúc sư cảnh quan quốc tế (International federation of landscape architects). Lý do thành lập là cần có một tổ chức chung để tìm, trao đổi cách giải quyết những khó khăn và phức tạp về mặt môi trường và giá trị thẩm mỹ trong việc quy hoạch đô thị.

Trước đó, kiến trúc cảnh quan chỉ được coi như là nghệ thuật vườn và hệ thống cây xanh. Nhưng những lý luận về bố cục vườn - công viên và sự phát triển của hệ thống cây xanh cũng còn hạn chế trong phạm vi nhỏ hẹp. Mối quan hệ giữa chúng và môi trường nhân tạo chưa được đề cập một cách cụ thể [82]. Điều đó phản ánh rõ nét đặc điểm đô thị của thời kỳ tiền công nghiệp, khi mà các thành phần của sinh thái nhân văn tự điều hòa được mối quan hệ thuận lợi. Các vườn - công viên chủ yếu có vị trí trong các tường rào của các khu cung điện, dinh thự và nhà ở quý tộc, nhỏ sĩ chỉ với mục đích tô điểm nơi ở và nghỉ ngơi giải trí cho một số ít người. Hệ thống cây xanh lúc này có hình thức điểm.

Sang thế kỷ XIX, dưới sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp, đô thị hóa phát triển, tính chất sản xuất đã được xã hội hóa cao hơn. Nếu như trong thời kỳ tiền công nghiệp, nghệ thuật vườn - công viên chỉ bó hẹp trong các bức tường dinh thự tư nhân, thì lúc này, do nhu cầu sinh hoạt công cộng phát triển, sự lao động nặng nhọc và đơn điệu trong các nhà máy, xí nghiệp nảy sinh nhu cầu nghỉ ngơi - giải trí trong môi trường tự nhiên nhằm hồi phục sức khỏe và di dưỡng tinh thần - vườn - công viên được xem như lá phổi của điểm dân cư ô nhiễm và đã được mở rộng ra toàn điểm dân cư, trở thành một bộ phận hữu cơ với cấu trúc điểm dân cư. Trong đô thị xuất hiện nhiều không gian cho làm vườn - công viên. Các kiến trúc sư cảnh quan ở thời kỳ này như Paxton (Anh) Pyucler (Đức) Alfand (Pháp), Olmsted (Mỹ) ... đã phối hợp lý thuyết kiến trúc cảnh quan với vấn đề quy hoạch đô thị nhằm tạo ra các sân vườn - công viên phù hợp với đô thị đông người và có những đòi hỏi phức tạp hơn [109, 110]. Nhiều loại hình kiến trúc cảnh quan mới xuất hiện với nhiều chức năng đa dạng, tạo nên hệ thống thống nhất, liên tục trong và ngoài điểm dân cư. Lúc này, kiến trúc cảnh quan có ba chức năng chính : nghỉ ngơi – giải trí, truyền đạt giá trị thẩm mỹ và hình thành, cải tạo môi sinh.

Bước sang giai đoạn hậu công nghiệp, kiến trúc cảnh quan không còn là một bộ phận của quy hoạch mà là thành phần quyết định đến cấu trúc điểm dân cư, góp phần

quan trọng đến việc tạo lập môi trường thẩm mỹ của điểm dân cư, đưa yếu tố cảnh quan thiên nhiên thành một bộ phận hữu cơ của cảnh quan nhân tạo. Lúc này, nhu cầu của giao tiếp xã hội trong môi trường nghỉ ngơi - giải trí trở nên mạnh mẽ. Nhu cầu thông tin đòi hỏi sự biểu đạt giá trị thông điệp cao của môi trường thẩm mỹ - môi trường mà trong đó kiến trúc cảnh quan đóng vai trò quyết định.

II.1. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN THỜI KỲ TIỀN CÔNG NGHIỆP

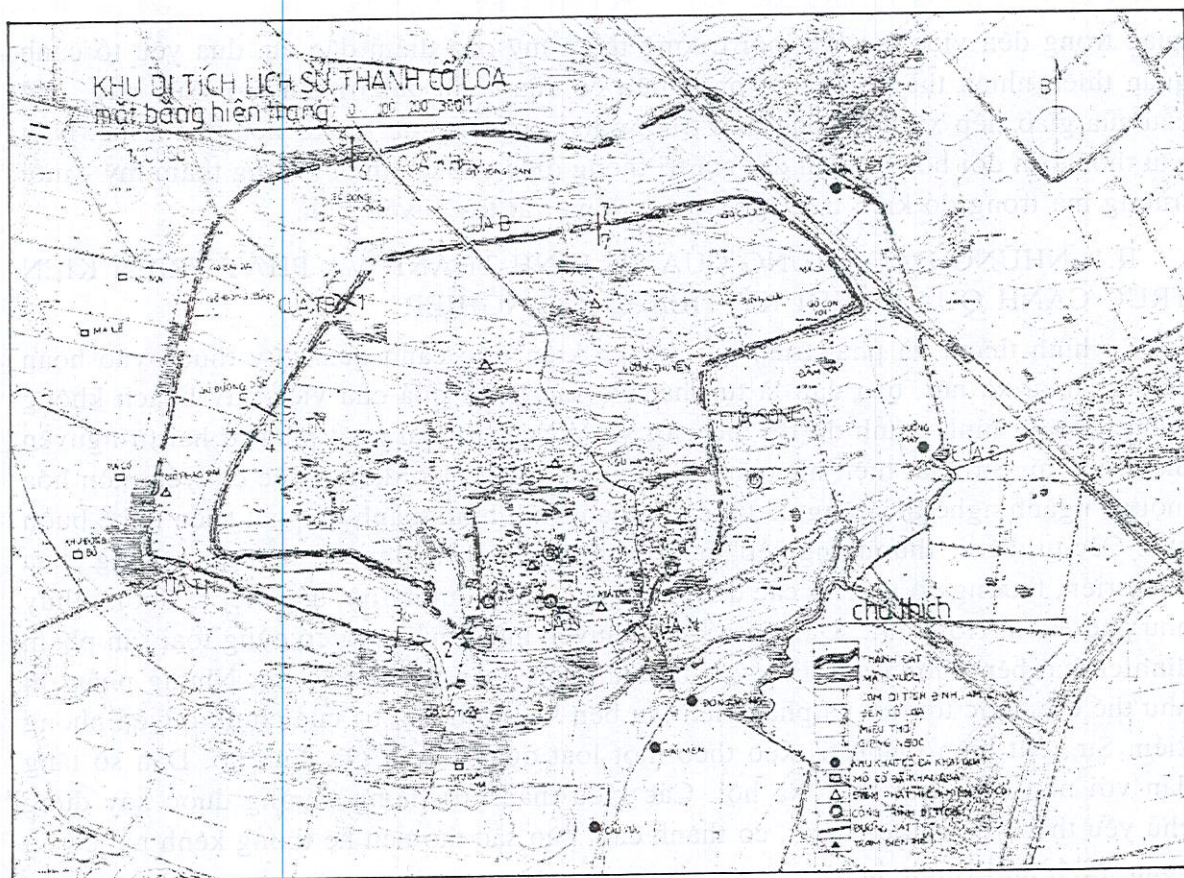
Sự hình thành và phát triển quy hoạch kiến trúc cảnh quan tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử xã hội, ban đầu là tự phát, về sau là hệ quả của việc quy hoạch không gian. Lịch sử hình thành đô thị thế giới và Việt Nam đều xuất phát từ hai từ nguyên thành và thị. Sự xuất hiện nhu cầu trao đổi sản phẩm lao động, việc chuyên môn hóa một số ngành nghề thủ công đã thúc đẩy quá trình hình thành và phát triển nghề buôn bán. Các tụ điểm "thương nghiệp" buổi ban đầu - do các phương tiện giao thông chưa phát triển, thường có vị trí ở các đầu mối giao thông đường bộ, đặc biệt là đường thủy như phố Hiến, Hội An ... Dần dà các hộ chuyên nghề thủ công có cùng loại sản phẩm định cư hai bên đường vừa làm vừa bán tạo nên phần thị của đô thị. Những phần thị như thế chỉ được tồn tại và phát triển lâu bền khi có thành trì của chính quyền phong kiến. Sự xuất hiện thành trì kéo theo một loạt quan lại và gia đình họ. Dân số tăng dần với nhu cầu phát triển xã hội. Các kiểu thành trì thông thường được xây dựng chủ yếu theo yêu cầu quân sự, có thành cao, hào sâu tạo nên hệ thống kênh nước liên hoàn. [2,43,62] (hình 4a,b).

Sự phân tích trên đây cho thấy các đô thị trước đây có vị trí bên sông với hệ thống kênh nước là hoàn toàn tự phát, xuất phát từ nhu cầu giao thông và quân sự. Hệ thống kênh nước, sông ngòi với thuyền bè tấp nập nói lên một thương cảng nhiều hơn là giá trị cảnh quan của mặt nước trong đô thị. Do đó dải bờ mặt nước nhiều khi không được khai thác một cách triệt để. Điều đó giải thích hiện tượng xây dựng nhà sát hai bờ nước ở một loạt thành phố Venice, London.

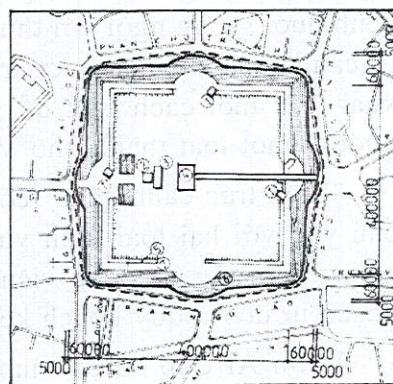
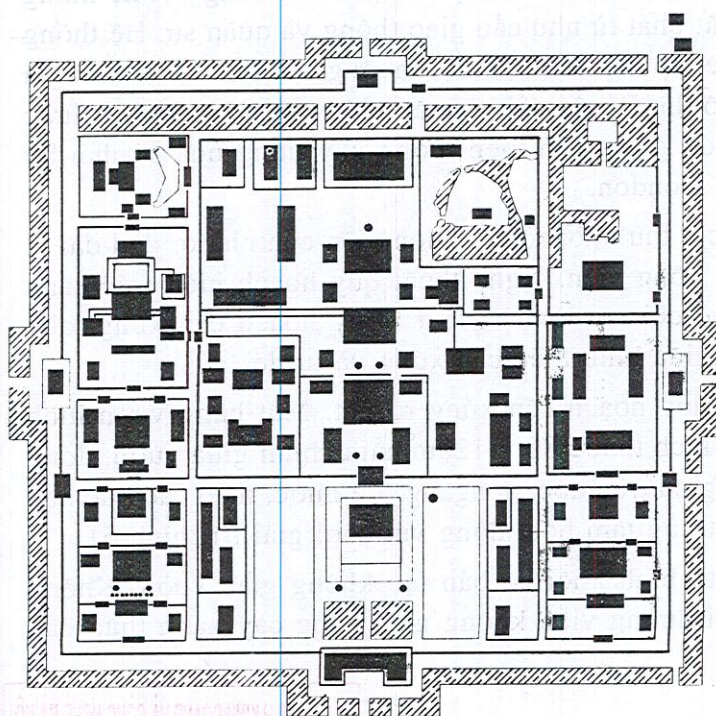
"Kiến trúc cảnh quan" còn lại chỉ thu nhỏ trong khuôn viên của nhà ở, đền đài là chủ yếu với hai loại hình vườn và công viên. Nghệ thuật quy hoạch kiến trúc cảnh quan của vườn và công viên có thể chia ra làm ba loại : quy hoạch cân xứng, quy hoạch tự do và quy hoạch kết hợp giữa hình thức cân xứng và tự do.

Vườn Ai Cập cổ có hình thức quy hoạch cân xứng rõ nét. Mặt bằng vườn hình chữ nhật [95,106,107]. Bể nước có kích thước $80 \times 120\text{m}$ nằm chính giữa vườn, đóng vai trò trung tâm, bố cục cân xứng giữa trục dọc và ngang. Bể nước, theo các bức họa còn giữ được cho tới ngày nay, là trung tâm hoạt động vui chơi giải trí (hình 5).

Cây xanh được dùng làm yếu tố hình khối cơ bản tạo không gian vườn. Không gian gồm ba lớp lồng lẩy nhau với đường viền không gian bằng cây xanh thấp dần vào trung tâm sân vườn.



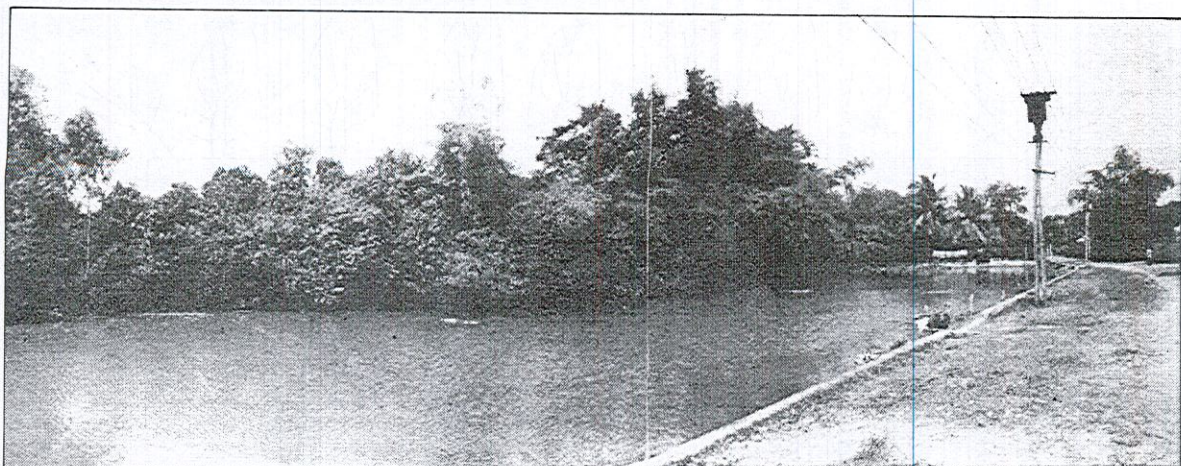
a)



c)

Hình 4a: Thành cao hào sâu có ý nghĩa quân sự nhiều hơn là tạo cảnh quan đô thị cổ.

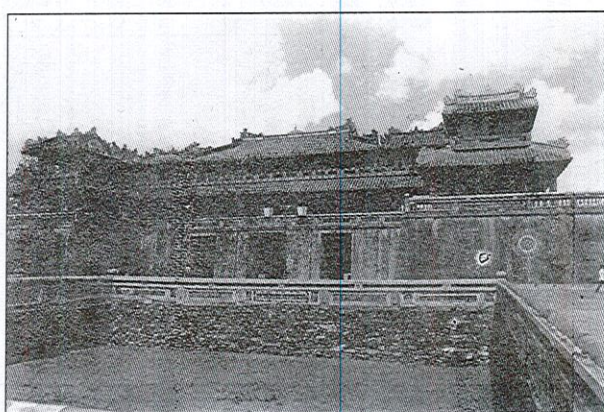
a) Đô thị Cổ Loa (Hà Nội) thế kỷ III trước Công nguyên; b) Thành Huế; c) Đô thị Som Tây.



a)



c)

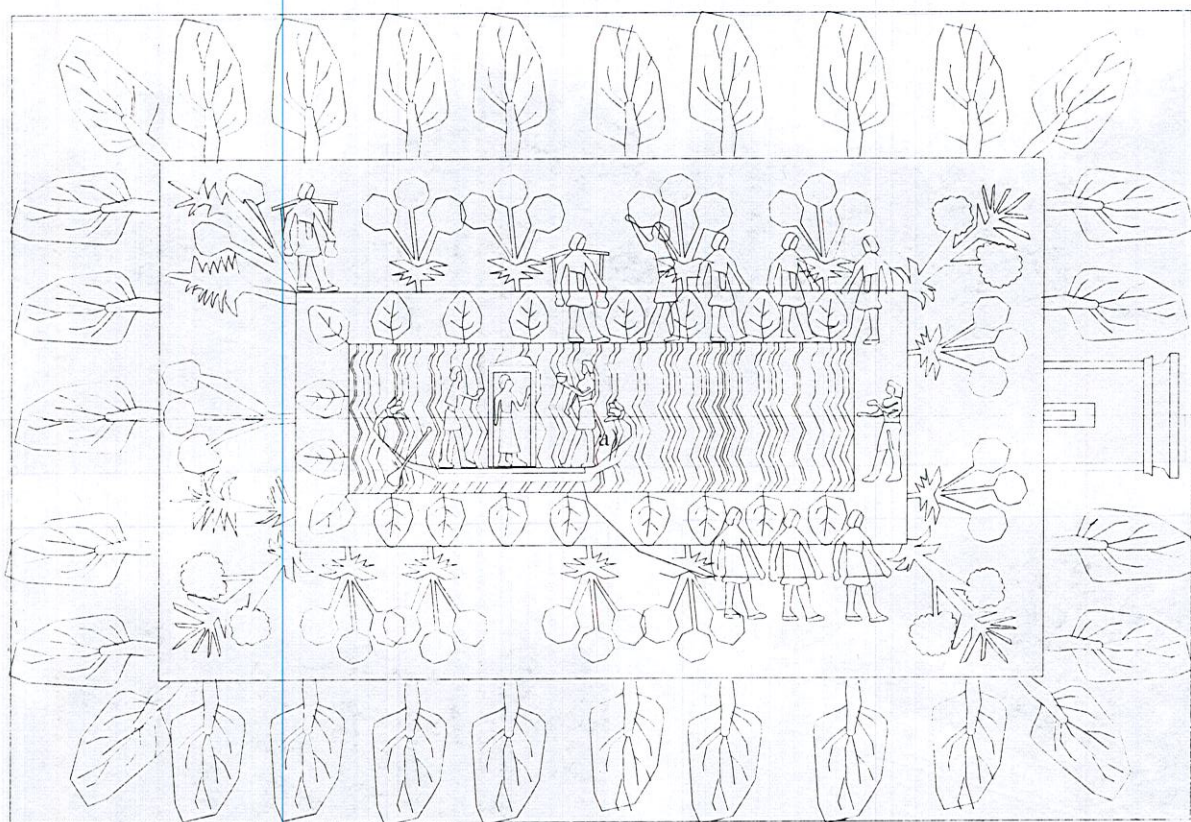


b)

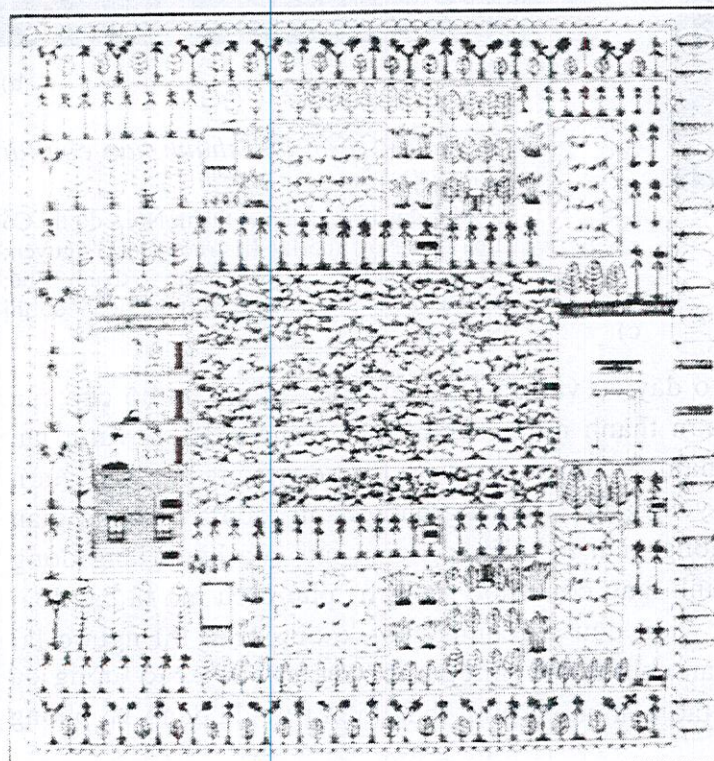
Hình 4b: Hình ảnh thành hào còn lại cho đến nay.

a) Một đoạn vết tích hào thành Nội - đô thị Cổ Loa (Hà Nội) thế kỷ III trước Công nguyên;
b) Đoạn hào trước Ngọ Môn - thành Huế;
c) Bắc môn và vết tích đoạn thành cổ - đô thị Sơn Tây.

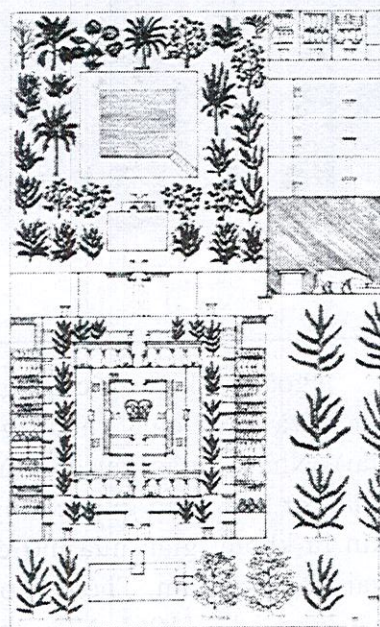
Ngoài ra, kiến trúc công trình ở đây có vai trò chi phối trực trung tâm bố cục của vườn và ngăn chia không gian vườn thành nhiều vườn nhỏ (trong một số vườn lâu đài). Nhà ở hoặc lâu đài và đền nằm ở cuối vườn, trên trục dọc tổng thể sân vườn nhà. Sự hòa nhập giữa chúng chủ yếu bằng hành lang bao quanh (đền) từ không gian kín ra không gian nửa mở đến không gian mở. Không gian mở của hành lang đóng vai trò trung tâm. Thêm vào đó hành lang còn được trang trí phù điêu mô tả các loài cây ngoại lai [106]. Nếu như sân vườn đều có chung một không gian thì ngược lại vườn nhà ở của quan lại được ngăn chia thành nhiều không gian bằng các tường đá thấp, bổ sung giàn nho, chòi nghỉ tạo nên nhiều hình thức kiến trúc đa dạng và phong phú [106,107,110].



a)



b)



c)

Hình 5: Vườn Ai Cập

a) Vườn đến; b) Vườn quan lại;
c) Vườn nhà ở.

Vườn Lăng *Taj Mahal* (Ấn Độ) cũng có bố cục hình học với mặt nước ở giữa và tòa nhà ở cuối vườn tương tự như vườn Ai Cập. Tuy nhiên, việc xử lý bố cục ở vườn này tinh tế hơn. Tòa Lăng nằm trên sân cao bên bờ sông. Trước mặt công trình là con kênh hẹp, đáy được lát toàn đá hoa. Các bồn hoa và dây cây bách xanh đen có vị trí đăng đối hai bên bờ kênh, tương phản mạnh mẽ với tòa Lăng xây bằng đá trắng, con kênh phía trước là chiếc gương soi bóng công trình, làm cho "ngôi mộ" thêm lung linh, đồ sộ với chiều cao được nhân lên, nhấn mạnh trục lăng.

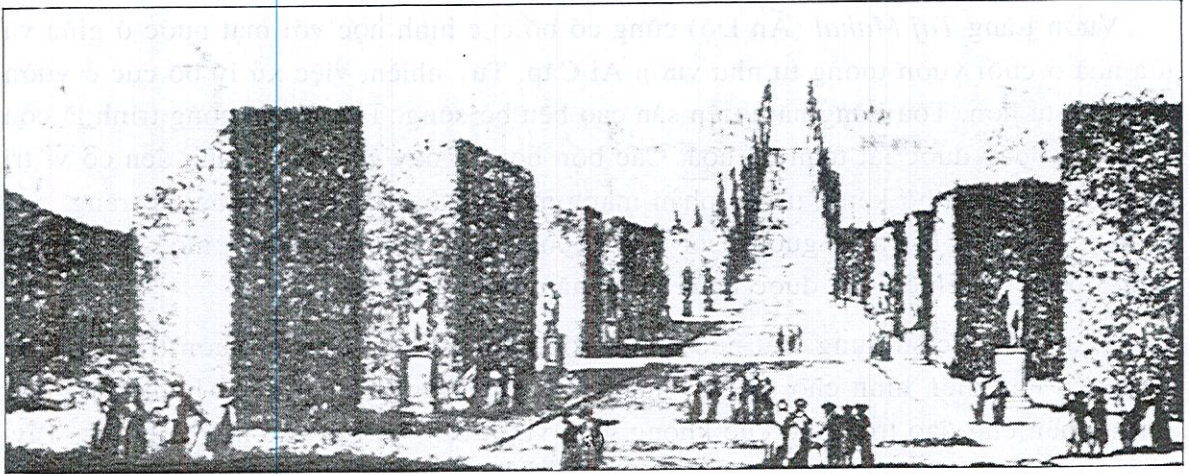
Nếu như việc sử dụng mặt nước hình học tĩnh làm tâm bố cục vườn trong khuôn viên của nhà điển hình cho một số nước phương Đông thì mặt nước hình học động lại là phần chủ đạo trong bố cục không gian vườn cân xứng ở các nước phương Tây.

Kiểu vườn *Peryxtyl* của La Mã thoát đầu được hình thành trong các vườn nhà ở, sau đó chuyển ra các quảng trường đô thị, trong khuôn viên của các công trình công cộng - phá vỡ không gian kín trong các vườn nhà để hòa vào không gian chung của đô thị. Đặc điểm bố cục không gian của vườn kiểu *Peryxtyl* là dùng yếu tố mặt nước làm trung tâm bố cục (có dạng hình học và vòi phun trên mặt nước). Cây xanh được cắt xén phẳng theo hình khối kiến trúc công trình và được phối kết với cây hoa tạo nên *parterre*⁽¹⁾ cân xứng. Cuối cùng hàng cột trang trí bao quanh *parterre* gây ấn tượng chuyển tiếp không gian từ trong nhà ra ngoài nhà và ngược lại, từ phong cảnh thiên nhiên đến phong cảnh nhân tạo. Điển hình cho thể loại vườn này là vườn nhà ở Panxa và nhà Quốc dân Hội nghị trường ở Pompey (thế kỷ II trước Công nguyên) [37,95,106] (hình 6).

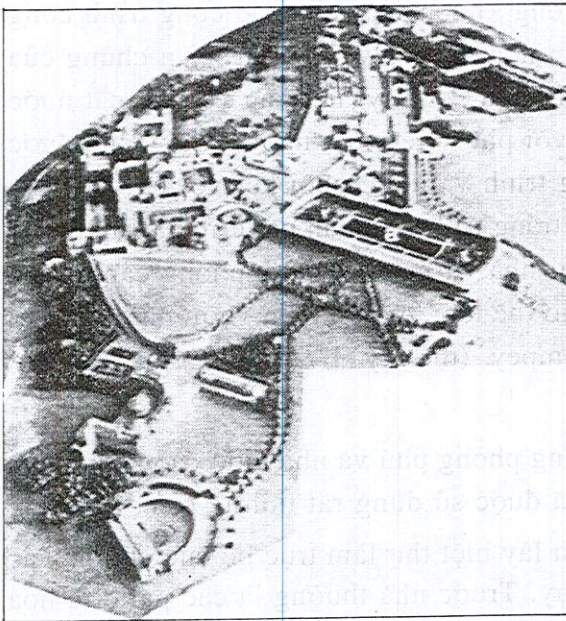
Việc sử dụng mặt nước với nhiều hình dạng phong phú và nhiều độ cao khác nhau để tạo thác, nhấn rõ trục bố cục dọc vườn đã được sử dụng rất tinh tế ở Ý, Pháp.

Vườn Ý thường trải rộng về phía trước và lấy biệt thự làm trục bố cục chính. Các yếu tố hình khối đăng đối qua trục bố cục này. Trước nhà thường là các *parterre* hoa với hàng cột bao quanh, là những yếu tố hình khối chính trên sân trước. Dạng bồn hình học (hình vuông hoặc thoi) được lặp đi lặp lại trong bố cục vườn với nhiều loài cây hoa có mùa nở hoa khác nhau (Cúc Tây, Thủy Dương, Mai, Huệ, Uất Kim Cương, Thủy Tiên ...). Cây bóng mát thường được cắt xén tạo khối hình học, cây bụi được cắt xén theo hình phức tạp. Ở vườn biệt thự *Rujoolai*, cây hình thuyền, hình người được cắt xén từ các bụi cây dương vàng [106]. Thời Phục Hưng Ý đã hoàn chỉnh thêm loại hình sân vườn kiểu này. Kiến trúc biệt thự - yếu tố hình khối trung tâm được nổi bật khi được liên hoàn với các tầng bậc sân và cầu thang, tường chắn. Địa hình dốc được sử dụng triệt để, để tạo thác nước. Một loạt biệt thự ra đời theo tinh thần này như *Medici* ở *Fierol* gần *Florence*, ở *Podjo a Caiyano*. v.v...

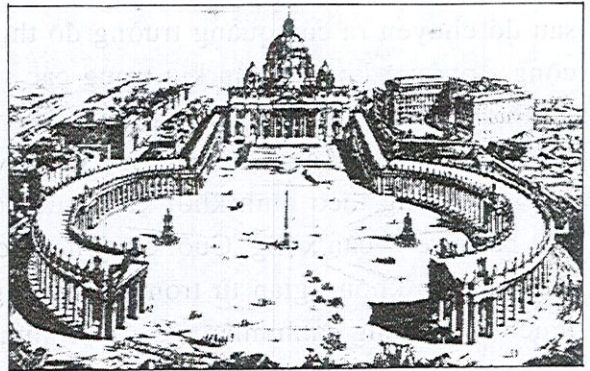
(1) *Parterre* là thể loại bố cục trang trí cỏ, hoa, mặt nước, tượng trên nền phẳng tạo nên không gian khoáng đạt.



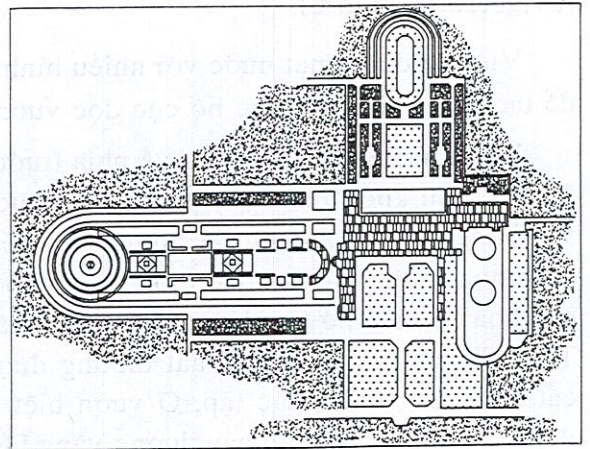
a)



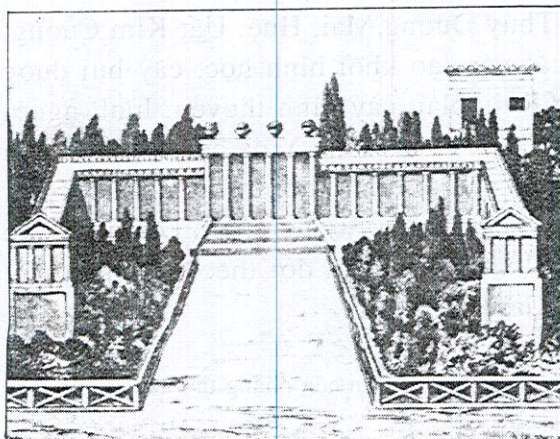
b)



c)



d)



Hình 6: Kiến trúc cảnh quan La Mã

- a) Vườn Boboli được bố cục chủ yếu bằng các tường cây xanh cắt xén; b) Mặt bằng tổng thể khu biệt thự Hadrian gần Tivoli được xây dựng vào thời đế quốc La Mã; c) Bố cục phong cảnh quảng trường trước nhà thờ Petra - La Mã; d) Một kiểu bố cục phong cảnh trước biệt thự La Mã; d) Vườn Tuskan.

Sang thế kỷ XVI, trung tâm văn hóa và nghệ thuật Ý chuyển về Rome ngay sau khi Giáo hoàng Julius II (1503-1513) mời kiến trúc sư Bramante (1484-1514) về trông coi việc kiến thiết giáo đồ Vatican. Năm 1503, Bramante được giao nhiệm vụ phức tạp là tổ hợp Vatican thành một quần thể thống nhất. Ông đã tổ chức sân vườn theo *chiều dài trên các cột khác nhau, một bên bố trí các hốc tường*⁽¹⁾, một bên là hí trường biểu diễn ; sau được dùng làm sân khấu với phòng vườn bao quanh. Thủ pháp bố cục này được coi là nghệ thuật đặc trưng cho kiến trúc cảnh quan Ý thế kỷ XVI và được lặp lại trong các hí trường như ở vườn Boboly và vườn biệt thự Giáo hoàng Pie.

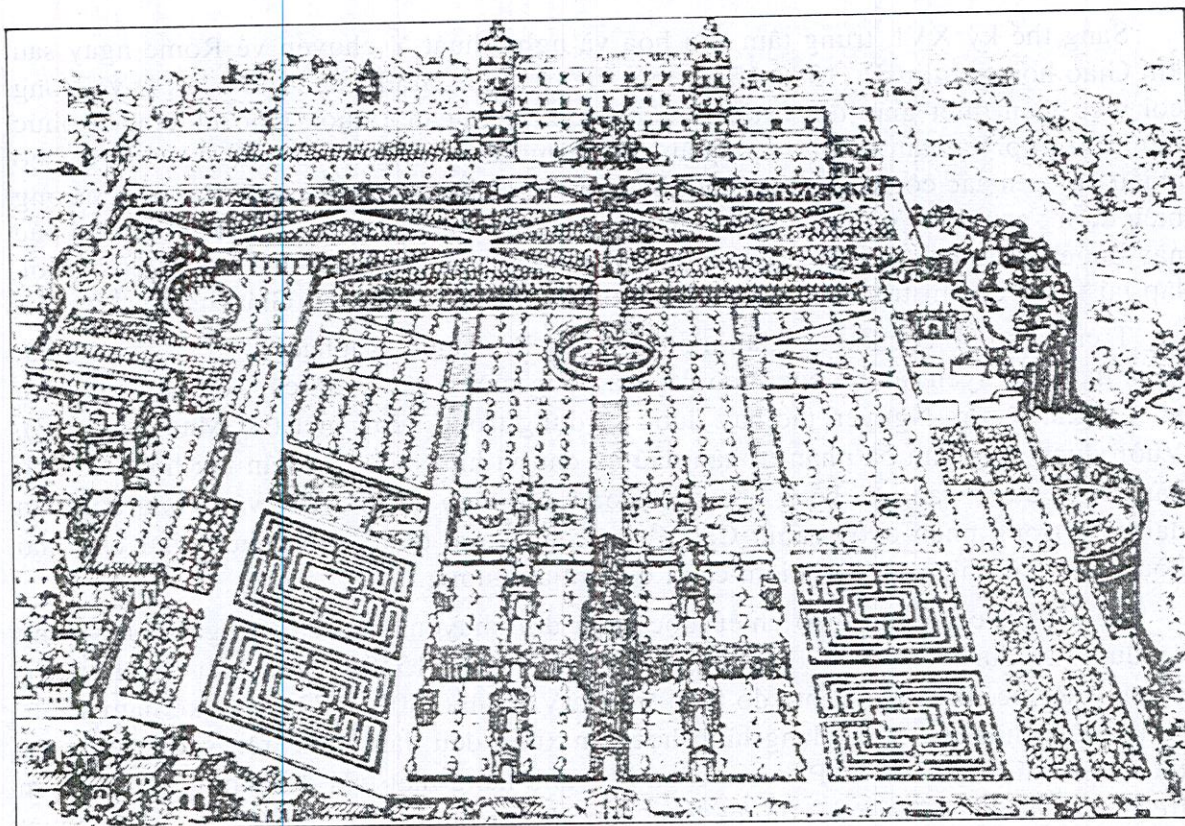
Trên cơ sở bố cục không gian mở của vườn Bramante, Raphael (1483 - 1520) phát triển thành nguyên tắc bố cục theo dãy và dùng tường cây xanh cắt xén để phân chia không gian vườn. Nguyên tắc này được sử dụng trong vườn biệt thự Madam (1517). Vườn được chia làm ba phần : phần đầu có chu vi hình vuông, phần hai hình tròn có hành lang được trang trí bằng các pho tượng dọc theo chu vi. Sân vận động có khán đài nằm trong phần cuối vườn. Các phần trong vườn được quy hoạch chặt chẽ, hài hòa với thiên nhiên và đặc điểm cảnh quan địa phương.

Về sau việc bố cục theo chiều dọc sườn đồi chuyển sang chiều ngang, mở cảnh xa được áp dụng cho vườn biệt thự D'Este ở Tivoli (1540), vườn biệt thự Lante ở ngoại ô Rome. Biệt thự Lante do kiến trúc sư Vignola (1507-1573) thiết kế năm 1566. Khu vườn nhìn chung có dạng hình học cân xứng đều đặn, nằm trên sườn đồi thoải thoải. Lối đi được dẫn từ Parterre chan hòa ánh nắng mặt trời đến bóng mát ở vườn trên và xa hơn là cánh rừng, đã thể hiện được tính rõ ràng khúc chiết trong nghệ thuật sử dụng các yếu tố hình khối tạo không gian (hình 7, 8).

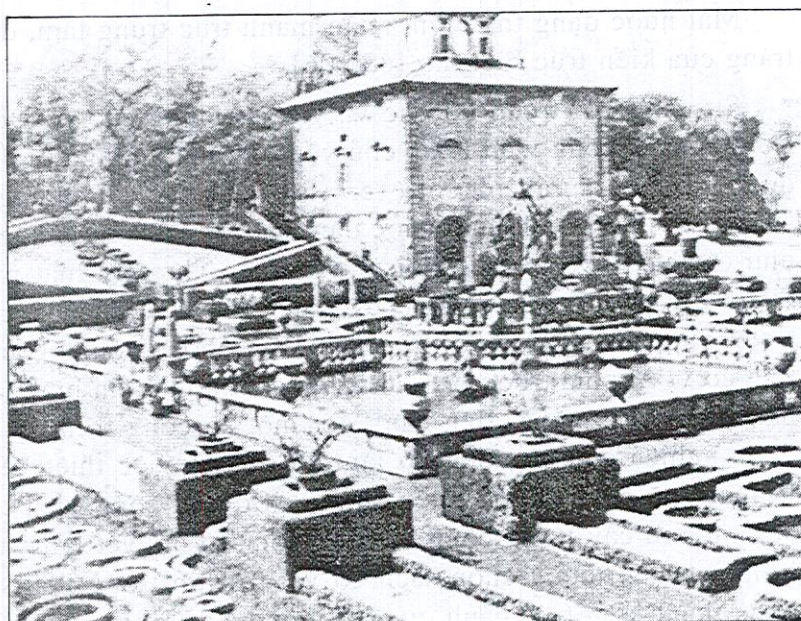
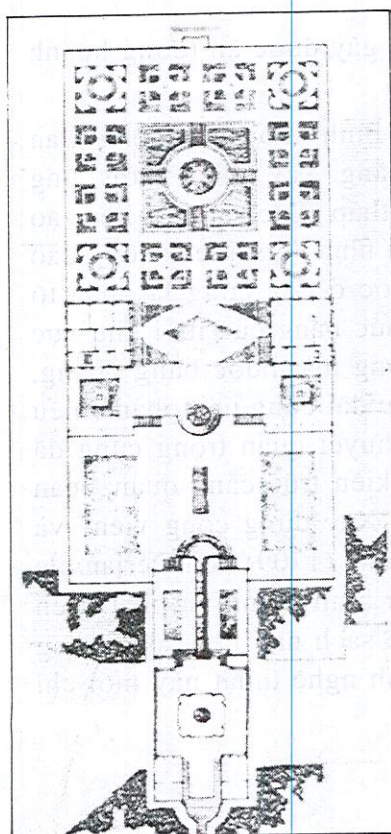
Mặt nước dạng thác lớn, nhấn mạnh trục trung tâm, đã gây được ấn tượng hoành tráng của kiến trúc biệt thự [67,106].

Sự đăng đối trong bố cục và việc sử dụng các yếu tố hình khối tạo không gian trong vườn - công viên Pháp chủ yếu trên nền tương đối phẳng. Tuy nhiên vườn cũng được tạo các sân chênh cốt (terrasse) như vườn Ý nhưng thấp. Các sân nối liền tạo "bậc lớn". Trên đó là mặt nước dạng hồ như Claguy ; kênh như Versailles ; sông đào như ở Chantilly, Vaux, Choisy, Saverne. Như vậy mặt nước ở đây cũng là nhân tố nhấn trục bố cục của vườn. Tùy thuộc vào tính chất và chức năng của mỗi khu vực trong vườn, mặt nước có thể ở dạng tĩnh hoặc động. Thường mặt nước bằng phẳng, tĩnh có vị trí phía trước lâu đài nhằm soi bóng và in hình lâu đài cũng như phản chiếu bầu trời và tia nắng. Bên cạnh đó, một số công trình lý thuyết quan trọng cũng đã được nghiên cứu và công bố làm cơ sở cho việc thiết kế kiến trúc cảnh quan. Jean Boillaux đã công bố ba cuốn sách : "Bố cục công viên", "Xây dựng công viên" và "Chăm bón cây trong công viên". Cuốn "Lý thuyết làm vườn" (1709) của Derjanville là một trong những cuốn sách có vai trò lớn trong lịch sử hình thành và phát triển nghệ thuật kiến trúc cảnh quan. Vị trí quan trọng của cuốn sách này là sự đặc trưng toàn diện nền kiến trúc cảnh quan Pháp mà lúc đó loại hình nghệ thuật này mới chỉ là kiến trúc vườn và chưa được nghiên cứu nhiều.

(1) Hốc tường là nơi thường đặt các pho tượng.



a)

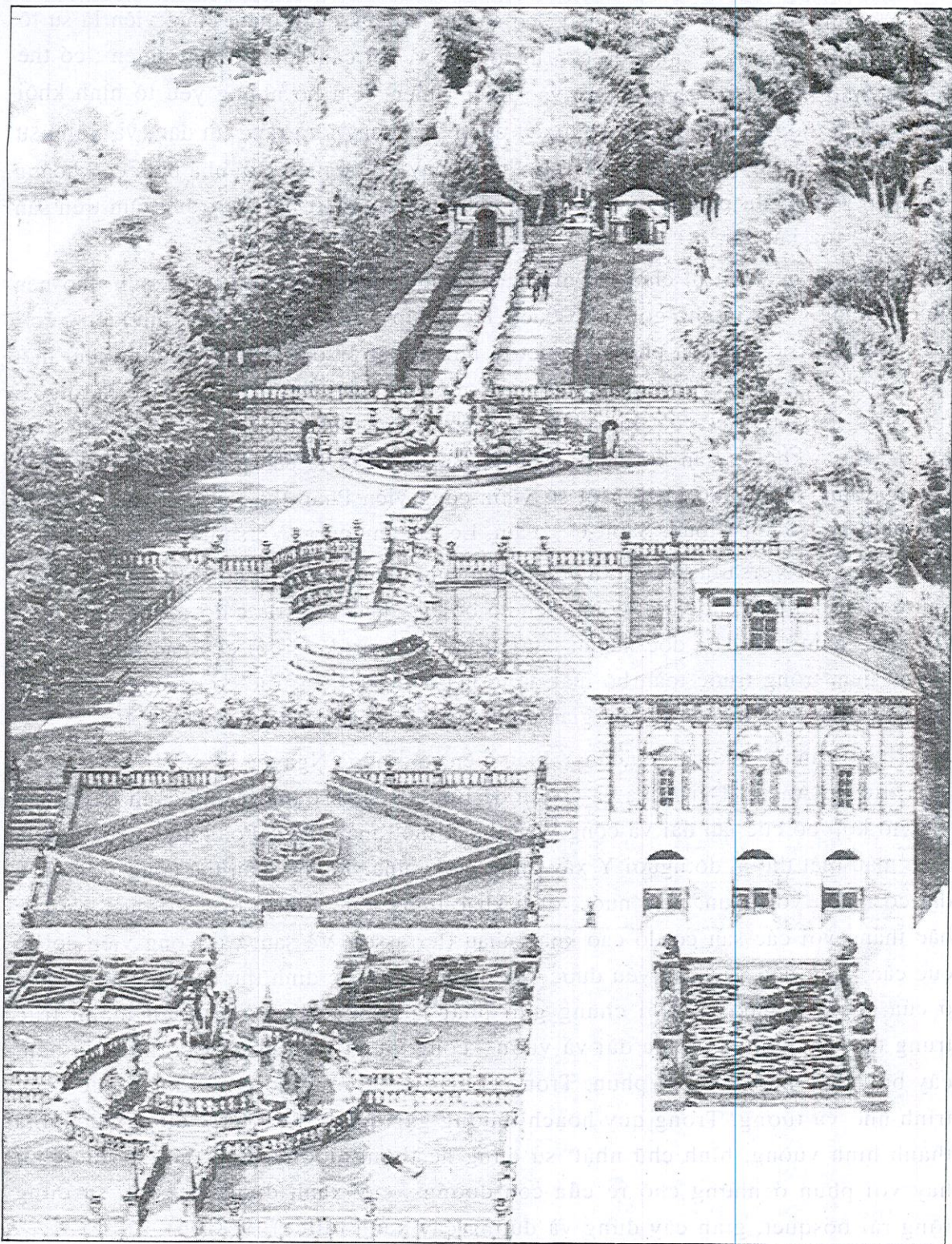


c)

b)

Hình 7: Các kiểu bố cục cảnh quan Ý

a) Vườn biệt thự D'Este ở Tyvoli; b) Mặt bằng vườn Lante; c) Phong cảnh xung quanh biệt thự Lante.



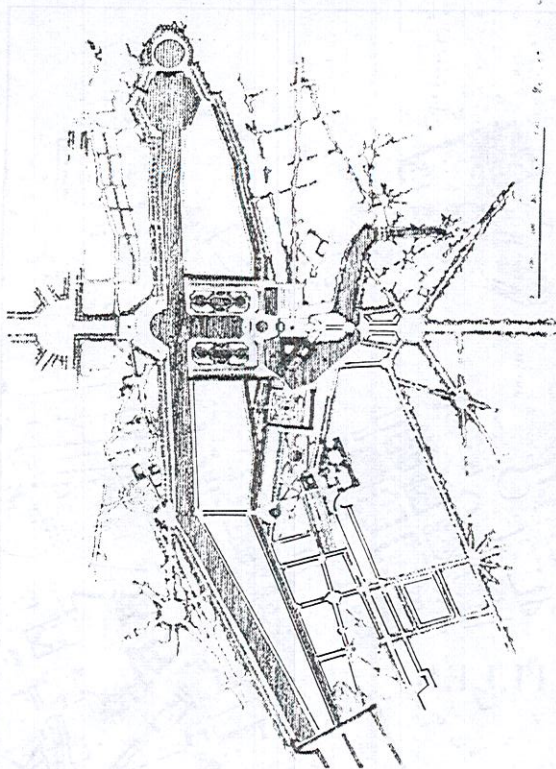
Hình 8: Toàn cảnh vườn Lante. Bố cục vườn theo trục dọc với các yếu tố địa hình, mặt nước, tác phẩm điêu khắc và cây xanh được tía tốt tinh vi tạo nên thẩm mỹ của không gian trồng được tạo bởi rừng cây bao quanh.

Nội dung của cuốn sách đề cập : cơ sở của bố cục cảnh quan công viên là sự tổ hợp chặt chẽ giữa cảnh quan do con người tạo ra với cảnh quan thiên nhiên ; có thể phá vỡ tính đối xứng, phải hướng vào thiên nhiên, loại bỏ những yếu tố hình khối không bình thường, không cần phải xây dựng vườn cây rậm rạp, âm đạm và tránh sự quá ưa thích không gian trống. Theo lý thuyết này, trước mặt ngôi nhà phải có khoảng 2-4 hàng cây xanh, parterre với hoa văn phức tạp có vị trí bố cục trung tâm trên sân trước của tòa lâu đài.

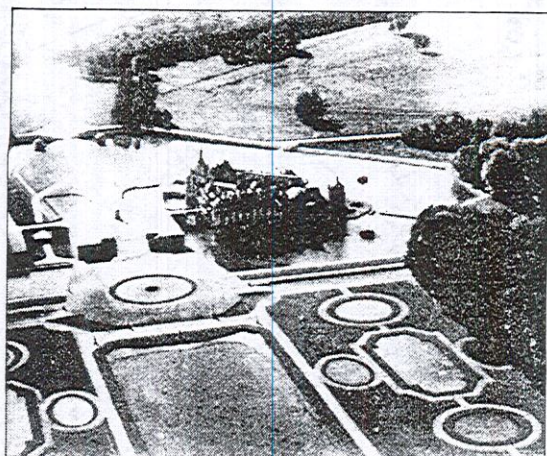
Không gian vườn bị chia cắt một cách mạnh mẽ bằng tường cây xanh, tạo nên nhiều không gian kín nhỏ gọi là bosquet. Trong tập 4 của cuốn "Giáo trình kiến trúc", Derjanvile. I.Blondelle đã phân bosquet ra nhiều loại : Loại có thể sử dụng như một sân khấu xiếc ngoài trời, một phòng nhảy, một mê cung hay như một nhà hát ngoài trời. Thế loại bosquet xuất hiện lần đầu tiên trong nghệ thuật kiến trúc cảnh quan Pháp. Do có không gian kín nên bosquet còn được gọi là căn phòng xanh hay gian phòng xanh [67,68,106,110]. Một số vườn-công viên Pháp thế kỷ XVII đã được bố cục như thế : Saint-Cloud, Saint-Germain, Le Luxembourg, Versailles ...(hình 9)

Công viên Versailles được xây dựng sau cung điện Louis 14 có diện tích 1795 ha. Cũng tương tự như các vườn-công viên có bố cục đăng đối trước đó, kênh nước hình chữ thập nằm trên trục dọc xuyên lâu đài nối tiếp sự đăng đối của các parterre tạo không gian trống trước toàn bộ mặt đứng lâu đài. Hai bên trục có các bosquet hình học, giới hạn và chia cắt không gian công viên một cách mạnh mẽ (hình 10).

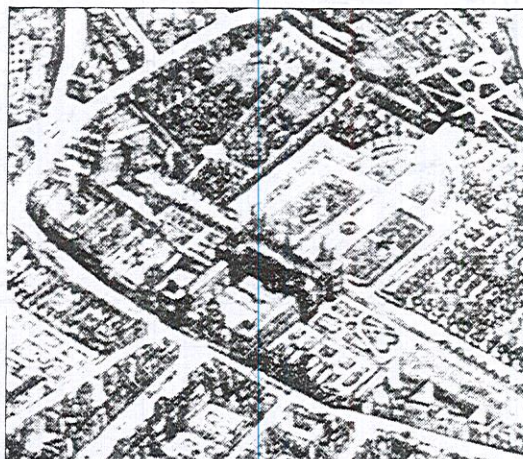
Phong cảnh cân xứng đều đặn Ý hiện diện cả ở nước Nga thế kỷ XVII-XVIII. Các kiến trúc sư Andrei-Dei-Acva và Gylan de Boplan đã sử dụng phong cảnh này trong việc tổ hợp bố cục lâu đài và công viên thành một quần thể ở Podgoritsa. Tòa nhà là hình mẫu biệt thự Ý do người Ý xây dựng ở Ukraina. Trong quần thể công viên - lâu đài có nhiều vòi phun, thác nước, điêu khắc trang trí, parterre hoa, bosquet, và các bậc thang với các sân có độ cao khác nhau (terrasse). Về sau, các công viên có bố cục cân xứng đều đặn chủ yếu được xây dựng trong các dinh thự Nga hoàng và nhà ở của tư nhân giàu có. Nói chung giải pháp quy hoạch thường nhấn mạnh trục trung tâm chung của cả lâu đài và vườn - công viên, sử dụng rộng rãi cây lá bản, cây bụi, thác nước và vòi phun. Trong công viên thường có nhiều kiến trúc công trình nhỏ và tượng. Trong quy hoạch thường gặp các khu parterre được phân chia thành hình vuông, hình chữ nhật, sử dụng hệ thống đường hình tia. Bố cục chòi hay vòi phun ở những chỗ rẽ của con đường ; cây xanh được cắt xén, sử dụng rộng rãi bosquet, giàn cây đứng và đường cây xanh (allée) [95,106].



a)



b)



d)



c)

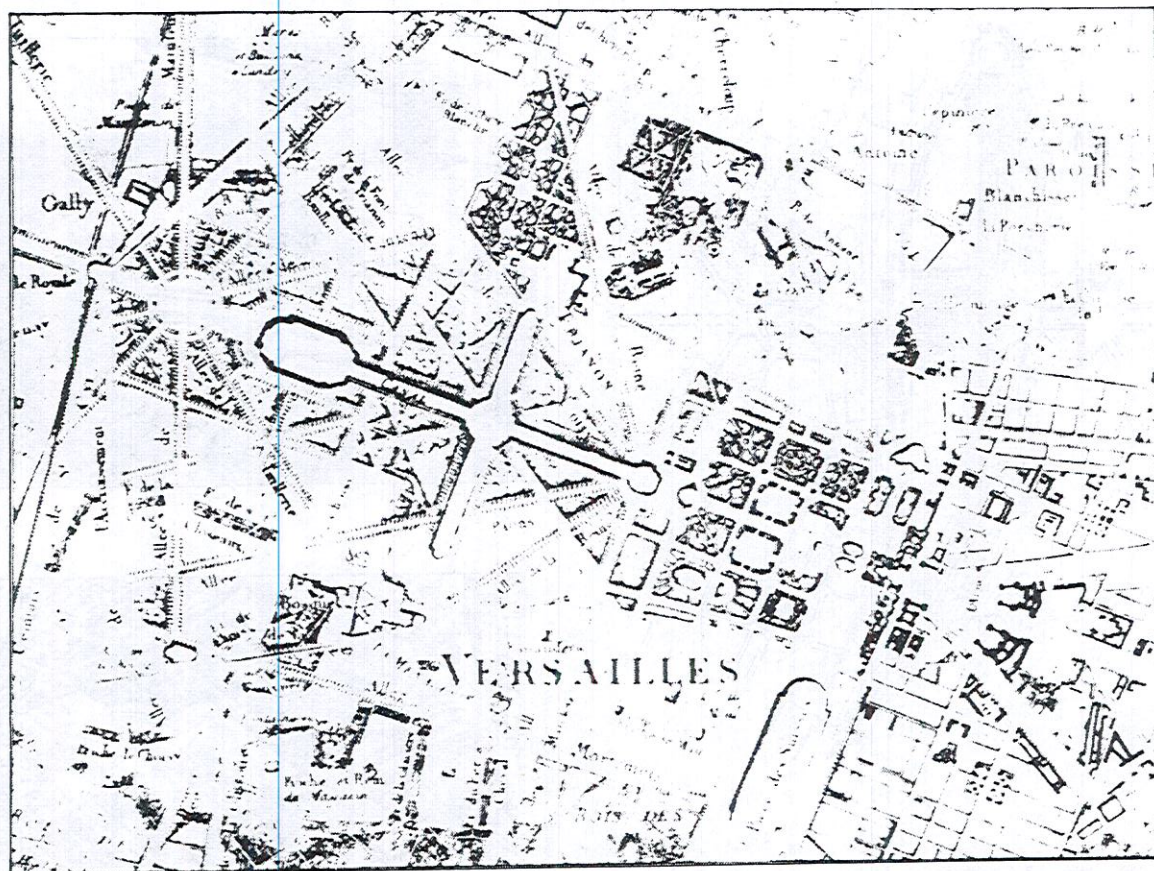
Hình 9: *Bố cục cảnh quan ở Pháp thế kỷ XI và giữa thế kỷ XII.*

a), b) Mặt bằng và phối cảnh - một trong những công trình do Le Nôtre thiết kế;
c) Toàn cảnh vườn Tulleries; d) Vườn Luxembourg.

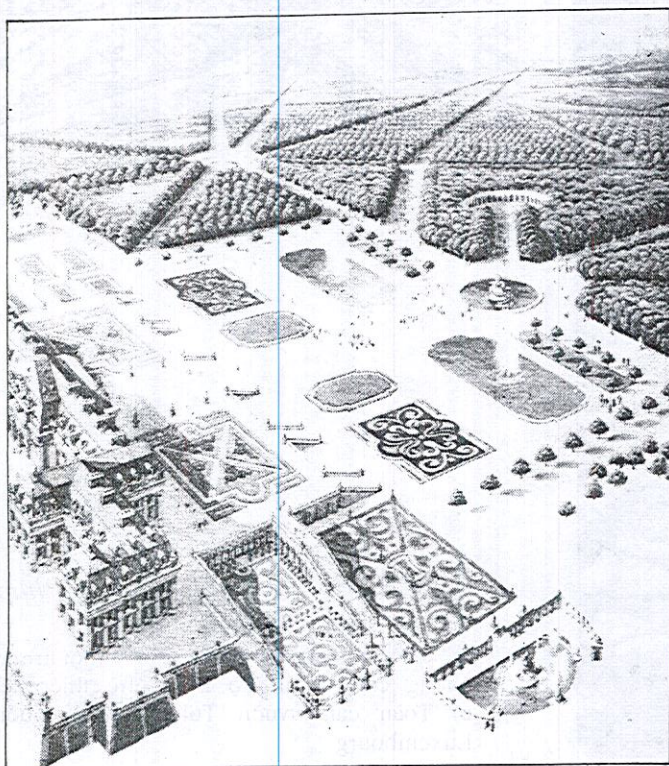


THƯ VIỆN
HUBT

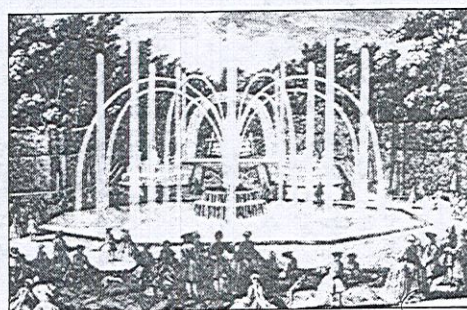
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



a)



b)



c)

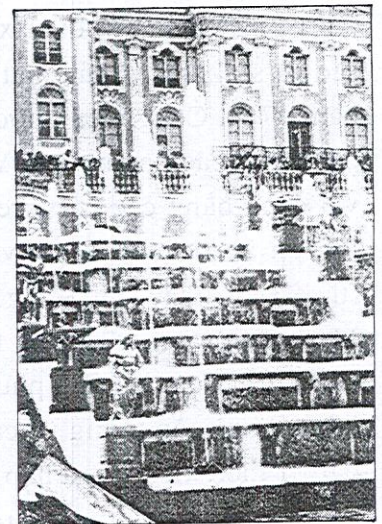
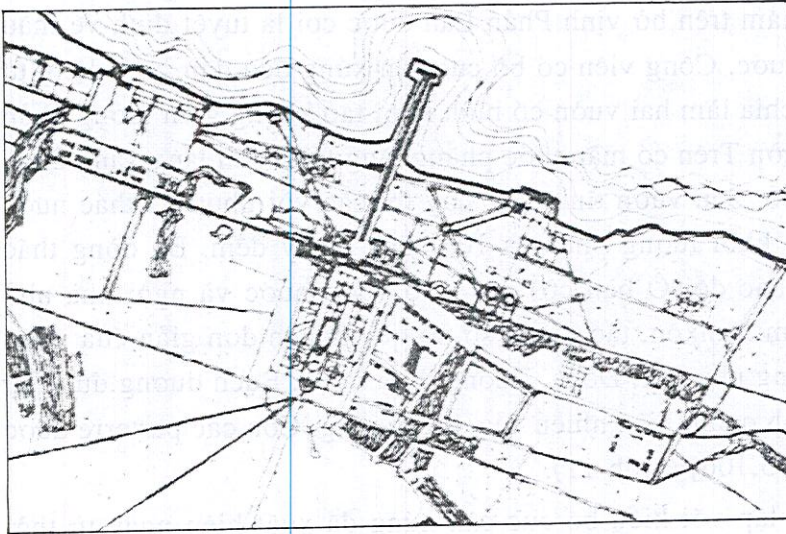
Hình 10: Công viên Versailles - một trong những thiết kế điển hình theo xu hướng bố cục cảnh quan cân xứng Pháp thế kỷ 17.

a) Mặt bằng công viên; b) Toàn cảnh khu công viên và cung điện; c) Bosquet ba vòm phun - một trong những thành phần bố cục không thể thiếu được trong kiến trúc cảnh quan của Ý thế kỷ XVI và ở Pháp thế kỷ XVII.

Công viên Petrodvortx nằm trên bờ vịnh Phần Lan được coi là tuyệt đỉnh về màu sắc và sự hùng vĩ của mặt nước. Công viên có bố cục cân xứng đều đặn, xây dựng từ năm 1714. Công viên được chia làm hai vườn có hình khối tạo không gian tương phản nhau một cách mạnh mẽ. Vườn Trên có mặt nước phẳng lặng với hàng lang xanh được lát cạnh bằng các parterre cỏ. Sau vườn tĩnh lặng này thì các vòi phun và thác nước lớn ồn ào ở vườn Dưới với khối lượng phun ra 10.000m^3 ngày đêm. Ba dòng thác (thác Lớn, thác đôi Vàng, thác đôi Ô bàn cờ) hội tụ ở vườn nước và ngôi nhà nhỏ Marly cắt con kênh trung tâm Xanxon, tạo thành sơ đồ quy hoạch đơn giản của vườn Dưới. Các loài cây địa phương như Sồi, Đoạn, Thông đuôi ngựa, Bạch dương được sử dụng để gây ấn tượng về cảnh quan thiên nhiên của địa phương. Còn các parterre được bài trí theo kiểu của Pháp [95,106] (hình 11).

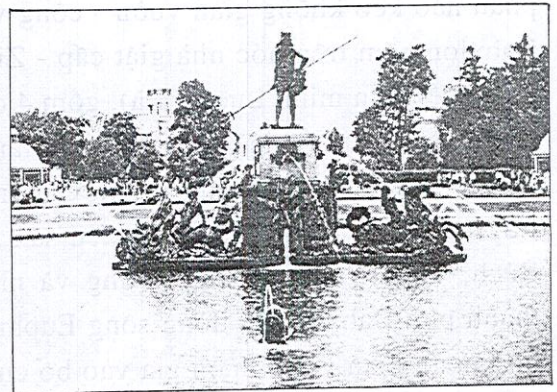
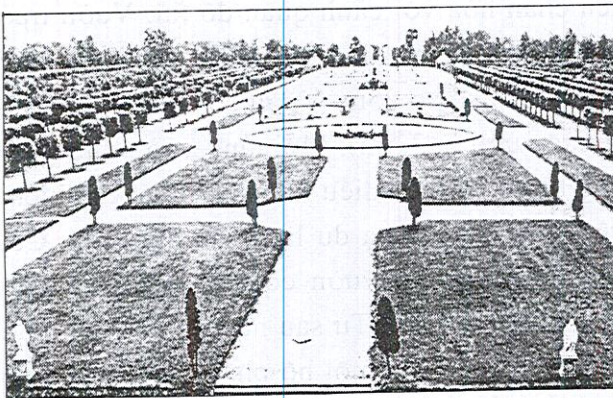
Một xu hướng khác đối lập với kiểu bố cục cân xứng đã xuất hiện ngay từ thời cổ đại trong nghệ thuật kiến trúc cảnh quan. Mặc dầu vườn - công viên thời kỳ đầu còn bó hẹp trong khuôn viên của nhà ở, lâu đài ..., sự hướng tới vẻ đẹp tự nhiên đã phần nào kéo không gian vườn - công viên chan hòa với cảnh quan đô thị. Vườn treo Babylon nằm trên nóc nhà giạt cấp - Ziggurat (một kiểu kiến trúc thịnh hành lúc bấy giờ ở nền văn minh Lưỡng Hà), gồm 4 cấp, mỗi cấp cao 25m. Vườn có chiều dài 42m, chiều rộng 14m (chiều rộng của mỗi tầng bậc vườn là 3,5m). Mỗi tầng vườn được nối với nhau bằng các cầu thang lớn. Cây trồng tự do và theo điều kiện sinh thái tự nhiên. Cây vùng núi cao được trồng trên sân trên, cây ở miền hạ du là ở sân dưới như Cọ, Bách, Tuyết tùng, Hoàng dương và nhiều loài hoa. Từ vườn có thể bao quát toàn thành phố Babylon và dòng sông Euphrates. Thời đại Ba Tư sau này đã chuyển toàn bộ không gian vườn tham gia vào bố cục cảnh quan và là một bộ phận hữu cơ của đô thị. Đường cây xanh Tsor - Bag (đường phố Bốn Vườn) dài hơn 3 km, rộng 32m được xây dựng ở Ixpakhan - thủ đô của Ba Tư vào thời quốc vương Abbax vĩ đại trị vì (1571 - 1629). Đường cây xanh dốc dần theo sườn đồi, dạng bậc thang tạo thành các tầng bậc sân. Con kênh chảy từ trên cao, cứ qua mỗi sân lại phình ra thành bể nước. Nước từ trên sân trên đổ xuống sân dưới tạo thành thác nhỏ. Các bể nước đều có vòi phun gây nên cảm giác huyền ảo, góp phần trang trí và nhấn mạnh trục dọc của phong cảnh đường cây xanh. Hai bên đường bố trí cây tự do [67,106] (hình 12).

Nếu như xu hướng bố cục tự do còn dè dặt trong kiến trúc cảnh quan của Lưỡng Hà và Ba Tư, thì đã được sử dụng một cách mạnh dạn và phổ biến trong nghệ thuật, quy hoạch kiến trúc cảnh quan Trung Quốc. Dân tộc Hán đã sinh sôi và nảy nở trên lưu vực sông Hoàng giữa lục địa mênh mông, núi cao bao bọc và sa mạc khô cằn với biển cả rộng lớn làm cho từ ngàn xưa nhân dân Trung Quốc đã có tấm lòng yêu thiên nhiên và biểu hiện sâu sắc được vẻ đẹp của tạo hóa sinh ra. Những dãy núi lởm chởm



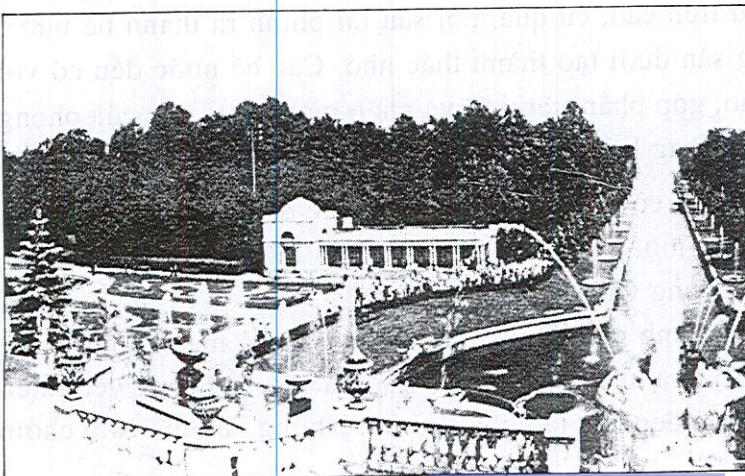
a)

b)



c)

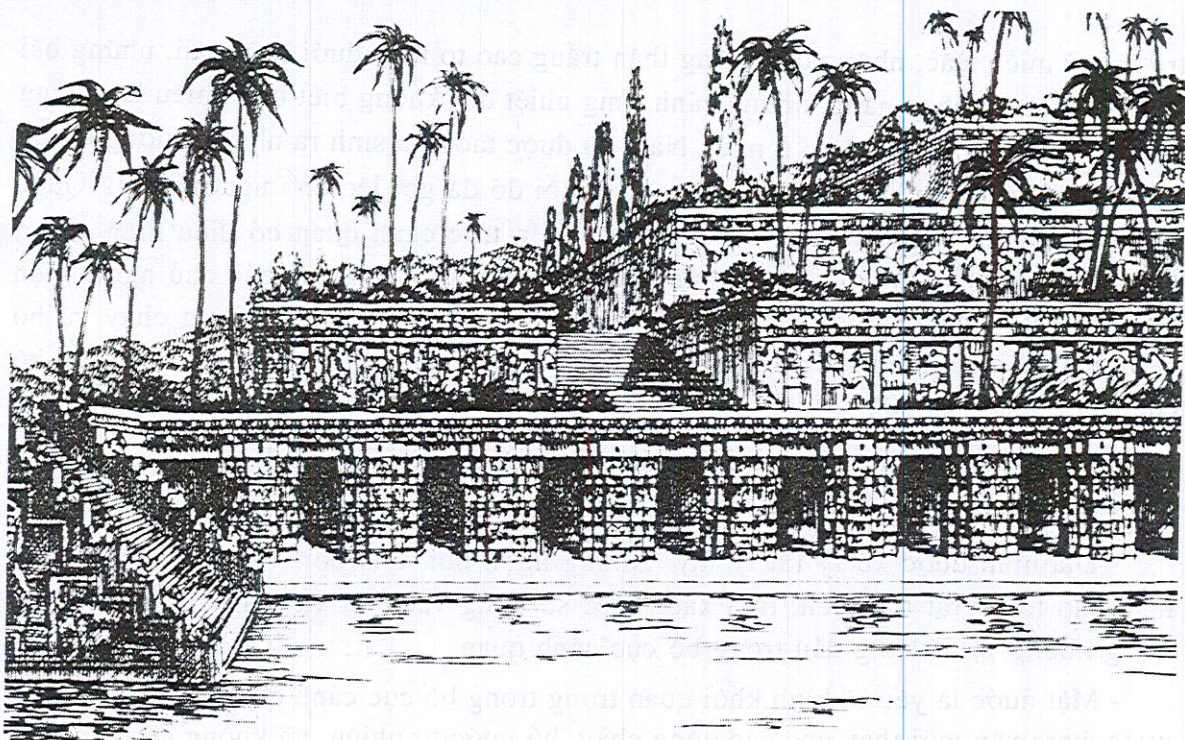
d)



d)

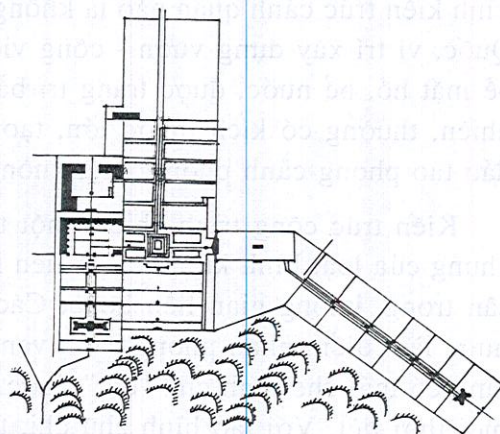
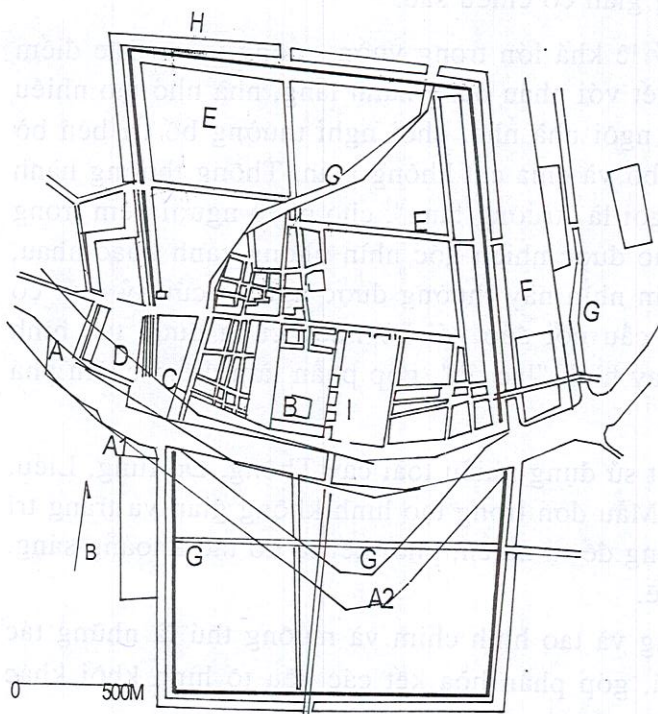
Hình 11: Công viên Petrodvortx nằm bên vịnh Phần Lan, thành phố Xanh - Peterbur.

a) Mặt bằng công viên; b) Thác nước Lớn; c) Công viên Trên; d) Vòi phun sao Hải Vương; đ) Cảnh nhìn ra vịnh từ terrasse của thác nước Lớn.



a)

b)



c)

**Hình 12: Kiến trúc cảnh quan
Lưỡng Hà - Ba Tư.**

a) Vườn treo Babylon; b) Mặt bằng thành Babilon: A. Dòng chảy ban đầu của sông Euphrates; A₁. Sự chuyển dời dòng chảy lần thứ nhất; A₂. Sự dịch chuyển dòng chảy sau 600 năm sau Công nguyên; B. Tháp Babel; C. Vườn treo; D. Cổng; E. Thành trong; F. Thành ngoài; G. Kênh nước; H. Hào; I. Đền Mardut; c) Vườn biệt thự Esrep - Batur.



**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

trơ trụi ở miền Bắc, những cây thông thân trắng cao to mọc dưới chân núi, những bãi sa mạc khô cằn cháy nắng, những cánh rừng nhiệt đới không biết bao nhiêu là muông thú, và những núi non kỳ dị ở miền Nam đã được tạo hóa sinh ra như trí tưởng tượng kỳ lạ. Tất cả những sắc thái luôn luôn thay đổi đó đã gợi lên cho người Trung Quốc trí tưởng tượng vô biên. Do đó nghệ thuật kiến trúc cảnh quan có điều kiện để tái hiện được những cảnh quan thiên nhiên đặc sắc. Đó là xu hướng của chủ nghĩa hiện thực, tượng trưng sâu sắc. Do đó những quả đồi, vách đá, những dòng chảy và hồ nước ngoạn mục, những hình khối độc đáo của cây xanh luôn tham gia vào việc bố cục cảnh quan [15,106].

Đặc điểm chính của việc sử dụng hình khối trong kiến trúc cảnh quan Trung Quốc qua tranh vẽ và một số di tích còn lại cho đến nay là :

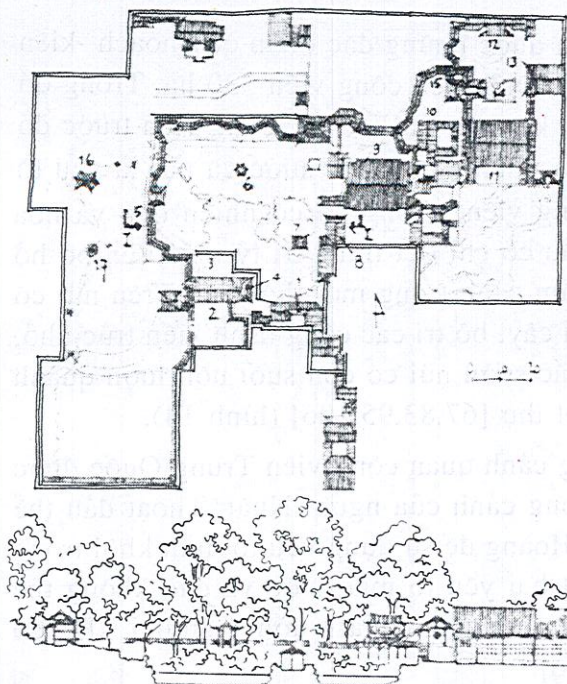
- Địa hình được xử lý rất tỷ mỷ. Những ngọn núi, quả đồi, vách đá, hang động nhân tạo trông rất tự nhiên, tinh xảo. Việc sử dụng vách đá và tảng đá luôn là một trong những vị trí hàng đầu trong bố cục cảnh quan.

- Mặt nước là yếu tố hình khối quan trọng trong bố cục cảnh quan. Nhiều khi mặt nước được xây mới thay cho các dòng chảy, hồ nước tự nhiên, và không có một công trình kiến trúc cảnh quan nào là không có mặt nước. Theo quy tắc truyền thống Trung Quốc, vị trí xây dựng vườn - công viên phải "nhìn" ra mặt nước. Ngoài ra, phần lớn bề mặt hồ, bể nước, được trang trí bằng hoa sen, cá cảnh. Mặt nước có đường bờ tự nhiên, thường có kích thước lớn, tạo nên nhiều eo vịnh, mũi với những bán đảo và đảo tạo phong cảnh phong phú, không gian có chiều sâu.

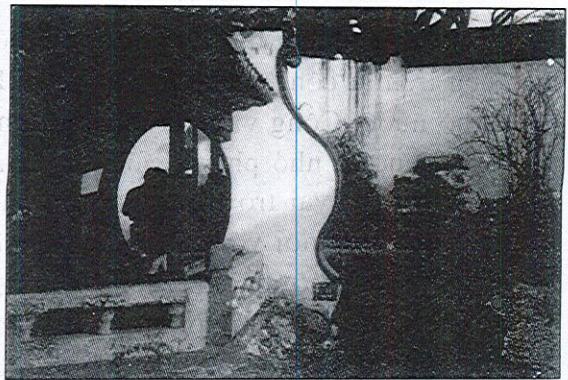
Kiến trúc công trình chiếm một tỷ lệ khá lớn trong vườn - công viên. Đặc điểm chung của loại hình khối này là liên kết với nhau bằng hành lang, nhà nhỏ tạo nhiều sân trong, không gian liên hoàn. Các ngôi nhà nhỏ, chòi nghỉ thường bố trí bên bờ nước làm điểm nhấn phong cảnh ven bờ và chia cắt không gian. Thông thường hành lang có mái che hình chữ "chi" được gọi là "trường lang", cho phép người xem trong mọi thời tiết. Với tạo hình chữ chi, tạo được nhiều góc nhìn phong cảnh khác nhau, bất ngờ. Bởi vậy, những cảnh đón tầm nhìn này thường được nghiên cứu tỷ mỷ, có giá trị nghệ thuật cao. Bên cạnh đó, cầu nổi đảo với bờ nước cũng được tạo hình phong phú : hình chữ "chi", "công" hay hình "lạc đà", góp phần làm điểm chấm phá trong không gian mặt nước (hình 13).

- Cây xanh có nhiều loại. Đặc biệt sử dụng nhiều loài cây Thông, Đỗ tùng, Liễu, Trúc, Mộc lan, Hạnh đào, Đào cảnh, Mẫu đơn trong tạo hình không gian và trang trí phong cảnh. Hình khối cây xanh thường để tự nhiên, phối kết tự do tạo khoảng sáng, tối gây ấn tượng tương phản mạnh mẽ.

- Các đồ đồng, sứ hình đèn, thùng và tạo hình chim và muông thú là những tác phẩm nghệ thuật tạo hình phong phú, góp phần hòa kết các yếu tố hình khối khác nhau và tô điểm phong cảnh thêm sống động và vui tươi.



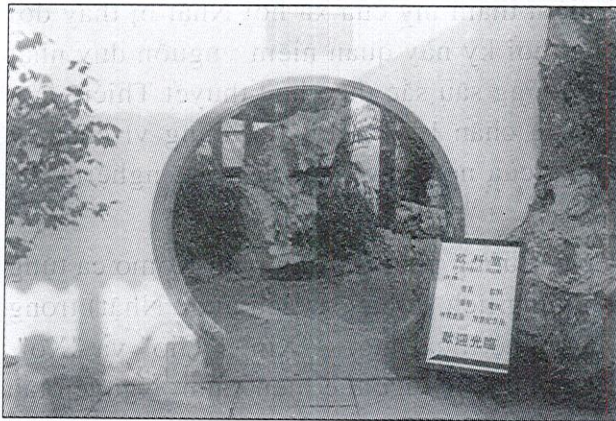
a)



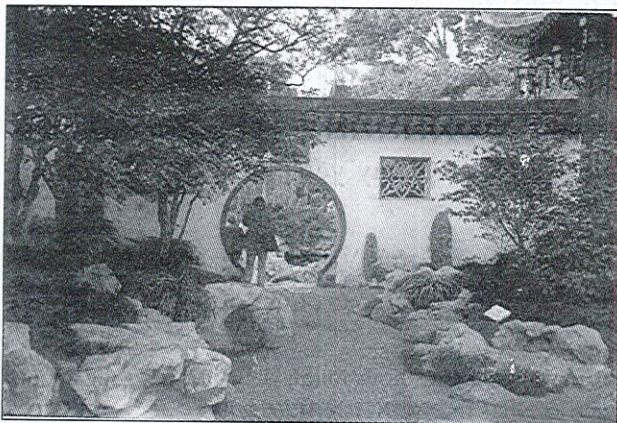
b)



d)



c)



d)

Hình 13: Một số kiểu bố cục cảnh quan tự do của Trung Quốc.

a) Mặt bằng và mặt cắt Lưu viên với hành lang hình chữ chi đã tạo nên nhiều điểm nhìn khác nhau; b), c), d) Các kiểu tạo khung tranh trong kiến trúc cảnh quan Dự viên - thành phố Thượng Hải; e) Bể nước kết hợp với phun phía trước Dự viên.



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Một trong những di tích nổi tiếng thể hiện được những đặc điểm quy hoạch - kiến trúc nêu trên là công viên Di Hòa (Bắc Kinh). Diện tích công viên 330 ha. Trong đó 4/5 là hồ nước. Công viên này mang tính chất kế thừa sâu sắc các công viên trước đó và là bộ sưu tập nhỏ phong cảnh đa dạng của thiên nhiên. Hồ nước và núi là yếu tố hình khối đóng vai trò trung tâm bố cục công viên. Trong hồ có nhiều đảo và hoa sen. Bờ hồ được nối với đảo bằng 6 chiếc cầu có chi tiết trang trí tỷ mỹ. Ven bờ hồ bố trí hành lang có mái che dài 400m để ngắm cảnh trong mọi thời tiết. Trên núi có nhiều chòi và sân nghỉ được trồng đủ các loài cây, bố trí các công trình kiến trúc nhỏ, có bể nước thả cá cảnh, sen trong đó. Phía bắc sườn núi có con suối uốn lượn quanh co tạo nên vẻ đẹp kín đáo của kiểu vườn biệt thự [67,83,95,106] (hình 14).

Sự mềm mại vô bờ và sự hùng vĩ trong cảnh quan công viên Trung Quốc được sử dụng một cách tinh tế, cô đọng trong phong cảnh của người Nhật. Thoạt đầu thể loại "Vườn - lâu đài của tầng lớp quý tộc và Hoàng đế sử dụng yếu tố hình khối trong tạo cảnh tương tự như Trung Quốc. Đặc biệt hai yếu tố mặt nước và đảo không thể thiếu được trong bố cục và là thành phần tạo cảnh chính của "vườn - lâu đài". Do đó người ta còn gọi là vườn "hồ và đảo" [95,106].

Ở Nhật Bản, cuối thế kỷ XII, Dorimoto chiến thắng Phugivara và dựng lên ở Kamakura một triều đình thứ hai, thì khái niệm thẩm mỹ của xã hội Nhật bị thay đổi căn bản. Học thuyết của Thiền đạo (1) trong thời kỳ này quan niệm : nguồn duy nhất của sự hiểu biết chân lý là linh cảm. Sự suy tưởng sâu sắc theo học thuyết Thiền đạo, có thể dẫn tới sự linh cảm bất ngờ, hiểu thấu chân lý đạo Phật. Nhưng vì chân lý không thể thể hiện bằng từ ngữ, thì hiện thân của nó đúng nhất là trong nghệ thuật, vào lúc hưng phấn của người nghệ sĩ.

Vào những năm 1192 - 1333, cùng với các trường phái (trường phái Komo ca tụng Phật giáo, trường phái Tosa ca tụng các anh hùng lịch sử hay sự tích nước Nhật) trong nghệ thuật tạo hình xuất hiện ba nguyên tắc nghệ thuật mới : "Xin", "Gio" và "Xo". Nguyên tắc "Xin" phản ánh sự chân thực và chính xác việc thể hiện cảnh. Nguyên tắc "Gio" là việc thể hiện cảnh bán tượng trưng. Còn nguyên tắc "Xo" là sự tượng trưng thuần túy, cô đọng cực độ, nhưng có hình thức truyền cảm [106].

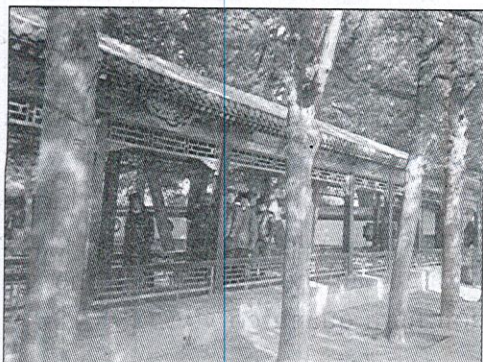
Vườn "đá" ở tu viện Ryoan-ji - Hai-an là một điển hình cho việc thể hiện nguyên tắc "Xo" trong bố cục không gian kiến trúc cảnh quan. Toàn bộ diện tích vườn chỉ có 218,8 m² nhưng lại thể hiện được sự sinh động của cảnh quan nước Nhật, một nước có nhiều đảo trên biển cả mềm mại : 15 hòn đá có hình dạng khác nhau được sắp xếp thành 5 quần đảo trên "sóng biển" bằng cát trắng. Ở đây yếu tố cát được tạo hình mặt biển đang gợn sóng [37,67,83,87,95,106].

Về mặt lý luận, các tác phẩm về lý thuyết vườn của Vosytyuce Gocyioca chú trọng nhiều đến luật tương phản. Theo ông, sự tương phản về chủ động và thụ động

(1) Thiền đạo, một trong những trào lưu Phật giáo Viễn Đông hình thành đầu tiên ở Trung Quốc thế kỷ IV-VII dưới ảnh hưởng của đạo Lão, xuất hiện ở Nhật thế kỷ XII-XIII.



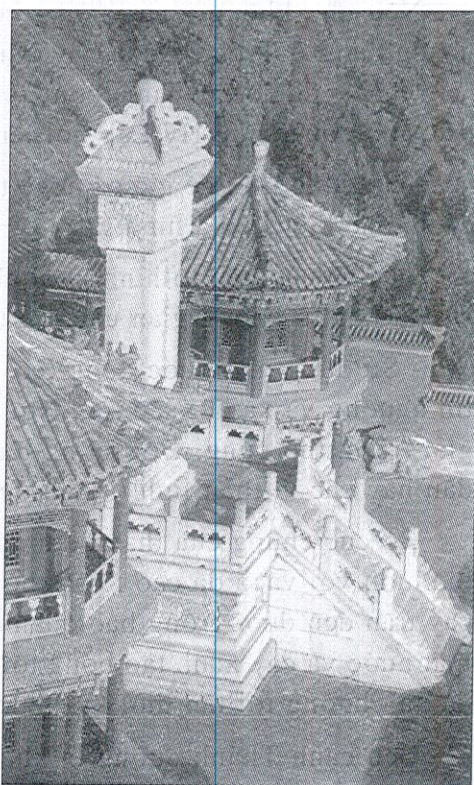
a)



b)



c)



Hình 14: Di Hoà viên - Bắc Kinh - Trung Quốc - Một trong những kiểu bố cục cảnh quan tự do.

a) Lối vào trường làng - một trong những đặc trưng của bố cục cảnh quan Trung Quốc; b) Mặt bên trường làng; c) Chòi nghỉ của trường làng; d) Tổ hợp công trình trong công viên.



**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

phải đi sâu vào cuộc sống hàng ngày. Hòn đá đứng cao là chủ động, hòn đá nằm là thụ động v.v... về sau Xoamy (1459 - 1525) đã cụ thể hơn nữa thuyết tương phản. Ông đưa ra 12 kiểu phong cảnh làm cơ sở cho việc xây dựng 2 kiểu vườn chủ yếu ở Nhật là vườn phẳng (kirakiva) và vườn đồi(xukiama)(hình 15).

Cơ sở chủ yếu của bố cục hình khối vườn phẳng là địa hình tương đối bằng phẳng. Ngược lại, vườn đồi được bố cục chủ yếu bằng việc tạo địa hình phức tạp, chia cắt không gian một cách mạnh mẽ, phong cảnh thực, chiếc cầu nhỏ với dòng suối uốn lượn quanh co v.v... [95,106].

Nghi lễ uống trà có ảnh hưởng đặc biệt đến nghệ thuật vườn. Mục đích của Thiền đạo là nhằm phản kháng sự giả tạo cầu kỳ của các tầng lớp quý tộc, tôn sùng sự giản đơn (nguyên tắc xaby) mà vẫn bộc lộ được nội dung phong phú và đa dạng. Các yếu tố hình khối bố cục vườn phục vụ nghi lễ gồm : đường lát đá, bể nước, giếng, đèn đá.

Nếu như không gian vườn - công viên còn bị bó hẹp trong bốn bức tường nhà, hoàng cung ở Trung Quốc hay Nhật Bản thì Hy Lạp từ thời cổ đại đã chan hòa vào "nội thất" của đô thị. Tựu chung, việc sử dụng các yếu tố hình khối trong bố cục kiến trúc cảnh quan của Hy Lạp nổi lên mấy đặc điểm sau đây :

- Sử dụng triệt để giá trị nghệ thuật của cảnh quan thiên nhiên trong bố cục phong cảnh, đặc biệt là địa hình.

- Dùng các yếu tố hình khối nhỏ để nhấn mạnh ý nghĩa và trọng tâm bố cục, tạo sự hài hòa từ không gian của nội thất ra ngoại thất.

- Sử dụng mặt nước động (có vòi phun, thác nước). Vườn đầu tiên mang ý nghĩa tín ngưỡng và xã hội sâu sắc. Nơi đây thường được tổ chức thi đấu thể thao, vui chơi giải trí và thờ cúng. Đối tượng tôn thờ thường là những người chiến thắng trong thi đấu hay các vị thần linh (thánh đường Apollon⁽¹⁾, Nyma⁽²⁾ ...)

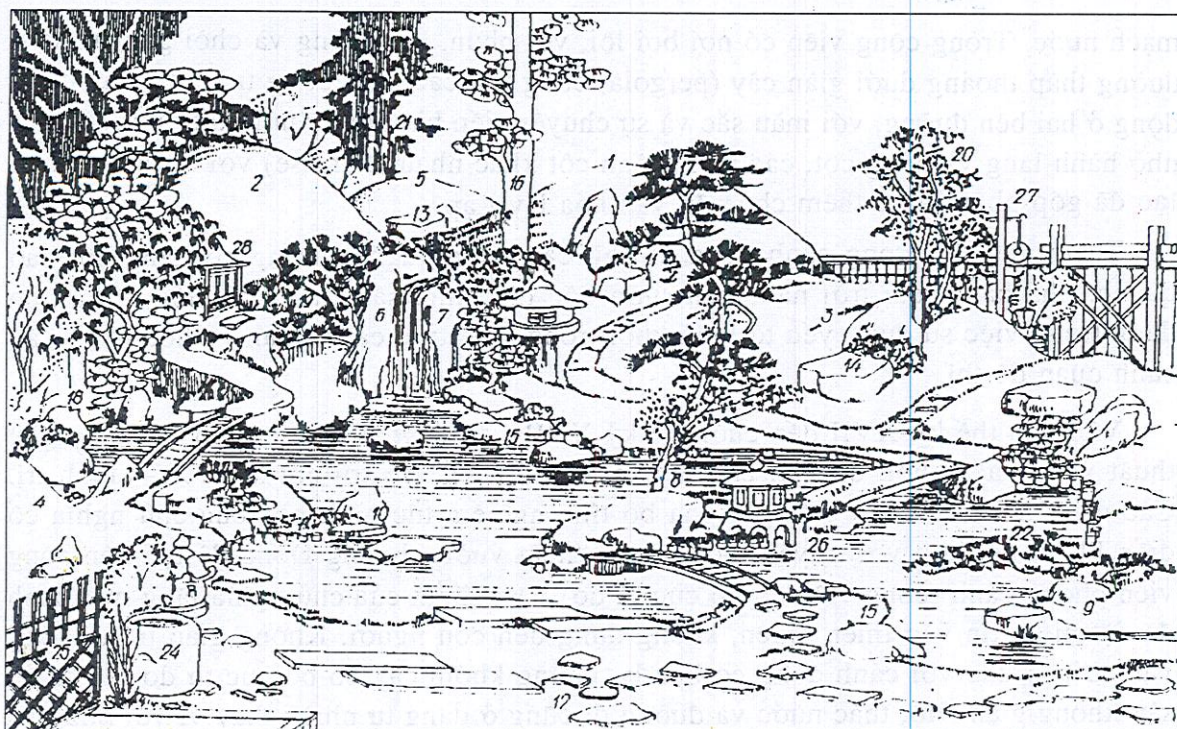
Bố cục chung của thánh đường Nymfa chủ yếu dựa vào phong cảnh thiên nhiên : địa hình với vách đá cao ; bàn thờ trên đỉnh vách đá ; nước chảy từ vách đá tạo thác, cây trần đen được trồng bao quanh mặt nước. Việc sử dụng yếu tố địa hình phức tạp, mặt nước và cây xanh tạo bóng tối gây ấn tượng về một không gian u tịch, linh thiêng đã ảnh hưởng tới tận thời kỳ Phục Hưng [96,106].

Bên cạnh Thánh đường là khu vườn thể thao, ở đây mạng lưới đường thẳng tắp. Nhưng bù lại hệ thống quy hoạch cứng nhắc đó là sự phong phú về hình thức nghệ thuật của các công trình thể thao, bể bơi, tượng đài, vòi phun.

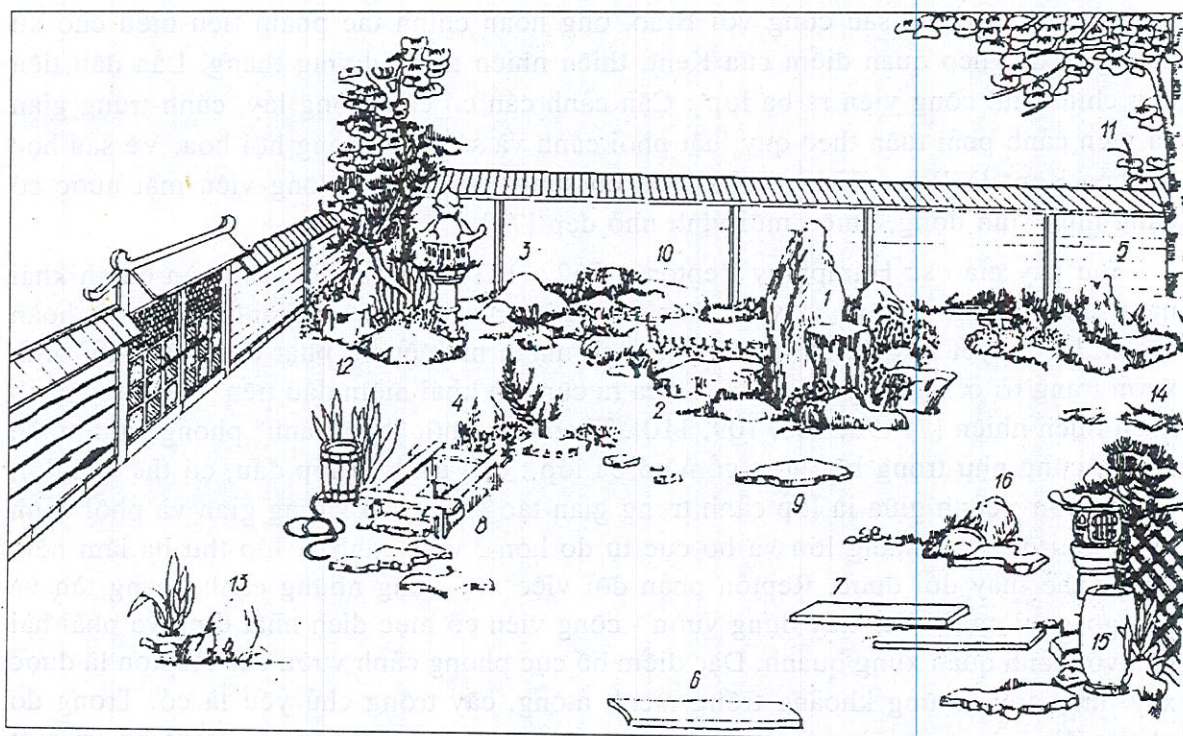
Về sau, thời kỳ Hy Lạp hóa (Maxedon, từ thế kỷ III đến thế kỷ I trước Công nguyên), các yếu tố hình khối trong kiến trúc cảnh quan được bố cục tinh xảo hơn. Điển hình có cộng viên Daphua ở Angtiore. Địa hình công viên bị chia cắt bởi nhiều

(1) Apollon - Thần ánh sáng, đồng thời cũng là thần bảo trợ nghệ thuật và khoa học trong thần thoại Hy Lạp.

(2) Nyma - Nữ thần tượng trưng cho sức mạnh thiên nhiên trong thần thoại Hy Lạp.



31



b)

Hình 15: Các khuynh hướng bố cục cảnh quan.
a) Vườn đối; b) Vườn phẳng.

mạch nước. Trong công viên có nơi bơi lội, vòi phun, hành lang và chòi giải trí, con đường thấp thoáng dưới giàn cây (pergola) cùng với các pho tượng trang trí hay hang động ở hai bên đường, với màu sắc và sự chuyển tiếp hài hòa từ nội thất ra ngoại thất nhờ hành lang và hàng cột, các nền chênh cốt khác nhau (terrasse) với hồ nước nhân tạo đã góp phần tô vẽ thêm cho nền văn hóa Hy Lạp.

Thêm vào đó, trong cảnh quan đô thị, các vườn-quảng trường có hàng cột bao quanh, nhà hát ngoài trời nằm trên sườn dốc địa hình, sân trên đỉnh đồi đã làm đa dạng trong việc sử dụng yếu tố hình khối trong kiến trúc cảnh quan và hòa nhập vào cảnh quan đô thị.

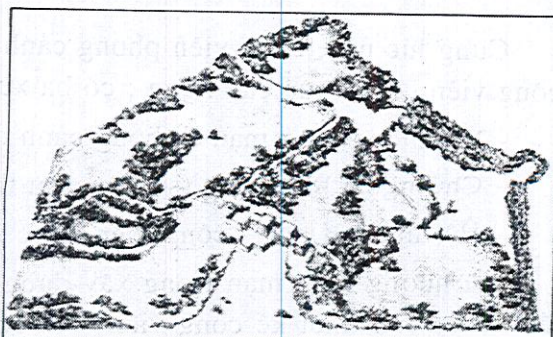
Vào đầu thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XVIII, chủ nghĩa lãng mạn trị vì nền nghệ thuật văn hóa xã hội, do giai cấp tư sản Anh giữ vai trò trụ cột kinh tế - chính trị. Các nhà kiến trúc cảnh quan đã phá bỏ tính nghiêm túc hình học của chủ nghĩa cổ điển Pháp, kết hợp với truyền thống nghệ thuật vườn phương Đông để tạo nên công viên phong cảnh (công viên có bố cục tự do). Đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn Anh đã đặt niềm tin vào thiên nhiên, không đụng đến con người. Không gian trống đóng vai trò chủ đạo với cánh đồng cỏ bao la, những khóm cây có bố cục tự do tạo chiều sâu không gian. Hồ, thác nước và đường đi cũng ở dạng tự nhiên thay vì vòi phun và mặt nước hình học của chủ nghĩa cổ điển [96, 106, 110].

Công viên Stowe được xây dựng từ năm 1913 do nhà hội họa William Kent (1685 - 1748) thiết kế, về sau cùng với Brao, ông hoàn chỉnh tác phẩm tiêu biểu cho xu hướng trên. Theo quan điểm của Kent, thiên nhiên tránh đường thẳng. Lần đầu tiên ông chia cảnh công viên ra ba lớp : Cận cảnh cần có cảnh lồng lẩy, cảnh trung gian và viễn cảnh phải tuân theo quy luật phối cảnh và sáng tối trong hội họa. Về sau học trò của Kent là Brao (1718 - 1783) đã bổ sung vào cơ cấu công viên mặt nước có dạng hình sinh động, nhiều mũi vịnh nhỏ đẹp [71].

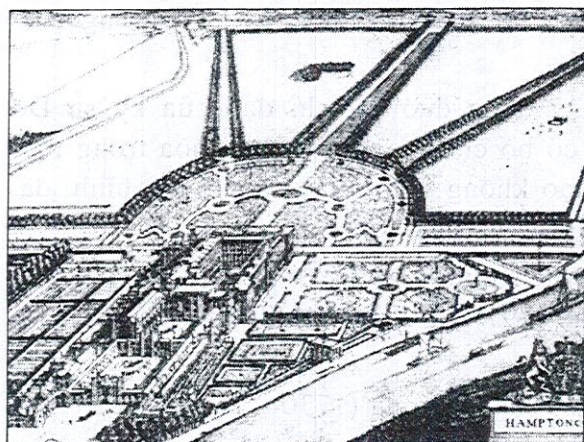
Sau này giáo sư Humphray Repton (1752 - 1817) đã gạn lọc và hoàn chỉnh khái niệm phong cảnh của công viên theo xu hướng bố cục tự do thành lý thuyết hoàn chỉnh. Lý thuyết này đã chi phối một cách mạnh mẽ đến sự phát triển các loại hình vườn trang trí ở Anh. Lý thuyết ông đưa ra cũng là khái niệm đầu tiên về cải tạo cảnh quan thiên nhiên [71, 96, 106, 109, 110]. Theo ông, một "bức tranh" phong cảnh thiên nhiên, cũng như trong hội họa, gồm có ba lớp : cận cảnh là lớp đầu, có thể sửa đổi, cải tạo lớn ; cảnh giữa là lớp cảnh trung gian tạo chiều sâu không gian và phối cảnh được giải quyết ở mảng lớn và bố cục tự do hơn ; viễn cảnh là lớp thứ ba làm nền, không thể thay đổi được. Repton phản đối việc xây dựng những cảnh hoang tàn và kêu gọi mọi người hãy xây dựng vườn - công viên có mục đích nhất định và phải hài hòa với cảnh quan xung quanh. Đặc điểm bố cục phong cảnh vườn của Repton là được xây dựng trên những khoảng trống mênh mông, cây trồng chủ yếu là cỏ. Trong đó những đàn cừu tung tăng đi lại và rải rác đó đây những khóm cây được bố trí một cách nghệ thuật. Theo ông, *thiên nhiên là mô hình mà người nghệ sĩ cần hiểu biết, ghi lại nhưng không phải sao chép y nguyên* (hình 16) [106].



a)



b)



c)



d)



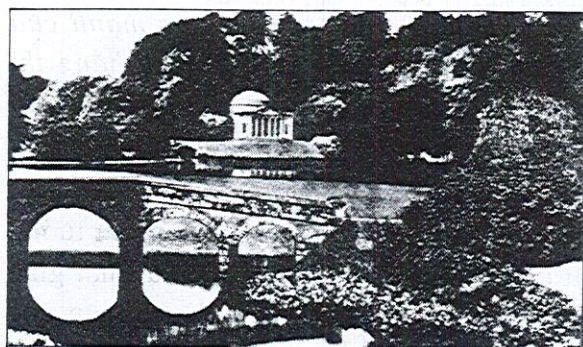
d)



e)

Hình 16: Một số kiểu bố cục cảnh quan tự do của Anh.

a) Cảnh quan đôi bờ sông Thames đầu thế kỷ XVII; b) Mặt bằng quần thể công viên Stowe; c) Quần thể cung điện Hampton là sự ảnh hưởng của bố cục cảnh quan Pháp thế kỷ XVII; d) Phong cảnh phố Pell-Mell ở Luân Đôn theo phong cách hình học khác với dạng bố cục tự do ở công viên; e) Quan điểm bố cục cảnh quan của Repton: Bức tranh phong cảnh hiện có và sau khi biến đổi; e) Công viên phong cảnh bao quanh biệt thự ở Uilsir được xây dựng giữa những năm 1740 và 1750.



Cùng lúc này, công viên phong cảnh Nga xuất hiện và thay thế sự phát triển của công viên có bố cục cân xứng ; có ba xu hướng chủ yếu [96, 106].

- Xu hướng lãng mạn - phong cảnh được bố trí như ở sân khấu.
- Chủ nghĩa hiện thực (sử dụng ưu thế cảnh quan thiên nhiên).
- Hệ thực vật học - công viên được xem như là một bộ sưu tập thực vật.

Xu hướng lãng mạn trong xây dựng công viên do A. T. Bolotova (1738 - 1838) đề xướng khi thiết kế công viên ở Bogoroditsa ở tỉnh Tula (1776) và tác phẩm lý thuyết nổi tiếng của ông về xây dựng công viên đã được áp dụng khi xây dựng công viên Xofyevca ở Umana (1796) và công viên phong cảnh (1766) ở Gattsyna ngoại ô Xanh Peterbua.

Công viên Xofyevca ở Umana được xây dựng dưới sự chỉ đạo của kỹ sư Do Metxelya. Công viên có diện tích 129 ha, có bố cục tương quan hài hòa trong một quần thể thống nhất các yếu tố hình khối tạo không gian khác nhau : địa hình, đá, dòng sông, cây xanh với các tác phẩm kiến trúc và điêu khắc.

Công viên phong cảnh theo chủ nghĩa hiện thực Nga là công viên Pavlovsk ở ngoại ô Xanh Peterbua (1777), Alekxandrya (1797) và công viên Trotyanets (1834) ở Ukraina.

Công viên Pavlovsk do các kiến trúc sư Ts. Cameron (1730 - 1812), V. Breima (1745 - 1820) và nghệ sĩ trang trí P. Gonzaga (1751 - 1831) thiết kế xây dựng. Năm 1790 - 1800, Pavlovsk là dinh thự của Nga hoàng. Lúc này Brenna lãnh đạo việc xây dựng công viên. Ông cho xây dựng một số vùng trong công viên có bố cục cân xứng đều đặn như vòng tròn lớn, giàn cây đứng, Xylva cũ và Xylva mới. Sang đầu thế kỷ XIX, Gonzaga chỉ đạo tiếp tục việc xây dựng công viên, ông sử dụng những hòa sắc sinh động của thiên nhiên trang trí phong cảnh cho công viên. Trục bố cục chính của công viên là sông Xlavyanka. Trong công viên có nhiều rừng thưa, hồ nước, sân cao, cầu thang, tượng trang trí. Loài cây bạch dương được dùng chủ đạo trong công viên đã gây ấn tượng về miền Trung Nga. Sắc thái của cảnh quan Nga, thủ pháp nghệ thuật phong phú và có chất lượng được áp dụng ở công viên Pavlovsk về sau đã ảnh hưởng lớn đến toàn bộ nền nghệ thuật kiến trúc cảnh quan Nga.

Xu hướng cân xứng đều đặn và tự do trong bố cục quy hoạch kiến trúc cảnh quan nếu như là sự tìm tòi, biểu hiện nghệ thuật của một số nước nói lên sức mạnh của con người hay sự hòa nhập với thiên nhiên, tìm ở thiên nhiên vẻ đẹp vĩnh hằng thì việc bố cục cân xứng đều đặn hay tự do cũng như sự phối hợp giữa hai hình thức đó chỉ phần nhiều là hệ quả của tư duy triết học của một số nước phương Đông. Việt Nam nằm trong số đó.

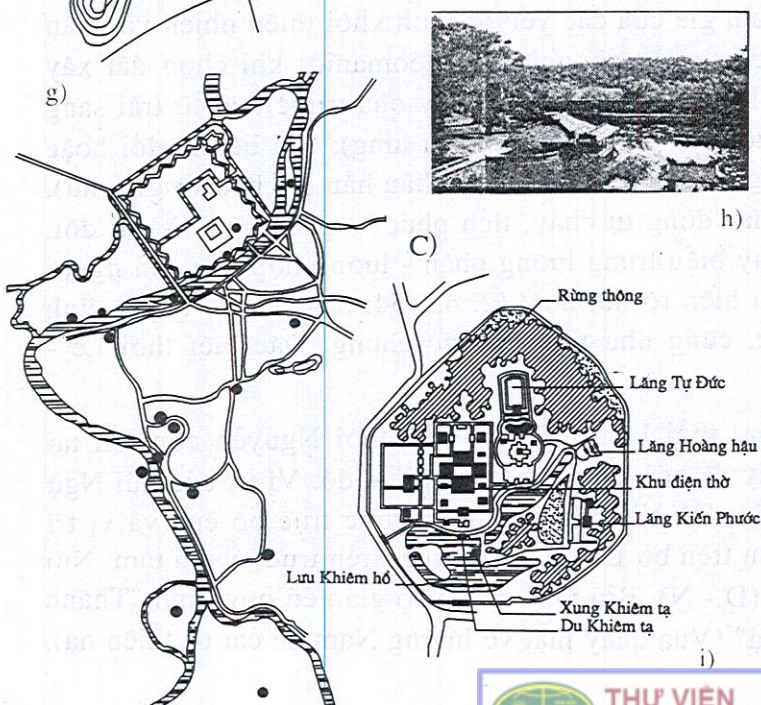
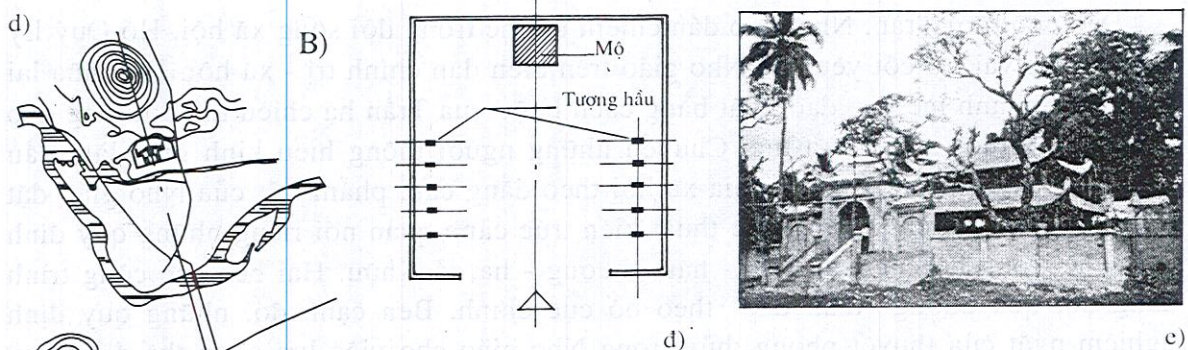
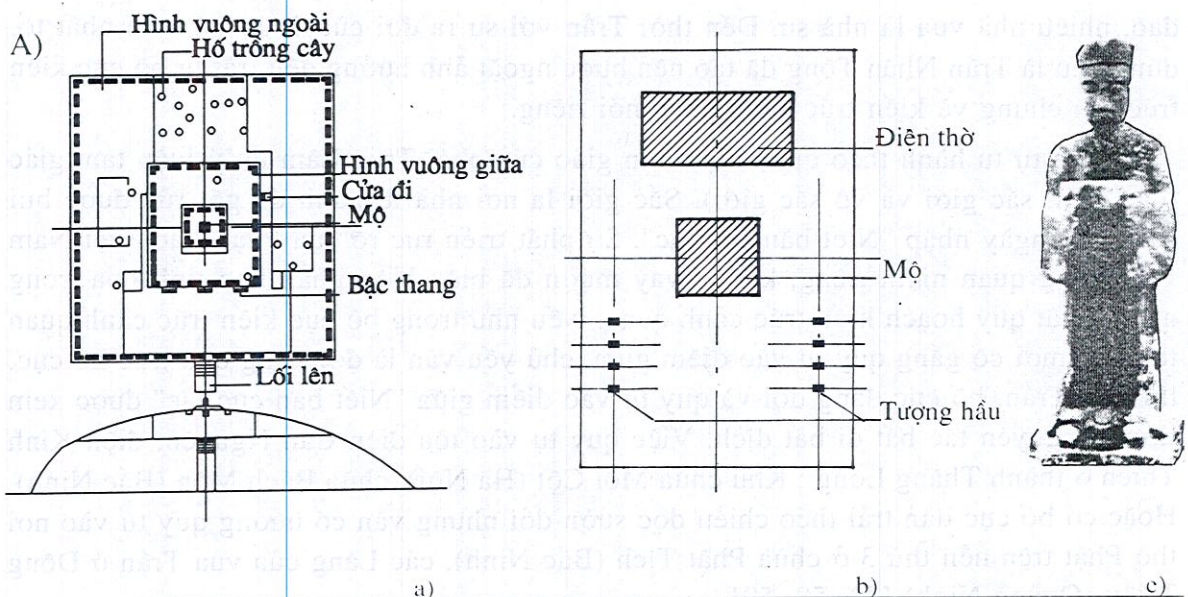
Trong quá trình phát triển của xã hội phong kiến Việt Nam có hai dòng tư tưởng chủ yếu ảnh hưởng sâu sắc đến nền tảng trật tự xã hội và con người. Đó là Phật giáo và Nho giáo. Từ thế kỷ XI, Lý Thái Tổ đã xây dựng một quốc gia phong kiến độc lập, hùng cường, một Nhà nước trung ương tập quyền - Phật giáo được lấy làm quốc

đạo, nhiều nhà vua là nhà sư. Đến thời Trần với sự ra đời của Trúc Lâm đệ nhất tổ, đứng đầu là Trần Nhân Tông đã tạo nên bước ngoặt ảnh hưởng đến trật tự bố cục kiến trúc nói chung và kiến trúc cảnh quan nói riêng.

Trình tự tu hành theo quan niệm tôn giáo của phái Trúc Lâm là lý luận tam giác (dục giới, sắc giới và vô sắc giới). Sắc giới là nơi nhà tu hành đã gột rửa được bụi trần, chờ ngày nhập "Niết bàn cực lạc". Sự phát triển rực rỡ của Phật giáo Việt Nam với những quan niệm riêng, không vay mượn đã biểu hiện phần nào tinh hoa trong nghệ thuật quy hoạch kiến trúc cảnh quan. Nếu như trong bố cục kiến trúc cảnh quan thời Lý mới cố gắng quy tụ vào điểm giữa, chủ yếu vẫn là đối xứng qua trục bố cục, thì thời Trần, bố cục đăng đối và quy tụ vào điểm giữa "Niết bàn cực lạc" được xem là một nguyên tắc bất di bất dịch. Việc quy tụ vào tòa điện Càn Nguyên, điện Kính Thiên ở thành Thăng Long ; Khu chùa Một Cột (Hà Nội), chùa Bách Môn (Bắc Ninh). Hoặc có bố cục dàn trải theo chiều dọc sườn đồi nhưng vẫn có hướng quy tụ vào nơi thờ Phật trên nền thứ 3 ở chùa Phật Tích (Bắc Ninh), các Lăng của vua Trần ở Đông Triều (Quảng Ninh) [43, 58, 59].

Đến cuối đời Trần, Nho giáo dần chiếm ưu thế trong đời sống xã hội. Hồ Quý Ly khẳng định vai trò cốt yếu của Nho giáo trên diễn đàn chính trị - xã hội. Hơn nữa lại giáng đòn mạnh mẽ vào đạo Phật bằng cách buộc vua Trần hạ chiếu thả bớt tăng đạo chưa đủ 50 tuổi phải hoàn tục. Chuyển những người thông hiểu kinh giáo làm đầu mục các tăng đồ, thì sự phân chia xã hội theo đẳng cấp, phẩm trật của Nho giáo đặt cho kiến trúc nói chung và nghệ thuật kiến trúc cảnh quan nói riêng những quy định chặt chẽ trong bố cục : có tiền - hậu, thượng - hạ, tả - hữu. Hai bên các công trình đăng đối qua đường "thần đạo" theo bố cục chính. Bên cạnh đó, những quy định nghiêm ngặt của thuyết phong thủy trong Nho giáo cho việc lựa chọn thế đất và vị trí xây dựng đã khẳng định sự tham gia của các yếu tố hình khối thiên nhiên và nhân tạo trong bố cục cảnh quan. Theo thuyết phong thủy (géomanie) khi chọn đất xây dựng phải dựa vào yếu tố "sơn chỉ thủy giao", nước chảy qua trước mặt từ trái sang phải, có tiền án và hậu án (núi đồi che phía trước và sau lưng). Hai bên là đôi hoặc doi đất tượng trưng cho thanh long, bạch hổ trong tư thế chầu hầu (để bảo vệ gia chủ). Thêm nữa, mặt nước còn có nghĩa "dòng tụ chảy, tích phúc" - phần âm, và núi đồi, mô đất là phần dương trong tư duy biểu trưng lưỡng phân - lưỡng hợp của con người Đông Sơn - ở thời này được biểu hiện rõ nét nhất [2, 43, 54, 55]. Từ đó quyết định vị trí các yếu tố hình khối khác, cũng như trục bố cục chung. Đặc biệt thời Lê - Nguyễn sau này (hình 17).

Thành Lam Kinh (Thanh Hóa) thời Lê và Thành Huế thời Nguyễn còn tồn tại tương đối nguyên vẹn cho đến nay đã nói lên những đặc điểm đó. Vị trí của núi Ngự Bình, sông Hương và hai cồn Hến, Dã Viên đã xác định trước trục bố cục và vị trí thành Huế. Ở đây, kinh thành nằm trên bờ Bắc sông Hương, trên trục xuyên tâm. Núi Ngự Bình tạo hướng chéch Nam (Đ - N). Bởi vì, trong Nho giáo có quy định "Thánh nhân Nam diện nhi thích Thiên hạ" (Vua quay mặt về hướng Nam để cai trị thiên hạ),



Hình 17: Sự biến đổi hình thái kiến trúc cảnh quan thời kỳ phong kiến Việt Nam bị chi phối bởi tư duy triết học phương Đông của người Việt.

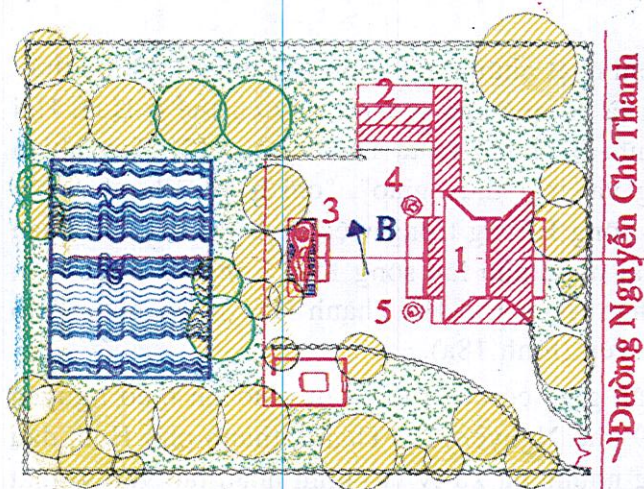
A) Sự quy tụ vào tâm của bố cục lăng Trần Anh Tông (a) là tuân theo tư tưởng triết học của Phật giáo; Còn sự biến thể của bố cục lăng Trần Hiến Tông (b) và sự có mặt của tượng quan hầu (c) là do ảnh hưởng một phần tư tưởng Nho giáo; B) Bố cục khu diện Lam Kinh (d) và lăng Lê Thái Tổ (e) tuân theo tư tưởng Nho giáo; C) Nếu như triết lý Nho giáo thời Lê được sử dụng một cách cứng nhắc thì thành Huế (e), lăng Tự Đức (g) được hoàn chỉnh và sáng tạo, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên và chủ đề tư tưởng của công trình; h) Toàn cảnh đền Lê Lai (được trùng tu theo tư tưởng Nho giáo); i) Xung Khiêm tạ bên bờ hồ Lưu Khiêm trong lăng Tự Đức.

nhưng do phải tuân theo một cách nghiêm ngặt những quy định của thuyết phong thủy nên mặt trước thành có hướng như trên là hệ quả của vị trí địa lý cụ thể ở Huế. Hai cồn Dã Viên và cồn Hến đóng vai trò hữu Bạch Hổ và tả Thanh Long [2]. Tuy nhiên mặt nước sông Hương lúc đó chỉ đóng vai trò "thủy giao", "chi huyền thủy"... nên chưa chú ý khai thác một cách triệt để Sông Hương trong việc hình thành cảnh quan đô thị. Ngoài ra, việc xử lý tạo hình mặt nước như lấp sông Kim Long và Bạch Yến kết hợp với đào thêm tạo hồ và kênh hào (Ngự Hà, Hộ Thành Hà...), chỉ nhằm bảo vệ thành, mang ý nghĩa quân sự là chủ yếu (hình 18a).

Một số nơi ở của quan và người dân giàu có cũng được quy hoạch theo nguyên tắc trên. Nhà ông Phan Thuận An số 29 phố Nguyễn Chí Thanh, thành phố Huế, đầu được xây dựng trên khu đất bằng phẳng nhưng đã xử lý tạo hình nhân tạo yếu tố mặt nước và đá (địa hình) để có được bố cục phong cảnh tương đối hoàn chỉnh theo thuyết phong thủy của triết lí Nho giáo (hình 18b).



Hình 18a: *Hào nước - một trong những thành phần kiến trúc cảnh quan có ý nghĩa quân sự là chủ yếu trong kinh thành Huế.*



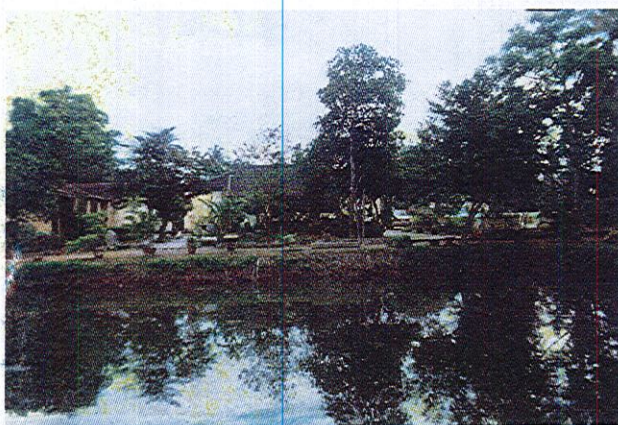
a)



b)



d)



c)



d)



Hình 18b: Thuyết phong thủy không chỉ là nguyên tắc cho việc tìm vị trí xây dựng các công trình có ý nghĩa cung đình mà còn cả công trình khác - Nhà ông Phan Thuận An, 29 đường Nguyễn Chí Thanh thành phố Huế.

a) Mặt bằng: 1. Nhà chính; 2. Nhà phụ; 3. Non bộ; 4. Tả Thanh Long; 5. Hữu Bạch Hổ; 6. Hồ nước; 7. Cổng; b) Hữu Bạch Hổ; c) Hồ nước tượng trưng cho dòng tụ chảy tích phúc; d) Tả Thanh Long; e) Toàn cảnh; e) Non bộ tượng trưng cho núi án.

Và như vậy, nghệ thuật quy hoạch - kiến trúc cảnh quan chủ yếu trong bốn bức tường thành, nơi ở của Vua quan và thị dân giàu có. Qua thư tịch và di vật còn lại, chúng ta có thể rút ra một số đặc trưng của sự hình thành và phát triển kiến trúc cảnh quan cung đình như sau :

- Mặt nước tự nhiên có ý nghĩa "tụ thủy, tích phúc" - phần âm trong tư duy lưỡng phân - lưỡng hợp của con người Đông Sơn. Nó quyết định việc bố trí các yếu tố hình khối khác.

- Địa hình chủ yếu bằng phẳng. Một số đồi, gò xuất hiện có ý nghĩa "án" (bình phong).

- Cây xanh được trồng tự do.

- Kiến trúc công trình cân xứng. Một số kiến trúc công trình nhỏ (đình, tạ...) có kiến trúc thoáng mở, hòa nhập vào thiên nhiên và đóng vai trò điểm xuyết phong cảnh (hình 19).

- Nghệ thuật gồm trang trí đóng vai trò lớn trong bố cục phong cảnh.

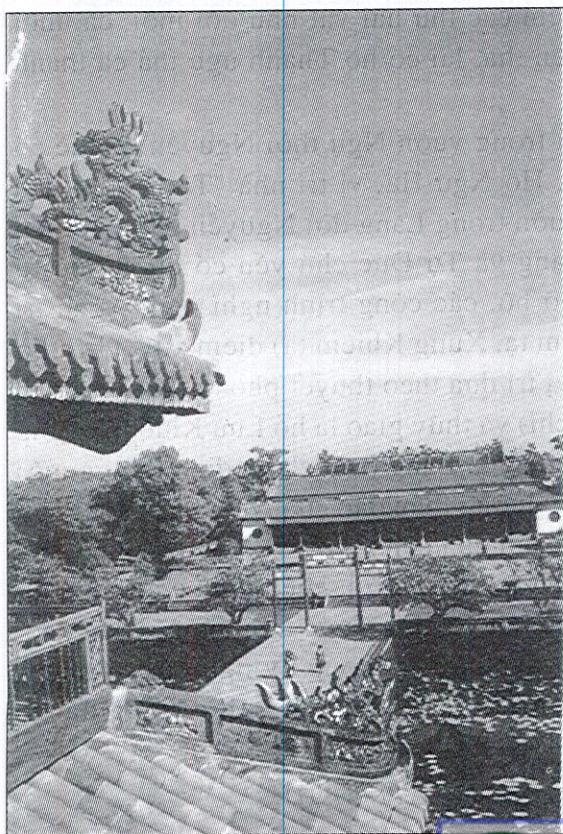
Diễn hình có vườn Ngự trong khu vực Tử cấm thành. Trong Đại Việt Sử ký toàn thư chép : "Đào hồ ở vườn Ngự trong hậu cung, trong hồ xếp đá làm núi, bốn mặt khai ngôi, chảy thông nhau, trên mặt hồ trồng cây tùng, cây trúc và các thứ hoa cỏ lạ, lại nuôi chim quý thú lạ trong ấy. Phía tây hồ trồng hai cây quế, dựng điện Song Quế, lại gọi là điện Lạc Thanh, hồ ấy gọi là hồ Lạc Thanh. Lại làm riêng hồ con, sai người ở Hải Đông chở nước mặn chứa vào, đem các thứ hải vật như đồi mồi, cá nuôi ở đấy, lại sai người ở Châu Hóa chở cá sấu đến thả, lại có hồ Thanh ngư thả cá thanh phụ (cá diếc)"⁽¹⁾.

Qua hình dạng bề mặt đất và nước còn lại trong vườn Ngự thời Nguyễn ở Huế có thể xác định bố cục vườn có xu hướng tự do. Hồ Ngự Hà, vị trí nhà "Tĩnh Minh lâu không theo quy tắc đối xứng. Một số bố cục vườn trong Lăng đời Nguyễn cũng nói lên điều đó. Mặt nước trong vườn Lăng Minh Mạng và Tự Đức chủ yếu có đường bờ tự nhiên, hệ thống đường dạo tự do, men theo bờ hồ, các công trình nghỉ ngơi - giải trí (Nghinh Lương quán, Diêu Ngự đình, Du Khiêm tạ, Xung Khiêm tạ) điểm xuyết bên bờ hồ. Cây trồng tự do. Đồng thời việc lựa chọn vị trí dựa theo thuyết phong thủy, ở Lăng Tự Đức có tiền án là "Giảnh Khiêm Sơn" (sơn chỉ) và thủy giao là hồ Lưu Khiêm, ở lăng Minh Mạng là sông Hương. Phần nội dung chính của Lăng (sân châu, điện thờ và mộ) vẫn tuân thủ theo quy định đẳng đối, tả hữu trên đường thần đạo của Nho giáo. Song tùy địa hình hiện có, việc đưa ra giải pháp cải tạo cảnh quan cho một ý đồ tư tưởng nào đó có khác nhau. Nếu như vườn Lăng Minh Mạng, khu điện thờ là điểm bố cục trung tâm trên sân cao nhất. Từ đó thoải dần theo từng bậc sân về phía trước trên đường thần đạo, cũng như thoải dần về phía sau tới khu mộ đã gây được ấn tượng uy nghiêm và mạnh mẽ của khu lăng với công trình trung tâm là nơi thờ ; thì khu điện thờ trong lăng.

(1) Đại Việt sử ký toàn thư. Tập II. NXB Khoa học Xã hội - Hà Nội 1971. -



a)



c)

Hình 19: Kiến trúc công trình đóng vai trò quan trọng trong bố cục cân xứng theo tư tưởng Nho giáo trong kiến trúc cổ Việt Nam.

a) Bố cục quần thể diện thờ đối xứng trên đường Thần đạo trong làng Tự Đức; b) Bố cục cân xứng trên đường Thần đạo của sân rồng và điện Thái Hoà, Đại nội Huế; c) Xung Khiêm tạ là yếu tố điểm xuyết phong cảnh bờ hồ Lưu Khiêm.

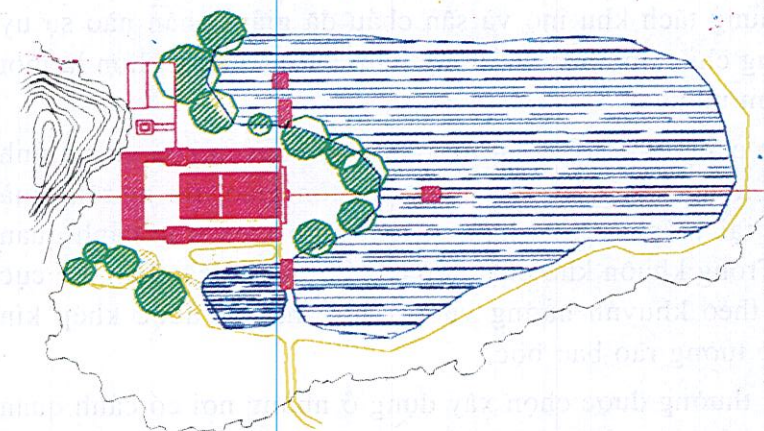
b)

Tự Đức, dẫu trên sân cao nhưng tách khu mộ và sân châu đã giảm phần nào sự uy nghiêm của nó mà khi vào lăng chỉ cảm nhận ấn tượng nghỉ ngơi - giải trí hơn là một khu nghĩa địa lạnh lẽo và thâm nghiêm.

Ngoài kiến trúc cảnh quan cung đình trong đô thị ra, do sự chuyển hóa và sự hình thành đô thị có cội nguồn từ nông thôn ; do tác động của tôn giáo, tín ngưỡng mà trong phạm vi đô thị còn tồn tại và phát triển một số loại hình kiến trúc cảnh quan của đình, chùa và đền miếu. Trong khuôn khổ chật hẹp của đô thị, về căn bản, bố cục vườn đình, chùa và đền đều theo khuynh hướng vườn - nội thất và được khép kín trong khuôn viên của bốn bức tường rào bao bọc.

Đối với phong cảnh chùa, thường được chọn xây dựng ở những nơi có cảnh quan phong phú và đa dạng, không gian tĩnh mịch, có bố cục hướng nội, tập trung, quy tụ vào cõi Niết Bàn cực lạc như vườn chùa Kim Liên, chùa Trấn Quốc (Hà Nội). Hai ngôi chùa này đều được xây dựng trên đảo ven hồ Tây, tách biệt với không gian "trần tục" xung quanh. Ở đây các tháp sư đóng một vai trò quan trọng trong không gian kiến trúc cảnh quan chùa. Một số chùa ở làng cũng có đặc điểm tương tự, như chùa Thầy, vườn chùa Tiên Lữ (Hà Tây), chùa Hương. Thành phần kiến trúc công trình chủ yếu mang tính điểm xuyết, hòa nhập vào cảnh quan thiên nhiên. Cây trồng tự do. Trong khi đó một số chùa trong khu xây dựng của đô thị bị bó hẹp trong bốn bức tường kín. Phần thiên nhiên còn lại chủ yếu là cây cảnh và một số cây bóng mát. Mặt nước nhân tạo được đưa vào phong cảnh chùa ở dạng hình học nhằm tăng không gian thiên nhiên hoặc mang tính triết học như chùa Một Cột, đền Hai Bà (Hà Nội). Trong những trường hợp như vậy, giải pháp bố cục đăng đối qua trục dọc được chú ý. Tựu chung, vườn chùa có không gian kín, nhiều cây bóng mát, lấy quả, bên trong có lối mòn đi lại. Các khoảng trống trong chùa gồm : sân trước, sân vườn trong và sau chùa. Sân trước thường có chậu hoa, cây cảnh và gác chuông. Vườn sau chùa thường trồng cây lấy quả để thờ cúng. (hình 20a,b).

Bố cục hoàn chỉnh của đình làng xuất hiện từ thế kỷ XV - XVI. Điểm qua quá trình phát triển ngôi đình cho phép tác giả hình dung tư duy triết học được thể hiện liên tục trong các loại hình kiến trúc cảnh quan của Việt Nam. Nhìn chung, phần lớn các khu đình đều có mặt nước ở phía trước - tượng trưng cho phần âm trong thuyết âm dương ngũ hành hay thủy giao trong thuyết phong thủy của Nho giáo. Đình làng Vạn Phúc có mặt nước hình vuông phía trước cổng đình. Còn đình Triều Khúc, Thanh Trì Hà Nội mặt nước lại là hình tròn. Đình làng Vẽ có cấu trúc phức tạp hơn : Sau cổng ngoại mới có hai giếng nước hai bên trục bố cục đình, trên sân nổi cổng ngoại với cổng nội. Giếng nước hoàn toàn mang nghĩa phần âm. Còn cây trên sân đình tượng trưng cho phần dương. Sự cân bằng âm - dương là cặp biểu tượng lưỡng phân - lưỡng hợp của thể vũ trụ thống nhất, là điểm tựa của kiến trúc ngôi đình. Ngoài ra, phía sau đình có thể có vườn nhưng không có giá trị nghệ thuật gì.



a)



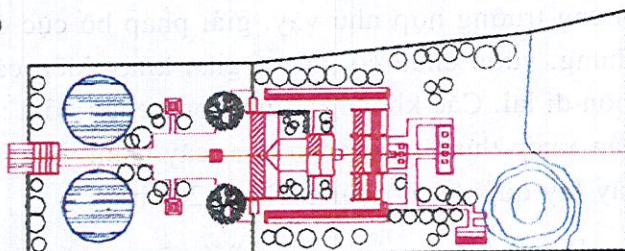
b)



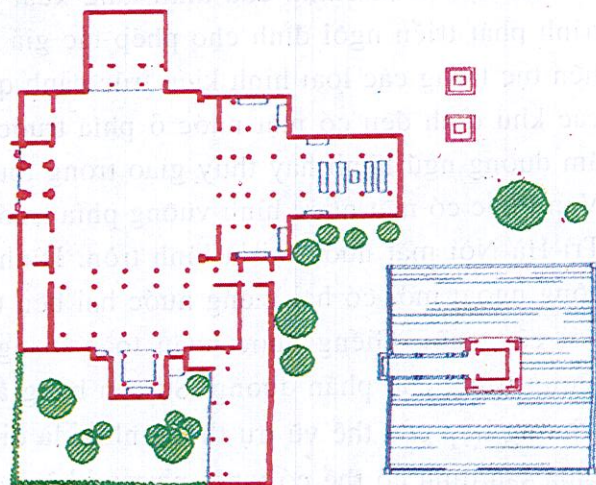
d)



c)



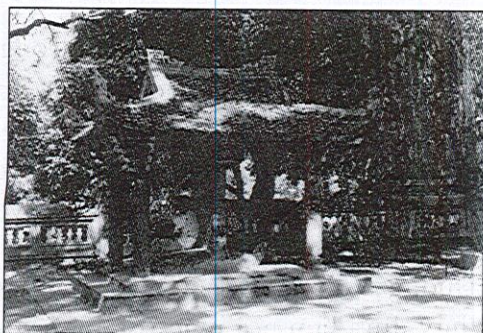
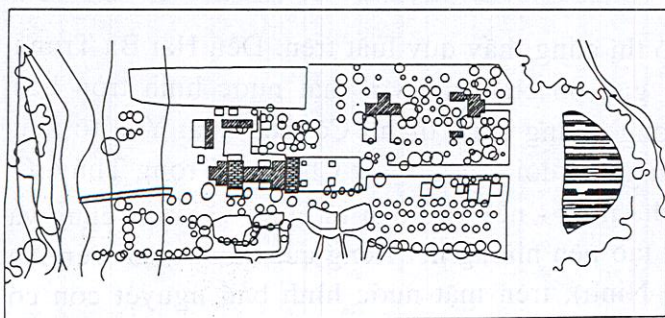
d)



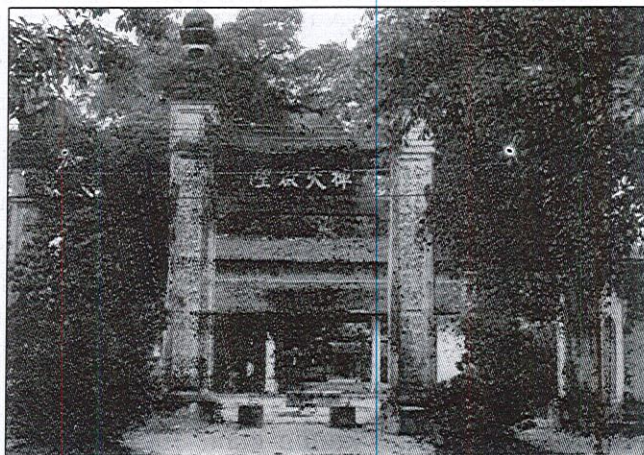
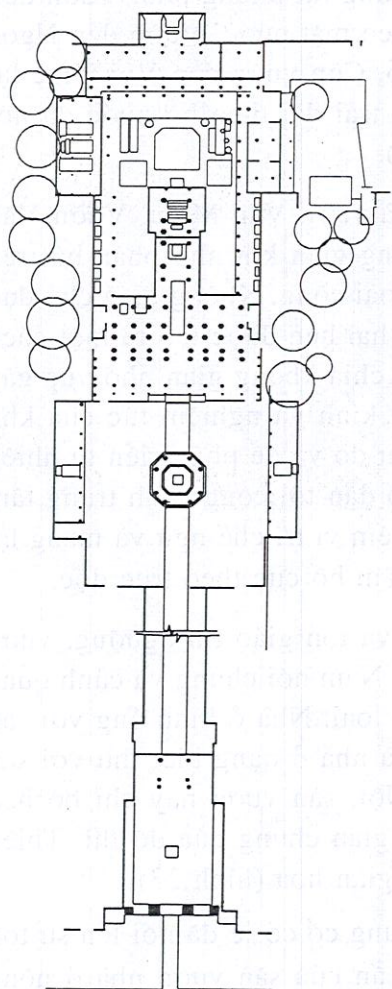
e)

Hình 20a: Kiến trúc cảnh quan sân vườn chùa.

a) Mặt bằng khu chùa Thầy (Hà Tây); b) Thủy đình chùa Thầy; c) Toàn cảnh chùa Thầy; d) Mặt bằng chùa Phổ Minh (Nam Định); e) Mặt bằng chùa Một Cột (Hà Nội).

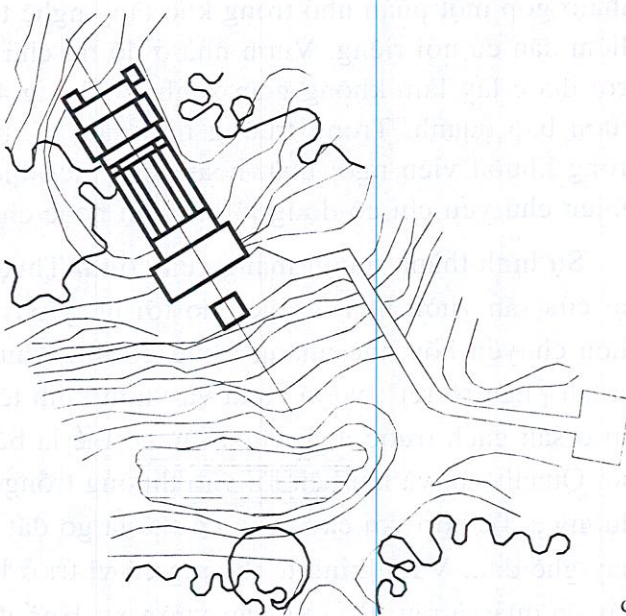


a)



b)

c)



d)

Hình 20b: Kiến trúc cảnh quan sân vườn chùa.

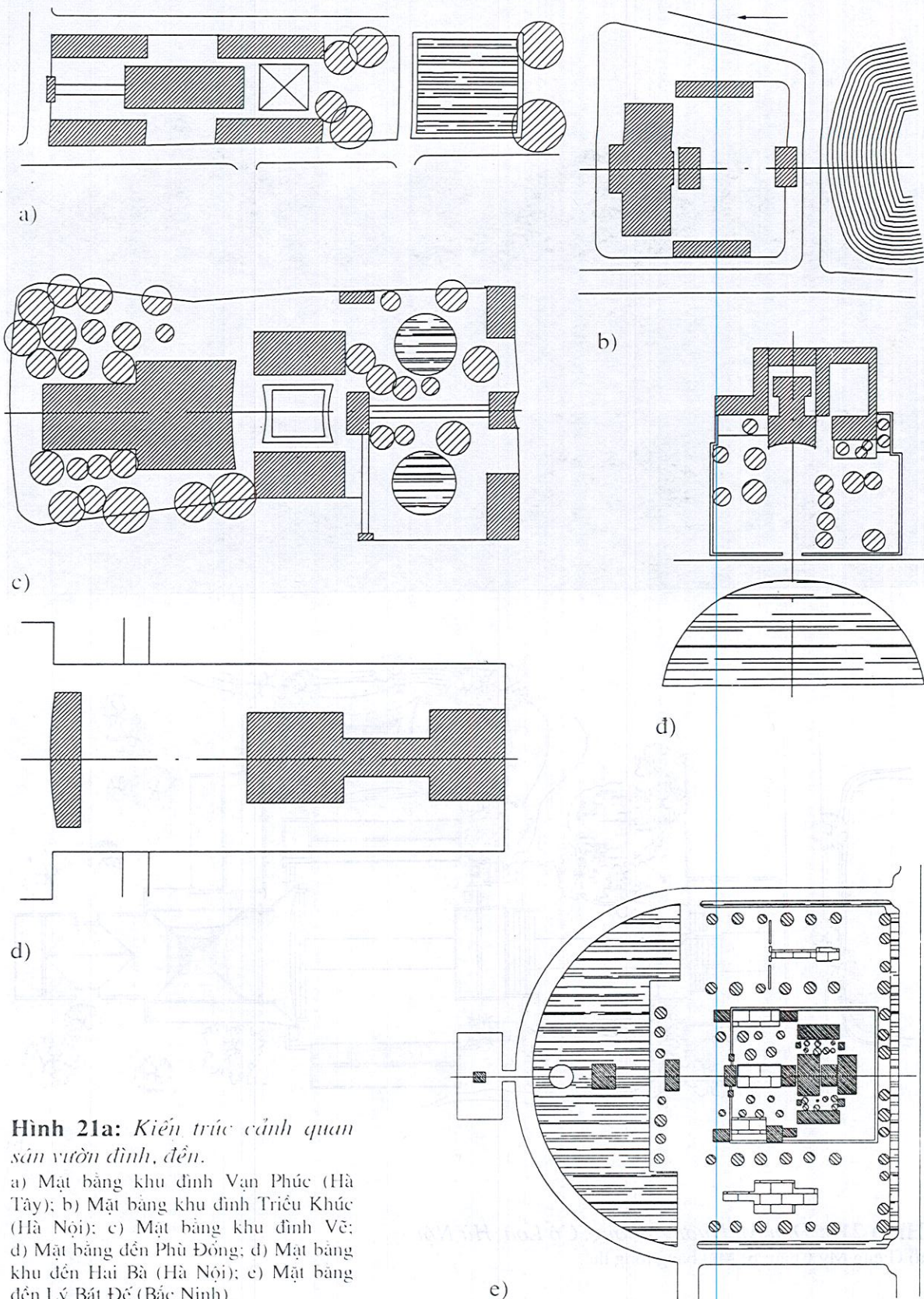
a) Mặt bằng khu chùa Côn Sơn (Hải Dương); b) Nhà Bia chùa Côn Sơn; c) Mặt bằng chùa Láng (Hà Nội); d) Tam quan chùa Tiên Lữ (Hà Tây).

Khảo sát một số ngôi đền trong đô thị cũng thấy quy luật trên. Đền Hai Bà Trưng (Hà Nội) sân trước khoáng đạt được gắn bó chặt chẽ với mặt nước hình tròn bên cổng ; hoặc đền An Dương Vương trong khung cảnh thành Cổ Loa xưa. Yếu tố mặt nước còn tượng trưng cho sự thủy chung của đôi trai gái My Châu và Trọng Thủy. Ở đây sự phối hợp giữa công trình với địa hình - nền cao dần từ cổng vào hậu cung và nhà bia trên đỉnh gò bên cạnh đền đã tạo nên những nét riêng của cảnh quan đền An Dương Vương. Đền Lý Bát Đế (Bắc Ninh), trên mặt nước hình bán nguyệt còn có thủy đình làm nơi múa rối nước. Bên cạnh đó, việc khai thác mặt nước tự nhiên trong phần âm của thuyết âm dương ngũ hành ở một số đền cũng rất phong phú. Vườn đền Ngọc Sơn hay vườn đền Voi Phục có bố cục dần trải theo mặt nước. Vườn đền Ngọc Sơn bao kín hòn đảo và được nối với cổng bằng cầu gỗ. Còn vườn đền Voi Phục lại ăn sâu vào ven bờ nối với cổng chính bằng con đường trải dài theo bờ nước đã nói lên sự phong phú và đa dạng của mỗi đền (hình 21a, b).

Loại hình nữa của kiến trúc cảnh quan Việt Nam là vườn Văn Miếu. Vườn Văn Miếu Quốc Tử Giám Hà Nội được bố cục thành 5 không gian kín nhỏ phân bố trên trục dọc xuyên tâm hồ Văn Chương (Thái hồ) ở phía ngoài cổng. Không gian chủ đạo với "Thiên quang tĩnh" và các hàng bia tiến sĩ bao bọc hai bên được tạo ra một cách khoáng đạt, mở rộng tầm nhìn về khu học và thờ. Việc chia không gian nhỏ vừa gây ấn tượng gần gũi lại vừa mang lại cảm nhận về sự tôn kính và nghiêm túc của khu học đường và thờ cúng. Cây xanh chủ yếu được trồng tự do và để phát triển tự nhiên (hình 22). Qua mỗi không gian, địa hình được nâng cao dần tới công trình trung tâm nhằm đưa khu điện thờ và học tập lên chỗ cao nhất, chiếm vị trí chế ngự và mang lại hệ quả thu hút thị giác do sự hiện diện dần của trung tâm bố cục theo trục dọc.

Bên cạnh loại hình kiến trúc cảnh quan cung đình và tôn giáo tín ngưỡng, vườn nhà ở góp một phần nhỏ trong kho tàng nghệ thuật Việt Nam nói chung và cảnh quan điểm dân cư nói riêng. Vườn nhà ở đô thị chủ yếu có 2 loại. Nhà ở hình ống với sân trời được lấy làm không gian xanh có chừng 4 - 6m² và nhà ở dạng biệt thự với sân vườn bao quanh. Trong trường hợp đầu, ví dụ ở Hà Nội, sân vườn này chỉ bó hẹp trong khuôn viên ngôi nhà, hoàn toàn tách biệt không gian chung của đô thị. Thiên nhiên chủ yếu chỉ cô đọng lại non bộ hoặc chậu cảnh, giàn hoa (hình 23).

Sự hình thành muộn màng của đô thị Thuận Hóa trung cổ có lẽ đã nói lên sự tồn tại của sân vườn nhà ở Huế cho tới ngày nay với dấu ấn của sân vườn nhà ở nông thôn chuyển hóa nhẹ nhàng trong đô thị. Khu vườn bao bọc quanh nhà ở được chia ra hai phần rõ rệt : vườn cảnh và vườn kinh tế. Vườn cảnh có vị trí từ ngõ vào và tụ lại ở sân gạch trước nhà. Giữa sân có thể là bể nước chìm thả sen, súng hay một non bộ. Quanh sân và hai bên lối vào thường trồng cây cảnh như khóm trúc, bụi hồng, hải đường... Tổ hợp với cây cảnh có thể là gò đất nhỏ, núi đá hay bể cá vàng, lồng chim hay ghế đá... Vườn kinh tế thường có vị trí ở hai bên hồi hoặc sau nhà với nhiều loại cây ăn quả và rau. Bố cục sân vườn xứ Huế được tuân theo thuyết phong thủy một

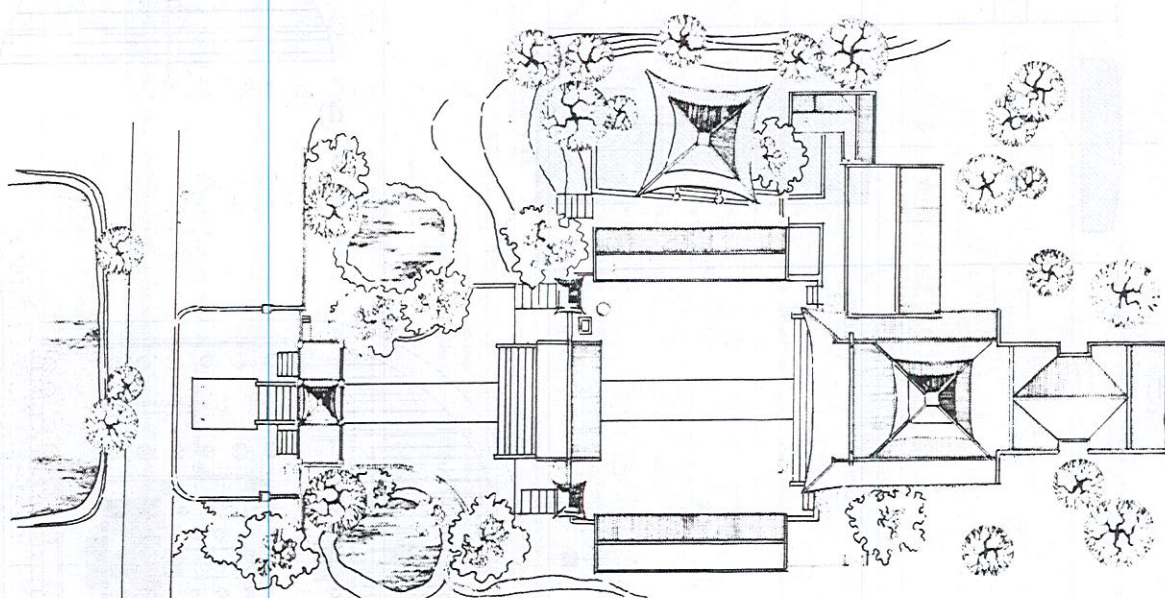


Hình 21a: Kiến trúc cảnh quan sân vườn đình, đền.

a) Mặt bằng khu đình Vạn Phúc (Hà Tây); b) Mặt bằng khu đình Triều Khúc (Hà Nội); c) Mặt bằng khu đình Vẽ; d) Mặt bằng đền Phù Đồng; d) Mặt bằng khu đền Hai Bà (Hà Nội); e) Mặt bằng đền Lý Bát Đế (Bắc Ninh).



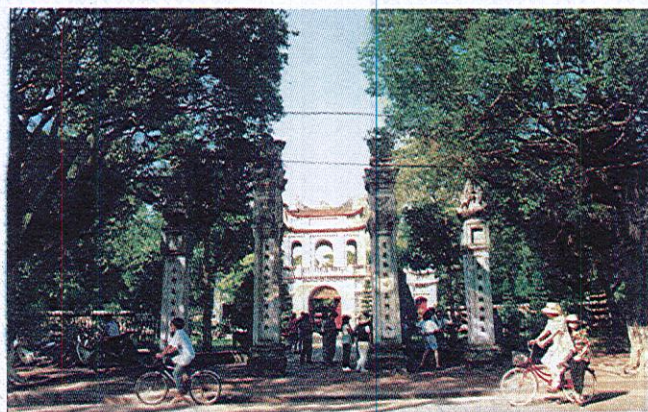
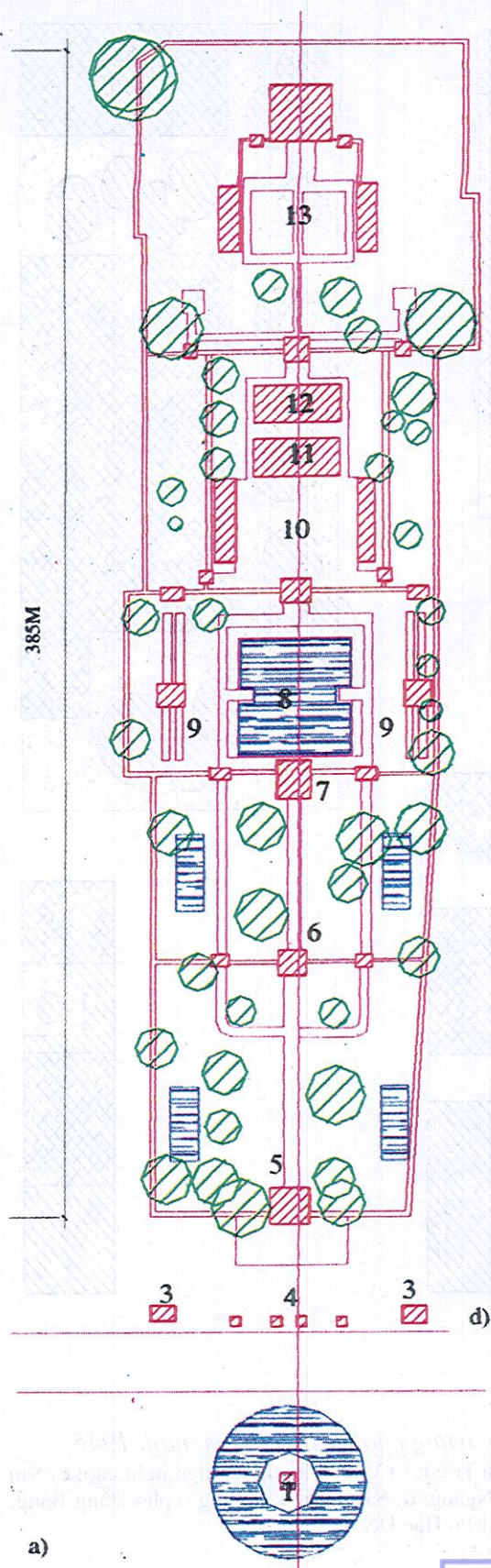
a)



b)

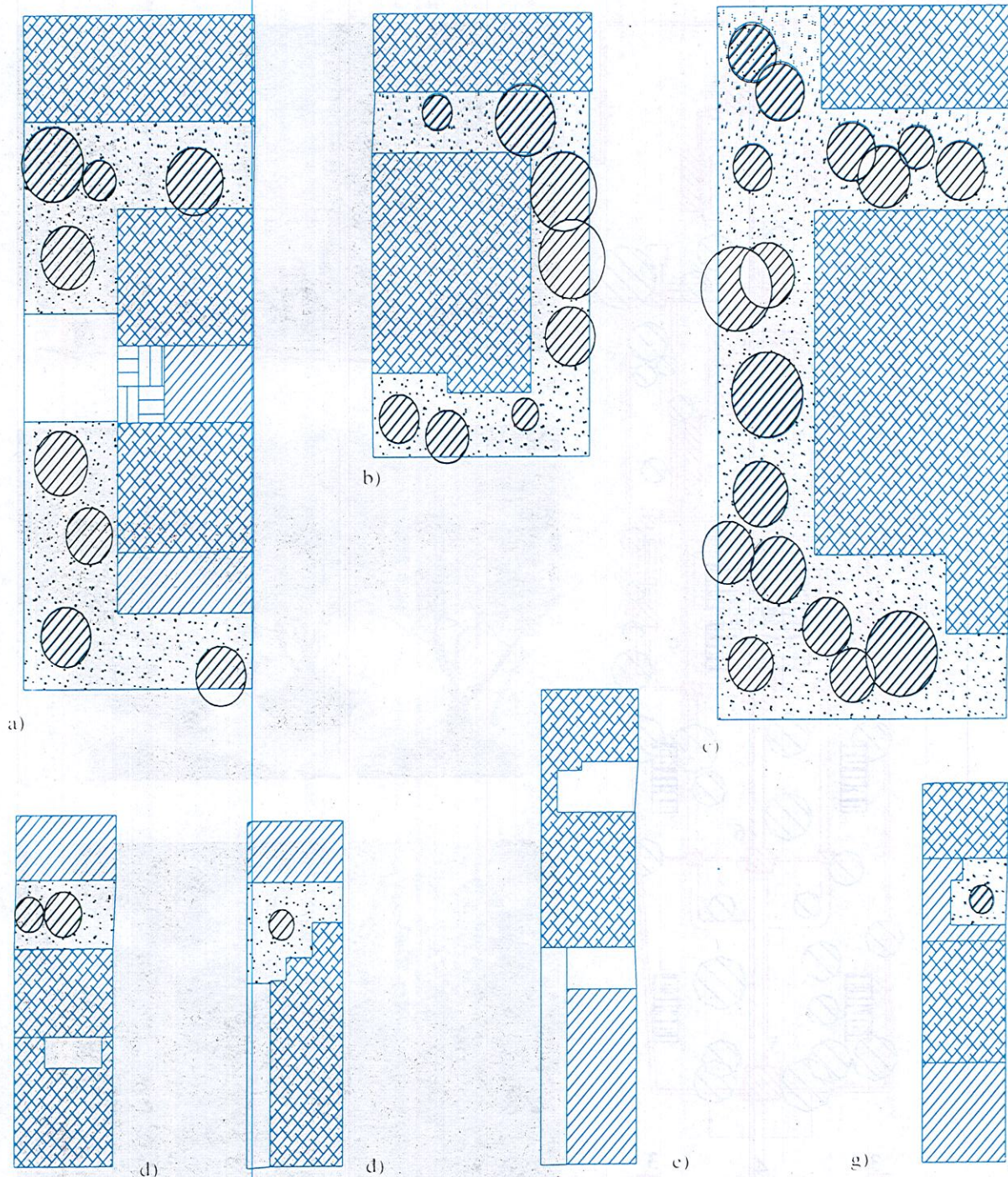
Hình 21b: Đền An Dương Vương, Cổ Loa, Hà Nội.

a) Giếng My Châu; b) Mặt bằng tổng thể.



Hình 22: Văn Miếu (Hà Nội).

a) Mặt bằng tổng thể: 1. Lầu ngắm cảnh trên gò Kim Châu; 2. Thái Hồ (hồ Văn Chương); 3. Bia Hạ Mã; 4. Tứ trụ; 5. Văn Miếu môn; 6. Đại Trung môn; 7. Khuê Văn các; 8. Thiên Quang tỉnh; 9. Bia Tiến sĩ; 10. Đại Thành môn; 11. Bái đường; 12. Thượng cung; 13. Đền Khải thánh; b). Cổng đền; c). Bố cục chậu cây cảnh trên sân Bái đường; d). Thiên Quang tỉnh.



Hình 23: Vị trí sân vườn nhà ở ở một số khu vực đặc trưng của Hà Nội trước năm 1945.

a) Sân vườn biệt thự đặc trưng của phố Triệu Việt Vương và Bà Triệu; b) Vườn biệt thự có tiện nghi cao; c) Sân vườn ở kiểu nhà cho thuê; d) Sân vườn đặc trưng ở phố Hàng Ngang; đ) Sân vườn đặc trưng ở phố Hàng Bông; e) Sân vườn đặc trưng ở phố Huế; g) Sân vườn đặc trưng ở phố Mai Hắc Đế.

cách nghiêm ngặt. Do đó bao giờ cũng có mặt nước ở phía trước. Bình phong trước sân đóng vai trò ngăn ma cản tà. Cây trồng tự do.

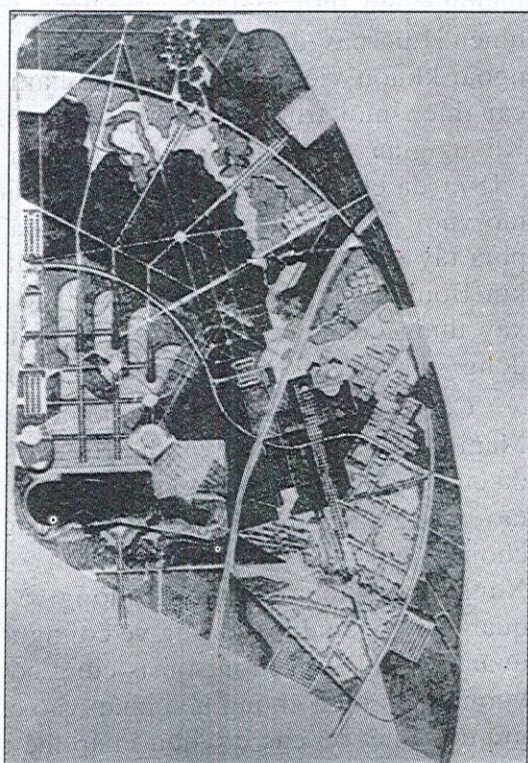
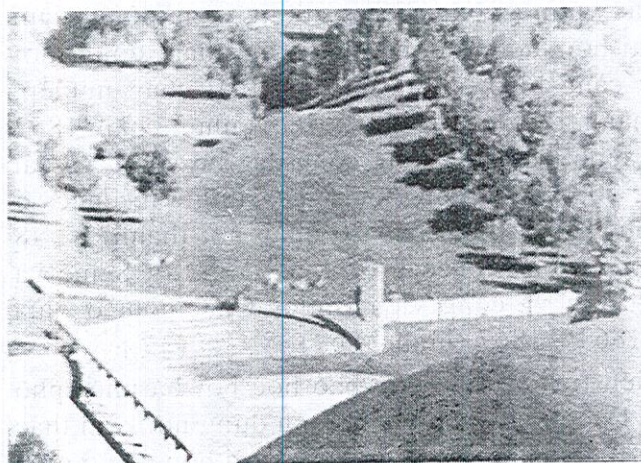
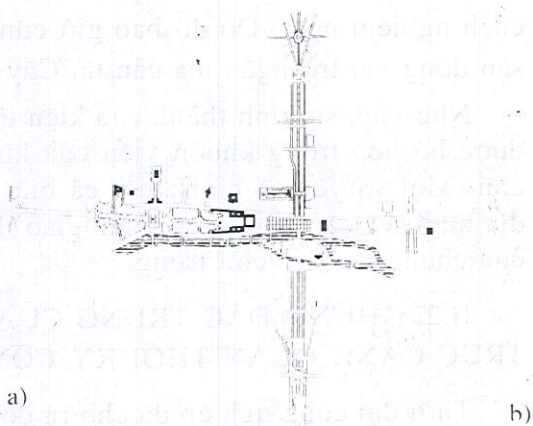
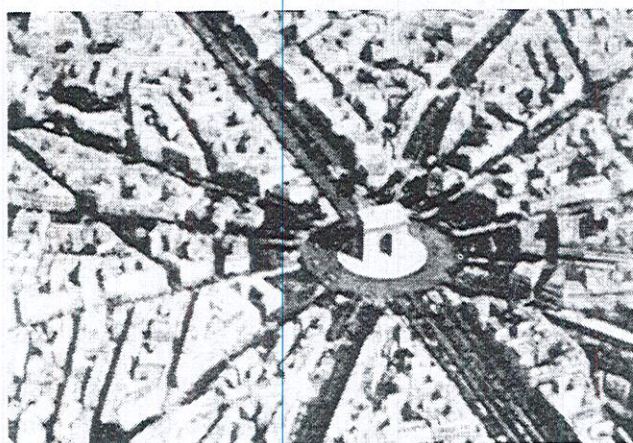
Như vậy, sự hình thành của kiến trúc cảnh quan thời kỳ tiền công nghiệp chủ yếu được bó hẹp trong khuôn viên của khu nhà, có chức năng phục vụ chủ yếu của gia chủ. Một số yếu tố hình khối cá biệt có mặt trong cảnh quan chung như mặt nước, địa hình, về căn bản có ý nghĩa giao thông, quân sự và tín ngưỡng. Ý nghĩa thẩm mỹ của chúng ít được chú trọng.

II.2. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP

Thời đại công nghiệp đã cho ra đời và mở mang hàng loạt đô thị. Đô thị rộng lớn nhưng đồng thời mật độ xây dựng ngày càng dày đặc, đẩy con người xa rời thiên nhiên. Lúc này đòi hỏi cần xây dựng các vườn - công viên sử dụng công cộng, nằm ngoài khuôn viên của ngôi nhà nhằm tái hồi sức lao động của công nhân, đồng thời cải thiện môi trường đô thị đang ngày càng bị ô nhiễm do chất thải công nghiệp. Không gian xanh của đô thị được hình thành. Phương án cải tạo Paris những năm 1852 - 1871 đã cho ra đời những không gian xanh như thế. Tổng cộng đất xây dựng và cải tạo vườn - công viên công cộng khoảng 2000 ha (Rừng Boulogne, rừng Vincennes ở phía tây và Đông Nam Paris, nằm sát đường vành đai bao 20 quận nội thành) và 48 km Boulevard⁽¹⁾. Năm 1861, cải tạo công viên Monceau ở phía Bắc sông Seine và xây dựng công viên Montsouris - phía Nam và công viên Buttes Chaumont ở phía đông - bắc sông Seine vào những năm 1864 - 1867 (hình 24).

Công viên Buttes - Chaumont có diện tích 25 ha được bao bọc bởi ba phố (phố Manin, phố de Crimée và phố Botzaris). Đặc điểm công viên là tận dụng nơi khai thác đá cũ để tạo hình không gian công viên. Hồ đá là nơi chứa nước lớn với hòn đảo ở giữa tạo phong cảnh thiên nhiên sống động : có hang, suối chảy và thác đổ, trên đỉnh với chòi trang trí được nổi với mặt nước ở dưới bằng các bậc thang và đường mòn quanh co. Xung quanh hồ có hệ thống đường và cây xanh tự do. Nói chung việc hình thành cảnh quan công viên được hướng về cội nguồn tự nhiên nhằm làm "mềm" ốc đảo bê tông bao quanh. Công viên Montsouris cũng có bố cục tương tự. Tuy nhiên việc cải tạo một số vườn nhằm biến chúng hòa nhập vào cảnh quan đô thị và là nơi sử dụng công cộng vẫn giữ được nét bố cục cổ điển Pháp thế kỷ XVII. Vườn Tulleries, Luxembourg v.v... Một số vườn cây công cộng trong không gian quảng trường giao thông của người Pháp xây dựng ở Việt Nam cũng có bố cục tương tự. Vườn tưởng niệm Pasteur, Con Cóc (Diên Hồng), Chí Linh nay là Indra - Gandhi. Vườn tưởng niệm Pasteur có xu hướng quy hoạch cân xứng theo trục dọc vườn. Đồng thời bố cục hình khối nhấn trục bố cục qua tượng Pasteur ở sân trung tâm bằng hai hàng cau bụng đối xứng. Tuy nhiên cây xanh, chủ yếu vẫn để phát triển tự nhiên (hình 25, 26). Còn vườn Luxembourg được kéo dài trục lâu đài qua parterre trung tâm với bể nước tám cạnh ở giữa quảng trường E. Denis. Hai bên trục có hàng cây hoàng dương cao to được cắt xén theo hình thang. Mặt nước có vòi phun và nhiều pho tượng trang trí.

(1) Boulevard : dải cây xanh rộng bên lề đường hoặc giữa đường, đường bờ sông dùng để đi bộ và nghỉ ngơi chốc lát.

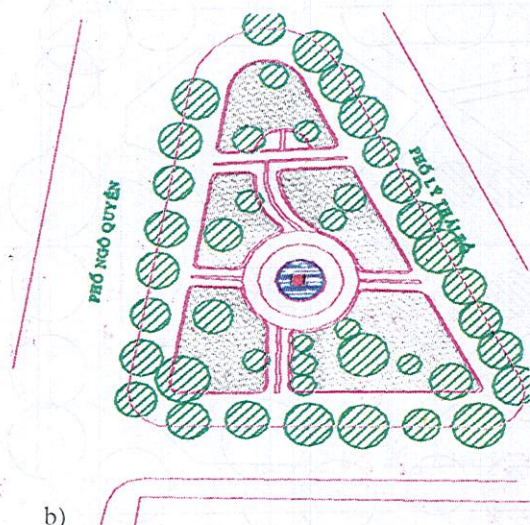


Hình 24: Một số xu hướng bố cục cảnh quan của Pháp thời kỳ công nghiệp.

a) Quảng trường De Gaulle (Chiến thắng) sau cải tạo nửa cuối thế kỷ XIX; b) Một trong những sơ đồ thiết kế mở rộng cảnh quan khu trung tâm Paris; c) Công viên Villeneuve-de-Grenoble, diện tích 20ha, xây dựng năm 1974, tác giả: Michel Corajoud; d) Cuộc thi Công viên Sausset ở Seine Saint-Denis, diện tích 200ha vào tháng 9 năm 1990: d₁) Phương án giải hai; d₂) Phương án giải nhất.



a)



b)



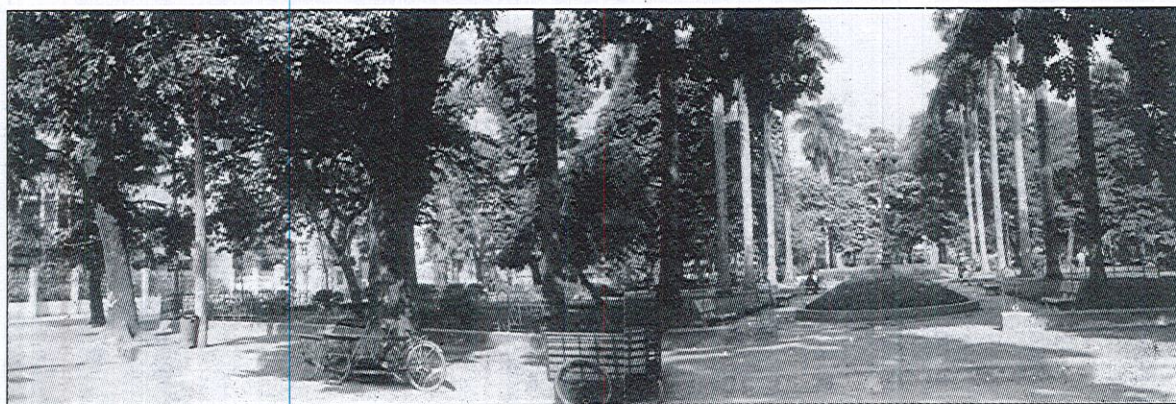
c)



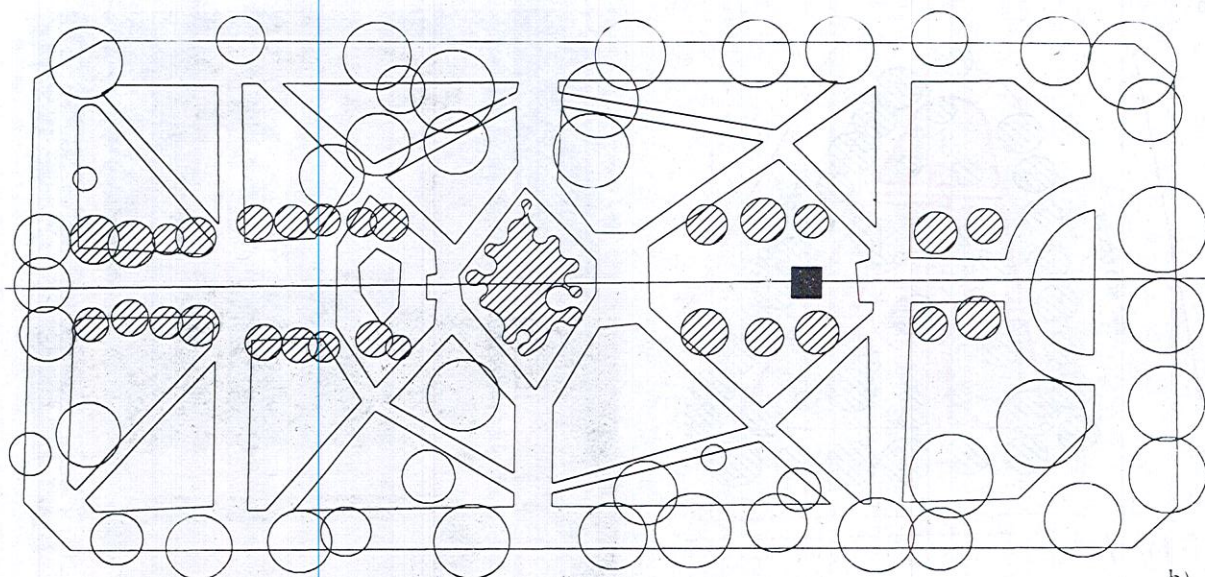
d)

Hình 25: Bố cục vườn hoa Diên Hồng (Con cóc), Hà Nội.

a) Toàn cảnh vườn phía phố Ngô Quyền; b) Mặt bằng; c) Chi tiết cóc phun nước trong bể cảnh trung tâm; d) Khối kiến trúc vườn cao nhấn mạnh trung tâm bố cục phong cảnh vườn.



a)



b)

c)



Hình 26: *Bố cục vườn tưởng niệm Pasteur, Hà Nội.*

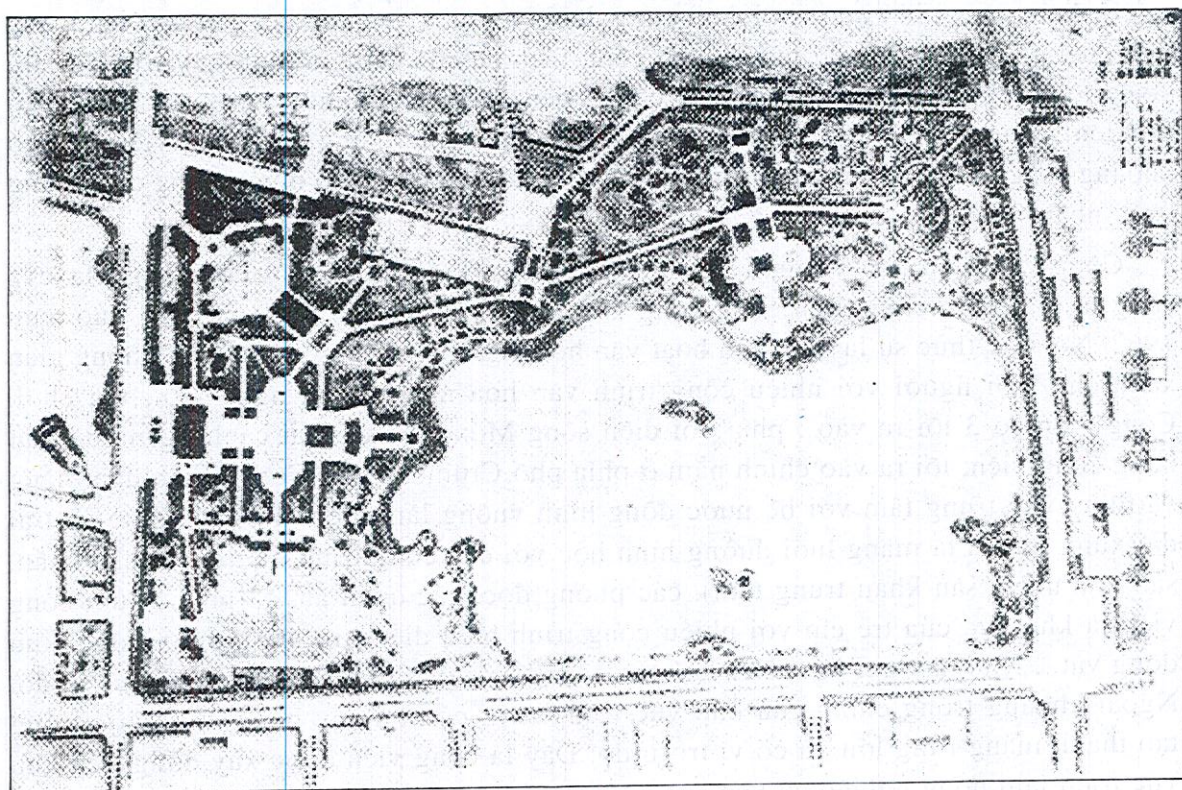
a) Toàn cảnh vườn phía phố Nguyễn Công Trứ; b) Mặt bằng; c) Tượng Pasteur cùng với hai hàng cau bụng nhãn mạnh trực trung tâm bố cục phong cảnh vườn.

Ở Anh, năm 1844 quốc hội Anh cũng đã thông qua việc xây dựng công viên mang tính chất công cộng và cải tạo một số công viên cũ của các gia đình quý tộc làm nơi hoạt động giải trí công cộng như công viên Rydjenx, Gaid, Vycторыa, Batter ở London; công viên Praior và công viên ở Uiltsir. Nhìn chung các công viên đều có khoảng rừng thưa lớn với mạng lưới đường liên tục, tự do và có nhiều vùng chức năng khác nhau [106].

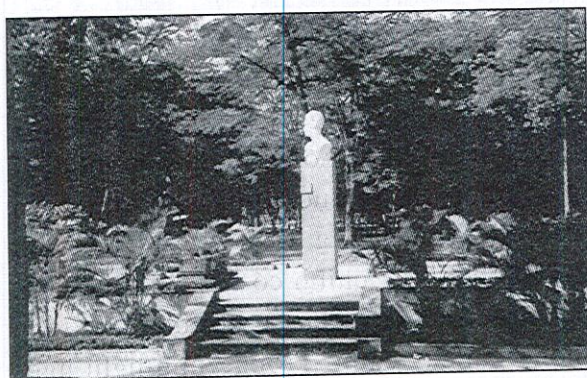
Công viên văn hóa và nghỉ ngơi mang tên Gorki nằm trải dài dọc sông Moxeva cũng là loại hình công viên công cộng đầu tiên của Liên Xô được mở cửa vào năm 1962. Nơi đây thực sự là khu sinh hoạt văn hóa, nghỉ ngơi và giải trí trong không gian xanh cho mọi người với nhiều công trình văn hóa nghệ thuật, nghỉ ngơi, vui chơi. Công viên có 3 lối ra vào : phía đối diện sông Moxeva và ở hai cạnh ngắn của mặt bằng công viên, lối ra vào chính nằm ở phía phố Crumcki Val. Cổng chính dẫn thẳng vào khu vực trung tâm với bề nước động hình vuông làm điểm nhấn thị giác và trải dài xung quanh là mạng lưới đường hình học với các công trình biểu diễn (sân khấu, sân hòa nhạc, sân khấu trung tâm), các phòng đọc, các quán ăn, cà phê... Cuối công viên là khu vực của trẻ em với nhiều công trình biểu diễn, trò chơi, phòng đọc, khu động vật... Khu này gọi là vườn Nexcuts. Mạng lưới đường phần lớn có bố cục tự do. Ngoài khoảng trống chính của khu vực trung tâm, còn lại cây bóng mát được trồng tạo thành mảng rừng lớn và có vị trí tự do. Đây là công viên được xây dựng trên khu vực triển lãm nông nghiệp cũ ven sông Moxeva mà trước kia chưa được khai thác tạo cảnh quan đô thị.

Loại hình công viên này đã được phổ biến rộng rãi ở một số nước Đông Âu. Ở Việt Nam, công viên văn hóa và nghỉ ngơi tương tự cũng đã được xây dựng - công viên Thống nhất (nay gọi là công viên Lênin) ở Hà Nội. Công viên Lênin được xây dựng trên khu vực đổ rác quanh hồ Bảy Mẫu của thành phố. Công viên, theo thiết kế ban đầu có năm vùng : vùng biểu diễn, vùng văn hóa - giáo dục, vùng nghỉ ngơi yên tĩnh, vùng thể thao và vùng thiếu nhi. Lối vào chính từ đường Trần Nhân Tông dẫn thẳng vào sân trung tâm - kết thúc trục chính. Hai bên trục chính có bố cục đăng đối, hệ thống đường, ven theo hồ nước ở dạng tự nhiên. Gần đây khu bể bơi đã được thay thế bằng khu quán gió, trưng bày các loại phong lan cây cảnh. Trong vùng nghỉ ngơi yên tĩnh, vào mùa xuân được tổ chức trưng bày các loại hoa, cây cảnh đặc sắc của hai miền đất nước. Mặt nước được cải tạo tạo nên một số eo vịnh và đảo, hình đường bờ tự nhiên tạo nhiều lớp cảnh, không gian có chiều sâu (hình 27).

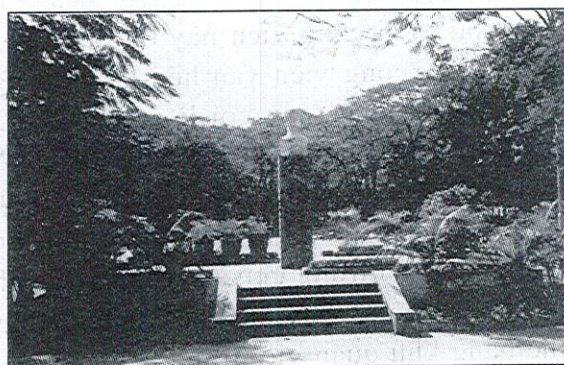
Bên cạnh vườn - công viên sử dụng công cộng với nhiều chức năng (đa năng) còn xuất hiện thể loại vườn - công viên tưởng niệm: Loại hình này thực sự xuất hiện từ lâu, có thể vào thời trung cổ - khi nền nghệ thuật điêu khắc tượng tròn phát triển rực rỡ, nhưng chưa trở thành một bộ phận chức năng chiếm ưu thế mà chỉ nặng về ý nghĩa trang trí. Chức năng tưởng niệm thực sự xuất hiện từ năm 1917 với đài kỷ niệm các chiến sĩ đã hy sinh ở cánh đồng Marco (SNG). Sau chiến thắng phát xít Đức, thể loại này được phát triển mạnh mẽ. Công viên tưởng niệm Treptow ở Berlin (Cộng hòa liên



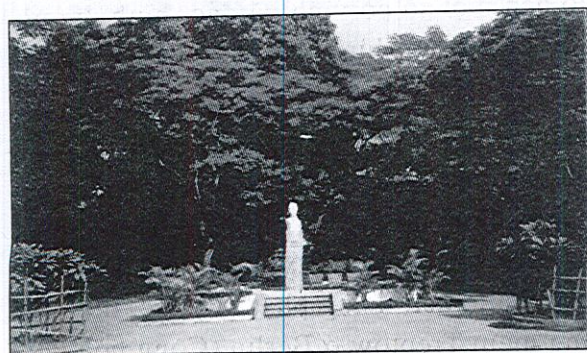
a)



b)



c)



d)

Hình 27: Bố cục công viên Lê Nin, Hà Nội.

a) Mặt bằng; b) Mặt bên tượng Nguyễn Văn Trỗi; c) Phía sau tượng Nguyễn Văn Trỗi; d) Phía trước tượng Nguyễn Văn Trỗi.

bang Đức được xây dựng xong vào năm 1948 trên khu đất mai táng các chiến sĩ Xô viết trong cuộc chiến đấu chiếm Berlin. Đài kỷ niệm là một quần thể đồ sộ được bố cục cân xứng tạo hình học trên đường phân giác của hình tam giác với 2 phố giới hạn hai bên. Bao quanh khu tưởng niệm là không gian xanh với hồ nước được bố cục tự do. Vườn tưởng niệm Lý Tử Trọng, Lê Nin (ở Hà Nội) cũng có bố cục tương tự với tượng đài là trung tâm hình 28, 29).

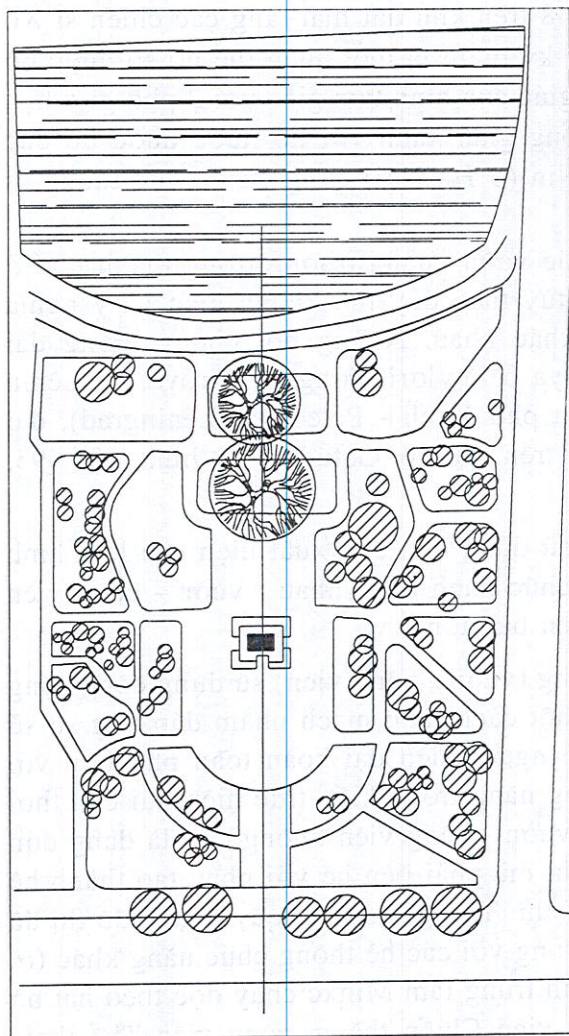
Một số tượng đài được xây dựng trên các vườn quảng trường trong thành phố ở SNG cũng có bố cục tương tự. Tuy nhiên, tùy theo quy mô không gian và ý nghĩa tượng trưng mà phong cách xung quanh khác nhau. Nhưng nói chung tượng đài thường chiếm vị trí trung tâm. (Tượng Mailya ở Tuylori, tượng X. Cirova, V. Lênin và A. Puskin ở các quảng trường của thành phố Xanh - Petecbua (Leningrad), đài tưởng niệm thành phố Moxeva anh hùng trên đại lộ Cutudov...) (hình 30) [95, 106, 110].

Và như vậy, sự phát triển của nhu cầu sử dụng dần dần xuất hiện các loại hình vườn - công viên với tính chất sử dụng và chức năng khác nhau : vườn - công viên thiếu nhi, vườn dạo, vườn âm nhạc, công viên bảo tồn v.v.

Nhìn chung sự ra đời của không gian trống (vườn - công viên) sử dụng công cộng đồng thời với sự phân bố vùng chức năng một cách rành mạch nhằm đáp ứng sự sử dụng thuận lợi, nhanh cho nhu cầu của con người hiện đại hoàn toàn phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa công năng trong kiến trúc hiện đại của thời kỳ công nghiệp. Bên cạnh đó các loại hình vườn - công viên không còn là dạng đơn lẻ được phân bố rải rác trong mặt bằng đô thị mà phải liên hệ với nhau tạo thành hệ thống nhất và là một bộ phận hữu cơ của đô thị. Trong lĩnh vực quy hoạch đô thị đã bắt đầu nghiên cứu hệ thống cây xanh song song với các hệ thống chức năng khác (ở, công cộng, sản xuất v.v.). Hệ thống cây xanh trung tâm Minxc chạy dọc theo hai bờ sông Xvixlotx bao gồm 6 công viên : công viên Chiến thắng, công viên Thể thao, công viên - nhà hát Opera và vũ kịch, công viên Maratcazei, công viên Vankikupela và công viên thiếu nhi mang tên Gorki được nghiên cứu trên cơ sở cải tạo và mở rộng trung tâm công cộng thành phố. Hệ thống cảnh quan được phân bố trong mặt bằng tổng thể đô thị theo hệ thống tầng bậc của sự phân cấp công trình công cộng. Hệ thống vườn - công viên bao gồm : Công viên trung tâm (công viên văn hóa và nghỉ ngơi cấp quốc gia, tỉnh, thành...) và một số công viên và vườn chuyên dụng khác, vườn khu nhà ở, vườn tiểu khu, công viên rừng (nếu có)... Hệ thống phong cảnh đường phố : Boulevard, phong cảnh đường phố chính cấp I, phong cảnh đường phố chính cấp II, phong cảnh đường khu vực (hình 31, 32, 33).

II.3. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN THỜI KỲ HẬU CÔNG NGHIỆP

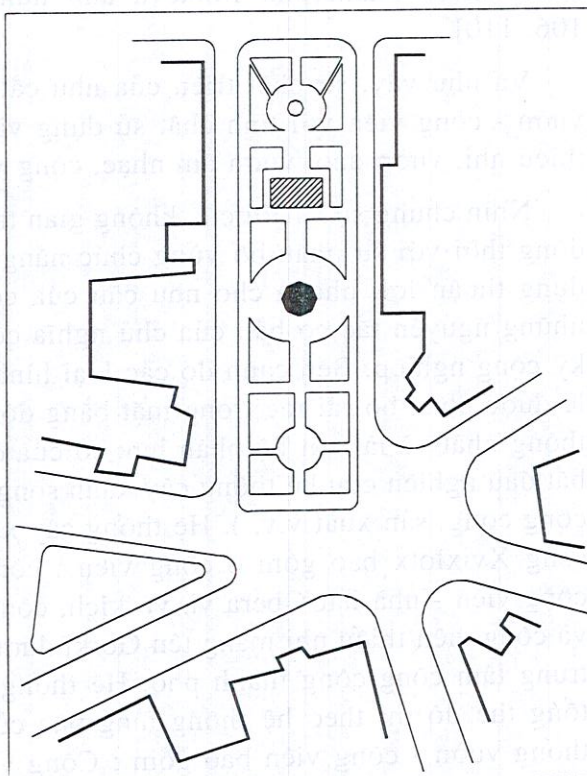
Sự phát triển đa dạng nhu cầu sống của con người thời kỳ hậu công nghiệp đòi hỏi giao tiếp rộng với cường độ mạnh và trong một thời gian nhất định, có thể sử dụng nhiều chức năng trên cùng một khu vực nhất định. Đồng thời vẻ đẹp công



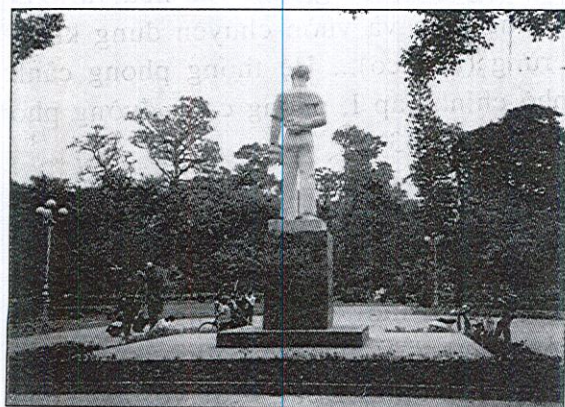
a)



b)



c)



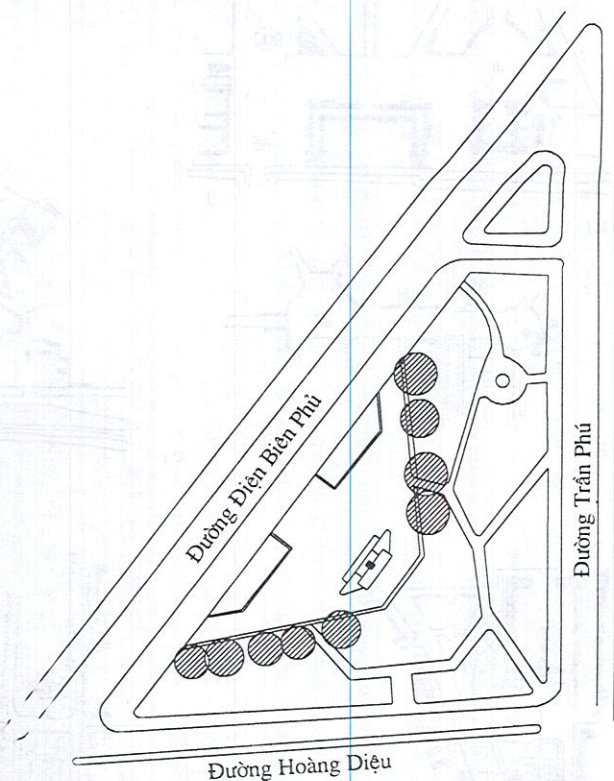
d)

Hình 28: Bố cục vườn tưởng niệm Lý Tử Trọng và Indira Gandhi, Hà Nội.

a) Mặt bằng vườn tưởng niệm Lý Tử Trọng;
b) Điểm nhìn tượng đài Lý Tử Trọng phía đường Quán Thánh; c) Điểm nhìn tượng đài Lý Tử Trọng phía hồ Tây; d) Mặt bằng vườn tưởng niệm Indira Gandhi.



a)



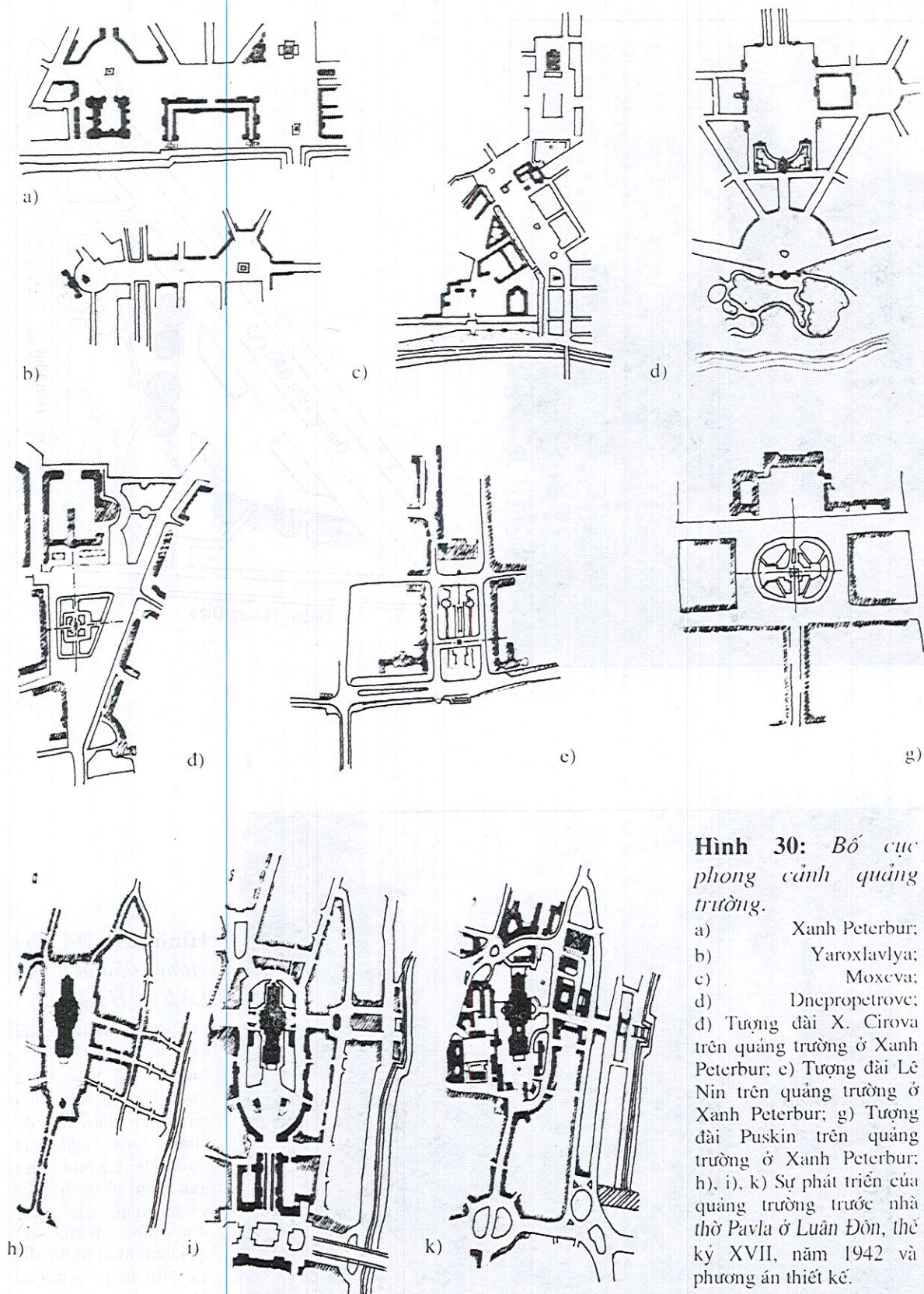
b)

c)



Hình 29: Bố cục vườn tưởng niệm Lê Nin, Hà Nội.

a) Điểm nhìn tượng đài Lê Nin từ phía bên trái tượng; b) Mặt bằng được bố cục dòn nên tầm nhìn vào chủ đề chính của vườn là tượng đài Lê Nin bằng giải pháp hình thể sân và hai hàng cau bụng dọc cạnh xiên của sân; c) Điểm nhìn tượng đài Lê Nin từ phía đường Hoàng Diệu.



Hình 30: *Bố cục
phong cảnh quảng
trường.*

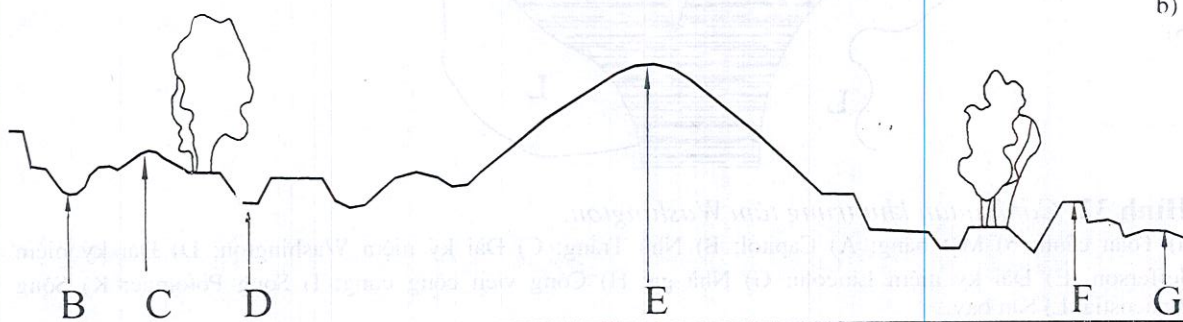
a) Xanh Peterbur;
b) Yaroslavl;
c) Moxeva;
d) Dnepropetrove;
e) Tượng đài X. Cirova
trên quảng trường ở Xanh
Peterbur; f) Tượng đài Lê
Nin trên quảng trường ở
Xanh Peterbur; g) Tượng
đài Puskin trên quảng
trường ở Xanh Peterbur;
h), i), k) Sự phát triển của
quảng trường trước nhà
thờ Pavla ở Luân Đôn, thế
kỷ XVII, năm 1942 và
phương án thiết kế.



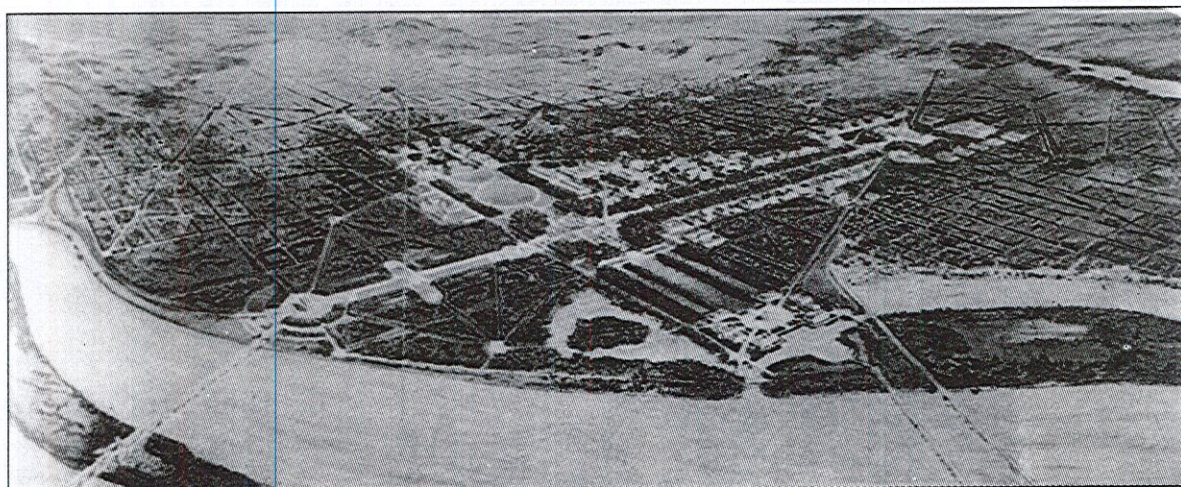
a)

Hình 31: Công viên rừng Amsterdam.

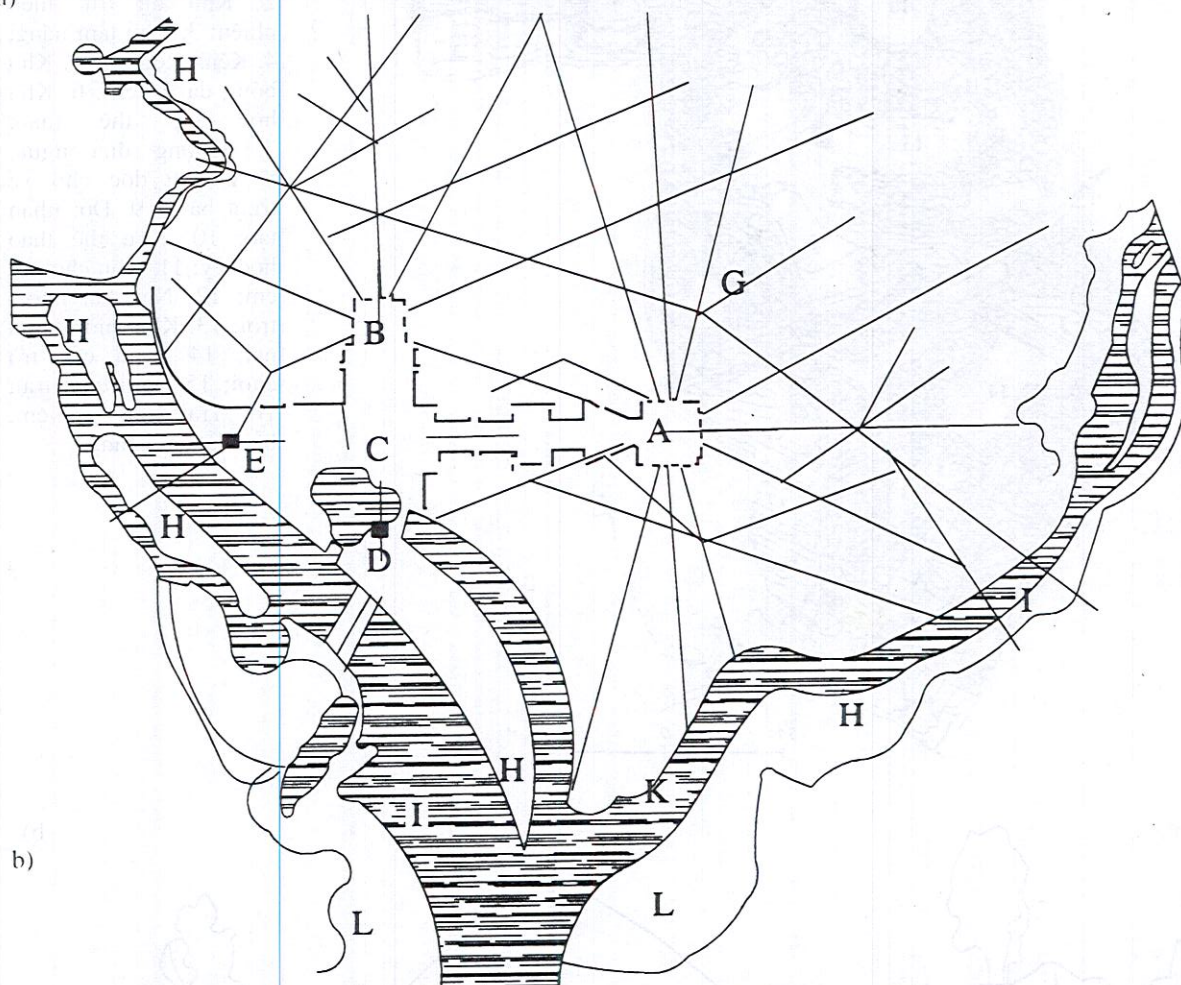
a) Mặt bằng: 1. Bể bơi; 2. Khu dự trữ thiên nhiên; 3. Khu tắm nắng; 4. Kênh Regarra; 5. Khu bóng đá trẻ em; 6. Khu học tập thể thao; 7. Trường đua ngựa; 8. Đường dốc cho xe trượt băng; 9. Đồi nhân tạo; 10. Khu thể thao hockey; 11. Khu chơi trẻ em; 12. Nhà hát ngoài trời; 13. Khu vườn hương thơm; 14. Khu các trò chơi; 15. Khu cắm trại; 16. Trại thực nghiệm; b) Mặt cắt ngang.



b)



a)



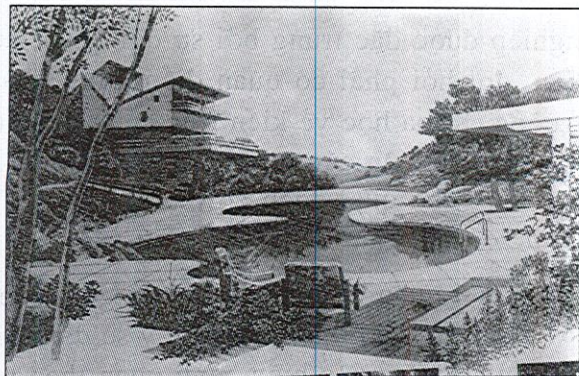
b)

Hình 32: Cảnh quan khu trung tâm Washington.

a) Toàn cảnh; b) Mặt bằng: A) Capitol; B) Nhà Trắng; C) Đài kỷ niệm Washington; D) Đài kỷ niệm Jefferson; E) Đài kỷ niệm Lincoln; G) Nhà ga; H) Công viên công cộng; I) Sông Potomac; K) Sông Anacostia; L) Sân bay.



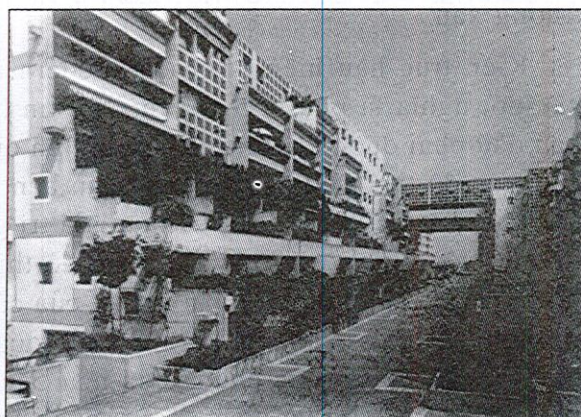
a)



b)



c)



d)



d)

Hình 33: Một số hình ảnh cảnh quan hiện đại thế kỷ XX.

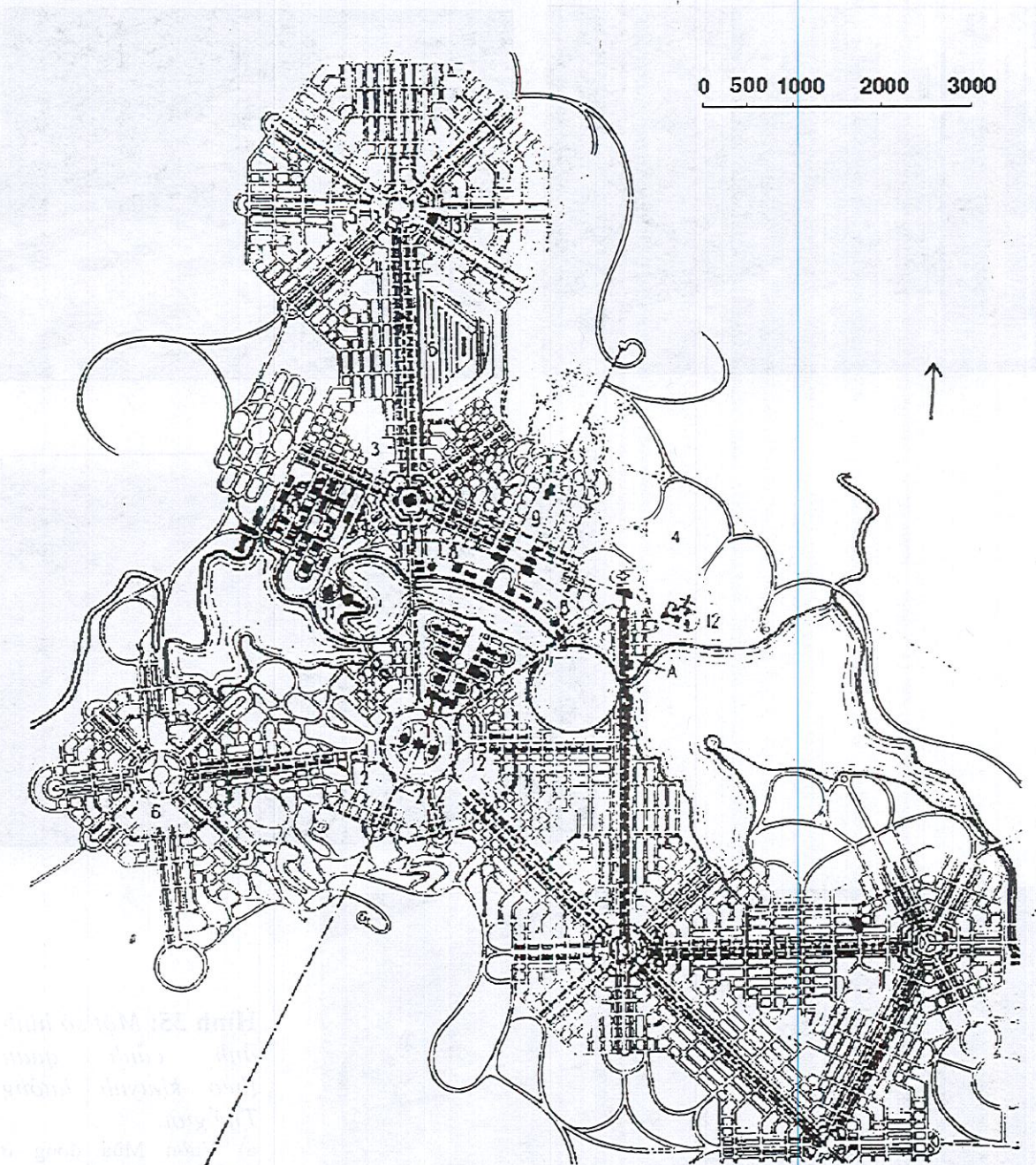
a) Công viên Vileneuve-de-Grenoble, diện tích 20ha, hoàn thành năm 1974; b) Một trong những phác họa vườn theo khuynh hướng Thế giới; c) Vườn Mouvement ở Paris, xây dựng năm 1990; d) Phong cảnh tuyến phố ở khu La Noiseraie, Marne-la-Vallée; đ) Phong cảnh khu vực biển báo của khách sạn Deawoo Hà Nội.

nghiệp được đặc trưng bởi sự đơn giản, dễ làm đã trở nên đơn điệu và kém sức hấp dẫn, đòi hỏi phải có quan điểm nhìn nhận mới về công năng và thẩm mỹ của môi trường. Khoa học về kiến trúc cảnh quan có giải được việc này hay không? Kết quả của việc nghiên cứu trong lĩnh vực này là nhằm xây dựng cảnh quan, mà thực chất là cải tạo cảnh quan hiện có một cách triệt để để dựng thành kiến trúc cảnh quan phù hợp với nhu cầu con người phát triển.

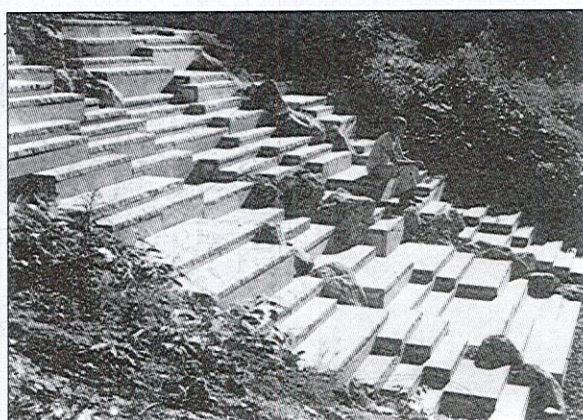
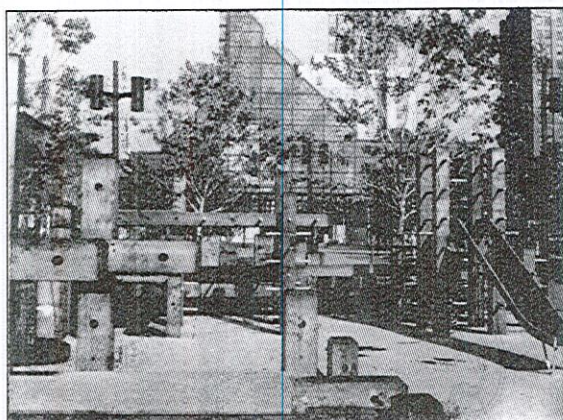
Cảnh quan được tạo nên bao gồm cảnh quan nhân tạo và cảnh quan thiên nhiên. Sự phối hợp hai thành phần này sẽ dẫn tới việc cải tạo, trong tiến trình phát triển của đô thị. Do đó việc hiểu cảnh quan theo ngành quy hoạch - kiến trúc chỉ là một khu vực trống (không có công trình) là không đúng. Và không gian còn lại chỉ là hệ quả của việc xếp nhà là cảm nghĩ phiến diện. Điều đó chỉ phá vỡ thiên nhiên (san đồi lấp hồ tùy tiện), làm mất đi cá tính vốn có của mỗi vùng, miền, địa phương, tạo môi trường xấu.

Kiến trúc hậu hiện đại (post-modern architecture) ra đời để đáp ứng những yêu cầu đó, nghĩa là phù hợp với thời kỳ tin học. Do đó về tổng quan chung, cảnh quan ban đầu phải được khai thác triệt để trên quan hệ hữu cơ với việc tìm tòi các hạt nhân cấu trúc đô thị. Đồng thời cảnh quan ban đầu với các dạng hạt nhân đô thị tương lai sẽ phải là tác động hỗ trợ và nhân giá trị giữa chúng với nhau. Cảnh quan ban đầu là nền để xác định vị trí các hạt nhân đô thị. Những tính chất trội của hạt nhân đô thị đòi hỏi việc sử dụng và nhân giá trị của cảnh quan ban đầu. Góc cong của dòng sông Monglo và lòng chảo của địa hình bao quanh khẳng định vị trí trung tâm chính thành phố và các nét bố cục chung của mặt bằng tổng thể đô thị Canberra (Úc) (hình 34). Còn việc tận dụng và nhân giá trị của cảnh quan ban đầu ở đây bằng việc ngăn đập trên dòng sông tạo hồ lớn giữa vùng trung tâm với cột nước từ vòi phun cao 80m nằm trên hướng trục phố chính. Hệ thống không gian mặt nước trong khu vực Phát Diệm với sông Vạc, sông Ân và nhiều kênh rạch đã là cơ sở để xác định cấu trúc đô thị và hệ thống kiến trúc cảnh quan thị trấn. Cấu trúc quy hoạch đô thị Dnepropetrovsk (SNG) [90] cũng được xác định trên cơ sở khai thác con sông Dnepr và Kamara. Cảnh quan bao la trong vùng ảnh hưởng của hai con sông này rất quan trọng đối với cơ cấu bố cục thành phố, đặc biệt là vùng cảnh quan trung tâm. Trung tâm thành phố có không gian mở về phía bãi bồi thoáng đãng, không khí trong lành. Các trung tâm bố cục được bố trí ở những nơi cao ráo và liên hệ chặt chẽ với cảnh quan bên ngoài.

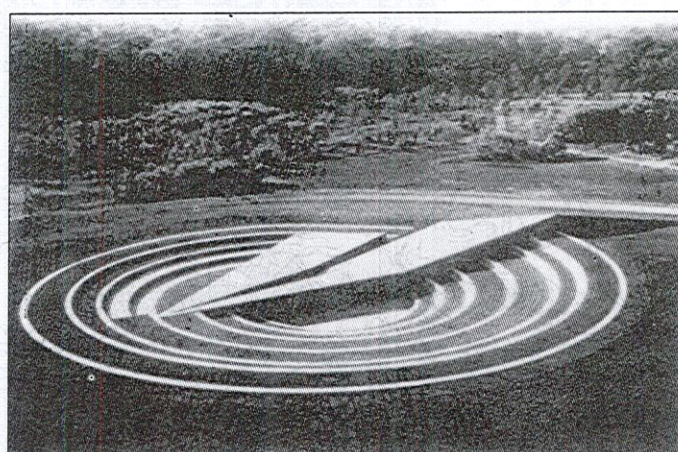
Còn trong mỗi một công trình kiến trúc cảnh quan riêng lẻ có vị trí và tổ chức không gian hoàn toàn mới (hình 35). Hệ thống cảnh quan theo cấu trúc phi tầng bậc (non - hierarchisation). Công viên trung tâm có thể vừa đảm nhận chức năng phục vụ toàn đô thị, vừa phục vụ và thay thế cho một vườn cây khu nào đó mà trước đây trong cấu trúc tầng bậc phải có. Hoặc vườn hoa không chỉ phục vụ dân cư trong vùng mà còn cho mọi người qua lại. Việc tổ chức không gian - chức năng bên trong tuân theo việc phân vùng *liên chức năng*. Trong mỗi vùng có một, hoặc hai chức năng chủ đạo còn các chức năng khác có vai trò hỗ trợ. Hoặc các chức năng đan xen nhau. Việc



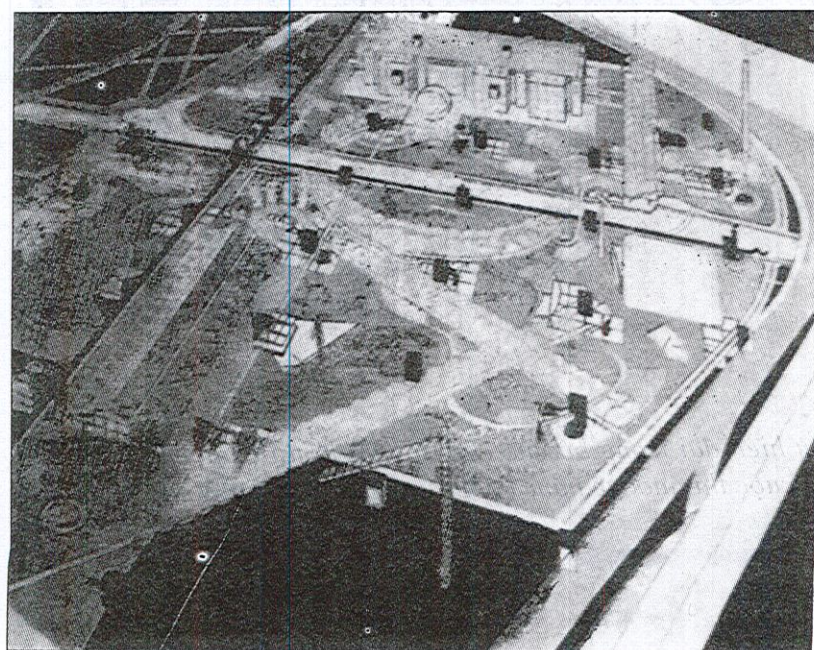
Hình 34: Khuynh hướng hậu hiện đại trong bố cục cảnh quan đô thị Canberra - Phương án được chọn xây dựng trong cuộc thi quốc tế năm 1971 của KTS. Griffin W. B., người Mỹ.



b)



c)



Hình 35: Một số hình ảnh cảnh quan theo khuynh hướng Thế giới.

a) Vườn Mùa đông ở Niagara; b) Bậc thang theo hình thức tự nhiên, tác giả: nhà điêu khắc Athena Tacha, Mỹ; c) Một tổ hợp khó mà giải nghĩa được nhưng biểu hiện được ý nghĩa to lớn của tiềm thức - Tác phẩm của nhà điêu khắc Beveley Pepper, Mỹ; d) Công viên La Villette ở Paris, kiến trúc sư Tschumi và Merlini.

d)

phân bố các khu vực liên chức năng đó trong không gian công viên có nhiều xu hướng khác nhau. Có ba xu hướng chính : tập trung, phân tán và theo tuyến. Công viên văn hóa và nghỉ ngơi Idmailovo (Moxcva) nằm về phía đông (Moxcva) có bố cục không gian - chức năng theo xu hướng tập trung. Toàn bộ chức năng văn hóa - thể thao, thương nghiệp bao quanh đường cây xanh lớn hình tròn với hồ bán nguyệt ở giữa và nằm về phía đại lộ Nhân dân. Hơn 3/4 khu đất công viên còn lại được dành hoàn toàn cho không gian xanh thuần túy. Đây còn được gọi là xu hướng phân cực cảnh quan : một bên không gian được tổ chức với hình thức nhân tạo tuyệt đối, mức độ hoàn thiện cao, một bên khu cây xanh phát triển tự nhiên tạo nên khu thiên nhiên "hoang dã".

II.4. MỐI QUAN HỆ TƯƠNG HỖ GIỮA KIẾN TRÚC CẢNH QUAN VÀ QUY HOẠCH KHÔNG GIAN TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG MIỀN VÀ ĐIỂM DÂN CƯ

Hệ thống kiến trúc cảnh quan vùng miền hay điểm dân cư có một quá trình hình thành và phát triển gắn bó mật thiết với quy hoạch không gian trong việc phá bỏ hay giữ lại cảnh quan, cải tạo hoặc thiết lập cảnh quan mới phù hợp với cấu trúc không gian. Đôi khi việc xác lập bố cục hệ thống kiến trúc cảnh quan lại là tiền đề nảy sinh ý đồ quy hoạch, góp phần mang lại cái riêng cho ngôn ngữ kiến trúc. Và chính việc xác định hình thái không gian kiến trúc cũng là hình thành hệ thống kiến trúc cảnh quan. Đó là mối quan hệ biện chứng của hai đối tượng kiến trúc cảnh quan và kiến trúc quy hoạch mà trong quá trình tồn tại và phát triển của chúng không thể tách rời nhau, đặc biệt trong đô thị - nơi có sự tác động phức tạp và mâu thuẫn, tranh chấp của yếu tố nhân tạo và thiên nhiên.

Dấu rằng việc cải tạo cảnh quan trong quá trình hình thành đô thị thời trung thế kỷ không nhằm tạo dựng không gian nghỉ ngơi - giải trí, góp phần tạo nên giá trị thẩm mỹ và cải thiện vệ sinh môi trường, nhưng dù sao cũng đã ảnh hưởng nhất định đến việc xác định giải pháp quy hoạch đô thị. Việc cải tạo hồ Tây, Lục thủy, sông Tô, sông Kim Ngưu và sông Cái (sông Hồng) thành khu mặt nước liên hoàn bao bọc quanh kinh thành Thăng Long thời Lý Trần, lăm bốn nhiều cầu vừa ngăn cách khu rừng thiên nhiên hoang dại với nhiều thú dữ vây quanh, vừa ngăn cản sự xâm lấn của đối phương, đồng thời định hình giao thông ra vào và hướng các tuyến phố khu thị dân nối từ "phố chợ" và bến. Tuyến phố nối từ cổng Tường Phù phía đông thành Thăng Long thời Lý ra bến Đông Bộ Đầu sông Cái, hai bên trồng hòe (sau này được gọi là đường Hòe Nhài. Ở bến Đông Bộ Đầu còn có múa rối nước và đua thuyền. Có Tây Hồ, thời Lý mới có cung Thúy Hoa, Dâm Đàm hành cung và quán "Quan ngư" để Vua nghỉ ngơi và xem đánh cá. Cung Từ Hoa dành riêng cho công chúa vui chơi [62]. Có sông Hương núi Ngự mới có Huế. Có Hồ Xuân Hương mới hình thành nên vùng trung tâm thành phố Đà Lạt ngày nay.

Việc xây dựng đô thị cạnh mặt nước để thuận tiện giao thông mà đường thủy lúc bấy giờ là phương tiện đi lại hữu hiệu nhất đã mang lại hệ quả phong phú và muôn sắc cho hình ảnh đô thị. Những nguyên tắc như vậy đã được ứng dụng cho Paris với sông Seine, cho London với sông Thames, Moxcva với sông Moxcva v.v... Và như vậy đã góp phần quan trọng mang lại bản sắc cho từng địa phương mà giá trị văn hóa đô thị trở thành giá trị văn hóa dân tộc có tính trường tồn. Nhưng đồng thời vẫn có thể phát hiện ra dấu vết địa phương và thời đại trong đó chúng đã hình thành. Bởi vì một số yếu tố của thiên nhiên ít bị thay đổi. Theo Miculina E. M, việc xác định giá trị thời gian của cảnh quan trước tiên được đánh giá theo yếu tố đặc trưng cho cảnh quan mà không phụ thuộc vào ý nghĩa lịch sử. Xác định cấu trúc tự nhiên của địa hình và sự thay đổi hình dạng mặt nước, xác định đặc tính đất đai để tìm hiểu sự phân bố thực vật và sau đó cần đánh giá theo yếu tố lịch sử, khảo cổ học và những đặc trưng kiến trúc đô thị [87, 88]. Với mục đích tìm tòi mối quan hệ tương hỗ giữa kiến trúc cảnh quan và quy hoạch không gian mà trước hết là sự tác động nội tại giữa cảnh quan thiên nhiên và nhân tạo tác giả đề xuất phương pháp đánh giá đồng bộ cảnh quan theo mối quan hệ hai chiều. Việc xem xét yếu tố này phải nằm trong mối quan hệ ràng buộc của các yếu tố khác. Cấu trúc bề mặt địa hình quyết định điểm tích tụ nước. Và từ hình dạng và tính chất của bề mặt nước và địa hình lại quyết định đến vị trí và hình dạng hệ thống sân đường, công trình, cũng như các yếu tố hình khối và trang trí khác (đặc biệt trong tư duy triết học phương Đông). Ngược lại, để giải quyết chủ đề tư tưởng của việc bố cục toàn vùng hay từ công trình đơn lẻ, lại cải tạo cấu trúc bề mặt địa hình, hình dạng, tính chất bề mặt nước cũng như việc phân bố các mảng cây xanh và tương quan giữa không gian trống, không gian xây dựng. Do vậy, các yếu tố nằm trong mối quan hệ giữa hữu cơ đó phải được xem xét từ nhiều phía với các "góc nhìn" khác nhau.

Phương pháp này cho phép khôi phục một cách dễ dàng tổng thể cảnh quan đã bị hủy hoại. Đương nhiên, cũng cần phải nhận thấy rằng yếu tố cây xanh luôn biến đổi theo thời gian và mỗi loài cây đều có tuổi thọ nhất định. Do vậy việc thay thế cũng như những biến đổi của cây xanh ít làm biến dạng cảnh quan, đặc biệt là cảnh quan được tạo dựng theo tư duy triết học của các di tích cảnh quan phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng. Cấu trúc bề mặt địa hình tương đối ổn định theo thời gian và không gian, do đó từ di vật còn lại của địa hình phần nào có thể dựng lại được cảnh quan chung. Hai mắt Rồng trong khu đền An Dương Vương - Cổ Loa (Hà Nội), mặt dầu khô cạn nhưng cũng cho ta ấn tượng từ xưa đã tràn đầy nước. Mặt nước hình bán nguyệt còn lại duy nhất của khu đền Lý Bát Đế (Bắc Ninh) làm liên tưởng đến khối công trình cân xứng qua trục hồ. Đường bờ tự do của hồ nước Ngự Hà và các đảo cho toàn cảnh bức tranh vườn có bố cục tự do của Ngự uyển (Huế) đã nói lên điều đó (hình 36).

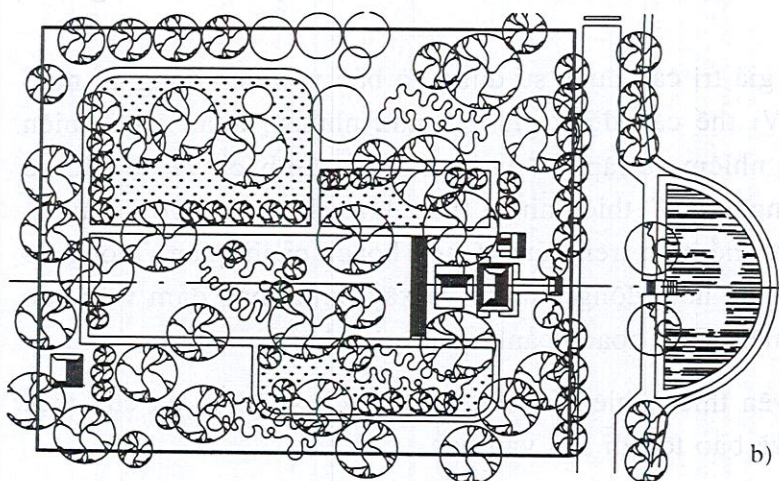
Như vậy, việc cải tạo cảnh quan thiên nhiên là một quá trình tất yếu trong hoạt động sống của con người. Đồng thời thiên nhiên tác động lại đến sự phát triển của

con người. Trong quá trình phát triển xã hội loài người, việc cải tạo môi trường thiên nhiên dần được mở rộng không ngừng và sự tăng trưởng của quy mô tỷ lệ với sự phát triển của kỹ thuật và xã hội đã dẫn tới sự thay đổi chất lượng môi trường biến cảnh quan thiên nhiên thành cảnh quan nhân tạo với mức độ cao dần.

Nhiệm vụ đặt ra phải giải quyết vấn đề điều hòa với môi trường. Điều đó dẫn tới phải xây dựng lại mối xích sinh thái với mối quan hệ thiên nhiên - nhân tạo trong hệ thống sinh thái mới. Mỗi một giai đoạn tiến triển của xã hội loài người có những mối quan hệ giữa kiến trúc cảnh quan với quy hoạch không gian khác nhau. Đô thị thời xưa luôn có mối quan hệ hòa thuận giữa thiên nhiên và nhân tạo. Trong môi



a)



b)

Hình 36: Tư duy triết học phương Đông là một trong những cơ sở khoa học cho việc tôn tạo di tích. Đền Lê Lai trong khu di tích Lam Kinh - Thanh Hoá. Tác giả: PTS. KTS. Hàn Tất Ngạn, KTS. Phạm Bích Liên, Thiết kế - thi công năm 1995 - 1996.

a) Toàn thể khu đền; b) Mặt bằng tổng thể.

trường trong lành đó, con người luôn bắt gặp những tổng hòa của kiến trúc - thiên nhiên - điêu khắc. Ngày nay do sự phát triển mạnh mẽ của nền công nghiệp hiện đại, sự bùng nổ của dân số trên phạm vi toàn cầu đã gây tình trạng xây dựng lan tràn, môi trường đô thị bị ô nhiễm, thêm nữa sự xuất hiện nhiều khuynh hướng nghệ thuật mới trong kiến trúc, hội họa, điêu khắc, đã làm biến dạng mô hình đô thị cổ và đòi hỏi những quan niệm mới về quy hoạch.

Việc cải tạo cảnh quan thiên nhiên để hình thành cảnh quan nhân tạo, có thể với tổ phần yếu tố thiên nhiên chiếm ưu thế hoặc với tổ phần yếu tố nhân tạo đóng vai trò chủ đạo. Và, bao gồm : cảnh quan văn hóa (cảnh quan đô thị, cảnh quan nông thôn, cảnh quan vùng nghỉ ngơi, cảnh quan lịch sử), cảnh quan trồng trọt (đất nông, lâm nghiệp) và cảnh quan bị phá bỏ (khu khai thác mỏ) [87]. Như vậy, cảnh quan văn hóa là cảnh quan nhân tạo và là đối tượng nghiên cứu của kiến trúc cảnh quan. Ở đây kiến trúc cảnh quan nghiên cứu không gian bên ngoài một cách đồng bộ và sử dụng các yếu tố hình khối tạo cảnh tham gia vào việc hình thành cảnh quan theo quan điểm thiết kế môi trường. Bởi vậy, kiến trúc cảnh quan bảo đảm việc bảo vệ và sử dụng thiên nhiên hiệu quả nhất phục vụ cho việc quy hoạch hợp lý hơn, bảo đảm việc tổ chức không gian có chất lượng tốt cho hoạt động sống của con người và cả khi tạo ra khả năng bố trí tổng thể, mối quan hệ tương hỗ của tất cả các vùng chức năng trong đô thị. Sự tác động qua lại của thiên nhiên và kỹ thuật không gây ảnh hưởng lẫn nhau, không phá vỡ cân bằng hệ sinh thái mà còn tạo môi trường sống mới, hệ sinh thái mới thích hợp với sự phát triển toàn diện của con người.

Nhiệm vụ quan trọng của kiến trúc cảnh quan là tạo hình và trang trí không gian bên ngoài (nội thất đô thị) bằng các yếu tố hình khối nhân tạo và thiên nhiên. Đồng thời có vai trò tích cực trong việc cải thiện về chất môi trường sống đã được hình thành trong những điều kiện đô thị phức tạp, tạo đô thị thành một quần thể thống nhất và có giá trị thẩm mỹ cao.

Cảnh quan thiên nhiên có giá trị cần được sử dụng và bảo vệ thích đáng để nghỉ ngơi, chữa bệnh và du lịch. Vì thế cần được giữ gìn như những "ngân quỹ" thiên nhiên. Kiến trúc cảnh quan có nhiệm vụ lập những biện pháp cấp bách và dự báo về việc sử dụng các khu đất có "ngân quỹ" thiên nhiên thích hợp cho nghỉ ngơi, giải trí. Những biện pháp đó phải được thể hiện trên bản đồ quy hoạch cảnh quan. Trong đó cần nêu thêm quan điểm điều hòa hoạt động kinh tế và xây dựng, bảo đảm việc bảo vệ và sử dụng hợp lý thiên nhiên. Quy hoạch cảnh quan gồm hai nhiệm vụ chính :

- Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và cảnh quan lịch sử phục vụ cho việc nghỉ ngơi, du lịch, an dưỡng và bảo tồn di sản văn hóa.

- Giữ gìn và nâng giá trị cảnh quan thiên nhiên trong các điểm dân cư, đặc biệt là điểm dân cư đô thị, để tăng cường bảo vệ cảnh quan khỏi sự ảnh hưởng của đô thị hóa và tổ chức thẩm mỹ môi trường.

Xuất phát từ đó, trong không gian xuất hiện sự tác động tương hỗ của các khu vực chức năng và các quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở thống nhất, hài hòa của các yếu tố nhân tạo và thiên nhiên. Đó là tiền đề nảy sinh ý đồ quy hoạch, đặc biệt trong quy hoạch đô thị. Đường kính mặt nước - cây xanh là trục bố cục đô thị, hồ nước lớn là trung tâm bố cục khu trung tâm công cộng...

Bên cạnh đó, mật độ xây dựng ngày càng cao, xuất hiện nhiều đô thị khổng lồ, công nghiệp và giao thông phát triển không những chỉ ảnh hưởng trong phạm vi đô thị mà còn tác động cả ra ngoài giới hạn hành chính đô thị.

Kiến trúc cảnh quan còn tham gia vào việc quy hoạch không gian khu ở, công cộng... trong đô thị. Việc tạo hình không gian nhỏ trong đô thị không đơn thuần là nhà mà còn địa hình, mặt nước, cây xanh và tranh tượng trang trí - hoành tráng. Điều đó còn mang lại giá trị trang trí cho không gian được tạo dựng. Tính trội của một vài yếu tố hình khối - trang trí trên sẽ đem lại đặc trưng, ngữ nghĩa, cá tính cho mỗi một khu vực trong đô thị. Thậm chí trong yếu tố đó là đặc trưng chủ yếu của tiểu cảnh và là yếu tố điều hòa tiểu môi trường.

Như vậy là việc thiết lập cảnh quan không chỉ là tương quan giữa không gian trống và không gian xây dựng mà còn mối tác động qua lại giữa thiên nhiên trong không gian đó với công trình xây dựng, được biểu hiện ở hai mặt chủ yếu : công năng và thẩm mỹ.

Về tỷ lệ giữa không gian trống và không gian xây dựng, trong luận án tiến sĩ của Vergunov A. P. đã đưa ra kết quả nghiên cứu : Đối với những đô thị cực lớn, cơ cấu quy hoạch không phải tập trung mà là phân tán hoặc có hình thức dải với các mảng xây dựng không dày quá 2 - 3km và xen kẽ với các không gian trống và mảng xây dựng phải phát triển theo hướng ra ngoài vi đô thị. Nghĩa là tạo ra các nêm "không gian trống" [102]. Điều đó liên quan chặt chẽ với việc hình thành cơ cấu quy hoạch đô thị phát triển bảo đảm mối liên hệ lẫn nhau một cách tối ưu nhất giữa đô thị và thiên nhiên, đặc biệt về phương diện bảo vệ môi sinh. Và cũng theo Miculina E. M. và Baulina v.v..., không gian xanh hình nêm như vậy có chiều rộng từ 200 - 300m (0,2 - 0,3km) đã có thể ảnh hưởng quan trọng đến tình trạng môi trường đô thị [86]. Việc quy hoạch thành phố Canberra (Úc) 25 vạn dân thành 7 "đô thị". Mỗi "đô thị" được ngăn cách nhau bởi các nêm cây xanh và đường cao tốc đã có tác dụng tốt đến tình trạng môi trường thành phố. Cơ cấu quy hoạch thành phố được xây dựng trên cơ sở phương án của kiến trúc sư Mỹ Griffin W.B. Một trong ba phương án được chọn trong cuộc thi quốc tế vào năm 1971. Tuy nhiên thành phố được xem như một mẫu hay của xu hướng kiến trúc hậu hiện đại không đơn thuần các nêm cây xanh chia đô thị thành nhiều phần mà còn là sự hòa nhập của môi trường đô thị và cảnh quan thiên nhiên, giữa đường nét thiên nhiên sau cải tạo và các giải pháp bố cục đô thị. Ở đây mỗi một phần được chia ra như vậy có bố cục hoàn chỉnh và đa năng, bao gồm trung tâm giáo dục, tín ngưỡng, tôn giáo (nhà thờ), thương nghiệp - dịch vụ (cấp I, II, III theo phân cấp của hệ thống trung tâm tầng bậc), còn công nghiệp được bố trí đan xen

vào khu ở tạo nên một cơ thể đồng bộ, luôn vận động. Do đó cơ cấu quy hoạch thành phố Canberra còn được gọi là "đô thị trong đô thị" (hình 34):

Về thẩm mỹ đô thị, theo Iconnicov A. V. có 3 quan điểm [79] :

1 - Hình ảnh đô thị, được thu nhận hoàn toàn trong trường thị giác khi đô thị nhỏ và có vị trí trên sườn núi. Hoặc đô thị nằm trên địa hình bằng phẳng nhưng có bố cục đơn giản, rõ ràng. Ví dụ như Rostov vĩ đại là một đô thị trên địa hình phẳng nhưng có hệ thống đường phố đổ về trung tâm với toàn diện Cremlin khổng lồ và mở cánh về phía hồ Nero.

Đối với đô thị lớn, việc hình dung cấu trúc đô thị một cách tổng quát hoặc còn gọi là thu nhận hình ảnh đô thị phải thông qua sự tổng hợp của các bức tranh được lưu lại ở võng mạc trong quá trình tiếp nhận các đặc trưng chủ yếu của không gian đô thị. Đặc trưng chủ yếu của cấu trúc đô thị Brasilia là trục trung tâm giao với trục cong dưới góc vuông nhằm hòa nhập biểu tượng thập ác với đường nét địa hình.

2 - Hình ảnh đô thị được biểu hiện trong quá trình nhận thức liên quan đến mối liên hệ không gian và thời gian giữa các quần thể nằm trong phạm vi của trường thị giác. Trong quá trình đó con người thu nhận hình vật với nhiều góc nhìn khác nhau. Hình ảnh bị biến đổi xuất hiện tương quan giữa các yếu tố hình khối trong tranh. Đem đối chiếu những hình ảnh biến đổi nhìn được làm xuất hiện khái niệm về hình thức thực, tương quan và cấu trúc không gian của cả quần thể. Do đó các quần thể trong đô thị có thể được thụ cảm như những bộ phận của một đơn vị có mối quan hệ tương hỗ mà từ đó xác định tính chất quan hệ của cấu trúc đô thị. Dây quần thể phát triển dọc tuyến phố được thụ cảm luân phiên theo thời gian và không gian. Tuyến phố chính Paris chạy từ đông sang Tây có các khu công trình công cộng và địa hình tạo nên những phân đoạn đường phố. Ở cuối đường là mảng cây xanh lớn của rừng Boulogne. Sự luân phiên có quy luật của bố cục không gian đã gợi mở cách tổ chức cấu trúc đô thị. Các quần thể riêng biệt của tuyến phố được thụ cảm như sự biểu hiện tập trung chủ yếu của cấu trúc đô thị.

3 - Đặc trưng của hình ảnh đô thị nằm trong giới hạn của trường thị giác phản ánh rõ toàn bộ cấu trúc đô thị. Nó có vai trò quyết định vị trí, vai trò chức năng và mối quan hệ tương hỗ giữa các thành phần đô thị và đồng thời là những điều kiện thụ cảm rõ rệt quần thể. Hệ thống đường hình tia của Xanh-Peterbua quyết định tính tập trung cuộc sống đô thị trong phạm vi kế cận điểm trung tâm. Cách phối cảnh dọc tuyến phố hình tia luôn mở. Tòa nhà tháp của Bộ tư lệnh Hải quân là điểm nhấn hình khối trong bố cục phạm vi vài km². Cấu trúc không gian của đô thị đã quyết định vai trò khổng lồ của trung tâm cũ.

Các quan điểm thu nhận thẩm mỹ đô thị cho phép tác giả khảo sát sâu hơn một số giải pháp tổ chức mối tác động tương hỗ giữa cảnh quan thiên nhiên và nhân tạo. Đối với thành phố Vilnyus, địa hình chiếm ưu thế trong cấu trúc cảnh quan. Do đó việc vạch tuyến giao thông chính trên địa hình đã khai thác được tính chất không gian thị giác của địa hình để bao quát toàn cảnh trung tâm thành phố và các phong cảnh đặc sắc. Còn ở Xanh-Peterbua (mới) với mặt nước chiếm ưu thế, việc vạch tuyến giao

thông chính lại cho phép sử dụng tính chất không gian thị giác của khu mặt nước để quan sát mọi hướng theo lối đi của trung tâm và các điểm khống chế thiên nhiên. Một bên bờ sông Neva được sử dụng như một kênh nhìn bảo đảm quan sát sâu. Bên kia như các padium phẳng, tương phản với các tòa nhà cao tầng. Tính chất thụ cảm khi đó lại theo tuyến phố chính được tăng dần ấn tượng hài hòa từ dòng sông ra vịnh Phần Lan. Kiev có giá trị mặt nước và địa hình như nhau. Việc vạch tuyến giao thông chính cho phép quan sát mọi phía trung tâm công cộng. Khu mặt nước là không gian trống, còn sườn bờ là sân ngắm cảnh. Từ sườn đồi có thể quan sát toàn cảnh bãi bồi sông Đnepr. Ở Venice cũng có sự phối hợp hài hòa giữa thiên nhiên và môi trường nhân tạo. Các đường phố cũng là các con kênh. Mặt nước trở nên thành phần chủ yếu trong cơ cấu thành phố.

Với quan điểm cảnh quan học, Miculina E. M. nhận định về thẩm mỹ đô thị với ba hình thức thể hiện mối liên hệ bố cục giữa môi trường thiên nhiên và nhân tạo.

1 - Mối liên hệ tương hỗ về chức năng được thể hiện trong bố cục quy hoạch tổng thể đô thị, ở đây các chức năng của đô thị hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình vận động và phát triển của đô thị, mà trong đó hệ thống không gian xanh đóng một vai trò quan trọng.

2 - Mối liên hệ tương hỗ về cơ cấu không gian của đô thị và cảnh quan của khu đất xây dựng đô thị : Mối quan hệ này không chỉ được biểu hiện ở mặt bằng mà chủ yếu là trong bố cục hình khối - không gian của môi trường đô thị. Mối quan hệ đó có thể thuận chiều hay độc lập còn tùy thuộc vào giải pháp quy hoạch tổng thể và được thể hiện từng dáng dấp và toàn cảnh đô thị.

3 - Mối liên hệ tương hỗ giữa tính động và tĩnh của đô thị : Trong đó yếu tố thời gian đóng vai trò chủ đạo. Do đó cần phân tích xuất xứ và sự tiến hóa của cảnh quan đô thị và tiên đoán sự phát triển sau này của cảnh quan như những bộ phận của toàn bộ hệ thống tác động lẫn nhau giữa môi trường thiên nhiên và nhân tạo.

Từ hai quan điểm về đô thị học và cảnh quan học trong nhận thức thẩm mỹ đô thị rõ ràng dẫn đến cùng một kết luận : môi trường thiên nhiên và nhân tạo có mối tác động tương hỗ và do đó yếu tố thiên nhiên đã được nhân tạo hóa, cũng như yếu tố nhân tạo phần nào đã bị "thiên nhiên hóa". Quá trình đó luôn luôn diễn ra trong tiến trình phát triển của đô thị. Điều đó cũng biểu hiện tính động của cảnh quan. Vườn Tuileries được xây dựng vào những năm 1662 và 1665 theo nguyên tắc cổ điển Pháp : 16 bosquet hình chữ nhật, các parterre với những bức họa phức tạp và mạng lưới đường cân xứng đã làm cho bố cục vườn gắn bó hài hòa với lâu đài. Đến cuối thế kỷ XIX, Hausman đã cải tạo, biến vườn thành nơi khởi đầu của trục đại lộ Champs - Elysées qua Khải Hoàn Môn, dài tổng cộng 3 km. Công viên trở thành trung tâm của trục bố cục Paris với hai đầu là rừng Boulogne và Vincennes. Việc khai thác cảnh quan trong vùng lãnh thổ Moxcva để xây dựng đã làm biến đổi dần các kiểu rừng tự nhiên trong vòng 100 năm nay. Như vậy cảnh quan đô thị luôn nằm trong sự tác động không ngừng của quá trình cải tạo, nghĩa là việc mở rộng đô thị đã đưa cảnh quan

ngoại đô vào trong giới hạn của nội đô. Do đó để bảo đảm giá trị của cảnh quan trong quá trình phát triển đô thị, theo nghiên cứu của Badarova E. L, cần phải định ra được tình trạng cảnh quan tương lai : khu vực cảnh quan ban đầu không thể biến đổi được trong vòng những năm đầu tiên khi khai thác khu đất đô thị. Cần bảo vệ, biến đổi cảnh quan trên những khu vực gần với khu vực bảo vệ cảnh quan ban đầu, và những năm sau đó là biến đổi cảnh quan của phần lớn lãnh thổ đô thị nhằm thay đổi tình trạng cảnh quan đã hình thành cho phù hợp với đô thị phát triển [100].

II.5. CÁC NHẬN XÉT CHỦ YẾU

Tóm lại sự hình thành và phát triển kiến trúc cảnh quan có những đặc trưng sau đây :

1- Vườn - công viên ban đầu bó hẹp trong bốn bức tường của đền đài và dinh thự, là nơi nghỉ ngơi vui chơi của gia chủ. Với những đô thị thời tiền công nghiệp có quy mô nhỏ dễ tiếp xúc với thiên nhiên ngoại đô, không khí trong lành nên vườn - công viên được hình thành chỉ nhằm làm nơi tĩnh dưỡng và giải trí cho gia chủ. Và do vậy yếu tố thẩm mỹ được đặt lên hàng đầu.

2- Vườn - công viên lúc này được nghiên cứu tách rời khỏi môi trường đô thị, do đó chưa có tác dụng đến sự hình thành kiến trúc đô thị. Cảnh quan đô thị được "phô diễn" ra với mọi người, tham gia vào việc hình thành cảnh quan đô thị chỉ có đường phố và quảng trường. Quảng trường thời kỳ này rất phong phú và đa dạng. Quảng trường của phương Tây (Hy Lạp, La Mã, Ý) có hàng cột bao quanh được tạo hình và trang trí rất công phu, tạo không gian chuyển tiếp giữa quảng trường và nhà đồng thời là yếu tố trung gian phá vỡ đường nét hình học và bề mặt kín của quảng trường.

3- Các xu hướng bố cục trong nghệ thuật vườn - công viên ban đầu hoàn toàn phụ thuộc vào tư duy triết học (như ở phương Đông) hoặc ý đồ của gia chủ (phương Tây). Nhưng tựu chung có ba xu hướng bố cục : cân xứng đều đặn, tự do và kết hợp giữa cân xứng đều đặn và tự do. Tùy theo từng vùng, miền, phong tục tập quán xã hội... mà việc sử dụng các xu hướng bố cục trên rất phong phú và đa dạng. Tính cân xứng - ổn định trong bố cục vườn cho cả hai trục bố cục dọc - ngang qua trục giữa cũng là sự hoàn chỉnh, trọn vẹn trong tổng thể vườn của Ai Cập ; không gian bậc thang trên mái dật cấp ; lối bố cục cân xứng mà tinh tế của vườn Ba Tư và sự phóng khoáng trong bố cục tự do của vườn Lưỡng Hà ; Sự phong phú trong việc sử dụng cây trồng và mặt nước, đặc biệt trong tạo hình nước của người Ba Tư ; hay sự tượng trưng cô đọng trong bố cục tự do của vườn Nhật Bản... đã minh chứng cho điều đó.

4- Các yếu tố hình khối tạo cảnh được xử lý một cách tỷ mỉ. Mặt nước hình học và tự do, tĩnh lặng và động (có vòi phun, thác nước). Mỗi một công trình vòi phun là các tác phẩm điêu khắc tinh vi, đa dạng và đôi khi là thành phần chủ đạo của hình khối mặt nước ; Địa hình tự nhiên hoặc xử lý tạo hình thành các sân (terrasse) có cốt khác nhau, làm cơ sở cho việc tạo hình nước và tầm nhìn ; hoặc tạo hình tượng trưng như trong các vườn khô Nhật Bản ; cây xanh được chọn ra một số loài cây chủ đạo

cho mỗi vườn - công viên, có thể để phát triển tự nhiên, leo dầm hoặc cắt xén tạo hình (đặc biệt sử dụng đại trà trong các vườn - công viên Ý và Pháp cổ điển). Kiến trúc công trình lớn (lầu đài, đền...) luôn gắn bó với trục bố cục vườn, công viên (thường có vị trí phía trước vườn - công viên) và chi phối các giải pháp bố cục không gian và quy hoạch toàn quần thể. Trong khi đó một số kiến trúc nhỏ như chòi, lầu... chỉ có tính chất điểm xuyết hoặc làm trung tâm bố cục của một khu nào đó trong vườn - công viên ; làm yếu tố trang trí (tay vịn cầu thang, trang trí mặt nước, tạo hình vòm phun...). Tùy điều kiện xã hội, con người và cảnh quan thiên nhiên cũng như khả năng kỹ thuật việc sử dụng các yếu tố hình khối tạo cảnh có khác nhau (bảng 1, 2).

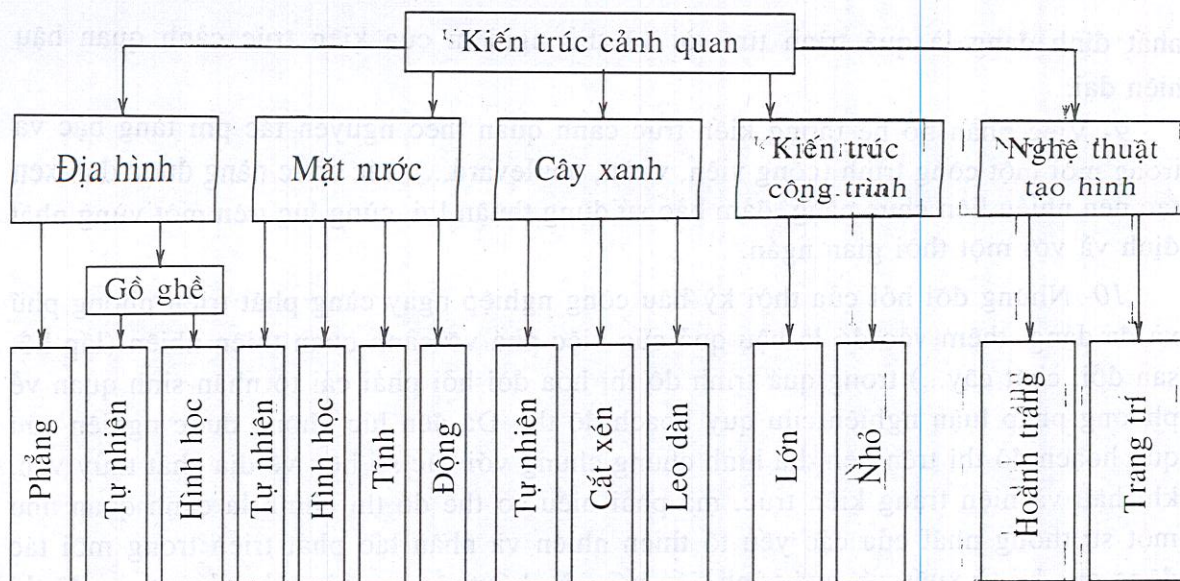
Bảng 1 : Bảng tổng hợp loại hình yếu tố hình khối trong kiến trúc cảnh quan nước ngoài

TT	Tên nước	Địa hình			Mặt nước				Cây xanh			Kiến trúc công trình		Nghệ thuật tạo hình	
		Phẳng	Gồ ghề		Tự nhiên	Hình học	Tĩnh	Động	Tự nhiên	Cắt xén	Leo giàn	Lớn	Nhỏ	Hoàn chỉnh	Trang trí
			Tự nhiên	Hình học											
1	Phương Đông	Ai Cập	•			•	•		•		•	•	•		
2		Lưỡng Hà và Ba Tư		•	•	•		•	•						
3		Ấn Độ	•			•	•		•			•			
4		Trung Quốc		•	•				•			•	•		•
5		Nhật Bản		•	•				•				•		
6	Phương Tây	Hy Lạp và La Mã		•	•	•		•		•	•	•	•		•
7		Ý		•		•		•		•		•	•		•
8		Pháp	•			•		•		•		•			•
9		Anh	•		•					•			•		
10		Các nước SNG		•	•	•	•	•		•				•	•

**Bảng 2 : Bảng tổng hợp loại hình yếu tố hình khối
trong kiến trúc cảnh quan Việt Nam**

TT	Loại hình kiến trúc cảnh quan		Địa hình			Mặt nước				Cây xanh			Kiến trúc công trình		Nghệ thuật tạo hình	
			Phẳng	Gồ ghề		Tự nhiên	Hình học	Tĩnh	Động	Tự nhiên	Cắt xén	Leo giàn	Lớn	Nhỏ	Hoành tráng	Trang trí
				Tự nhiên	Hình học											
1	Cung đình	Thành	•			•	•	•		•			•	•		•
2		Thượng Uyển		•		•		•		•			•	•		•
3		Lăng	•	•	•	•	•	•		•			•	•		
4	Tôn giáo tín ngưỡng	Chùa	•	•	•	•	•	•		•			•	•		
5		Đình	•				•	•		•			•	•		•
6		Đền	•	•		•	•	•		•			•	•		
7		Văn Miếu	•				•	•		•			•	•		•
8	Dân gian	Nhà ở đô thị	•				•	•			•					
9	Hiện đại	Đô thị	•	•		•		•		•			•		•	
10		Vườn	•				•	•		•	•				•	
11		Công viên	•			•	•	•	•	•	•	•	•	•		•

Sự tổng hợp trên bảng 1 và 2 cho phép rút ra kết luận, bất cứ loại hình kiến trúc cảnh quan nào cũng đều được hình thành và phát triển trên cơ sở tổ hợp một vài trong 5 yếu tố hình khối chủ yếu sau đây : địa hình, mặt nước, cây xanh, kiến trúc công trình và các tác phẩm nghệ thuật tạo hình (sơ đồ 3)



Sơ đồ 3 : Các yếu tố hình khối tạo cảnh trong việc hình thành và phát triển kiến trúc cảnh quan đô thị.

5- Vườn - công viên của thời kỳ công nghiệp đã bắt đầu hòa nhập với cảnh quan chung của đô thị, là nơi nghỉ ngơi - giải trí và sinh hoạt văn hóa cho nhân dân lao động. Trong quy hoạch đô thị đã dành một số không gian trống làm vườn - công viên công cộng.

6- Xuất hiện nhiều vườn - công viên mới có nhiều tính chất sử dụng khác nhau : vườn - công viên thể thao, thiếu nhi, bảo tồn, văn hóa - nghỉ ngơi, vườn dạo... Bên cạnh đó, loại hình phong cảnh đường phố và quảng trường, đặc biệt là đường bờ sông, Boulevard, đường cây xanh (allée), vùng cách ly vệ sinh giữa khu công nghiệp và dân cư, vườn ươm v.v... cũng được hoàn chỉnh thêm. Các loại kiến trúc cảnh quan được nối với nhau tạo nên hệ thống thống nhất và liên tục với nhiều hình thức khác nhau (hệ thống vòng và nêm cây xanh - mặt nước, hệ thống kiến trúc cảnh quan mềm dẻo...).

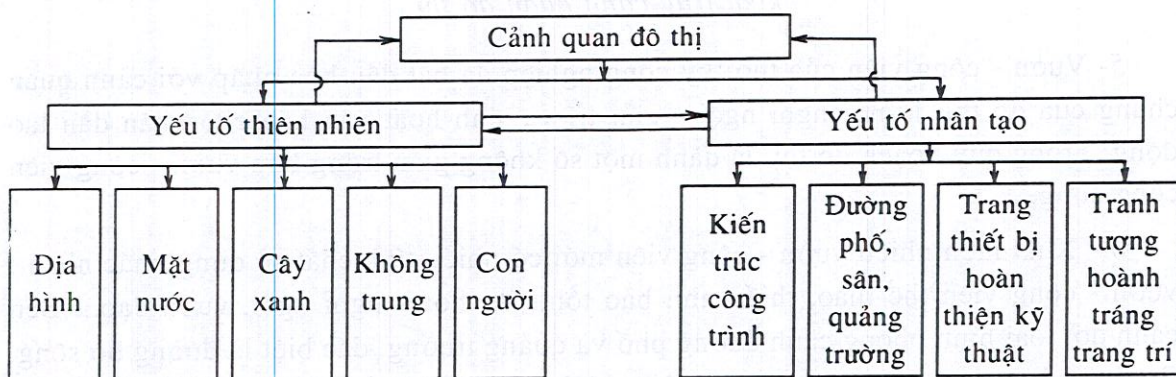
7- Các yếu tố hình khối tạo cảnh quan được sử dụng nhưng ít xử lý tạo hình nghệ thuật trong việc hình thành không gian và trang trí. Chức năng của công trình được chú trọng chủ yếu do đó yếu tố thẩm mỹ không được quan tâm một cách thỏa đáng, và có quan niệm về đẹp của thời đại công nghiệp là sự giản đơn. Trong vườn - công viên có nhiều không gian trống lớn (chủ yếu trồng cỏ) nhằm đáp ứng sức chứa người lớn.

8- Việc hình thành mối quan hệ tương hỗ giữa cảnh quan nhân tạo và thiên nhiên trong quá trình thành tạo cảnh quan từ toàn vùng đến từng tiểu môi trường để có được môi trường thẩm mỹ và đáp ứng mọi hoạt động giao tiếp, truyền tin trên một khu vực

nhất định đang là quá trình tìm tòi và thử nghiệm của kiến trúc cảnh quan hậu hiện đại.

9- Việc phân bố hệ thống kiến trúc cảnh quan theo nguyên tắc phi tầng bậc và trong mỗi một công trình (công viên, vườn, boulevard...), các chức năng được đan xen tạo nên nhiều liên chức năng, đảm bảo sử dụng thuận lợi, cùng lúc trên một vùng nhất định và với một thời gian ngắn.

10- Những đòi hỏi của thời kỳ hậu công nghiệp ngày càng phát triển phong phú và đa dạng, thêm vào đó là hậu quả của việc phá vỡ cảnh quan thiên nhiên (lấp hồ, san đồi, chặt cây...) trong quá trình đô thị hóa đòi hỏi phải cải tổ nhân sinh quan về phương pháp luận nghiên cứu quy hoạch đô thị. Đã đến lúc không được nghiên cứu quy hoạch đô thị trên nền địa hình chung chung với các số liệu về địa chất thủy văn, khí hậu và hiện trạng kiến trúc, mà phải hiểu cơ thể đô thị chính là cảnh quan như một sự thống nhất của các yếu tố thiên nhiên và nhân tạo phát triển trong mối tác động qua lại từ xuất xứ, quá trình tiến hóa và phát triển sau này của cảnh quan đô thị (sơ đồ 4).



Sơ đồ 4 : Mối quan hệ tương hỗ giữa yếu tố thiên nhiên và nhân tạo trong cảnh quan đô thị.

Như vậy cảnh quan đô thị là sự thống nhất của các yếu tố thiên nhiên và nhân tạo phát triển. Cảnh quan đô thị được hình thành do các hoạt động thành tạo môi trường sống dưới sự ảnh hưởng của các nhân tố xã hội, kinh tế và mối tác động qua lại của kiến trúc cảnh quan và quy hoạch đô thị.

11- Tương quan hợp lý giữa không gian trống và khu xây dựng đóng vai trò quan trọng về chức năng sử dụng, cải thiện môi trường cũng như quan hệ thẩm mỹ trong cảnh quan đô thị. Đặc biệt ở những nơi tập trung đông người với quy mô rộng lớn trong thời đại ngày nay thì không gian trống sẽ tạo nên được các vùng tiếp xúc thị giác lớn. Trong đó thiên nhiên đóng vai trò quan trọng và là cơ sở cho việc bố cục đô thị.

12- Mỗi một yếu tố hình khối của cảnh quan thiên nhiên đều có giá trị nhất định trong việc hình thành giá trị thẩm mỹ - môi trường và cá tính cho mỗi một điểm dân

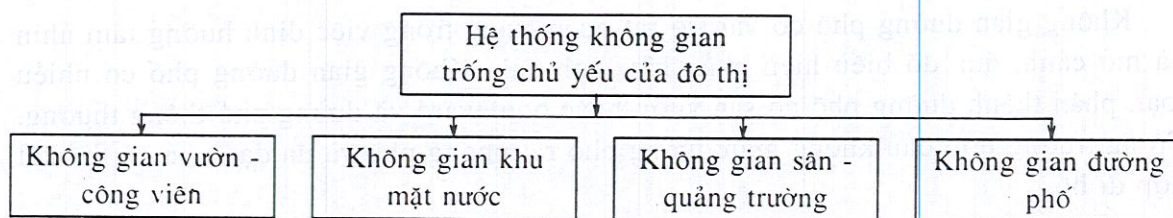
cur. Và do đó ảnh hưởng nhất định đến việc tìm tòi giải pháp quy hoạch từ tổng thể đến từng khu chức năng. Đồng thời ý đồ tư tưởng của quy hoạch lại tác động đến việc cải tạo cảnh quan thiên nhiên.

13- Hệ thống không gian trống của cảnh quan điểm dân cư là cơ sở duy nhất để hình thành chuỗi bức tranh với các điểm nhìn và tầm nhìn khác nhau trong quá trình đi lại. Trong hệ thống không gian đó, mạng lưới đường không đơn thuần là giao thông mà còn là nơi điều hòa môi trường, dẫn gió mát và là phương tiện chủ yếu để thụ cảm hình ảnh điểm dân cư. Do đó việc vạch tuyến giao thông không chỉ là sử dụng hợp lý cảnh quan mà còn là mở ra những cảnh không chế thị giác và đặc trưng tạo hình, trang trí của cảnh quan. Và như thế các hình thức đặc sắc của cảnh quan thiên nhiên trở thành tiền đề cho việc xây dựng bố cục.

14- Cảnh quan điểm dân cư là cơ thể sống luôn vận động và phát triển. Trong quá trình tiến hóa, việc cải tạo cảnh quan là một biện pháp hữu hiệu để có một môi trường nhân tạo phát triển phù hợp với nhu cầu phát triển của con người và những điều kiện sinh thái mới của điểm dân cư. Do đó còn dự báo sự phát triển của cảnh quan trong quá trình đô thị hóa nhằm bảo vệ cảnh quan đặc sắc một cách có hiệu quả nhất. Đặc biệt gìn giữ cảnh quan lịch sử như một thành phần hữu cơ của cảnh quan điểm dân cư và tránh cảnh quan lịch sử khỏi sự thoái hóa của môi trường.

15- Việc hình thành và phát triển kiến trúc cảnh quan đô thị từ đơn giản đến phức tạp, từ ít loại hình đến nhiều loại hình đều hình thành nên hệ thống kiến trúc cảnh quan, ít nhiều ảnh hưởng trực tiếp đến cơ cấu quy hoạch đô thị. Đặc biệt trong môi trường đô thị phức tạp, hệ thống kiến trúc cảnh quan có vai trò quyết định đến sự hình thành và phát triển đô thị. Ở đây hệ thống kiến trúc cảnh quan đồng nghĩa với hệ thống không gian trống đô thị. Do đó, để hình thành môi trường đô thị có những giá trị tốt nhất cho cuộc sống con người còn phải có số lượng không gian trống nhất định trong giới hạn đô thị - "khoảng thở" của đô thị, và đó cũng chính là không gian "nội thất" đô thị.

16- Hệ thống không gian trống trong đô thị có thể quy thành 4 loại hình cơ bản : không gian vườn - công viên, không gian khu mặt nước, không gian sân - quảng trường và không gian đường phố (sơ đồ 5).



Sơ đồ 5 : Mối quan hệ tương hỗ của các loại hình kiến trúc cảnh quan trong hệ thống không gian trống.

Bốn loại hình không gian trên nằm trong một hệ thống không gian trống liên tục. Tùy thuộc vào quy mô, ý nghĩa của mỗi một đô thị, cũng như những đặc trưng của

cảnh quan thiên nhiên, mà tương quan cũng như thành phần của các loại hình kiến trúc cảnh quan có sự khác nhau.

Không gian vườn - công viên có thể bao gồm : công viên trung tâm (có ý nghĩa toàn đô thị, vùng miền hay toàn quốc), công viên thể thao, công viên giải trí, công viên triển lãm, công viên thực vật, công viên thú, công viên rừng, công viên tưởng niệm, vườn cảnh, vườn tưởng niệm và vườn công trình. Trong đó công viên trung tâm đóng vai trò quan trọng trong hệ thống vườn, công viên đô thị. Ở đây thường tiến hành các hoạt động văn hóa giáo dục và thể thao, cũng như nghỉ ngơi giải trí có tính quần chúng. Do đó không gian xanh thường lớn và có mặt nước với các tổ hợp quần thể phức tạp của các yếu tố hình khối tạo cảnh. Bởi vậy vị trí công viên thường được chọn ở nơi có nhiều yếu tố thiên nhiên đặc sắc, thuận lợi, làm cơ sở cho việc hình thành không gian chức năng và cảnh quan công viên. Vị trí của công viên trung tâm có vai trò quyết định đến việc hình thành cơ cấu không gian khu trung tâm công cộng đô thị. Ngược lại các trục bố cục chính của khu trung tâm công cộng có ý nghĩa nhất định trong việc xác định hệ thống cổng và giao thông chính trong công viên.

Không gian khu mặt nước chủ yếu gồm các khu mặt nước lớn như biển, sông hồ. Mặt nước lớn thường là nơi quần tụ của hệ thống vườn - công viên, trung tâm bố cục đô thị hay là vùng trung tâm công cộng. Mặt nước góp phần quan trọng trong việc hình thành cơ cấu không gian tổng đô thị. Hình dạng và khả năng tạo hình của mặt nước luôn phải xem như là cơ sở của việc tìm tòi giải pháp kiến trúc toàn đô thị, cũng như ở mỗi một vùng chức năng trong đô thị. Không gian khu mặt nước, đôi khi chỉ được sử dụng hai bên bờ để bố trí các công trình xây dựng. Lúc này mặt nước trở thành tuyến giao thông và là gương soi bóng công trình.

Không gian sân - quảng trường bao gồm các sân thể dục thể thao có vị trí độc lập trong đô thị, các sân trong khu trung tâm công cộng, các quảng trường trong đô thị. Ở đây các quảng trường không đơn thuần là đầu mối giao thông mà chủ yếu là không gian giao tiếp xã hội. Các sân - quảng trường là nơi hội tụ của dòng người cũng đồng thời là vùng tiếp xúc thị giác tương đối lớn và có ảnh hưởng nhất định đến giải pháp quy hoạch và kiến trúc các khu vực bao quanh.

Không gian đường phố có vai trò rất quan trọng trong việc định hướng tầm nhìn và mở cảnh, qua đó biểu hiện phần lớn hình ảnh. Không gian đường phố có nhiều loại, phân thành đường phố có sân vườn hoặc boulevard và đường phố thông thường. Trong trường hợp đầu không gian đường phố rất phong phú và đa dạng và có thể kết hợp đi bộ.

17- Cảnh quan thiên nhiên trong khu vực xây dựng đô thị được sử dụng theo hai dạng : cải tạo từng phần và biến đổi hoàn toàn. Cảnh quan thiên nhiên trong quá trình đô thị hóa không thể tránh khỏi sự can thiệp của con người. Sự khác nhau của môi trường nhân tạo đã buộc các yếu tố thiên nhiên tồn tại trong đô thị phải trải qua quá trình biến đổi không ngừng cho phù hợp với hệ thống sinh thái. Tuy nhiên sự biến

đổi này phải đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị và trong mối quan hệ tương hỗ với cảnh quan nhân tạo.

18- Cảnh quan lịch sử là một nhân tố đặc biệt biểu hiện cá tính của mỗi một đô thị, đồng thời có những giá trị thẩm mỹ và môi trường nhất định cần được bảo tồn. Nhưng để tránh sự xâm lấn và hủy hoại của môi trường đô thị hóa cần phải đưa ra vùng bảo vệ - vùng này có khi rộng vài chục héc ta, còn tùy thuộc vào mức độ bảo tồn và cường độ ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa.

19- Việc sử dụng cảnh quan thiên nhiên hiện có và cảnh quan lịch sử vào hệ thống kiến trúc cảnh quan trên 4 loại hình nêu trên cần được kết hợp chức năng sử dụng, giá trị tạo dựng môi trường sinh thái và thẩm mỹ nhằm hòa nhập vào môi trường đô thị một cách hoàn chỉnh và có hiệu quả cao.

20- Các yếu tố hình khối tạo cảnh luôn là thành phần cơ bản tạo dựng bố cục hình khối - không gian và trang trí trong vườn - công viên, khu mặt nước, sân quảng trường và đường phố; tạo nên ba xu hướng bố cục cơ bản là cân xứng, tự do, hỗn hợp giữa hai xu hướng cân xứng và tự do.

21- Yếu tố con người ngày nay đang trở thành một trong những tiêu điểm quan trọng không đơn thuần trong mối quan hệ sinh thái đô thị mà còn là thành phần của cảnh quan đô thị, đặc biệt trong các không gian giao tiếp lớn.

Chương ba

QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ CẢNH QUAN

III.1. CÁC NGUYÊN TẮC BỐ CỤC CẢNH QUAN

1. Các cơ sở của việc bố cục cảnh quan

Mỗi một bố cục cảnh quan có toát lên được giá trị thẩm mỹ hay không phụ thuộc vào các giác quan của con người, chủ yếu là thị giác. Song hiệu quả thu nhận ra sao còn phụ thuộc vào các điều kiện nhìn, bao gồm *điểm nhìn*, *tầm nhìn* và *góc nhìn* (hình 37).

1. Điểm nhìn

Điểm nhìn là vị trí đứng nhìn. Nếu vị trí nhìn cùng chiều ánh sáng thì chi tiết của các vật thể được nhìn nổi rõ. Ngược lại khi vị trí ngược chiều ánh sáng thì chi tiết của các vật thể bị lu mờ đi còn đường bao vật thể nổi rõ hơn do sự tương phản của khoảng sáng bao quanh và diện tối toàn thân của vật thể.

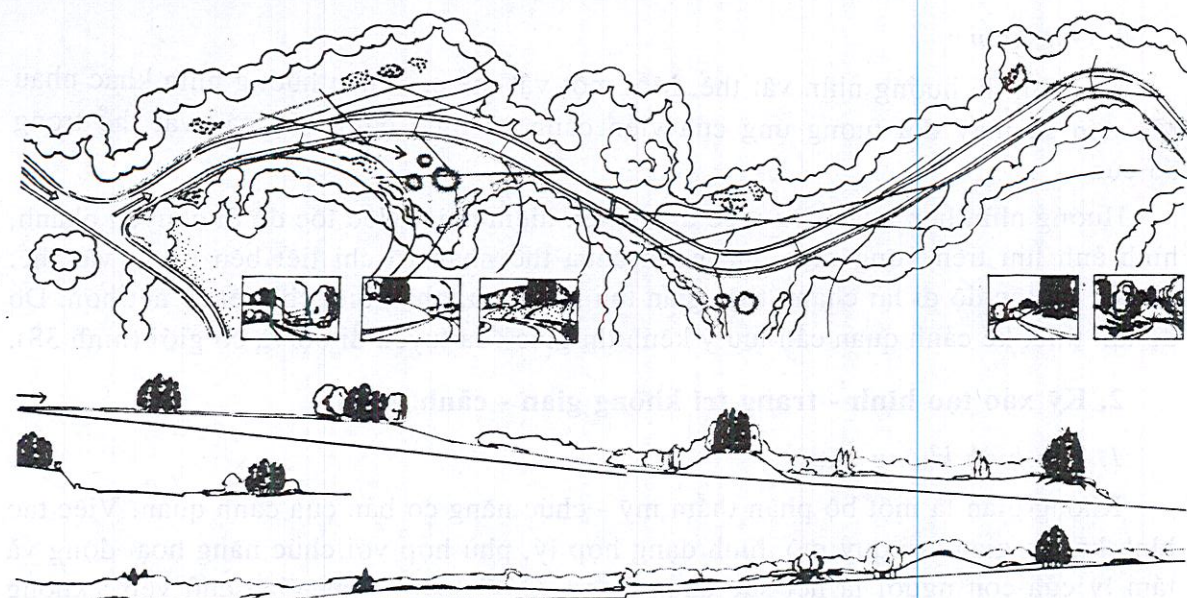
2. Tầm nhìn

Tầm nhìn là khoảng cách từ điểm nhìn tới tiêu điểm nhìn (vật thể được nhìn). Khoảng cách này có mối quan hệ gắn bó với đặc tính quang học của mắt, chiều cao và ngang của vật thể và chi tiết, chất liệu bề mặt vật thể (cấu tạo mặt ngoài).

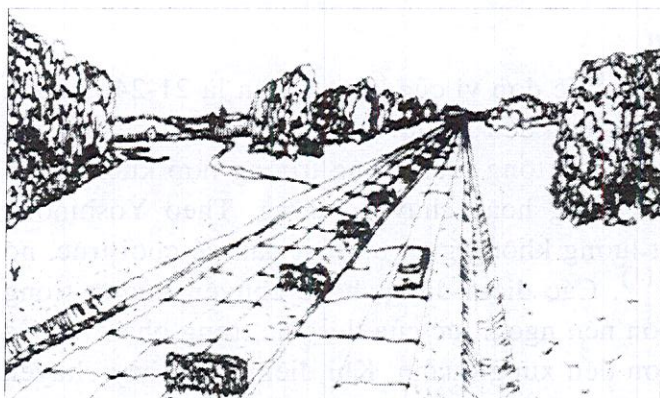
Đặc tính quang học của mắt người bình thường cho phép nhìn rõ trong góc hình nón 28° . Với góc này tương quan giữa khoảng cách nhìn và chiều cao, ngang của vật thể là 2 thì cho phép thu nhận trọn vẹn toàn thể vật thể $D/2L$ ($2H$). Song nếu muốn quan sát vật thể (là một ngôi nhà chẳng hạn) trong không gian rộng có bầu trời, cây cỏ xung quanh, cần được nhìn dưới góc 18° , nghĩa là $D/3L$ ($3H$). Như vậy tỷ lệ D/L (H) là tương quan quan trọng để xác định chất lượng của không gian. Nếu D/L (H) nhỏ hơn 1 ; tác động nội tại của các thành phần bao quanh không gian rất mạnh mẽ, không gian nhỏ hẹp, con người cảm thấy kín, khó thở và sợ hãi. $D/L(H)$ bằng 1 : cảm giác có sự cân bằng tỷ lệ với con người, gây ấn tượng thân mật, gần gũi. D/L (H) từ $1 \div 2$: vẫn còn cảm giác cân xứng. D/L (H) lớn hơn 2 ; không gian trở nên trống chệnh, kém lực hút và mối quan hệ giữa các thành phần tạo không gian trở nên lỏng lẻo.

Song nếu L hay H có kích thước 150 m, để nhìn được trọn vẹn vật thể, tức D/L (H) = 2 thì phải đứng cách xa 300m. Ở khoảng cách này không thể nhìn thấy chi tiết, chất liệu trang trí bề mặt vật thể. Do đó khi thiết kế cảnh quan cần phải lưu ý cơ sở này.

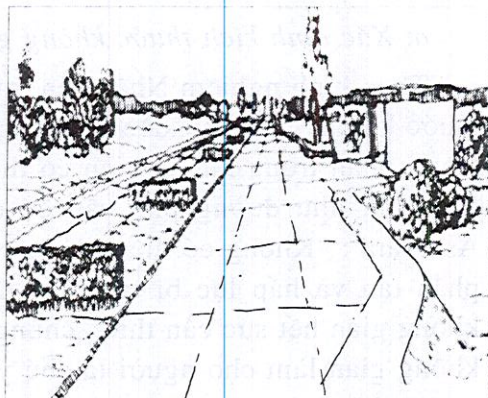
Qua điều tra xã hội học, D có kích thước không quá 25m là khoảng cách nhìn rõ, hợp lý và gần gũi. Theo kinh nghiệm của Nhật Bản việc thiết kế cảnh quan cũng cần theo module tương tự như bước cột trong thiết kế công trình. Module trong cảnh quan hợp lý là 21 - 24m. Đây là một đơn vị tiêu chuẩn trong thiết kế cảnh quan gần với tỷ lệ con người.



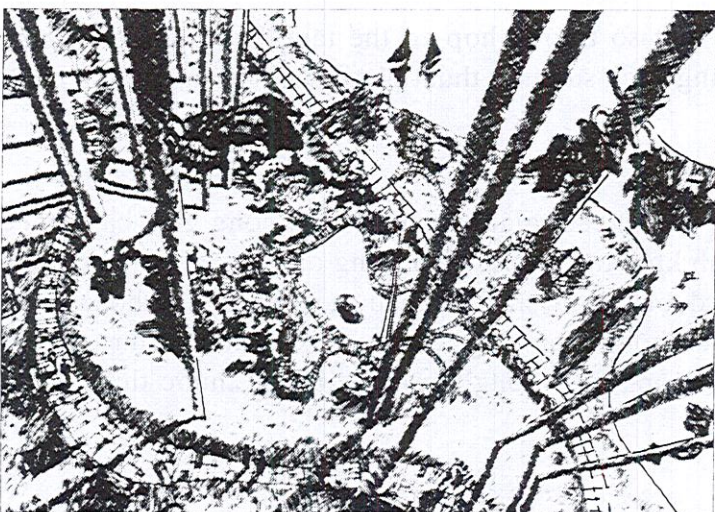
a)



b)



c)



d)



d)

Hình 37: Giải pháp bố cục cảnh quan phụ thuộc vào điểm nhìn và tâm nhìn.

a) Đường là hệ thống các điểm nhìn; b), c), d) Bố cục phong cảnh hai bên đường phụ thuộc vào chức năng giao thông - Phối kết cây trên đường giao thông cơ giới; d) Điểm nhìn xiên.

3. Góc nhìn :

Góc nhìn là hướng nhìn vật thể. Mỗi một vật thể có nhiều hướng nhìn khác nhau dẫn đến sự thay đổi tương ứng của viễn cảnh và hình dạng của các vật thể trong bố cục.

Hướng nhìn liên quan đến việc di chuyển điểm nhìn. Nếu tốc độ di chuyển nhanh, hình ảnh lưu trên võng mạc quá ngắn chưa thể nhận rõ chi tiết bên trong vật thể. Ngược lại tốc độ đi lại chậm, thời gian thu nhận lâu, nhận biết chi tiết rõ nét hơn. Do đó khi thiết kế cảnh quan cần lưu ý kênh thị giác của tuyến đi bộ và cơ giới (hình 38).

2. Kỹ xảo tạo hình - trang trí không gian - cảnh quan

1. Tạo hình không gian

Không gian là một bộ phận thẩm mỹ - chức năng cơ bản của cảnh quan. Việc tạo hình không gian với quy mô, hình dạng hợp lý, phù hợp với chức năng hoạt động và tâm lý của con người là hết sức quan trọng. Có 3 loại không gian chủ yếu : không gian mở, không gian đóng và không gian hỗn hợp đóng mở (hình 39).

a. Xác định kích thước không gian

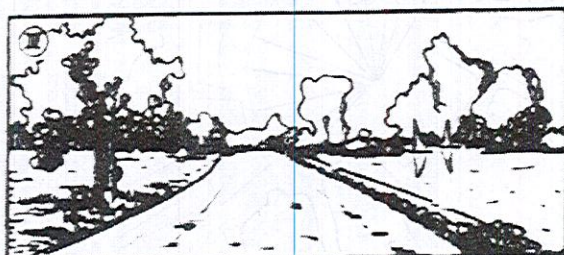
Theo kinh nghiệm Nhật Bản, một module đơn vị của không gian là 21-24m. Kích thước không gian từ 1 đến 5 đơn vị, cùng lắm đến 10 đơn vị là phạm vi tối đa để các thành phần trong không gian có thể hòa hợp tổng thể. Trong trường hợp không gian chạy dài như đường phố cần có điểm dừng hoặc chuyển hướng. Theo Yoshinobu Ashinara : "Không có điểm dừng chất lượng không gian bị nhạt dần về cuối trục, nó phân tán và hấp lực bị tan biến đi" ⁽¹⁾. Các điểm dừng, hoặc chuyển hướng trong không gian hết sức cần thiết, chúng dồn nén ngoại lực của thị giác trong phạm vi của không gian làm cho người ta chú ý hơn đến xung quanh. Khi điểm dừng hay chuyển hướng là những công trình độc đáo, chúng nổi bật rõ là những mốc (Land marks), những điểm nhấn thị giác quan trọng và là đặc trưng, ngữ nghĩa cho đô thị (hình 40a, b, 41, 42).

Ngoài kích thước thực, trong một số trường hợp có thể tăng hay giảm cảm giác về độ nông sâu của không gian bằng cách sử dụng thuật phối cảnh tuyến và phối cảnh không trung.

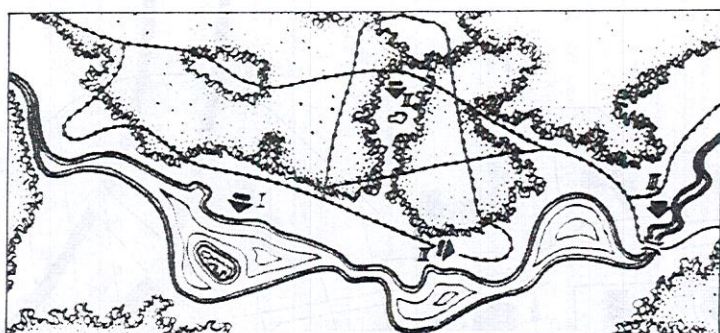
- Thuật phối cảnh tuyến

Đó là thuật biến đổi (tăng hay giảm) cảm giác về chiều sâu không gian bằng việc thay đổi kích thước các yếu tố hình khối tạo không gian (tăng dần hay giảm dần). Các yếu tố hình khối tạo không gian được bố trí sát dần nhau theo chiều sâu hoặc giảm dần độ cao gây cảm giác chiều sâu không gian tăng lên so với kích thước thực. Bố trí ngược lại sẽ tạo cảm giác độ sâu không gian nông hơn so với kích thước thực.

(1) Sách đã dẫn



a)



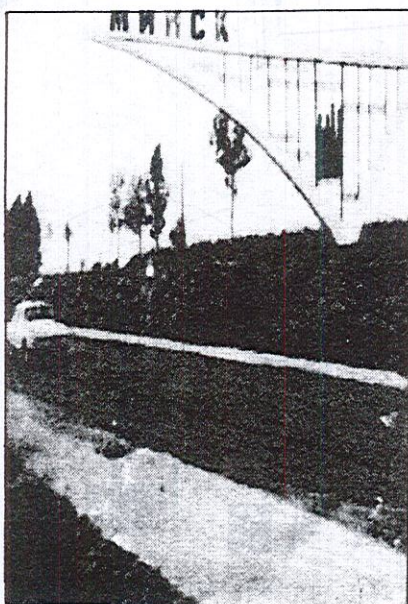
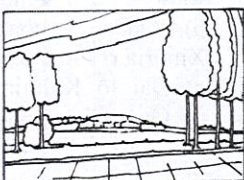
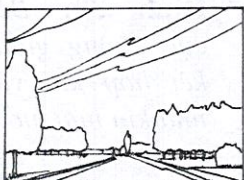
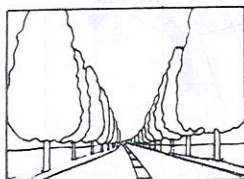
Hình 38: Giải pháp bố cục cảnh quan phụ thuộc vào tốc độ giao thông.

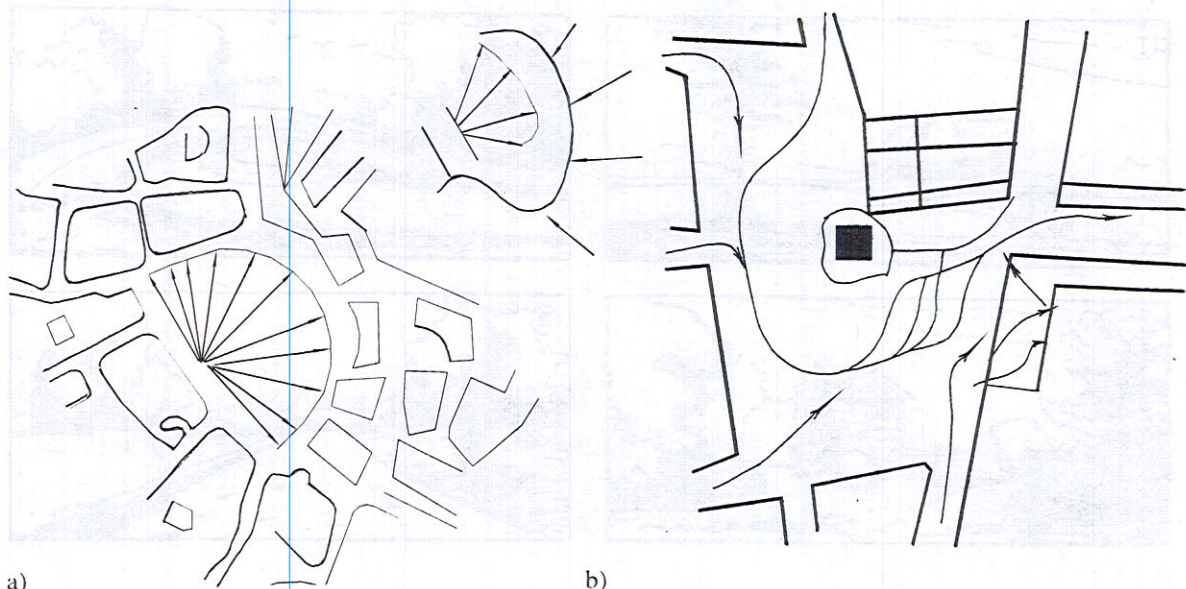
a), b) Các giải pháp tổ chức phong cảnh trong công viên trên cơ sở điểm nhìn dọc tuyến đi bộ; c), d) Các giải pháp cây xanh và thông tin trên đường quốc lộ.

b)

c)

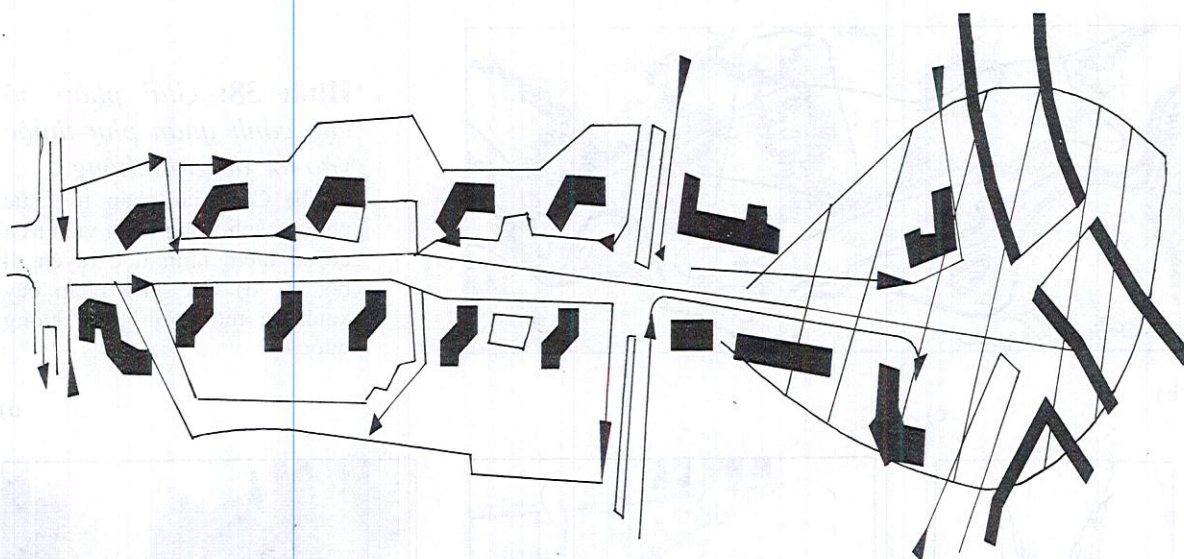
d)



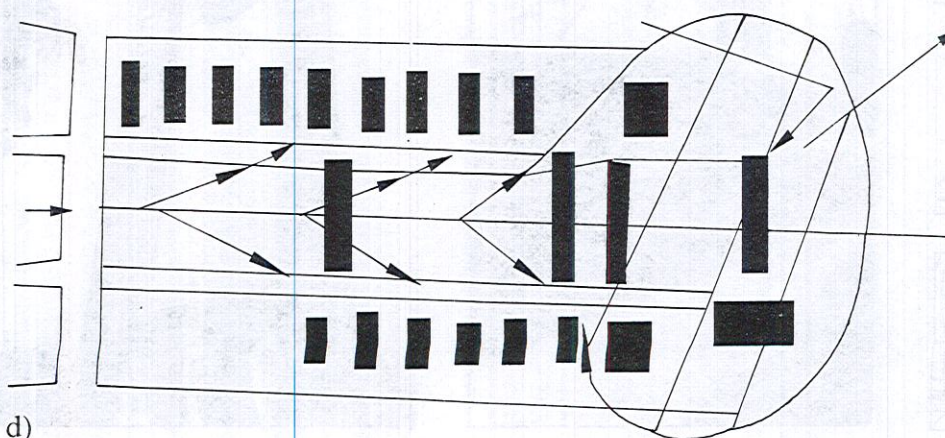


a)

b)



c)



d)

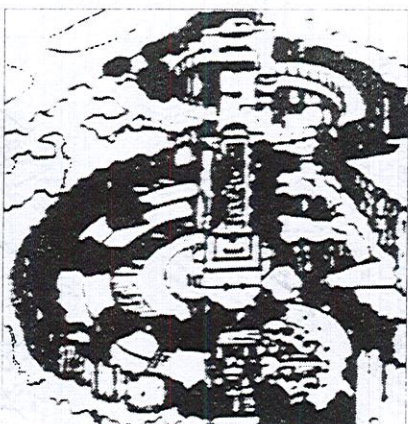
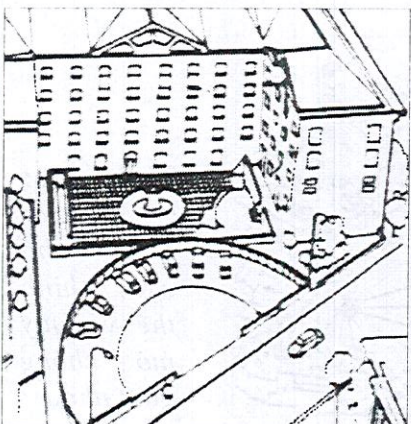
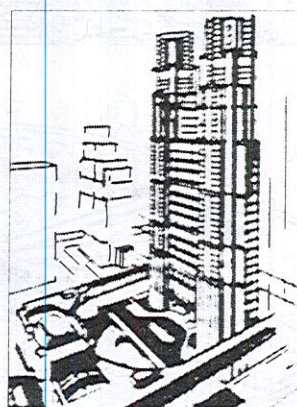
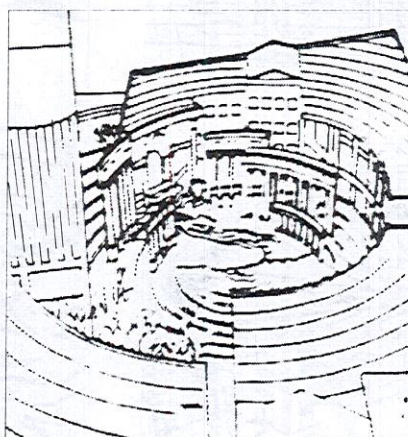
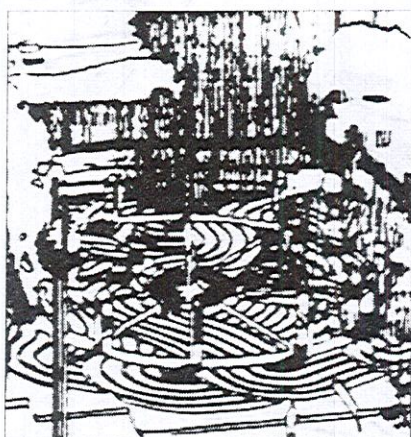
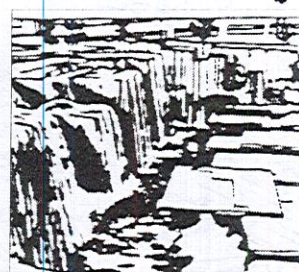
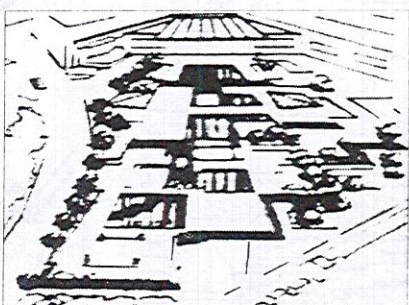
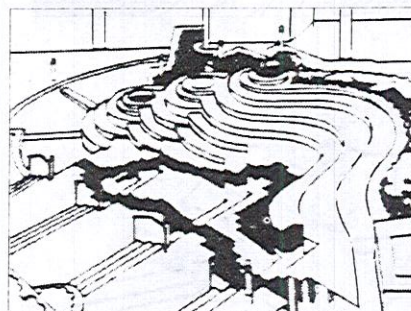
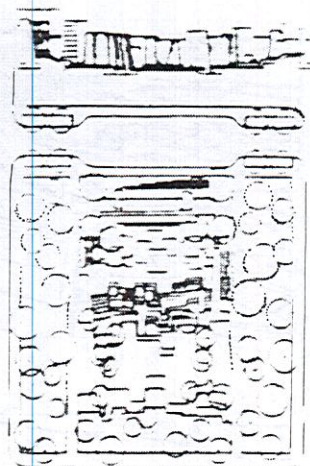
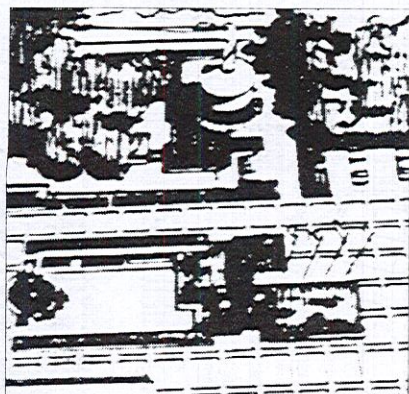
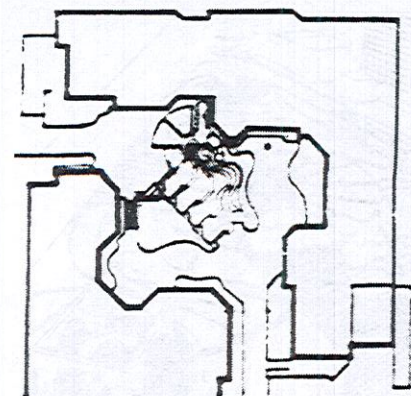
Hình 39: Bố cục không gian kết hợp kín và nửa kín nửa mở.

a) Quảng trường Del. Campo bên bờ sông Seine;

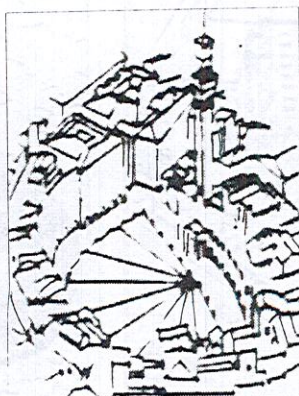
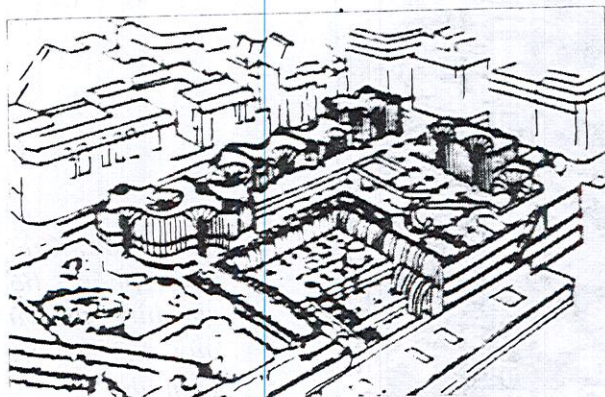
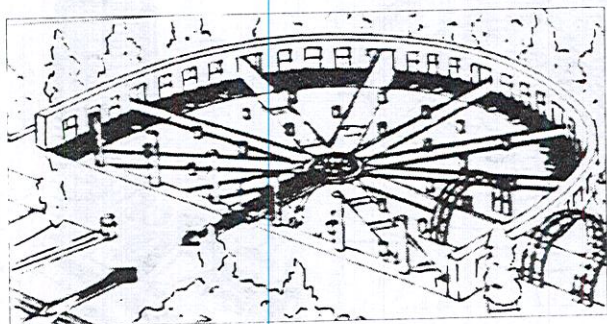
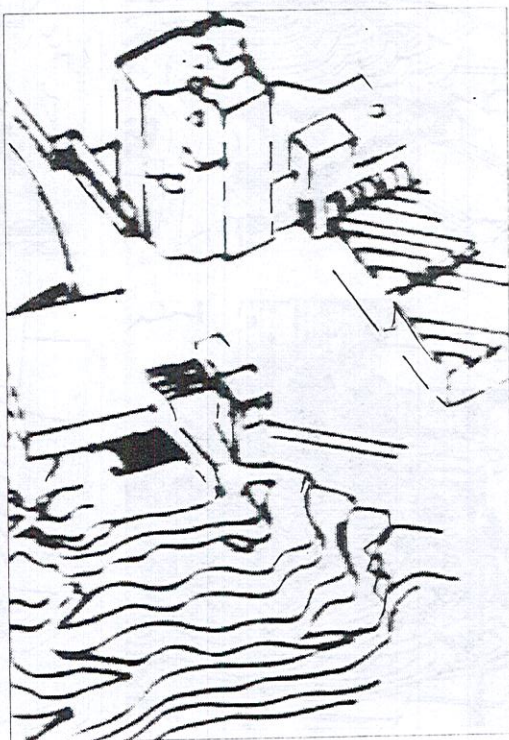
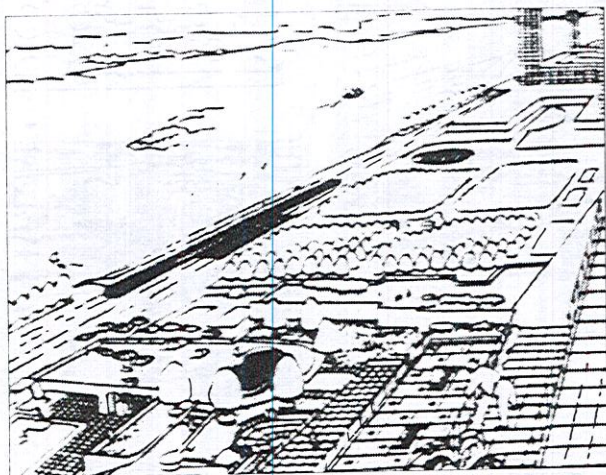
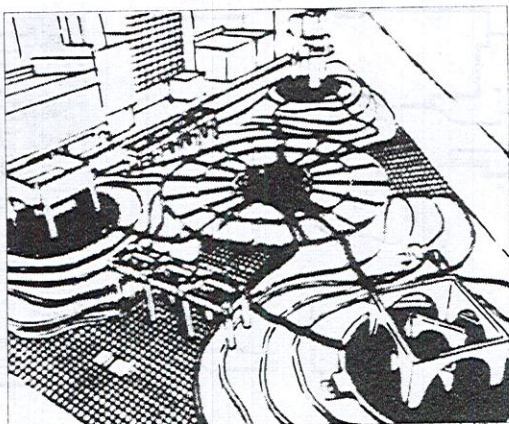
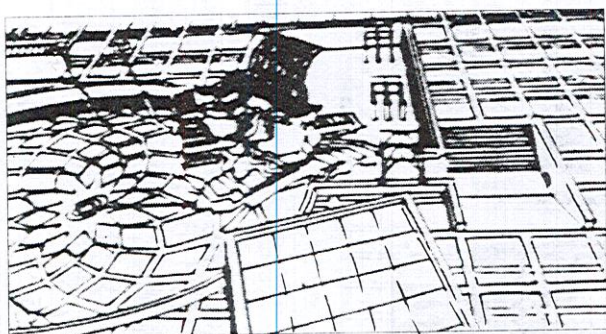
b) Quảng trường Xinoria ở Florence;

c) Đại lộ Kalinin;

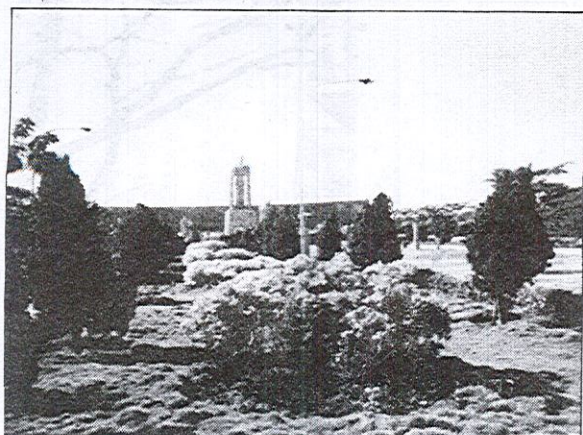
d) Quần thể trung tâm Braxin, mật bằng.



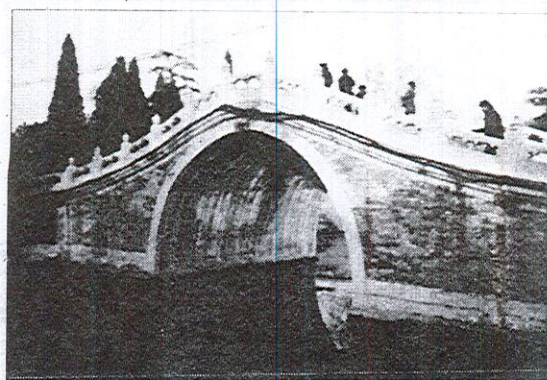
Hình 40a: Các giải pháp bố cục hình thể và quy mô không gian nhỏ.



Hình 40b:
Các giải pháp bố cục hình thể và quy mô không gian nhỏ.

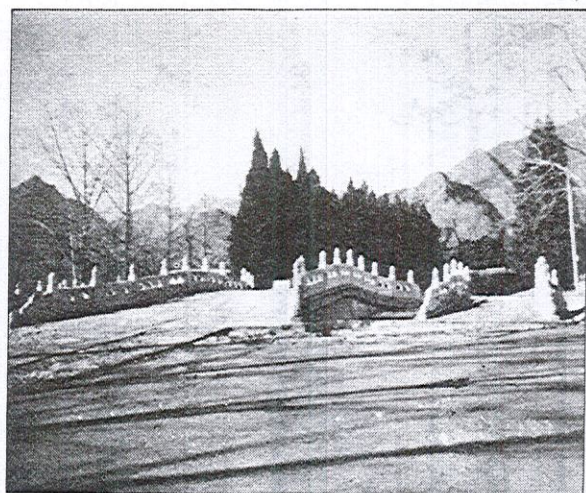


a)



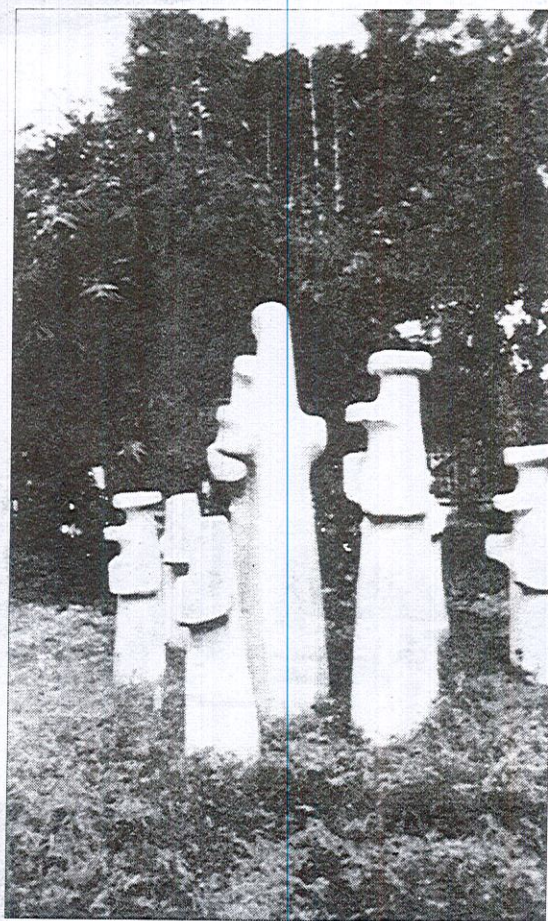
b)

đ)



c)

d)



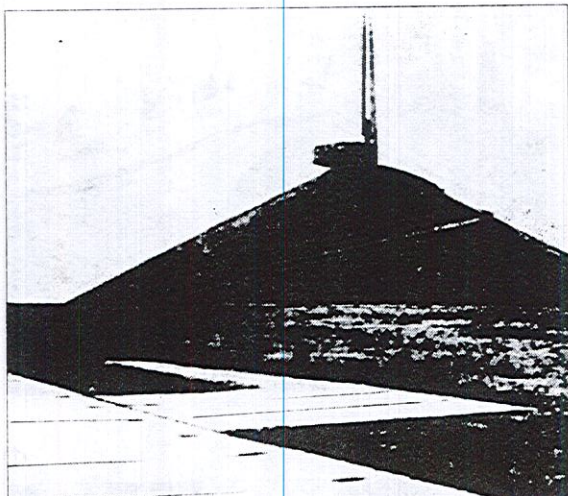
Hình 41: Các mốc tạo điểm nhấn không gian.

a) Nghĩa trang thành phố Hồ Chí Minh; b) Cầu trong vườn hoa Cảnh Sơn, Bắc Kinh; c), d) Cầu trong khu Thập Tam Lăng, Bắc Kinh; đ) Vườn tượng trang trí của bà Điểm Phùng Thi ở Huế

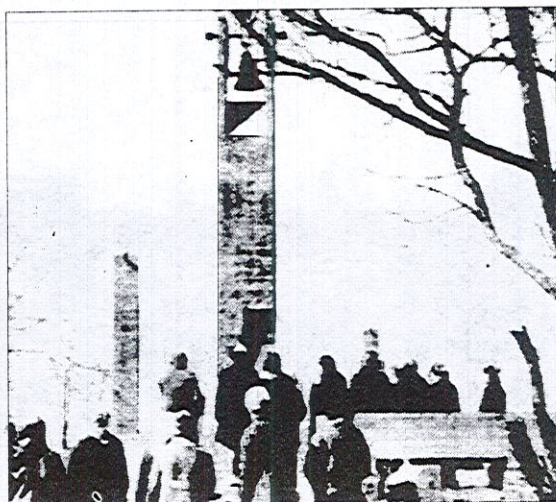


THƯ VIỆN
HUBT

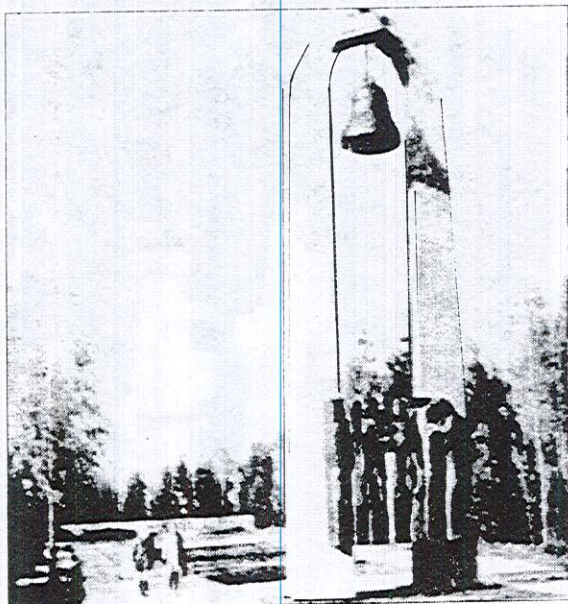
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



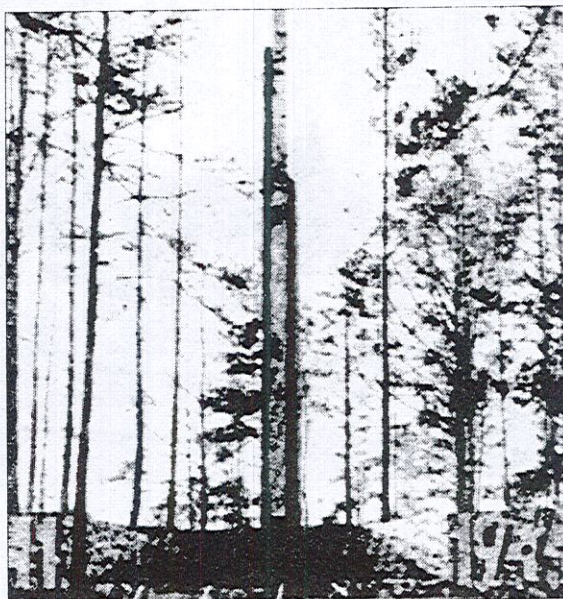
a)



b)



c)



d)



Hình 42: Đài tưởng niệm là một trong những điểm nhấn của không gian.
a) Ngôi mộ của những người làm nên chiến thắng;
b) Khatun; c) Đài tưởng niệm 3000 người Tiệp Khắc (cũ) chống phát xít bị xử bắn vào tháng 6 năm 1942 ở cánh rừng Gai gần Baranovit; d) Đài tưởng niệm nơi hoạt động bí mật của Đảng Cộng sản;
đ) Điều khắc trang trí trong công viên Versailles.

- Thuật phối cảnh không trung

Đó là thuật biến đổi (tăng hay giảm) cảm giác về chiều sâu không gian bằng việc thay đổi màu sắc (màu nóng dần hoặc lạnh dần) các yếu tố hình khối tạo không gian. Do trong không gian có tầng khí quyển, màu sắc bị phủ bởi tầng khí này làm cho mờ đi và biến màu. Màu vàng thành xanh lá cây, da cam chuyển sang màu đỏ thẫm và gần với màu tím, màu xanh thành màu xanh thẫm, màu xanh lá cây thành màu xanh, màu trắng ngả sang hơi xám. Như vậy màu thuộc tông lạnh sẽ mờ hơn so với màu thuộc tông nóng.

Nếu cuối trục không gian sử dụng màu thuộc tông lạnh ta có cảm giác sâu hơn và ngược lại ta có cảm giác nông hơn so với thực tế.

b. Xử lý các thành phần tạo không gian

* Nền

Kiến trúc nền là thành phần cơ bản của không gian. Sự lồi lõm của nó đã tạo nên cảm giác về các không gian - chức năng khác nhau. Sự chênh lệch cao độ giữa đường dành cho xe cơ giới với vỉa hè đã tạo nên hai không gian sử dụng riêng.

Các yếu tố hình khối được bố trí trên mặt nền góp phần quan trọng để phân định không gian như những bậc thang, tường chắn đất, bức tường thấp, bể nước v.v... tạo nên chuỗi không gian liên tục (hình 43).

Các yếu tố trang trí trên bề mặt nền góp phần tạo không gian sinh động (hình 44). Có thể rút ra một số kỹ xảo xử lý mặt nền như sau :

- Tạo chênh lệch cao độ mặt nền

Tùy thuộc vào ý nghĩa chức năng hoặc ý đồ tư tưởng, có thể tạo một số mặt nền có độ chênh khác nhau. Một số lăng vua Nguyễn ở Huế đã sử dụng kỹ xảo này để ngăn chia không gian chức năng của lăng đồng thời tạo tính trang nghiêm và thu hút.

- Kết hợp nâng cao nền và sử dụng tường ngăn

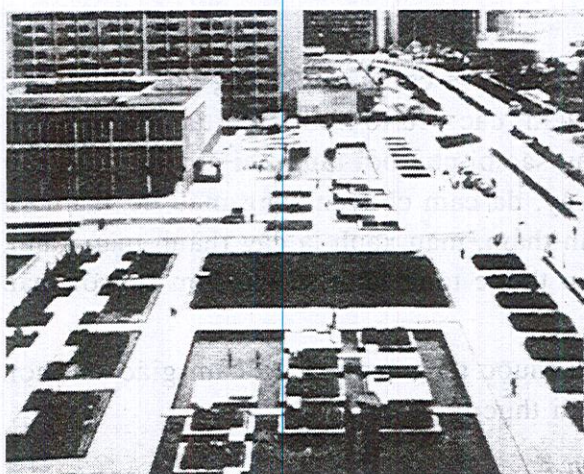
Nếu như kỹ xảo nâng cao nền tạo sự phân chia ước lệ không gian thì việc sử dụng tường chắn đất kết hợp ngăn không gian lại nhấn mạnh sự phân chia không gian và dồn nén thị giác vào từng khoang. Đôi khi tạo nên không gian biệt lập (trong trường hợp tường cao trên tầm mắt). Việc sử dụng tường ngăn trong không gian Văn Miếu - Quốc Tử Giám - Hà Nội là một ví dụ.

* "Tường"

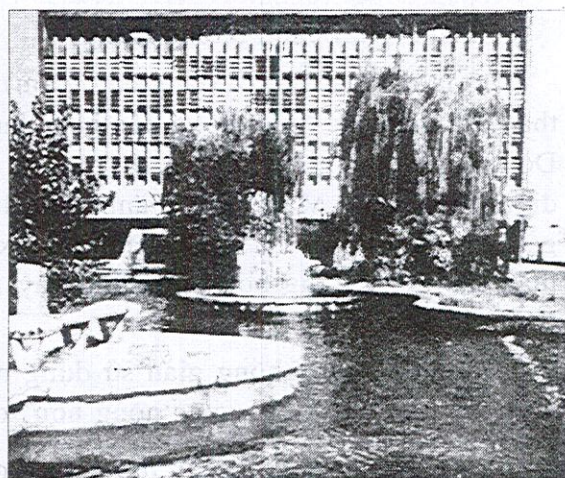
"Tường" trong không gian - cảnh quan là các mặt đứng của công trình kiến trúc. Có 3 loại hình không gian chủ yếu :

- Không gian đóng
- Không gian mở
- Không gian nửa đóng nửa mở

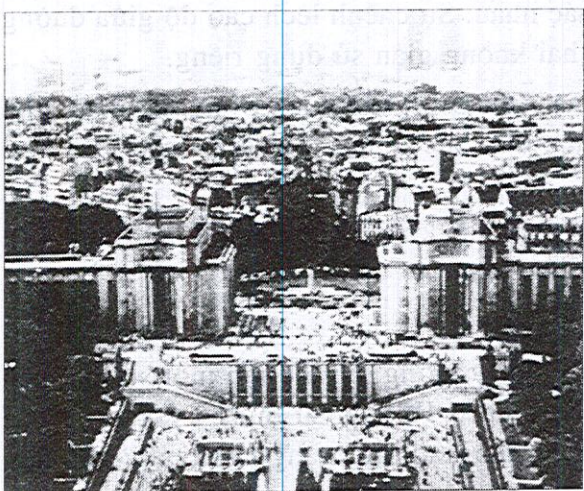
Không gian đóng là không gian bị bao bọc cả 4 phía



a)



b)



c)



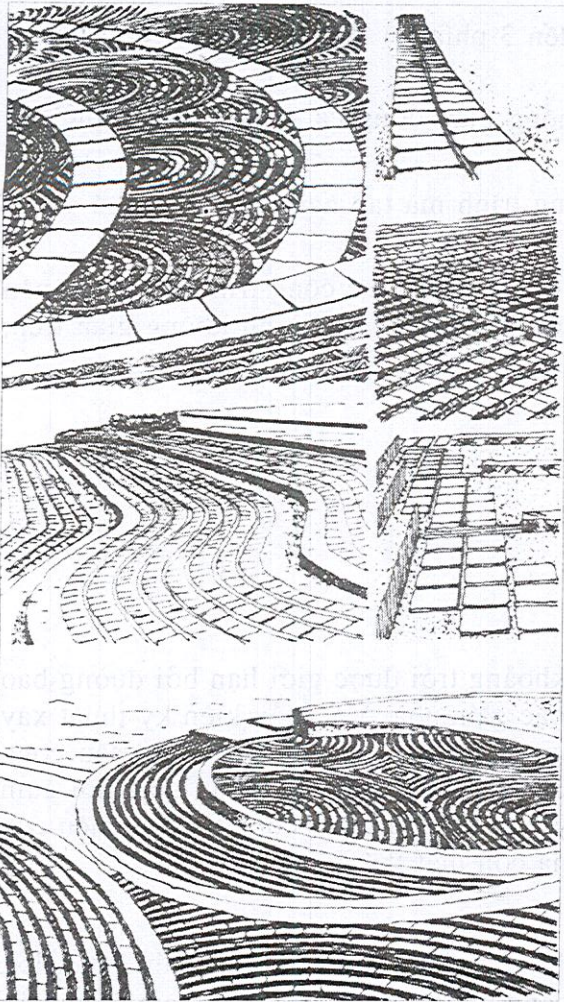
d)



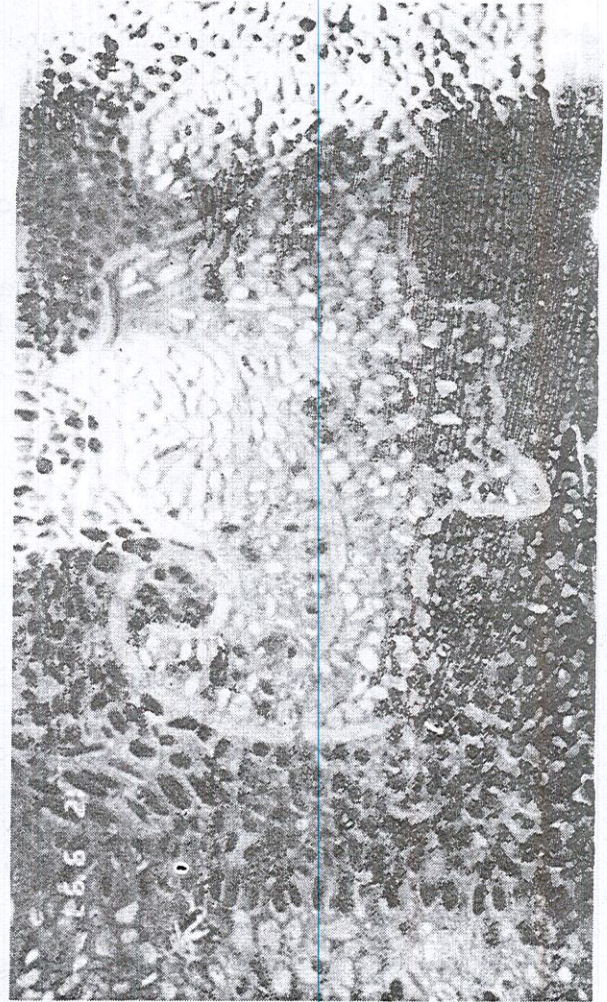
e)

Hình 43: Tạo hình bề mặt đất là một trong những giải pháp quan trọng để xử lý không gian.

a) Tạo hình bề mặt đất của quảng trường thành phố Navoi; b) Bể nước trên quảng trường ở thành phố Askhabad; c) Phong cảnh Paris với cấu trúc lõi lõm của bề mặt đất; d) Không gian đường phố ở thành phố Mĩnxc; đ) Phố đi bộ.



a)



b)



c)

Hình 44: Sự phong phú của các họa tiết trang trí và chất liệu nền góp phần tăng giá trị tạo hình mặt đất.

a) Một số giải pháp họa tiết trang trí nền;
b) Trang trí nền bằng sỏi trên đường dạo trong Ngự viên, Cổ Cung, Bắc Kinh;
c) Trang trí nền bằng sỏi trong Dự viên, Thượng Hải.

Không gian mở là không gian mở từ 1 đến 3 phía (vì không trung bị giới hạn ít nhất 1 phía mới được gọi là không gian).

Còn không gian nửa đóng nửa mở là không gian đóng cả 4 phía nhưng một số phía không đóng kín.

Tùy vào sự lỗi lổm của bề mặt đứng công trình mà tạo nên sự phong phú và đa dạng của ba kiểu không gian trên.

Đồng thời, các vị trí và hình dạng của tổ hợp kiến trúc công trình cũng tạo nên sự cảm nhận về không gian khác nhau là biến thể của ba loại hình không gian trên, bao gồm (hình 45) :

- Không gian khép dần
- Không gian khuyết tán
- Không gian xoay
- Không gian đa hướng
- Không gian định hướng

* "Trần"

"Trần" trong không gian - cảnh quan là khoảng trời được giới hạn bởi đường bao của mái nhà của các mặt đứng công trình, hoặc gầm nhà. Với điều kiện kỹ thuật xây dựng hiện nay, có thể tạo sự thâm nhập của không gian - cảnh quan vào sâu công trình xây dựng bằng cách chống cột, đưa console vượt khỏi mặt nhà, hoặc nối cụm công trình bằng nhà cầu trên không. Như vậy, đòi hỏi kiến trúc công trình nghiên cứu không chỉ 5 mặt (4 mặt đứng và mặt mái) mà còn mặt thứ 6 (gầm nhà).

c. Tạo cảnh và trang trí không gian

Các yếu tố tạo cảnh và trang trí trong không gian có thể là địa hình (phần lồi, kiến trúc công trình, cây hay các tác phẩm hoành tráng - trang trí (xem thêm ở mục 4). Phần này giới thiệu về kỹ xảo xử lý yếu tố tạo cảnh để gây ấn tượng về sự biến đổi không gian.

Có 4 giải pháp xử lý không gian mặt nước :

- Bố trí cây trên bờ trước cao hơn bờ đối diện sẽ gây ấn tượng mặt nước có chiều sâu hơn.

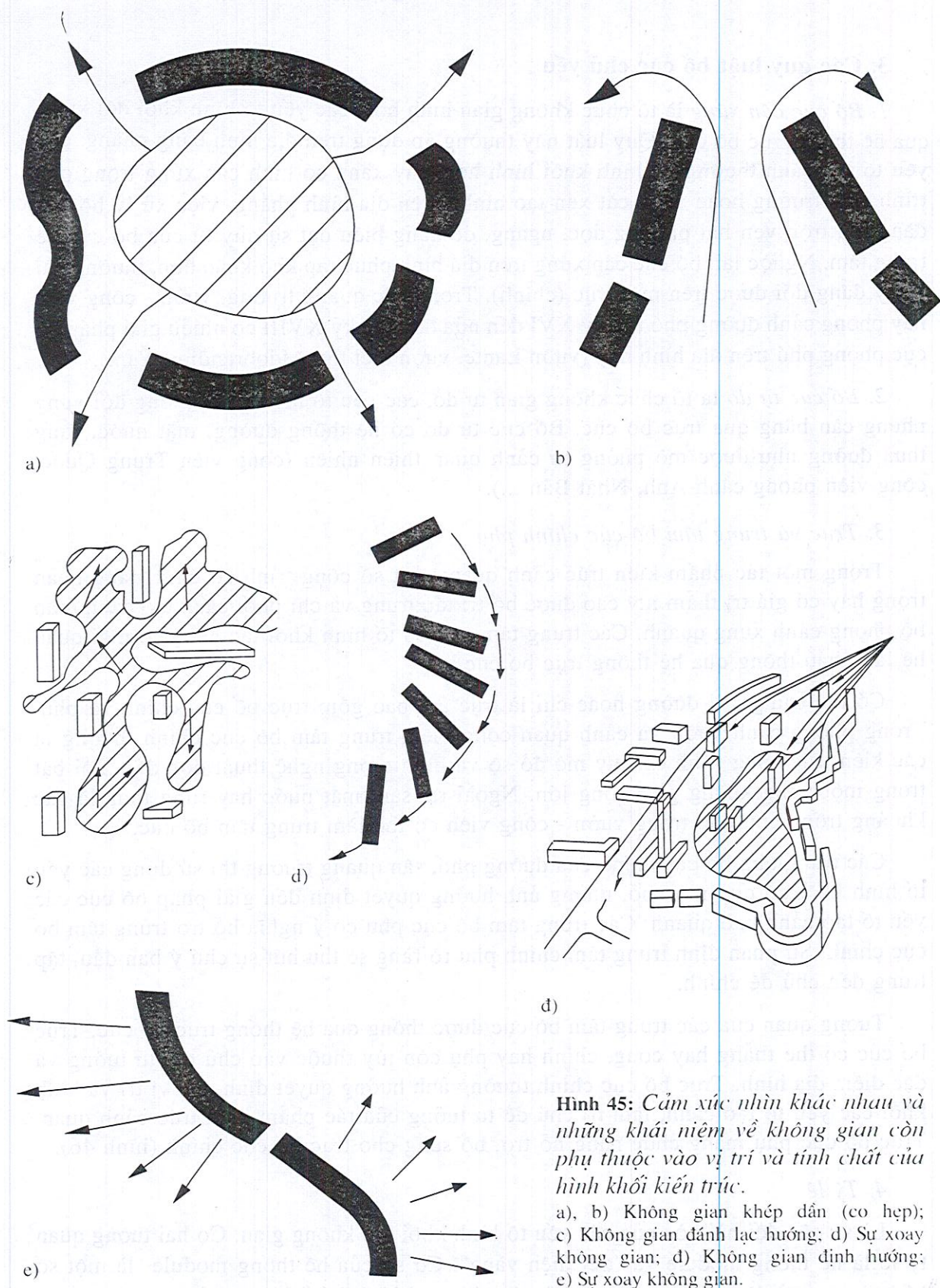
- Tạo kênh hẹp, dùng cây hoặc gò đồi, công trình che lấp sẽ làm mặt hồ rộng, như hút về phía kênh gây chiều sâu hơn của không gian mặt nước.

- Cải tạo đường bờ, hình thành bán đảo. Trên bán đảo có thể bố trí công trình, đắp đồi, trồng cây để che đường bờ hồ nước sẽ gây ấn tượng đường bờ chạy vô tận làm liên tưởng mặt nước rộng hơn.

- Tạo đảo trên mặt nước. Trên đảo bố trí công trình, đắp đồi hoặc trồng cây để che đường bờ cũng gây ấn tượng như trên.

Việc xử lý không gian bề mặt đất (như quảng trường, sân ...) cũng tương tự như bề mặt nước.

Việc trang trí không gian bao gồm : đường nét, họa tiết, chất liệu và màu sắc.



Hình 45: Cảm xúc nhìn khác nhau và những khái niệm về không gian còn phụ thuộc vào vị trí và tính chất của hình khối kiến trúc.

- a), b) Không gian khép dần (co hẹp);
 c) Không gian đánh lạc hướng; d) Sự xoay không gian; e) Không gian định hướng;
 e) Sự xoay không gian.

3. Các quy luật bố cục chủ yếu

1. *Bố cục cân xứng* là tổ chức không gian hình học, các yếu tố hình khối đối xứng qua hệ thống trục bố cục. Quy luật này thường áp dụng trên địa hình bằng phẳng, các yếu tố tạo cảnh thường có hình khối hình học, cây xanh có hình cân xứng trong quá trình sinh trưởng hoặc được cắt xén tạo hình. Trên địa hình bằng phẳng, việc xử lý bố cục đăng đối trọn vẹn hai phương dọc, ngang, dễ dàng biểu đạt sự quy tụ của bố cục về trung tâm. Ngược lại, bố cục cân xứng trên địa hình phức tạp khó khăn hơn, thường chỉ xử lý đăng đối được trên một trục (chính). Trong các quảng trường, vườn - công viên hay phong cảnh đường phố thế kỷ XVI đến nửa đầu thế kỷ XVIII có nhiều giải pháp bố cục phong phú trên địa hình này (vườn Lante, vườn biệt thự Aldobrandini (Ý)...).

2. *Bố cục tự do* là tổ chức không gian tự do, các yếu tố hình khối không đối xứng nhưng cân bằng qua trục bố cục. Bố cục tự do có hệ thống đường, mặt nước, rừng thưa đường như được mô phỏng từ cảnh quan thiên nhiên (công viên Trung Quốc, công viên phong cảnh Anh, Nhật Bản ...).

3. Trục và trung tâm bố cục chính phụ

Trong một tác phẩm kiến trúc cảnh quan, một số công trình có chức năng quan trọng hay có giá trị thẩm mỹ cao được bố trí tập trung và chi phối cách tạo cảnh toàn bộ phong cảnh xung quanh. Các trung tâm và yếu tố hình khối tạo cảnh có mối quan hệ lẫn nhau thông qua hệ thống trục bố cục.

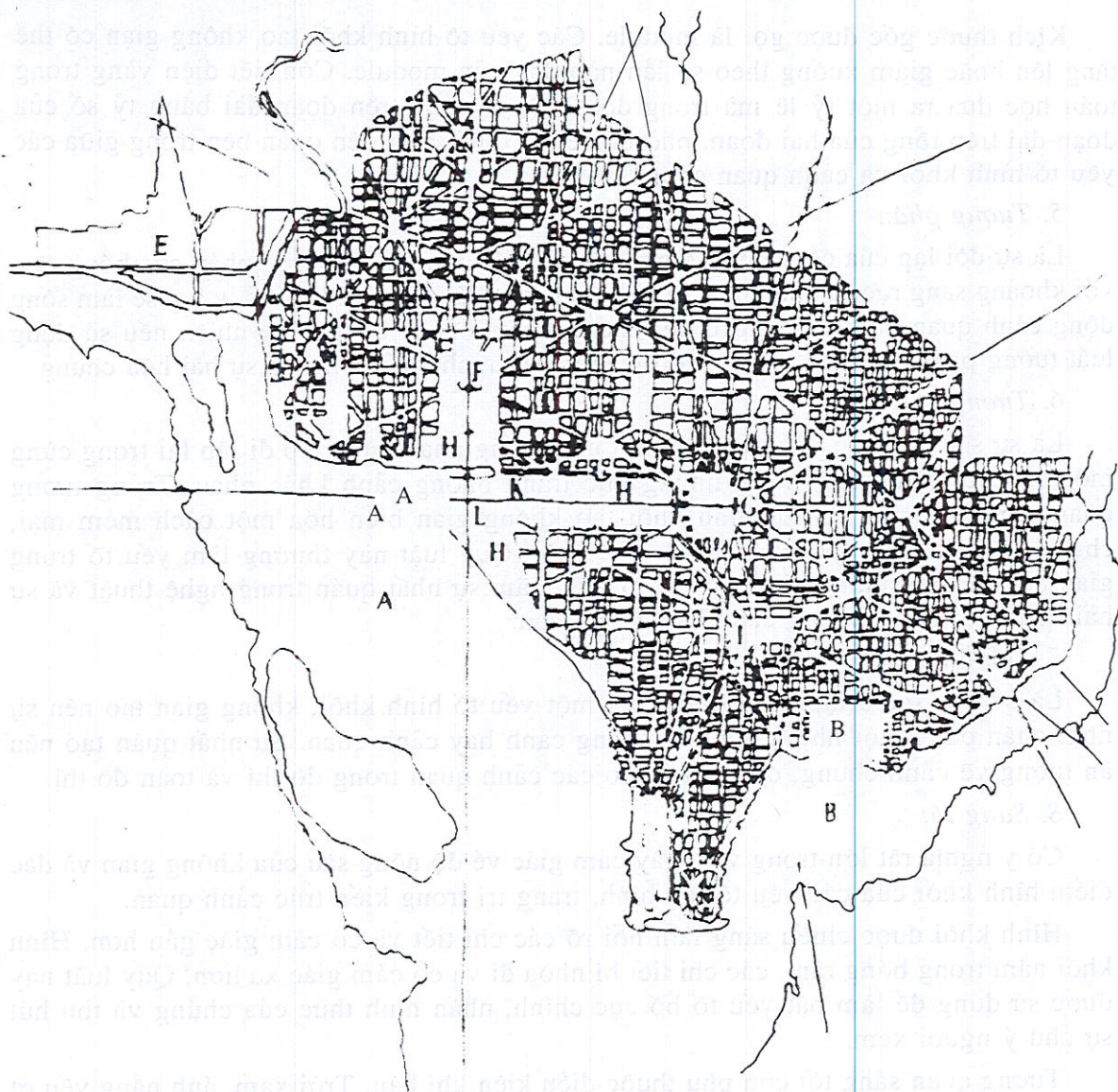
Có thể trùng với đường hoặc chỉ là trục ảo, bao gồm trục bố cục chính và phụ. Trong phong cảnh vườn và cảnh quan công viên, trung tâm bố cục chính thường là các kiến trúc công trình có quy mô đồ sộ và hình tượng nghệ thuật độc đáo, nổi bật trong một vùng không gian rộng lớn. Ngoài ra, sân, mặt nước hay rừng thưa là các khoảng trống chủ đạo trong vườn - công viên có thể làm trung tâm bố cục.

Các trung tâm bố cục chính của đường phố, sân quảng trường thì sử dụng các yếu tố hình khối có quy mô nhỏ, nhưng ảnh hưởng quyết định đến giải pháp bố cục các yếu tố tạo cảnh bao quanh. Các trung tâm bố cục phụ có ý nghĩa hỗ trợ trung tâm bố cục chính. Sự phân định trung tâm chính phụ rõ ràng sẽ thu hút sự chú ý ban đầu, tập trung đến chủ đề chính.

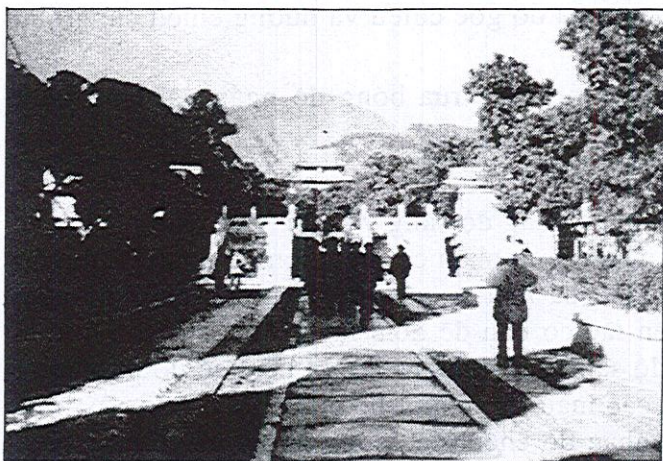
Tương quan của các trung tâm bố cục được thông qua hệ thống trục bố cục. Trục bố cục có thể thẳng hay cong, chính hay phụ còn tùy thuộc vào chủ đề, tư tưởng và đặc điểm địa hình. Trục bố cục chính thường ảnh hưởng quyết định đến vị trí và hình khối các yếu tố tạo cảnh, làm rõ chủ đề tư tưởng của tác phẩm kiến trúc cảnh quan. Trục bố cục phụ mang chức năng hỗ trợ, bổ sung cho trục bố cục chính (hình 46).

4. Tỷ lệ

Là sự cân đối hài hòa của các yếu tố hình khối tạo không gian. Có hai tương quan tỷ lệ là hệ thống module và "tiết diện vàng". Cơ sở của hệ thống module là một số kích thước gốc làm chuẩn cho tất cả các phạm vi hình khối không gian.



b)



Hình 46: Trục bố cục là một trong những phương pháp tổ chức cảnh quan từ xưa tới nay.

a) Mặt bằng Washington với các trục bố cục: A. Sông Potomac, B. Nhánh sông phía đông, C. Sông Tiber được tạo thành bởi con kênh đào, E. Nghĩa địa, F. Phủ Tổng thống, G. Capitol, H. Cảnh quan sử dụng công cộng, J. Điểm nhìn từ quả đồi, L. Tượng đài Washington; b) Trục "Thần đạo" trong khu cảnh quan Thập Tam lăng, Trung Quốc.

Kích thước gốc được gọi là module. Các yếu tố hình khối tạo không gian có thể tăng lên hoặc giảm xuống theo số lần nào đấy của module. Còn tiết diện vàng trong toán học đưa ra một tỷ lệ mà trong đó số đoạn ngắn trên đoạn dài bằng tỷ số của đoạn dài trên tổng của hai đoạn, nhờ đó sẽ tạo được mối liên quan bên trong giữa các yếu tố hình khối và cảnh quan chung.

5. Tương phản

Là sự đối lập của các yếu tố hình khối và hiện tượng. Sự tương phản của bóng râm với khoảng sáng rực rỡ của không gian trống, màu lá xanh với hoa đỏ .v.v... sẽ làm sống động cảnh quan và biểu hiện rõ nét đặc trưng của cảnh quan. Tuy nhiên nếu sử dụng luật tương phản dàn đều sẽ gây cảm giác về sự tranh chấp, phá vỡ sự hài hòa chung.

6. Tương tự

Là sự sắp xếp các yếu tố hình khối gần giống nhau được lặp đi lặp lại trong cùng một bố cục chung hay trong những bức tranh phong cảnh khác nhau. Trong tương quan tương tự, các yếu tố hình khối tạo không gian biến hóa một cách mềm mại, chuyển dần, không có sự khác biệt đột ngột. Quy luật này thường làm yếu tố trung gian nối các cặp tương phản với nhau, bảo đảm sự nhất quán trong nghệ thuật và sự hài hòa chung của phong cảnh hay cảnh quan.

7. Đồng nhất

Là bố cục được lặp đi lặp lại cùng một yếu tố hình khối, không gian tạo nên sự nhất quán cùng một nhịp điệu của phong cảnh hay cảnh quan. Sự nhất quán tạo nên ấn tượng về cảnh chung, đặc trưng cho các cảnh quan trong đô thị và toàn đô thị.

8. Sáng tối

Có ý nghĩa rất lớn trong việc gây cảm giác về độ nông sâu của không gian và đặc điểm hình khối của các yếu tố tạo hình, trang trí trong kiến trúc cảnh quan.

Hình khối được chiếu sáng làm nổi rõ các chi tiết và có cảm giác gần hơn. Hình khối nằm trong bóng râm, các chi tiết bị nhòa đi và có cảm giác xa hơn. Quy luật này được sử dụng để làm bật yếu tố bố cục chính, nhấn hình thức của chúng và thu hút sự chú ý người xem.

Tương quan sáng tối còn phụ thuộc điều kiện khí hậu. Trời xám, ánh nắng yếu ớt thì bóng đổ nhẹ, hoặc gần như tương phản sáng tối không rõ ràng. Mức độ sáng tối còn phụ thuộc thời gian trong ngày, theo mùa do góc chiếu và hướng chiếu cũng như độ cao mặt trời khác nhau.

Buổi sáng bóng đổ dài, rõ ràng và đậm, buổi trưa bóng đổ ngắn và đậm, buổi chiều bóng đổ không đậm và kém rõ nét.

9. Màu sắc

Có được sự hài hòa về màu sắc phải cân bằng độ sáng và diện tích chiếm của các mảng màu trong bố cục. Nếu hai tông màu tương phản có diện tích bề mặt chiếm như nhau trong cùng một mảng đồng nhất thì phá mất sự cân bằng về độ sáng của màu và gây cảm giác chói. Bởi vậy, nguyên tắc cơ bản để đem lại sự hòa sắc trong kiến trúc cảnh quan là phải cân bằng được độ sáng của màu. Mỗi một màu có độ phát sáng khác nhau, để cân bằng được độ sáng, các màu trong một bố cục phải có diện tích bề mặt khác nhau. Màu càng tương phản nhau độ chênh lệch đó càng lớn.

III.2. QUY HOẠCH CẢNH QUAN

1. Quy hoạch cảnh quan vùng - nông thôn

Quy hoạch cảnh quan ngoài việc quy hoạch vùng còn nghiên cứu đề xuất cải tạo, bảo vệ, khai thác thiên nhiên và tổ chức cảnh quan. Khu đất của vùng miền được phân chia thành các khu, bao gồm : khu đô thị và làng bản, khu ngoại đô, khu khai thác khoáng sản, khu đất bảo vệ nước, khu nghỉ mát, nơi nghỉ ngơi - giải trí, khu bảo tồn, rừng cấm, khu di tích, công viên thiên nhiên và quốc gia.

Trong các khu trên, ngoài giao thông nội bộ còn có đường nối các khu với nhau, có thể là đường sắt, bộ, thủy hay hàng không. Tất cả có thể quy thành hai nhóm yếu tố : Nhóm tạo khối do xây dựng với thành phần nhân tạo chiếm ưu thế (đô thị, khu công nghiệp...) và nhóm nằm trong không gian trống với thành phần thiên nhiên chiếm ưu thế (nơi nghỉ ngơi, giải trí, rừng cấm...). Tương quan tỷ lệ của nhóm tạo khối trội sẽ dễ dẫn tới hậu quả nhiễm bẩn môi trường, thay đổi khí hậu, sinh thái ảnh hưởng đến sự sống của thế giới sinh vật.

a. Nguyên tắc phân vùng cảnh quan

Việc sử dụng đất đai cho các mục đích kinh tế khác nhau đã nảy sinh một số vấn đề sau đây :

- Mâu thuẫn trong việc chọn đất cho các ngành kinh tế quốc dân khác nhau : ví dụ như nếu các xí nghiệp công nghiệp được bố trí trên các bờ nước (sông, biển...) sẽ rất thuận tiện cho việc vận chuyển nguyên, nhiên liệu và hàng hóa, nhưng đây cũng chính là nơi có giá trị cho việc tổ chức nghỉ ngơi và phân bố dân cư ; Khu công nghiệp trên mảnh đất màu mỡ có thể thuận tiện vì cạnh nguồn nguyên nhiên liệu, nhân lực, nhưng lại chiếm mất một vị trí có giá trị canh tác cao v.v...).

- Làm gia tăng sự thiếu hụt các tài nguyên thiên nhiên dẫn đến sự mất cân bằng tự nhiên vốn có (do việc phân bố đất đai cho các ngành kinh tế khác nhau không dựa trên quan điểm sinh thái - cảnh quan).

- Việc không có kế hoạch sử dụng thiên nhiên nhất quán trong các vùng có tiềm lực công nghiệp cao, mật độ dân cư dày đặc, đất canh tác màu mỡ và giàu tài nguyên thiên nhiên đã gây ra một số mâu thuẫn trong vấn đề bảo vệ môi trường. Mâu thuẫn đó, trước hết là giữa vị trí của khu công nghiệp mới với hệ thống dân cư. Các xí nghiệp công nghiệp thường được bố trí trên các khu đất có giá trị canh tác, vì phần lớn các điểm dân cư xuất hiện trên những vùng đất đai màu mỡ, bảo đảm cho việc phát triển kinh tế ngoại thành. Vị trí các công trình công nghiệp độc hại gần nơi ở đã dẫn đến việc khai thác khu đất có giá trị cho việc phân bố dân cư dành cho các quần thể công nghiệp, và người lao động phải ở trên các khu đất có những nhân tố xấu cho việc ở và nghỉ ngơi.

- Việc tuân theo các nguyên tắc hiện hành về khoảng cách vệ sinh cũng không thể bảo đảm sự trong sạch của môi trường. Bởi vì công suất của các xí nghiệp ngày càng gia tăng, nhiều quần thể công nghiệp lớn với chiều rộng và phạm vi độc hại thường xuyên thay đổi xuất hiện. Nếu đẩy các công trình công nghiệp có độ độc hại cao xa điểm dân cư này thì chúng lại bắt đầu ảnh hưởng đến điểm dân cư khác, đến

vùng nghỉ ngơi - giải trí v.v... Do đó, phải có những nguyên tắc mới, và phải dựa trên việc phân vùng vĩ mô theo sinh thái cảnh quan cho các khu đất lớn để áp dụng cho việc bố trí tương hỗ các công trình có ý nghĩa kinh tế quốc dân khác nhau (vùng địa lý - kinh tế, vùng địa - vật lý, tỉnh, liên tỉnh và cả nước).

Nguyên tắc đó, trước hết, *phải bảo vệ những khu đất có các quá trình tự nhiên cân bằng ổn định* bằng cách phân chia vùng chức năng lớn chủ yếu cho các khu bảo vệ thiên nhiên sau đây : khu nghỉ mát - vui chơi giải trí (bờ biển, rừng, vùng có khí hậu ôn hòa...) ; khu sử dụng tốt nhất cho nông - lâm nghiệp (đất đai màu mỡ có giá trị nhất cho việc trồng cây công - nông nghiệp năng suất cao) ; Khu thuận lợi cho việc phân bố dân cư ; trong đó có cả các xí nghiệp công nghiệp không độc hại (không thải chất độc vào khí quyển, nước và đất, không gây mức ồn cao, không yêu cầu thành lập tuyến vận chuyển phức tạp do khối lượng hàng hóa không lớn), vì chính lưu lượng giao thông lớn sẽ ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Vị trí các xí nghiệp công nghiệp độc hại phải xa dân cư, xa các khu đất thuận lợi nhất cho việc tổ chức chữa bệnh, nghỉ ngơi. Nơi ở và nơi làm việc nối với nhau bằng giao thông cao tốc. *Tốt nhất là bố trí khu công nghiệp ở chỗ đất đai cần cỗi. Việc nghiên cứu này với các khu đất nêu trên như một phương pháp cạnh tranh nhau và phải xác định trên cơ sở nghiên cứu sâu các điều kiện khí hậu bảo đảm sự ảnh hưởng ít nhất của các công trình công nghiệp độc hại đến các vùng bao quanh.*

Bởi vậy, việc đầu tiên của quy hoạch cảnh quan vùng là phải chọn được khu vực thiên nhiên cần phải bảo vệ và khu vực có thể cải tạo cho các hoạt động kinh tế khác. Thảm thực vật phong phú, hệ thống sông lạch, kênh... vùng núi non trùng điệp v.v... là những đặc trưng cảnh quan của mỗi vùng miền cần được bảo vệ và khai thác cho các hoạt động nghỉ ngơi - giải trí và du lịch.

Một trong những phần quan trọng của việc bảo vệ môi trường xung quanh và thiên nhiên là vấn đề bảo vệ và khôi phục các *tài nguyên vui chơi - giải trí*. Giá trị kinh tế của chúng là ở chỗ chúng tạo ra những khả năng hồi phục và nâng cao sức khỏe của nhân dân. Đồng thời các tài nguyên vui chơi - giải trí này (bờ biển, sông, vùng núi, các mảnh rừng lớn...) còn giữ được một cách tương đối sự cân bằng tự nhiên của toàn bộ tổ phần cảnh quan thiên nhiên.

Cho đến nay, các nhà sinh vật học nói chung và sinh thái nói riêng vẫn chưa trả lời được câu hỏi về quy mô khu đất có sự cân bằng sinh thái không bị phá vỡ và cần thiết để có thể tạo ra những điều kiện tối ưu cho việc cư trú và nghỉ ngơi của nhân dân ở vùng lân cận.

Việc đưa ra thông số cân bằng sinh thái và giải quyết những nhiệm vụ này là rất phức tạp, đòi hỏi một thời gian dài và những chi phí đáng kể. Cho nên việc khai thác các khu đất vui chơi - giải trí cần phải trùng với một khía cạnh nào đó của thiên nhiên là vấn đề cần quan tâm.

Có 3 mục đích sử dụng đòi hỏi những yêu cầu khác nhau trên khu đất vui chơi giải trí, đó là :

1- Khu đất có nguồn thiên nhiên dùng để chữa bệnh (nước khoáng, suối nước nóng...), có các điều kiện khí hậu thuận lợi nhất cho việc bố trí các khu điều dưỡng được gọi là "vùng chữa bệnh".

2- Khu đất có những điều kiện khí hậu thuận lợi, phong cảnh ngoạn mục thường được sử dụng cho việc bố trí các công trình nghỉ ngơi trong thời gian dài và ngắn cho nhân dân.

3- Khu đất chứa các di tích thiên nhiên, văn hóa vật chất (kiến trúc), các hiện tượng tự nhiên hiếm có... nổi bật lên bởi phong cảnh ngoạn mục và những điều kiện khí hậu tự nhiên thuận lợi, là nơi được tổ chức cho du lịch.

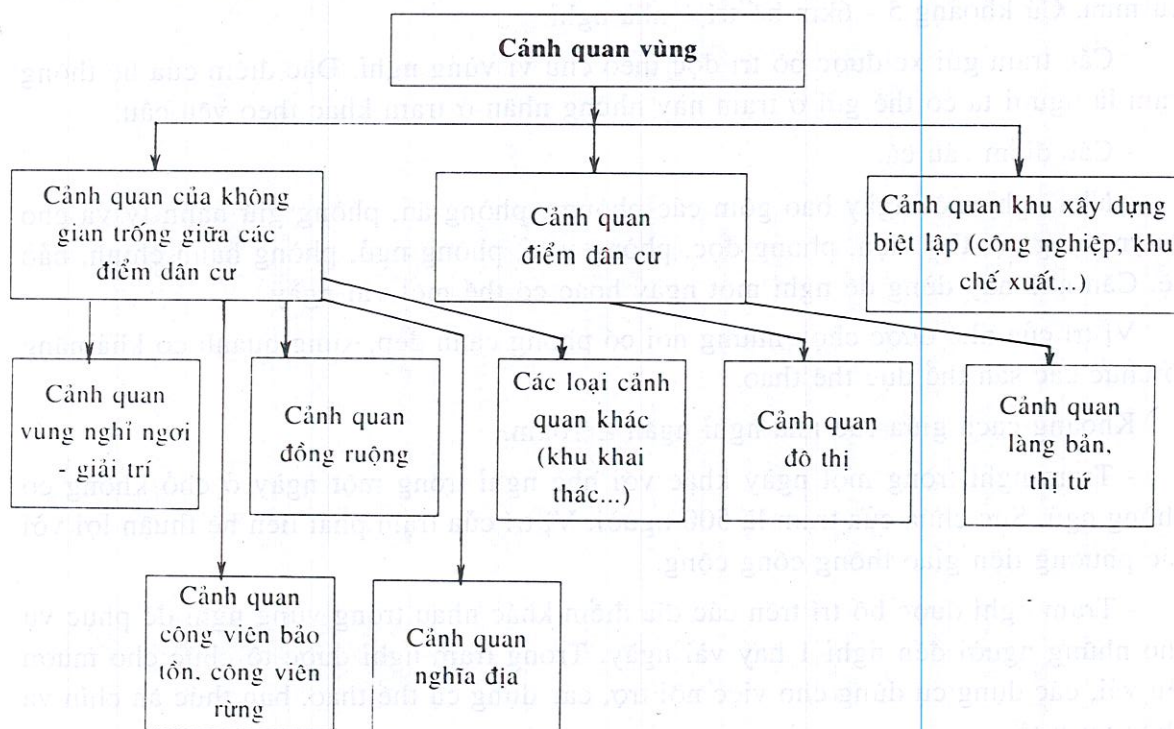
Ngày nay, người ta dùng thuật ngữ "Khu đất vui chơi - giải trí" là để chỉ sự thống nhất của 3 khu đất trên.

Kết quả kinh tế xã hội khách quan của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật là việc thay đổi tương quan chi phí thời gian lao động - sinh hoạt và nghỉ ngơi, thời gian rảnh rỗi do rút ngắn ngày làm việc trong tuần và tăng số ngày nghỉ phép năm. Điều đó đã đòi hỏi phải giữ gìn tất cả những tài nguyên vui chơi - giải trí có giá trị.

b. Các loại hình cảnh quan vùng

Trên cơ sở chức năng và đặc trưng, cảnh quan vùng được chia thành các loại hình sau đây : không gian trống giữa các điểm dân cư (vùng nghỉ ngơi - giải trí, công viên bảo tồn, công viên rừng, đồng ruộng...); không gian xây dựng các điểm dân cư (sơ đồ 6); không gian xây dựng biệt lập.

Sơ đồ 6 : Phân loại cảnh quan vùng



Sau đây là một số loại cảnh quan chủ yếu :

1. Cảnh quan vùng nghỉ ngơi – giải trí

Những nơi có giá trị lớn nhất về chất lượng thiên nhiên thường là ở ngoại thành của những thành phố lớn. Nơi đó có thể tận dụng để tổ chức những vùng nghỉ ngơi công cộng như trên các bề mặt nước lớn, các mảng rừng lớn (đôi khi các mảng rừng lớn được lập thành những công viên rừng).

Để bảo vệ thiên nhiên cần phải hạn chế số lượng người đến nghỉ. Thông thường không được vượt quá 10 người/1 ha. Trong trường hợp ở những chỗ tập trung đông người như bãi tắm... thì có thể lên đến 30 người.

Các công trình cần thiết trong vùng nghỉ ngơi công cộng bao gồm :

- Bãi tắm là dải bờ liên tục và bằng cát có chiều rộng $\geq 30\text{m}$. Diện tích là $7\text{ m}^2/\text{người}$. Trên bãi tắm cần được bố trí các điểm phục vụ như : Phòng gửi hành lý, phòng cho mượn dụng cụ, phòng dịch vụ, trạm y tế, nhà trú mưa, vệ sinh.

Trong trường hợp số lượng người nghỉ ở bãi tắm lớn thì có thể bố trí thêm các trạm phục vụ như sau :

Cửa hàng ăn uống, nhà nghỉ, thư viện, trạm thể thao dưới nước và cầu nhảy, bể bơi, các khán đài nhỏ, bến thuyền, ga ra ô tô, xe máy và xe đạp. Dọc theo bờ với khoảng cách 150 - 200m bố trí 1 nhà vệ sinh công cộng.

- Nhà nghỉ, trong đó có chỗ cho mượn sách báo và các dụng cụ cần thiết như ô, ghế, võng. Có phòng y tế và điện thoại, có hiên nghỉ, nhà nghỉ cũng có thể dùng để trú mưa. Cứ khoảng 5 - 6km bố trí 1 nhà nghỉ.

- Các trạm gửi xe được bố trí dọc theo chu vi vùng nghỉ. Đặc điểm của hệ thống trạm là người ta có thể gửi ở trạm này nhưng nhận ở trạm khác theo yêu cầu.

- Các điểm câu cá.

- Nhà nghỉ một ngày bao gồm các phòng : phòng ăn, phòng giữ hành lý và cho mượn dụng cụ, thư viện, phòng đọc, phòng y tế, phòng ngủ, phòng hành chính, bảo vệ. Căn nhà này dùng để nghỉ một ngày hoặc có thể một vài ngày.

Vị trí của nhà được chọn những nơi có phong cảnh đẹp, xung quanh có khả năng tổ chức các sân thể dục thể thao.

Khoảng cách giữa các nhà nghỉ ngắn $\geq 10\text{km}$.

- Trạm nghỉ trong một ngày khác với nhà nghỉ trong một ngày ở chỗ không có phòng ngủ. Sức chứa của trạm là 500 người. Vị trí của trạm phải liên hệ thuận lợi với các phương tiện giao thông công cộng.

- Trạm nghỉ được bố trí trên các địa điểm khác nhau trong vùng nghỉ để phục vụ cho những người đến nghỉ 1 hay vài ngày. Trong trạm nghỉ được tổ chức cho mượn lều vải, các dụng cụ dùng cho việc nội trợ, các dụng cụ thể thao, bán thức ăn chín và phục vụ y tế.

- Khách sạn - nhà trọ.
- Các công trình thể thao dùng cho các hình thức : Tập săn bắn, thể thao dưới nước (boi thuyền, thuyền buồm, thuyền máy, thể thao ô tô - mô tô, thể thao cưỡi ngựa, và các phòng thể thao tổng hợp).

Ngoài ra, cần phải bố trí các phòng phục vụ vào trong công trình thể thao gồm : Phòng nghỉ, phòng ăn uống, trạm y tế, phòng vệ sinh và bộ phận quản lý.

Việc bố trí các công trình thể thao phụ thuộc vào các điều kiện thiên nhiên và khoảng cách tương ứng với thành phố.

- Nhà điều dưỡng gồm có các phòng ngủ và phòng điều trị. Ngoài ra còn có các công trình phục vụ như câu lạc bộ, sân thể dục và sân chữa bệnh bằng phương pháp vật lý trị liệu, nhà ăn, nhà hành chính quản trị, nhà ở cho cán bộ công nhân viên phục vụ.

Vị trí của nhà điều dưỡng cần phải ở trong các mảng cây xanh lớn, khí hậu trong lành, khô ráo và thiên nhiên đẹp, xa các điểm dân cư và đường quốc lộ.

- Trại thiếu nhi dùng để phục vụ những kỳ nghỉ hè của các em học sinh thường từ 30 - 60 ngày, vị trí của trại là những nơi yên tĩnh, thiên nhiên đẹp, xa đường sắt và đường quốc lộ nhưng đồng thời phải có sự liên hệ thuận lợi với các điểm dân cư.

Để tiến hành các công tác giáo dục và nâng cao sức khỏe cho các em, trong trại cần phải có:

Các nhà nghỉ (mỗi nhà trên 40 - 80 em), câu lạc bộ - nhà ăn, sân đội, sân thể dục, trạm y tế và các phòng cách ly, nhà hành chính, các công trình nội trợ, nhà ở cho cán bộ công nhân viên.

- Các trạm sửa chữa ô tô, mô tô, xe đạp và bán xăng dầu.

Việc quy hoạch vùng nghỉ ngơi có tính chất quần chúng bao gồm :

- Việc bảo tồn và cải tạo các điều kiện thiên nhiên hiện có trong một phạm vi rộng lớn bằng việc xây mới hay cải tạo mặt nước, bổ sung các giống cây vào mảng rừng với việc tổ chức bố cục chúng.

- Tổ chức mạng lưới đường dẫn dắt người đi vào những chỗ ngoạn mục.
- Việc bố trí các công trình trong vùng nghỉ ngơi có tính chất quần chúng phải đảm bảo sự liên hệ thuận lợi giữa chúng với nhau.
- Việc hoàn thiện cần phải bảo tồn các mảng rừng.

2. Công viên bảo tồn

Công viên bảo tồn là khu đất thiên nhiên còn nguyên vẹn có giá trị về khoa học, văn hóa và kinh tế. Nó là một "đài kỷ niệm thiên nhiên". Vì vậy cần phải bảo tồn chúng, hạn chế hoặc cấm tất cả sự khai thác trong khu đất.

Nhiệm vụ căn bản của công viên bảo tồn là :

- Tổ chức các công tác nghiên cứu khoa học về lĩnh vực sinh vật học và quá trình hình thành châu thổ.

- Bảo vệ những chỗ làm tổ và sự đổi mùa di cư của các loài chim, những chỗ cho quá trình thụ tinh và sinh đẻ của cá.

- Tổ chức du lịch cho nhân dân.

Việc quy hoạch cần tận dụng những giải pháp tối ưu cho việc bảo vệ và quản lý khu đất, đặc biệt là những chỗ có phong cảnh độc đáo. Việc bố trí các công trình quản lý làm sao cho số lượng ít nhất mà vẫn bảo đảm công tác bảo tồn. Những công trình phục vụ cho du lịch chỉ được bố trí cạnh phạm vi lãnh thổ của khu bảo tồn.

3. Quần thể di tích cảnh quan

Quần thể di tích cảnh quan là một bộ phận quan trọng của cảnh quan vùng. Vùng Hà Nội có Cổ Loa, khu đền Sóc, ... vùng Quảng Ninh có Yên Tử... vùng thành phố Hồ Chí Minh có Củ Chi, ... Bà Rịa - Vũng Tàu có khu di tích núi Minh Đạm...

Việc quy hoạch cảnh quan vùng phải đưa ra được những định hướng bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng của di tích thông qua các hoạt động khai thác mang khía cạnh văn hóa. Để thực hiện được việc đó cần phải tuân theo Pháp lệnh số 14/LCT/HĐNN ngày 4/4/1984 của Chủ tịch hội đồng Nhà nước (nay là Chủ tịch nước) ; Nghị định số 288/HĐBT ngày 31/12/1985 của chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, nay là Thủ tướng Chính phủ về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh ; Thông tư số 206/VH-TT ngày 22.7.1986 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh.

Quần thể di tích cảnh quan bao gồm di tích kiến trúc và sân vườn bao quanh, hoặc danh lam thắng cảnh (vịnh Hạ Long, hồ Ba Bể...), hay cảnh quan chứa đựng các sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước (như cửa ải Chi Lăng, Đống Đa...). Bởi vậy, việc quy hoạch cảnh quan vùng - những nơi có quần thể di tích cảnh quan trước hết xác định được vành đai bảo vệ di tích (hình 47).

Thông thường (Thông tư số 206/VH-TT), di tích có 3 vành đai.

1- Vành đai 1, khu vực bảo tồn nguyên gốc - là khu vực chứa đựng di tích cần phải được giữ gìn những giá trị lịch sử - nghệ thuật của nó. Kích thước khoanh vùng phụ thuộc vào hình thể và tính chất di tích. Có thể sử dụng một trong hai phương pháp sau đây :

- Khi chiều cao di tích lớn hơn bề nằm ngang, lấy chiều cao nhân 3 lần làm bán kính khoanh vùng.

- Nếu bề nằm ngang lớn hơn chiều cao di tích và di tích là một quần thể lớn, khoanh vùng có chiều rộng tính từ chân di tích ra ngoài 100 - 500m. Hoặc lấy chiều ngang lớn nhất nhân 3 lần làm bán kính khoanh vùng.

2- Vành đai 2, khu vực bảo vệ di tích cảnh quan. Trong khu vực này có thể xây dựng một số công trình quản lý, khai thác và tôn tạo di tích (như nhà trưng bày bổ sung để làm rõ thêm giá trị của di tích mà vật chất hiện hữu chưa biểu hiện đầy đủ và hệ thống "tài sản" vốn có của nó, nhà quản lý, đón tiếp, nhà dịch vụ văn hóa và

dịch vụ đời sống, khu vườn nghỉ...). Song các khối hình kiến trúc phải hài hòa và tôn giá trị của di tích.

Kích thước vành đai 2, tính từ giới hạn vành đai 1 ra ngoài từ 100 - 200 m hoặc hơn còn tùy thuộc vào đặc điểm di tích và điều kiện hiện trạng.

3 - Vành đai 3, khu vực điều chỉnh xây dựng. Trong khu vực này được phép xây dựng các công trình nhưng phải được nghiên cứu giới hạn kích thước, khống chế sự phát triển để không ảnh hưởng đến di tích cảnh quan.

Căn cứ vào lực thị giác, tính từ vành đai 1 ra ngoài 500 m - là khoảng cách mắt người còn nhìn thấy tương đối rõ đường bao. Ngoài phạm vi này, các vật thể bị mờ ảo. Do đó giới hạn vành đai 3 nằm ngoài khoảng cách này.

c. Cảnh quan nông thôn

Cảnh quan nông thôn là một trong những cảnh quan nhân tạo chiếm ưu thế trên bề mặt đất và thường xuyên bị thay đổi do việc hiện đại hóa kỹ thuật canh tác, sự phát triển hệ thống thủy lợi. Từ đó dẫn theo việc cả hệ thống phân bố dân cư cũng bị thay đổi (ngày nay xu hướng chung trên thế giới là sự hình thành những điểm dân cư lớn và chùm đô thị gắn liền với những khu vực sản xuất theo kiểu chuyên canh trên phạm vi rộng lớn có hệ thống đường giao thông vận tải phát triển). Hệ thống giao thông vận tải này cùng với mạng lưới đường dây tải điện, truyền tin, các tháp vô tuyến truyền hình và truyền thanh làm thay đổi bộ mặt của cảnh quan nông thôn một cách mạnh mẽ. Cảnh quan nông thôn là dạng cảnh quan nhân tạo cổ xưa nhất mà các nhà hội họa đã mang đến cho chúng ta những tác phẩm nghệ thuật và thi ca của thời quá khứ.

Cảnh quan nông thôn Việt Nam được đặc trưng bởi những cánh đồng bát ngát thẳng cánh cò bay, những rặng tre xanh, những thửa ruộng bậc thang mà từ lâu đã đi vào ký ức của bao người.

Cơ sở của việc khai thác hợp lý kinh tế nông thôn là sử dụng tối đa và phục hồi các tài nguyên thiên nhiên theo những quy luật cơ bản của sinh thái đi đôi với việc bảo vệ đồng bộ các yếu tố đất, nước, không khí và động thực vật, cũng như tính chất thẩm mỹ của cảnh quan địa phương.

Thành phần hình khối chủ yếu của cảnh quan nông thôn là làng, bản, thị tứ.

2. Quy hoạch cảnh quan đô thị

Sự phát triển của đô thị hóa đi đôi với việc xuất hiện các đô thị mới, mở rộng các đô thị cũ, tạo nên các ngân hà đô thị làm cho con người xa rời thiên nhiên phát sinh tâm lý khao sát thiên nhiên, muốn được sống trong lòng thiên nhiên.

Sự nhiễm bẩn môi trường ngày càng trầm trọng do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa đòi hỏi việc đưa thiên nhiên vào đô thị để bảo vệ và cải thiện môi trường.

Quá trình tự động hóa trong sản xuất công nghiệp và các kỹ thuật tiên bộ nhất được áp dụng trong hoạt động đô thị làm dư thời gian rảnh ngày một nhiều, đòi hỏi tổ chức sử dụng thời gian rảnh một cách khoa học hơn, theo nhu cầu sinh hoạt ngày càng phát triển của con người. Những khu thiên nhiên lớn trong đô thị là điều kiện tốt nhất cho các hoạt động nghỉ ngơi - giải trí với quy mô lớn, phong phú và đa dạng.

Giá trị thẩm mỹ của các yếu tố thiên nhiên vô cùng phong phú, đa dạng và giàu sức gợi cảm. Những quy luật nghệ thuật con người có được đều xuất phát từ sự tìm tòi những giá trị đó đã có trong thiên nhiên.

Vì vậy, trong thiết kế quy hoạch đô thị hiện nay chỉ xem thiên nhiên như là một nhân tố hiện trạng để tìm tòi đất xây dựng và phân vùng chức năng đô thị là một việc làm phiến diện. Cần phải hiểu cảnh quan đô thị như một sự thống nhất các yếu tố thiên nhiên và nhân tạo phát triển trong mối tác động qua lại từ xuất xứ, quá trình tiến hóa và phát triển sau này của cảnh quan đô thị.

Các nhân tố mạnh của thiên nhiên (các mặt nước lớn, đồi núi, các mảng rừng tự nhiên) ảnh hưởng quyết định đến giải pháp quy hoạch đô thị. Bao gồm : ảnh hưởng đến việc lựa chọn phạm vi đất đai xây dựng đô thị ở giai đoạn ngắn hạn và dài hạn ; ảnh hưởng tới việc xác định vị trí các vùng chức năng của đô thị ; hướng các tuyến giao thông chính, ảnh hưởng tới giải pháp bố cục không gian kiến trúc đô thị (không gian đường phố, không gian sân - quảng trường và không gian vườn - công viên).

Ngược lại, việc xác định hình thái không gian của kiến trúc đô thị sẽ ảnh hưởng tới việc khai thác và nhân giá trị của cảnh quan thiên nhiên (cụ thể trên từng yếu tố riêng biệt : mặt nước, đồi núi ...).

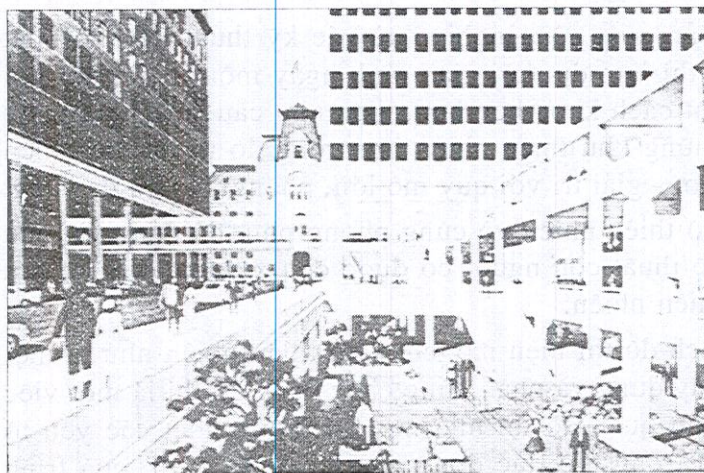
Đó là mối quan hệ biện chứng của hai đối tượng kiến trúc cảnh quan và kiến trúc quy hoạch đô thị mà trong quá trình tồn tại và phát triển chúng không thể tách rời nhau (hình 48).

1. Phân vùng cảnh quan

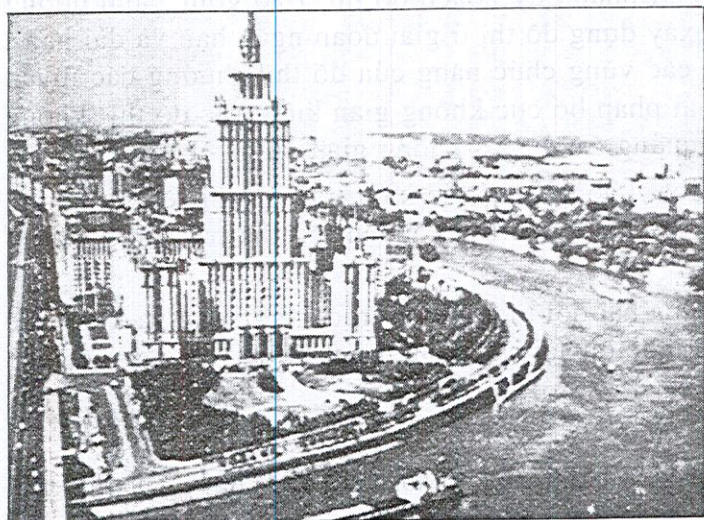
Việc phân vùng cảnh quan được tiến hành trên cơ sở đánh giá khái quát tính chất cảnh quan để đưa ra các vùng cảnh quan đặc trưng ; di tích cảnh quan, cảnh quan đồi núi, cảnh quan mặt nước, cảnh quan đồng bằng, và cảnh quan điểm dân cư.

Di tích cảnh quan là nơi diễn ra các sự kiện có ý nghĩa lịch sử (theo định nghĩa của Hội nghị bảo vệ di tích cảnh quan tại Kyoto tháng 3/1977, do Liên đoàn kiến trúc sư cảnh quan quốc tế tổ chức).

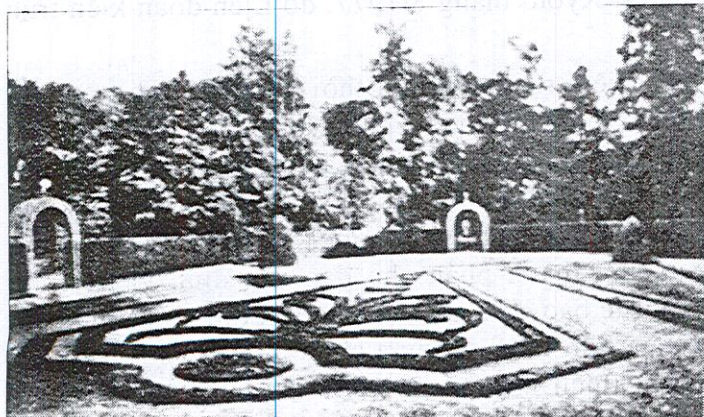
Di tích cảnh quan có thể là sự biểu hiện trực quan một thời kỳ nhất định trong sự phát triển của nền văn minh hoặc hình ảnh nhất định của cuộc sống. Ở Việt Nam, các di tích kiến trúc trong đô thị hiện có (hoặc trong các đô thị sẽ thiết kế) nằm trong mối tác động qua lại không thể thiếu được theo quan niệm triết học với phong cảnh xung quanh. Theo thuyết phong thủy, âm dương ngũ hành, mặt nước, đồi núi, doi đất, hang đá, cây bao giờ cũng là một trong những thành phần chủ đạo xác định vị trí công trình. Do vậy việc bảo tồn di tích kiến trúc bao gồm cả việc bảo tồn di tích cảnh quan. Như vậy, di tích cảnh quan ở Việt Nam còn là cảnh quan chứa di tích kiến trúc. Và di tích cảnh quan cần có vùng bảo vệ thích ứng để bảo đảm sự hài hòa chung và chống sự ảnh hưởng của vùng bao quanh đến di tích.



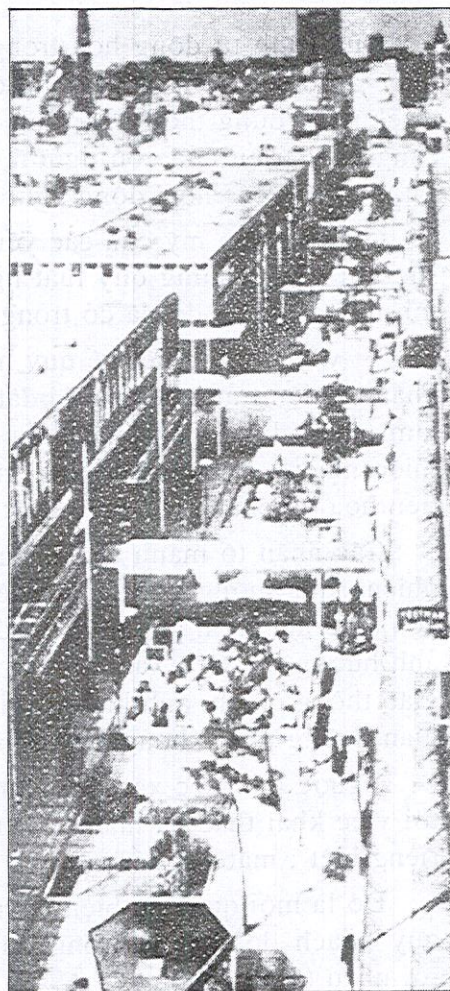
a)



b)



d)



c)

Hình 48: Yếu tố thiên nhiên và nhân tạo là nhân tố ảnh hưởng đến giải pháp quy hoạch không gian đô thị.

a) Philadelphiya. Phố Marceet-Xtrt được tổ chức thành nhiều lớp tạo không gian đa dạng; b) Sông Moxeva là một nhân tố quan trọng trong bố cục thành phố Moxeva. Khách sạn Ucraina bên bờ sông được xây dựng từ những năm 1950; c) Trung tâm thương mại Linbana ở Rortterdam, Hà Lan; d) Một trong những giải pháp xử lý họa tiết trong không gian bằng cây xanh.

Cảnh quan đồi núi cần được phân rõ các hướng phơi của sườn dốc, đường phân thủy, đường nóc và đỉnh. Đó là cơ sở để định hướng tầm nhìn, xác định các điểm khống chế bố cục trong không gian.

Cảnh quan mặt nước bao gồm các đảo, bán đảo và vùng ven bờ (phạm vi ảnh hưởng của mặt nước). Cần nêu rõ độ dốc bờ nước và mức độ hoàn thiện, khả năng khai thác mặt nước trong không gian đô thị và cho các vùng chức năng (ở, sản xuất, phục vụ công cộng, nghỉ ngơi).

Cảnh quan đồng bằng chủ yếu minh họa các loại hình canh tác đất nông nghiệp, lâm nghiệp, mức độ màu mỡ của đất đai và khả năng sử dụng đất cho các hoạt động kinh tế khác nhau (ở, sản xuất, trồng trọt v.v...) theo quan điểm phân vùng sinh thái (khu đất xấu có khả năng dành cho việc xây dựng, khu đất màu mỡ dành cho các dạng canh tác, và chúng được phân tích trên phạm vi ảnh hưởng môi trường lẫn nhau để xác định tương quan vị trí tối ưu).

Cảnh quan điểm dân cư cần được phân rõ không gian trống chủ yếu và khu xây dựng. Trong khu xây dựng xác định rõ các điểm khống chế chiều cao, khu vực có giá trị nghệ thuật kiến trúc cần được bảo vệ.

Bên cạnh các vùng cảnh quan cần chỉ rõ các mảng loài cây chủ đạo, hình khối và giá trị trang trí của chúng.

Bản đồ phân vùng cảnh quan là cơ sở để quy hoạch cảnh quan đô thị và quy hoạch cảnh quan các quần thể trong đô thị, đồng thời làm cơ sở quy hoạch mặt bằng tổng thể đô thị và thiết kế quần thể trong đô thị.

2. Quy hoạch cảnh quan đô thị

Cảnh quan đô thị nằm trong một hệ thống thống nhất và hài hòa của không gian trống. Trong quy hoạch cảnh quan (cấp) đô thị được biểu hiện ở hệ thống các loại hình cảnh quan chủ yếu, có ý nghĩa sử dụng công cộng, và chúng được thể hiện tương ứng với tỷ lệ bản vẽ quy hoạch đô thị - giai đoạn sơ đồ định hướng phát triển không gian (quy hoạch chung).

a. Các loại hình cảnh quan đô thị

Phong cảnh đường phố. Bao gồm các boulevard - dải không gian xanh rộng ở giữa hoặc bên lề đường phố chính, đường bờ sông dùng để đi bộ và nghỉ ngơi chốc lát, dải cây cách ly giữa đường phố chính với khu ở và không gian chứa đựng các yếu tố hoàn thiện đô thị như hè, đường, biển báo giao thông...).

Phong cảnh quảng trường. Bao gồm các vườn cảnh và không gian có các yếu tố hoàn thiện trên quảng trường giao thông, quảng trường chính đô thị.

Cảnh quan vườn – công viên. Bao gồm các vườn hoa công cộng và công viên cấp đô thị, cấp khu vực (khu ở, khu công cộng).

Cảnh quan khu xây dựng. Bao gồm các khu đất xây dựng có chỉ số độ cao trung bình, để thể hiện quy mô của khối xây dựng.

b. Những cơ sở hình thành quy hoạch cảnh quan đô thị

Trên cơ sở của việc phân vùng cảnh quan tiến hành quy hoạch cảnh quan đô thị. Trong thiết kế quy hoạch thường bao gồm hai nhóm cơ sở hình thành hệ thống cảnh quan đô thị.

Sử dụng hợp lý các tài nguyên thiên nhiên - nghỉ ngơi giải trí và có giá trị lịch sử - văn hóa cho việc nghỉ ngơi du lịch và chữa bệnh.

Sự thể hiện cảnh quan thiên nhiên trong các biến thể điểm dân cư để tăng cường bảo vệ cảnh quan khỏi sự ảnh hưởng của đô thị hóa và việc đưa vào môi trường những hoạt động nghỉ ngơi - giải trí với việc bảo đảm chế độ bảo tồn.

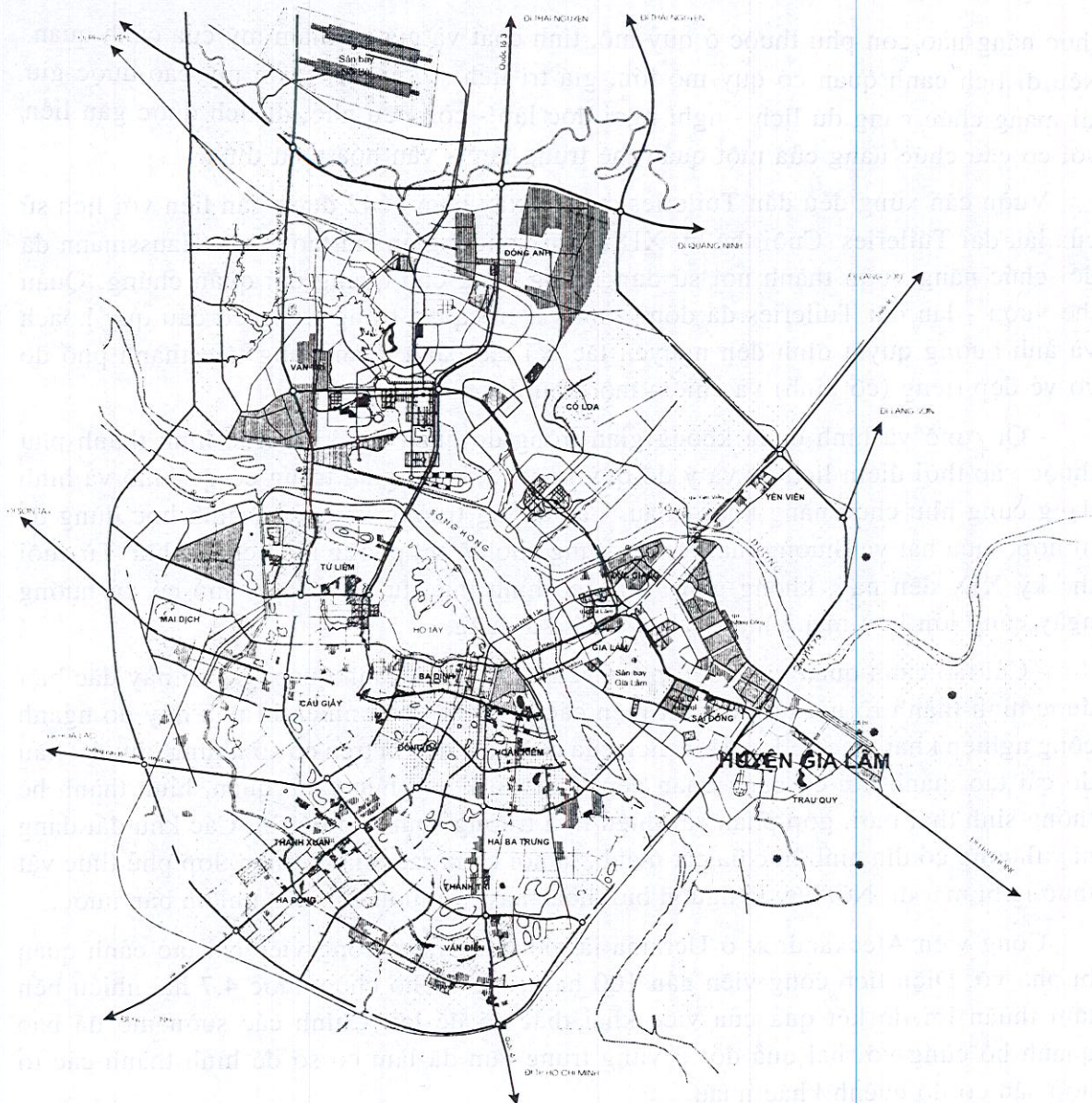
- Cảnh quan và các tổ phần yếu tố riêng lẻ của cảnh quan thiên nhiên được giữ lại trong quá trình xây dựng đô thị. Đó là những mảng rừng cây, sông hồ, đồi núi v.v... Ngày nay, theo quan điểm sinh thái, hệ thống cảnh quan đô thị có khi quyết định cơ cấu quy hoạch đô thị. Vấn đề đặt ra là, một dải đất ven sông nên bố trí nhà máy, xí nghiệp hay khu nghỉ ngơi - giải trí? Công nghiệp đặt ở ven sông là rất kinh tế về vận chuyển hàng hóa, nhưng khu nghỉ ven sông cũng rất thích hợp với khí hậu và để tạo cảnh đẹp. Vậy bố trí theo chức năng nào hợp lý hơn? quan điểm sinh thái cho biết chưa chắc bố trí công nghiệp ở đây sẽ kinh tế hơn.

Cảnh quan thiên nhiên được giữ lại khi có mục đích điều hòa vi khí hậu và phục vụ cho ý đồ quy hoạch đô thị (có thể cảnh quan thiên nhiên làm trung tâm bố cục của đô thị hay một khu làm cơ sở để hình thành bộ mặt đô thị có sức truyền cảm nghệ thuật, và cuối cùng là làm nơi nghỉ ngơi - giải trí). Việc hình thành không gian thoáng mở trong cảnh quan trung tâm Edinburg (Xcotland) có được là nhờ quả đồi được giữ lại trong trung tâm. Trên cơ sở đó, tạo ra các sân cao, mảng cây và đường phố.

Mặt nước lớn do quy mô rộng nên thường đóng vai trò trung tâm bố cục của đô thị hay của vùng trung tâm, là nơi tổ chức vùng nghỉ ngơi - giải trí rộng lớn, nghĩa là có vai trò quan trọng trong việc quyết định cơ cấu quy hoạch đô thị hay công trình kiến trúc cảnh quan. Thực tế xây dựng đô thị của một số nước cũng theo nguyên tắc đó. Sông Seine vừa là hạt nhân bố cục của vùng trung tâm lại vừa là trục bố cục của toàn bộ thành phố Paris. Sông Rone trong thành phố Lion và sông Moxeva ở thành phố Moxeva cũng đóng vai trò như vậy. Từ trung tâm Hà Nội cũ cũng bao quanh hồ Gươm cho tới các phương án quy hoạch cải tạo và mở rộng thủ đô Hà Nội của các kiến trúc sư Việt Nam và chuyên gia Liên Xô cũng lấy hồ Tây làm hạt nhân bố cục. Trong quy hoạch định hướng phát triển Hà Nội năm 2020, đô thị được phát triển lên phía Bắc sông Hồng. Như vậy sông Hồng và hồ Tây đã trở thành lõi bố cục (hình 49a).

- Di tích cảnh quan được bảo tồn trong quá trình đô thị hóa.

Trong bất luận trường hợp nào, để bảo vệ di sản văn hóa của nhân loại, di tích cảnh quan đều phải được bảo tồn. Việc sử dụng di tích cảnh quan nhằm mục đích,



Chú thích:

	Đường giao thông		Làng hiện có giữ lại		TT thương mại, giao dịch
	Nút giao thông		Khu phố cổ		Đất công nghiệp
	Đường sắt		Khu phố cũ thời Pháp		Đất sử dụng đặc biệt
	Ga đường sắt		Khu dân cư được cải tạo và hạn chế phát triển		Cây xanh đô thị
	Đường tàu điện		Viện nghiên cứu, Trường		Cây xanh vành đai
	Cảng sông		ĐH, cơ quan, ngoại giao		Đất nông nghiệp
	Sân bay		Trung tâm y tế, bệnh viện		Đất bãi ven sông
	Khu dân cư		Đất quân đội		Đất dự trữ phát triển
	Làng xóm được cải tạo				Sông hồ mang

Hình 49a: Quy hoạch chung Hà Nội năm 2020 được xây dựng trên cơ sở lấy sông Hồng làm trục bố cục chính.

chức năng nào còn phụ thuộc ở quy mô, tính chất và giá trị thẩm mỹ của cảnh quan. Nếu di tích cảnh quan có quy mô lớn, giá trị lịch sử, giá trị thẩm mỹ cao được giữ lại mang chức năng du lịch - nghỉ ngơi độc lập - còn nếu nhỏ, di tích được gắn liền với cơ cấu chức năng của một quần thể trung tâm - văn hóa nhất định.

Vườn cân xứng đều đặn Tuileries ở Paris xây năm 1642 được gắn liền với lịch sử của lâu đài Tuileries. Cuối thế kỷ XIX, trong phương án cải tạo Paris, Haussmann đã đổi chức năng vườn thành nơi sử dụng công cộng cho quảng đại quần chúng. Quần thể vườn - lâu đài Tuileries đã đóng một vai trò quan trọng trong cơ cấu quy hoạch và ảnh hưởng quyết định đến nguyên tắc cải tạo cảnh quan trung tâm thành phố do có vẻ đẹp riêng (cổ kính) và chiếm một khu đất khá rộng.

- Quy mô và hình dạng không gian trống do quần thể kiến trúc hình thành phụ thuộc vào thời điểm lịch sử và ý đồ quy hoạch, không gian trống có quy mô và hình dạng cũng như chức năng khác nhau. Các quảng trường khép kín, hình học dùng để tụ họp, múa hát và thương mại là đặc trưng cho đô thị phong kiến chủ nghĩa. Từ cuối thế kỷ XIX đến nay, không gian trống có hình thức tự do và quy mô có xu hướng ngày càng lớn hơn mang nhiều chức năng sử dụng.

- Cải tạo cảnh quan và các tổ phần yếu tố xấu của cảnh quan. Cơ sở này đặc biệt được hình thành rõ nét từ khi xuất hiện các khu đất thiên nhiên bị phá hủy do ngành công nghiệp khai thác để lại. Mục đích của công tác này là trên cơ sở những khu đất xấu đó cải tạo thành nơi có cảnh quan đẹp. Qua đó khôi phục cảnh quan, hình thành hệ thống sinh thái mới, góp phần cải thiện môi trường sinh thái đô thị. Các khu đất dạng này thường có địa hình bị chia cắt mạnh, là nơi chứa rác, vĩa lộ thiên, lớp phủ thực vật thường bị mất đi. Nơi đây là nguồn bụi, hoặc hay xói mòn dẫn đến nhiễm bẩn nước.

Công viên Alecxandrov ở Ucraina là một mẫu mực trong việc cải tạo cảnh quan bị phá vỡ. Diện tích công viên gần 100 ha, trong có hồ chứa nước 4,7 ha, nhiều bến tắm thuận lợi do kết quả của việc khai thác đá để lại. Chính các sườn mỏ đá bao quanh hồ cùng với hai quả đồi ở vùng trung tâm đã làm cơ sở để hình thành các tổ hợp sân có độ chênh khác nhau.

Vấn đề cải tạo cảnh quan và các tổ phần yếu tố xấu của cảnh quan thiên nhiên cũng là cơ sở quan trọng trong việc hình thành đô thị. Kiểu nê-mặt nước - cây xanh của hệ thống cảnh quan thành phố Minxc (SNG) được hình thành trên cơ sở như thế. Ở đây việc thay đổi dòng chảy tự nhiên và cải tạo bãi bồi không chỉ ảnh hưởng đến giá trị thẩm mỹ của cảnh quan mà còn ảnh hưởng đến môi trường thành phố. Đó là việc tạo ra các hồ chứa nước và kênh dẫn nước trên cơ sở cải tạo hai con sông nhỏ Lositxa.

Việc xây dựng này đã gắn liền với việc cải tạo và làm sạch các khu vực ven bờ.

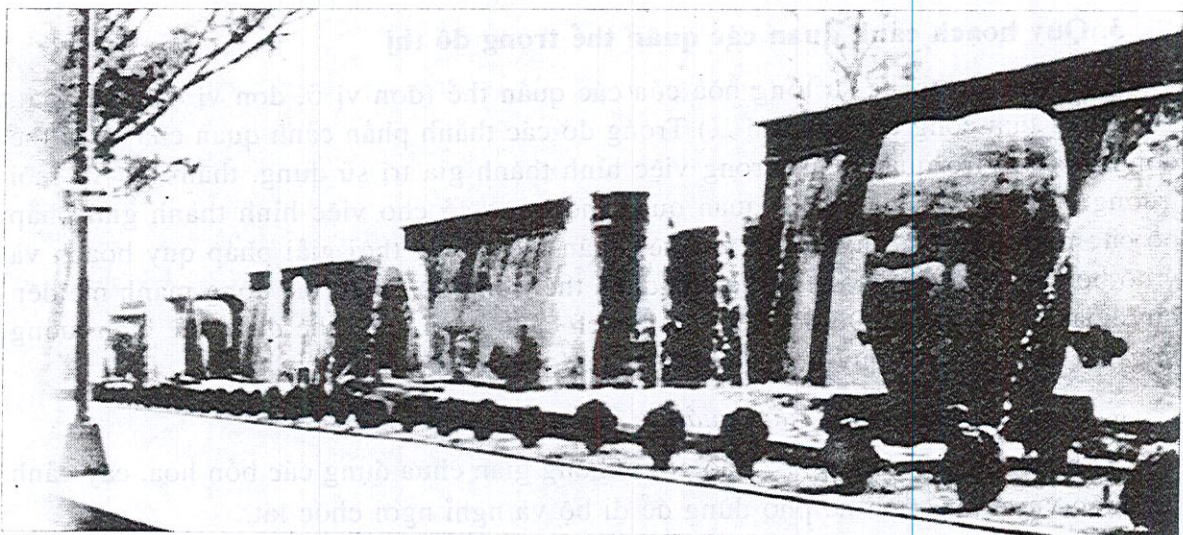
c. Những nguyên tắc quy hoạch cảnh quan đô thị

Quy hoạch cảnh quan đô thị phải tương ứng với quy hoạch mặt bằng tổng thể đô thị. Quy hoạch cảnh quan đô thị và quy hoạch mặt bằng tổng thể có mối quan hệ biện

chúng. Quy hoạch cảnh quan đô thị làm cơ sở để hình thành giải pháp quy hoạch mặt bằng tổng thể đô thị. Giải pháp quy hoạch mặt bằng tổng thể đô thị lại xác định phương pháp cải tạo và sử dụng cảnh quan thiên nhiên, đưa các yếu tố cảnh quan mới để hình thành cảnh quan đô thị (hình 49b). Quy hoạch cảnh quan đô thị phải khai thác triệt để cảnh quan thiên nhiên hiện có. Đặc biệt phải bảo tồn và sử dụng có hiệu quả cảnh quan lịch sử. Quy hoạch cảnh quan đô thị phải liên hệ chặt chẽ với hệ thống cảnh quan ngoại đô, tạo nên một hệ thống cảnh quan liên tục và thống nhất trên cơ sở tổ chức mạng lưới phục vụ nghỉ ngơi - giải trí thời gian ngắn và dài (hàng ngày và cuối tuần, ngày lễ tết), cá nhân và tập thể, đặc biệt hội lễ truyền thống và hiện đại với số lượng người đông.

Quy hoạch cảnh quan đô thị phải phát huy tối đa giá trị hình thành và cải thiện môi trường của các yếu tố trong cảnh quan, đặc biệt lưu ý không gian xanh càng lớn càng có giá trị cải thiện môi trường cao. Có thể kết hợp nhiều vườn công viên ven mặt nước tạo thành nêm (chuỗi) cây xanh mặt nước xuyên đô thị, dẫn gió từ ngoài vào trong đô thị, qua đó, liên hệ chặt chẽ với hệ thống cảnh quan ngoại đô.

Các thành phần của hệ thống cảnh quan đô thị có quy mô và vị trí đáp ứng được việc đi lại những nhu cầu ngày càng phát triển đa dạng của con người. Phong cảnh đường phố và sân - quảng trường gắn bó mật thiết với giải pháp quy hoạch mặt bằng tổng thể đô thị. Và do đó, vị trí cũng như quy mô của chúng được xác định trên cơ sở của quy hoạch đô thị. Vị trí và quy mô của các vườn hoa và công viên cấp đô thị phụ thuộc vào sự phân bố dân cư trên mặt bằng đô thị và phạm vi thu hút (trường hấp dẫn) của vườn - công viên, phụ thuộc vào các điều kiện khí hậu thiên nhiên, văn hóa - xã hội và con người, cũng như có một tác động qua lại với quy hoạch chung đô thị. Chỉ tiêu tính toán và quy mô hệ thống cảnh quan đô thị áp dụng theo bảng 3.



Hình 49b: Màn và vòi phun nước được khai thác triệt để trong bố cục là một trong những cơ sở để hình thành cảnh quan đô thị. Khu vực đô thị cổ của thành phố Mexico.

Bảng 3: Chỉ tiêu tính toán và quy mô hệ thống cảnh quan không gian trống chủ yếu của đô thị

Loại hình cảnh quan	Đô thị loại I, II (m^2/ng)	Đô thị loại III, IV (m^2/ng)	Đô thị loại V (m^2/ng)	Đô thị nghỉ mát (m^2/ng)	D.tích tối thiểu (ha)	Ghi chú
Hệ thống cảnh quan của không gian trống đô thị	10-15	7-10	7-10	9-12		
1. Công viên trung tâm					25	Công viên cấp đô thị
2. Công viên chuyên dụng					3	
3. Vườn khu ở					2,5	
4. Vườn hoa					0,2	
5. Boulevard					Rộng không quá 18m	
6. Phong cảnh đường, quảng trường chính						Phụ thuộc vào mặt cắt đường
7. Dải cách ly giữa khu công nghiệp và khu dân dụng						Phụ thuộc vào cấp độ hại công nghiệp

Việc xác định quy mô, hình thể và hướng của không gian trống chứa đựng các thành phần cảnh quan trong quy hoạch cảnh quan đô thị được thể hiện ở chỉ giới xây dựng, chiều cao tối đa và tối thiểu, chiều cao trung bình của khu xây dựng bao quanh không gian. Bởi thế sự lùi ra lõm vào, hình thể của chỉ giới xây dựng và chiều cao khu xây dựng là các thông số chủ yếu của hình thể không gian cảnh quan.

3. Quy hoạch cảnh quan các quần thể trong đô thị

Kiến trúc đô thị là sự tổng hòa của các quần thể (đơn vị ở, đơn vị ở - sản xuất, khu trung tâm công cộng đô thị ...) Trong đó các thành phần cảnh quan của quần thể đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành giá trị sử dụng, thẩm mỹ và môi trường. Việc quy hoạch cảnh quan quần thể là cơ sở cho việc hình thành giải pháp bố cục hình khối và quy hoạch chi tiết quần thể. Đồng thời giải pháp quy hoạch và ý đồ bố cục không gian kiến trúc của quần thể trong đô thị có tác động mạnh mẽ đến quy hoạch cảnh quan. Do đó việc quy hoạch cảnh quan quần thể được thể hiện tương ứng với tỷ lệ bản vẽ quy hoạch chi tiết quần thể trong đô thị.

a. Các loại hình cảnh quan quần thể trong đô thị

* Phong cảnh đường phố : Bao gồm không gian chứa đựng các bồn hoa, cây cảnh, bể nước vườn nhỏ trên hè phố dùng để đi bộ và nghỉ ngơi chốc lát.

* Phong cảnh sân - quảng trường : Bao gồm không gian chứa đựng các vườn cảnh, bể nước trang trí, bồn hoa, cây cảnh trên các sân trong của các quần thể công trình

công cộng, nhà ở ..., trên các quảng trường trước các công trình công cộng lớn, dùng để nghỉ chốc lát.

* Phong cảnh vườn : Bao gồm các vườn có ý nghĩa công cộng, trung tâm các khu công nghiệp, vườn đơn vị ở, vườn trong các quần thể công trình công cộng, dùng để nghỉ chốc lát.

* Phong cảnh khối xây dựng : Bao gồm các công trình kiến trúc trong quần thể.

b. Những cơ sở hình thành cảnh quan quần thể trong đô thị.

Việc hình thành cảnh quan quần thể trong đô thị trước hết phải tuân theo những nguyên tắc chung của giải pháp quy hoạch cảnh quan đô thị ; sau đó được dựa trên hai cơ sở chủ yếu sau đây :

1- Sử dụng và cải tạo các yếu tố của cảnh quan hiện có.

2- Đưa các yếu tố thiên nhiên và nhân tạo vào việc quy hoạch và bố cục cảnh quan.

Việc sử dụng và cải tạo cảnh quan hiện có là một nguyên tắc hàng đầu trong việc quy hoạch cảnh quan quần thể. Điều đó được thể hiện trong việc giữ và cải tạo các yếu tố cảnh quan, bao gồm địa hình, mặt nước, cây xanh và kiến trúc công trình (nếu có). Và phải xem một cây lớn cũng có thể là yếu tố cải thiện tiểu môi trường, cũng như mỗi một yếu tố cảnh quan là thành phần cơ bản hình thành bố cục hình khối và không gian của quần thể.

Thông thường mặt nước chiếm vị trí hàng đầu trong việc tạo hình không gian quần thể. Do đó quần thể trung tâm công cộng là gương mặt kiến trúc quan trọng nhất của đô thị. Phải tận dụng giá trị này.

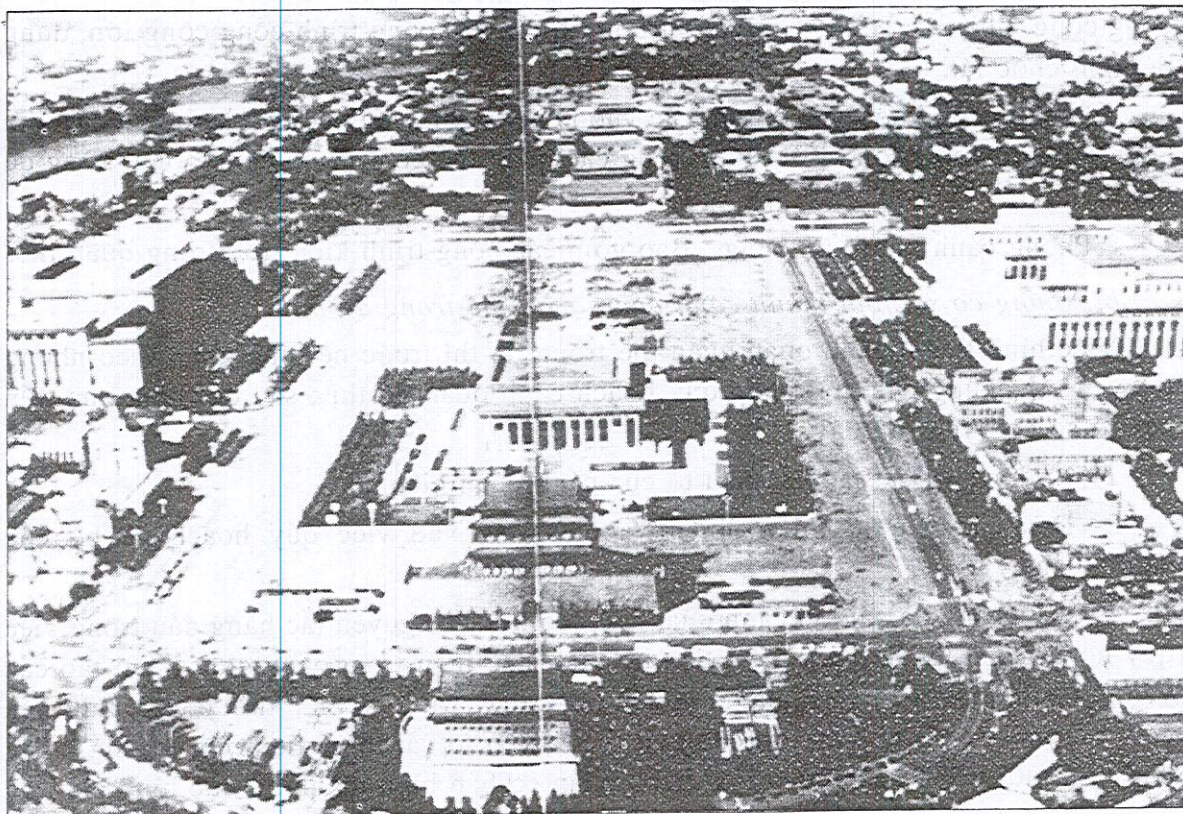
Việc đưa các yếu tố cảnh quan tham gia vào việc hình thành bố cục không gian và trang trí quần thể là một việc cần thiết và quan trọng. Việc này vừa bổ sung sự thiếu hụt thành phần thiên nhiên trong quần thể nhân tạo, vừa góp phần tạo giá trị thẩm mỹ và sự trong lành cho môi trường đô thị. Do đó, trên các khu đất trống, việc tìm tòi giải pháp hình khối không gian quần thể bằng các tổ hợp công trình xây dựng phải đi đôi với việc bố cục đồng bộ các yếu tố tạo cảnh quan quần thể (hình 50, 51, 52).

c. Những nguyên tắc quy hoạch cảnh quan quần thể

Việc quy hoạch cảnh quan quần thể (ở - sản xuất, công cộng v.v...) phải xuất phát trên cơ sở quy hoạch cảnh quan đô thị. Việc quy hoạch cảnh quan đô thị quyết định mối quan hệ tổng thể và chức năng cảnh quan quần thể với cảnh quan toàn đô thị. Việc quy hoạch cảnh quan quần thể là cụ thể hóa và phát triển ý đồ bố cục chung.

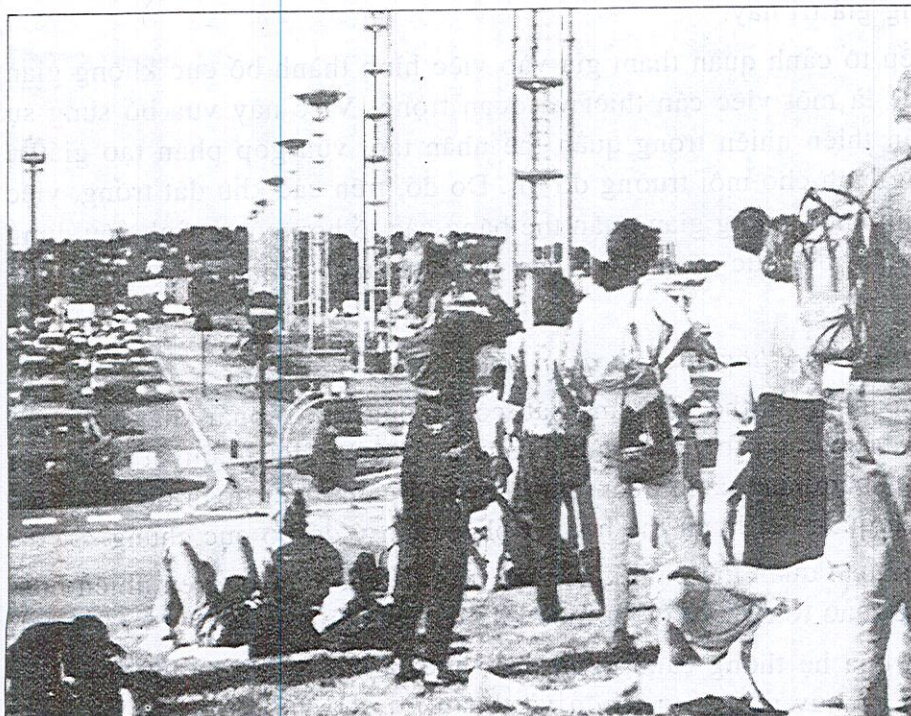
Quy hoạch cảnh quan quần thể phải khai thác triệt để cảnh quan thiên nhiên hiện có. Đặc biệt cần phải bảo tồn và sử dụng hiệu quả di tích cảnh quan.

Các thành phần của hệ thống cảnh quan quần thể là nơi nghỉ thường xuyên và liên tục, do đó phải có quy mô và vị trí đủ và thuận lợi cho việc đi lại và sử dụng



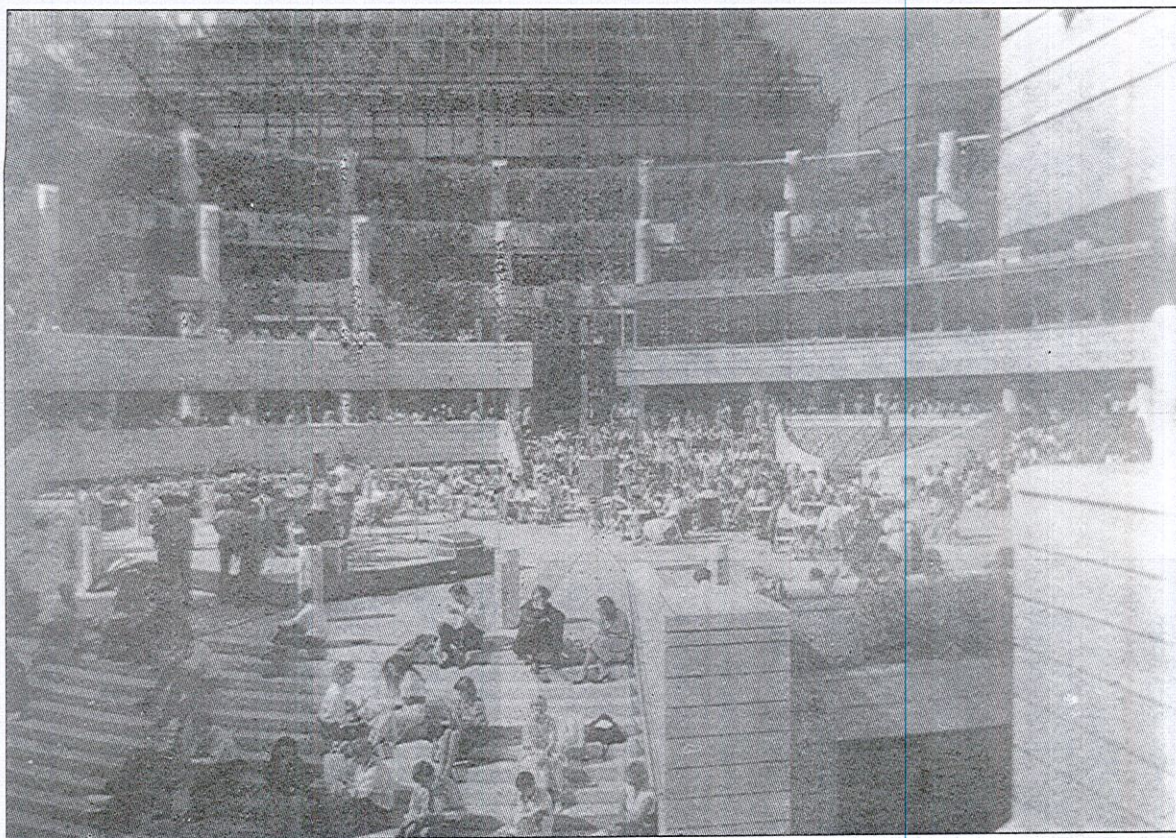
a)

b)

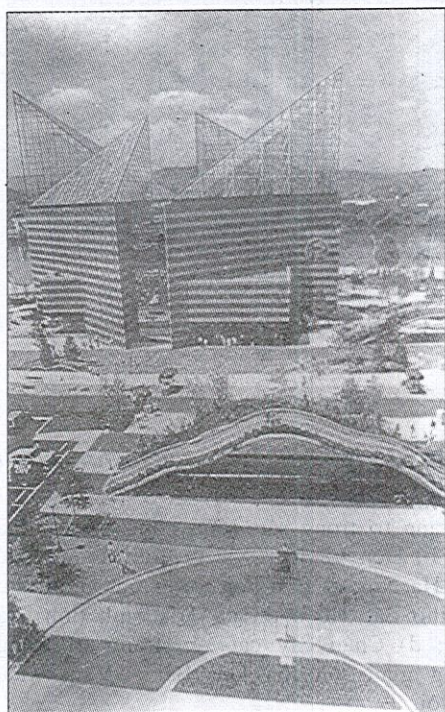


Hình 50: Các giải pháp tạo hình không gian

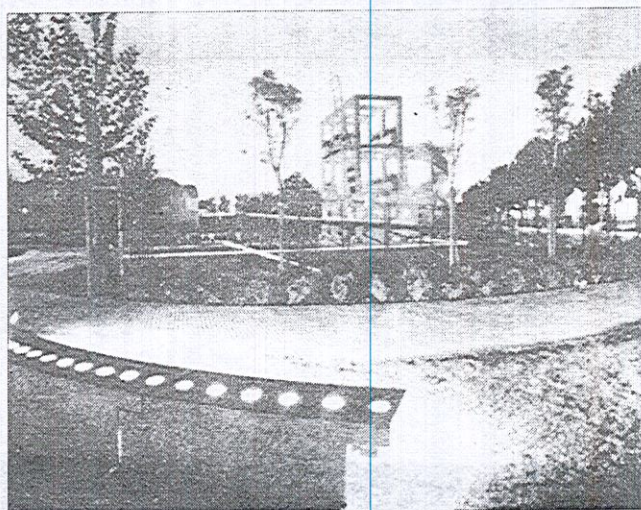
a) Không gian kín nhiều lớp, hình học là đặc trưng của cảnh quan khu thành trì của chế độ phong kiến - Cổ cung Bắc Kinh, Trung Quốc; b) Không gian tự do, rộng mở là một phần đặc trưng của cảnh quan hiện đại -phong cảnh đường phố của thành phố Montpellier, Pháp.



a)

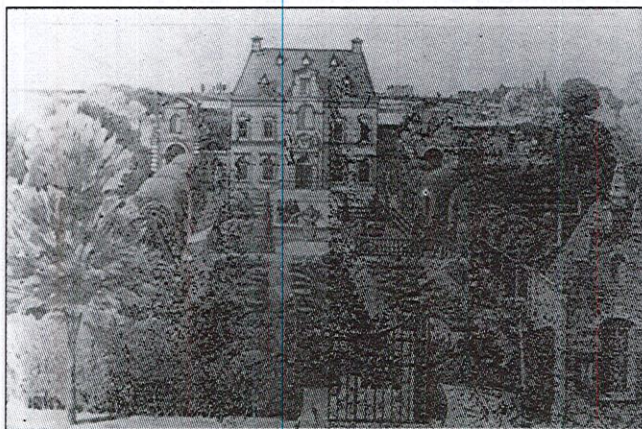


b)



Hình 51: Tổ chức cảnh quan không gian trống của đô thị.

a), b) Plaza và công viên; c) Đêm ở công viên La Villette, Paris.

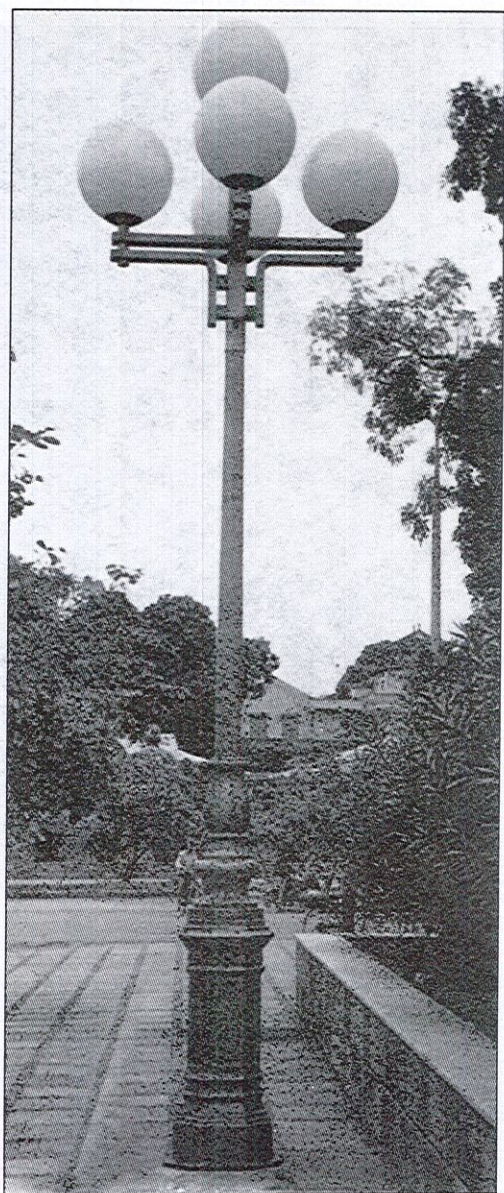
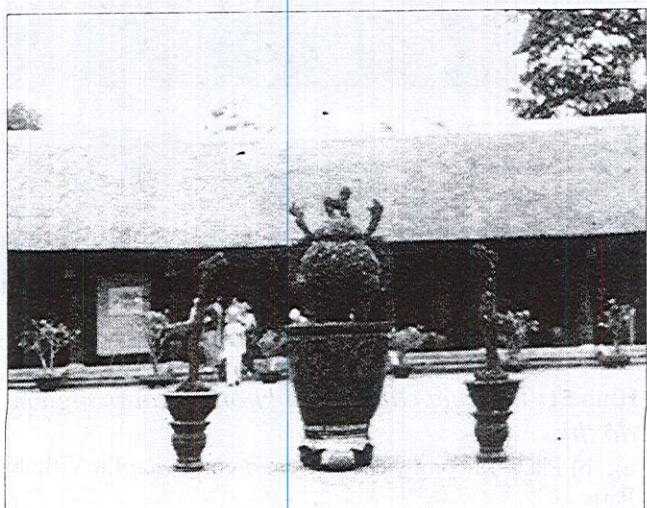


a)



c)

d)



b)

Hình 52. Bố cục các yếu tố tạo cảnh trong không gian.

a) Trang trí trong sân vườn công trình ở Hà Lan; b) Đèn trang trí vỉa hè trên đường Bắc Sơn, Hà Nội; c) Bồn hoa trong sân vườn khu đền thờ Bắc Hồ ở thị xã Trà Vinh tỉnh Trà Vinh; d) Chậu cây cắt xén trang trí trong không gian sân toà Đại Bái - Văn Miếu Hà Nội.

theo nhu cầu phát triển và đa dạng của con người. Chỉ tiêu tính toán và quy mô hệ thống cảnh quan quần thể áp dụng theo bảng 4.

Bảng 4 : Chỉ tiêu tính toán và quy mô hệ thống cảnh quan không gian trống chủ yếu của quần thể.

Loại hình cảnh quan chủ yếu	Đô thị loại I, II (m ² /ng)	Đô thị loại III, IV (m ² /ng)	Đô thị loại V (m ² /ng)	Đô thị nghỉ mát (m ² /ng)	Diện tích tối thiểu (ha)
Hệ thống cảnh quan của không gian trống chủ yếu của quần thể	5-8	7-8	12-14	10-15	
1. Vườn khu ở					2,5
2. Vườn hoa					0,1
3. Boulevard, sân đường					

Quy mô, hình thể và hướng của không gian trống chứa đựng các thành phần cảnh quan trên được xác định tương tự như quy hoạch cảnh quan đô thị.

III.3 THIẾT KẾ CẢNH QUAN (loại hình chủ yếu)

1. Thiết kế không gian - chức năng cảnh quan vườn - công viên

Không gian vườn - công viên là khoảng trống lớn nhất trong đô thị và là khoảng trống quan trọng trong vùng miền dành cho các hoạt động nghỉ ngơi - giải trí ; đặc biệt đây là nơi lý tưởng cho việc tổ chức lễ hội truyền thống và hiện đại mang tính cộng đồng và giao lưu quần chúng với quy mô rộng lớn. Đồng thời công viên là tác phẩm nghệ thuật có giá trị lớn trong việc giáo dục thẩm mỹ cho con người và góp phần vào việc hình thành gương mặt đô thị, nông thôn. Công viên còn là không gian thiên nhiên quan trọng của đô thị trong việc hình thành và cải thiện môi sinh. Do đó, công viên từ xưa đến nay và sau này đã và vẫn sẽ là một không gian quan trọng của cảnh quan.

Chức năng của công viên phụ thuộc vào thể loại, quy mô và tính chất của công viên. Công viên có nhiều loại : công viên trung tâm, công viên thú, công viên bách thảo, công viên thiếu nhi, công viên tưởng niệm, công viên rừng, công viên bảo tồn v.v... Mỗi loại công viên có một vài chức năng chủ đạo biểu hiện tính chất công viên.

- Công viên trung tâm là cảnh quan có quy mô, vị trí và những đặc tính thiên nhiên bảo đảm điều kiện tốt nhất cho nhân dân nghỉ ngơi và tổ chức các biện pháp văn hóa - giáo dục chính trị quần chúng, giải trí, thể dục thể thao.

Công viên trung tâm có thể có các dạng : công viên trung tâm có ý nghĩa toàn quốc hoặc vùng, trung tâm đô thị, liên xã.

- Công viên thể thao, là cảnh quan có các công trình thể thao khác nhau, các công trình mang chức năng nghỉ ngơi và trau dồi văn hóa - giáo dục. Diện tích cây xanh chiếm hơn 50% diện tích toàn công viên (hình 53).

- Công viên giải trí, là cảnh quan có số lượng lớn các công trình biểu diễn và vui chơi. Diện tích cây xanh thường dưới 40% diện tích toàn công viên.

- Công viên triển lãm, là cảnh quan, trong đó có các công trình triển lãm mang ý nghĩa quốc tế, toàn quốc, vùng hoặc đô thị. Ngoài ra, trong công viên còn có các công trình biểu diễn và dịch vụ. Diện tích cây xanh không được nhỏ hơn 35 - 40% diện tích công viên.

- Vườn bách thảo, là công trình dùng để nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động văn hóa - giáo dục. Đồng thời vườn bách thảo còn là nơi nghỉ ngơi, giải trí cho dân đô thị. Đây là nơi nghiên cứu thực vật trong và ngoài nước, cũng như qua công tác văn hóa - giáo dục để truyền bá tri thức về thực vật học cho nhân dân.

- Vườn thú, là công trình để nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động văn hóa - giáo dục. Trong vườn thú, các nhóm loài động vật được bố trí theo hoàn cảnh sinh thái chuẩn.

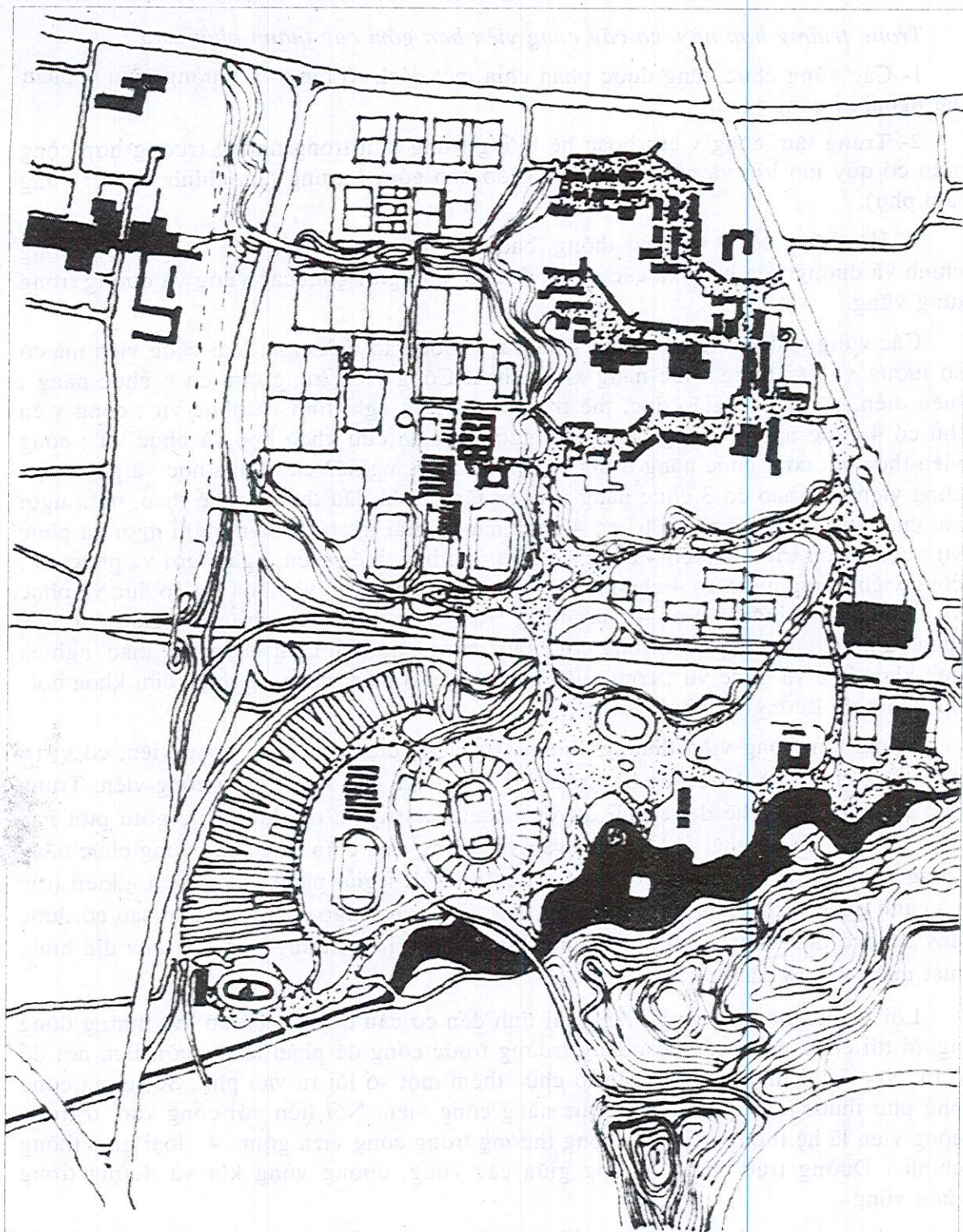
- Công viên tưởng niệm, là cảnh quan có các công trình có giá trị di tích cách mạng, hoặc di tích văn hóa. Công viên có thể được gắn với một sự kiện lịch sử hay tên tuổi của các nhà hoạt động cách mạng, văn hóa v.v...

- Công viên trẻ em, là mảng cây xanh lớn, kết hợp giữa công trình kiến trúc với thiên nhiên, trong đó có vùng sinh vật và thảo mộc được bố trí theo một sơ đồ khoa học. Công viên hình thành nhằm phục vụ nghỉ ngơi - giải trí và bảo đảm sự phát triển toàn diện cho các em. Đồng thời công viên là nơi các em tìm hiểu và sưu tầm thế giới tự nhiên. Công viên còn là chỗ tổ chức học ngoại khóa và thực hiện các biện pháp văn hóa - giáo dục khác, tổ chức các trò vui, thể thao.

- Công viên rừng, là mảng rừng rộng lớn (thường có vị trí ở ngoại đô). Công viên rừng hình thành trên cơ sở cải tạo mảng rừng hiện có theo nguyên tắc bảo tồn động thực vật hiện có và địa hình tự nhiên; chủ yếu làm phong phú, đa dạng thêm cảnh quan có sẵn, bố trí các công trình kiến trúc và trang thiết bị hoàn thiện phục vụ nghỉ ngơi dạo chơi du lịch và thể thao (leo núi, trượt tuyết...). Ngoài ra còn có nơi phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và tìm hiểu động, thực vật địa phương.

- Công viên bảo tồn, là khu rừng ngoài điểm dân cư, thế giới sinh vật và địa hình của khu rừng còn nguyên vẹn dấu tích tự nhiên, do đó khu rừng cần được bảo tồn và sử dụng cho công tác nghiên cứu khoa học và tìm hiểu thiên nhiên trong các hoạt động du lịch - nghỉ dưỡng.

Chức năng của công viên được phân bổ trong quy hoạch mặt bằng theo hai khuynh hướng. Phù hợp với từng chức năng, khu đất công viên được phân chia giới hạn rõ ràng - gọi là *khuynh hướng chức năng hóa công viên*.



Hình 53. *Bố cục quần thể công viên thể thao Olympic ở Miunkhen năm 1972.*

1. Sân vận động trung tâm; 2. Trung tâm truyền hình; 3. Bãi đậu xe; 4. Làng Olympic nữ giới; 5. Làng Olympic nam giới; 6. Nhà thi đấu bóng chuyên; 7. Trung tâm báo chí; 8. Các bãi tập; 9. Ga tàu điện ngầm; 10. Ga đường sắt cao tốc.

Trong trường hợp này, cơ cấu công viên bao gồm các thành phần sau :

1- Các vùng chức năng được phân chia một cách rõ ràng và thường nằm ở phần đất ngoại vi công viên.

2- Trung tâm công viên (hoặc hệ thống trung tâm trong những trường hợp công viên có quy mô lớn và phức tạp. Trong đó bao gồm 1 trung tâm chính và các trung tâm phụ).

3- Hệ thống cổng và giao thông, bao gồm cổng chính và các cổng phụ, đường chính và đường liên hệ giữa các vùng, đường ranh giới giữa các vùng và đường trong từng vùng.

Các vùng chức năng của công viên, tùy thuộc vào tính chất, loại công viên mà có số lượng và nội dung chức năng khác nhau. Công viên trung tâm có 6 chức năng : biểu diễn, văn hóa - giáo dục, thể thao, thiếu nhi, nghỉ tĩnh và phục vụ ; công viên thú có 4 chức năng ; trưng bày, nghỉ ngơi, nghiên cứu khoa học và phục vụ ; công viên thực vật có 4 chức năng trưng bày, nghỉ ngơi, nghiên cứu khoa học và phục vụ ; công viên thể thao có 3 chức năng ; luyện tập và thi đấu thể dục thể thao, nghỉ ngơi và phục vụ ; công viên giải trí có 4 chức năng : giải trí, biểu diễn, nghỉ ngơi và phục vụ ; công viên triển lãm có 4 chức năng : trưng bày, biểu diễn, nghỉ ngơi và phục vụ ; công viên tưởng niệm có 4 chức năng : hành lễ, nghỉ ngơi, văn hóa - giáo dục và phục vụ ; công viên thiếu nhi có 4 chức năng : vui chơi - giải trí, văn hóa - giáo dục, thể thao và phục vụ ; công viên rừng có 5 chức năng : du lịch nghỉ - dạo, thể thao, nghiên cứu khoa học và phục vụ ; công viên bảo tồn có 3 chức năng : nghiên cứu khoa học, du lịch nghỉ dưỡng và phục vụ.

Trung tâm công viên thường chiếm 10 - 15% diện tích toàn công viên, có vị trí gần cổng chính và được liên hệ thuận lợi với tất cả các vùng trong công viên. Trung tâm công viên có thể được giải quyết ở dạng một quần thể kiến trúc gồm một hay một số nhà liên hệ chặt chẽ với lối vào và đường trục chính, với các vùng chức năng trong công viên. Tại đây cần chú ý nhiều nhất đến giải pháp quy hoạch - kiến trúc và cảnh quan nhằm làm nổi bật trung tâm. Còn vùng ngoại vi phải làm sao có được đầy đủ các tính chất thiên nhiên nhằm sử dụng tối đa những góc đẹp của địa hình, mặt nước và cây xanh.

Lối vào chính của công viên phải tính đến cơ cấu quy hoạch đô thị, hướng dòng người tới công viên, cần có quảng trường trước cổng để phân tán người, làm nơi đỗ ô tô. Ngoài lối ra vào chính cần tổ chức thêm một số lối ra vào phụ. Số lượng cổng phụ phụ thuộc vào quy mô và chức năng công viên. Nối liền với cổng vào, ở trong công viên là hệ thống đường. Thông thường trong công viên gồm 4 loại giao thông chính : Đường trục chính, đường giữa các vùng, đường vòng kín và đường trong từng vùng.

– Đường trục chính là đường dẫn từ cổng chính đến trung tâm công viên. Do đó, đường trục chính có lưu lượng người đi lại lớn nhất. Bởi vậy, chiều rộng đường cũng phải lớn, thường 12 - 30 m. Đường trục chính vừa phải bảo đảm giao thông lại vừa là đường dạo, nên chiều rộng đường của phần đi bộ, không được nhỏ hơn 10m.

Trường hợp chiều rộng đường lớn thì nên bố trí bồn hoa, cây trang trí hay bể nước non bộ, vòi phun trên mặt đường. Khi chia đường thành nhiều luồng đi lại, cây trồng theo hàng nên cùng một loại để nhấn mạnh hướng trục chính.

Trục đường chính thẳng hay cong còn phụ thuộc vào địa hình và ý đồ bố cục. Nếu đường trục chính mang chức năng giao thông là chính, địa hình bằng phẳng thì trục đường thẳng và giải pháp bố cục phong cảnh đường trục chính ở dạng cân xứng đều đặn, tạo phối cảnh sâu. Kết thúc trục có thể là một công trình xây dựng hay sân ngắm cảnh (như sân ngắm cảnh trung tâm ở cuối trục chính của công viên Lê Nin (Hà Nội)).

Nếu trục đường có cả chức năng dạo chơi, có mặt nước rộng nằm sát cổng chính hoặc có di tích lịch sử đã được xếp hạng hay cây cổ thụ nằm chéch cổng chính v.v... thì trục đường ở dạng cong. Cây trồng trên đường này thường nhiều loại, bố trí dễ sinh động, có chú ý bố cục chỗ rẽ của đường nhằm báo hiệu cho người đi lại biết trước lối rẽ.

– *Đường vòng kín* là đường nối tất cả các vùng chức năng của công viên với nhau và là đường dài nhất trong công viên, có mức độ quan trọng sau đường trục chính, có chiều rộng từ 6 - 8m trở lên. Ngoài nhiệm vụ bảo đảm mối liên hệ thuận lợi giữa tất cả các vùng trong công viên ra đường vòng kín còn là tuyến dạo dài nhất. Việc vạch tuyến đường vòng kín cần tận dụng nơi bằng phẳng của địa hình để tránh độ dốc quá cao, liên hệ dễ dàng với các công trình phục vụ, các trung tâm của mỗi vùng bằng việc bố trí đường vòng kín qua lối rẽ thuận lợi. Còn việc tạo cảnh trên đường cần thay đổi các yếu tố tạo cảnh sao cho mỗi một bước đi, người xem thấy cảnh luôn luôn đổi khác, sinh động, không có cảm giác chán nản.

– *Đường giữa các vùng* là đường nối đường vòng kín với trung tâm công viên, làm chức năng giới hạn các vùng và liên hệ giữa vùng trung tâm với vùng ngoại vi công viên, làm đường dạo và bảo đảm sự phân bố đồng đều lượng người trên khu đất công viên, có chiều rộng 10 - 15 m.

Vị trí đường cũng như hướng đường giữa các vùng lệ thuộc không chỉ tính chất địa hình mà còn đặc điểm của việc phân vùng chức năng công viên.

– *Đường trong từng vùng* : Tùy vào ý nghĩa, chức năng, mật độ tập trung người của từng vùng mà đường có chiều rộng khác nhau : chiều rộng đường cho vùng biểu diễn, văn hoá giáo dục và vùng thể thao là 3 - 10m, vùng nghỉ ngơi yên tĩnh là 1,5 - 3m.

Mạng lưới đường trong vùng cần được tách ra một số con đường chính. Đó là những con đường dẫn đến các công trình có sức hút số lượng lớn người đến. Ngoài ra cần phải suy nghĩ hướng đường, kết hợp đường với các khóm cây, các công trình kiến trúc nhỏ có vị trí ở khu vực kế cận. Đường có vị trí sao cho người xem không chỉ đến các công trình nhất định, nơi nghỉ ngơi mà còn mở ra những phối cảnh đẹp,

ngõ là con đường phải trở thành một thành phần không thể thiếu được của mỗi một bức tranh phong cảnh.

Việc lựa chọn dạng đường trong vùng rất cần thiết. Đường có thể ở dạng thẳng khi nối từ cổng đến công trình hay giữa các công trình với nhau để liên hệ được nhanh nhất. Con đường cong thường dẫn đến các công trình kiến trúc nhỏ, lối vào sân nghỉ, sân ngắm cảnh, chơi bóng mát, chơi cờ v.v... Nói chung, khi vạch mạng lưới đường trong công viên cần lưu ý, đường ngoài chức năng liên hệ giao thông còn là phương tiện để thụ cảm cảnh đẹp, đường là một trong những yếu tố tạo cảnh.

Ngược lại với khuynh hướng chức năng hóa công viên nêu trên, *khuyňh hướng đa hóa chức năng công viên* quan niệm rằng phải hoàn thiện điều kiện tiện nghi trong hoạt động nghỉ ngơi, giải trí của con người trong thời gian ngắn nhất. Và, với thời gian ít nhất cũng có thể thỏa mãn các nhu cầu luôn phát triển và đa dạng hoá của con người. Sự trao đổi thông tin, giao tiếp xã hội với quy mô lớn đòi hỏi trong một thời gian ngắn có thể tiếp nhận được nhiều nội dung khác nhau. Trong vùng thể thao cũng cần có các trò biểu diễn - giải trí, trong các khu nghỉ tĩnh cũng nên có các trò vui v.v... Mặt khác, các chức năng của công viên với bên ngoài có mối quan hệ tương hỗ, hỗ trợ và phát huy tác dụng lẫn nhau. Do đó, việc phân vùng chức năng quá rành rọt của khuynh hướng chức năng hóa công viên không còn thích hợp với thời kỳ hậu công nghiệp. Trong công viên và giữa công viên với khu xây dựng bao quanh cần có sự đan xen các chức năng tạo thành các vùng liên chức năng với một vài chức năng chủ đạo. Do đó, khuynh hướng này còn gọi là *khuyňh hướng cấu trúc hạt nhân*. Cơ cấu quy hoạch theo khuynh hướng này bao gồm các thành phần sau :

1- Các công trình hoặc hợp thể công trình chức năng.

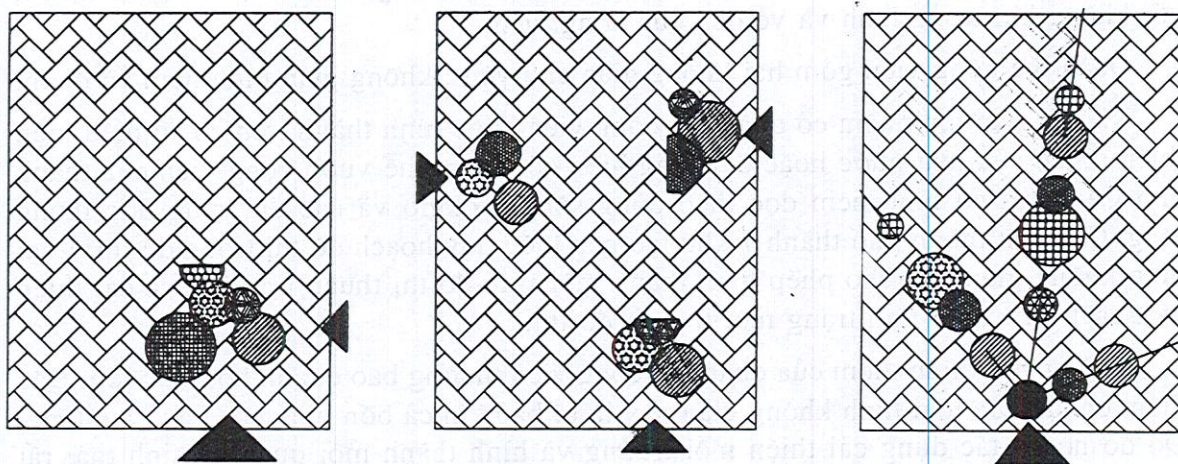
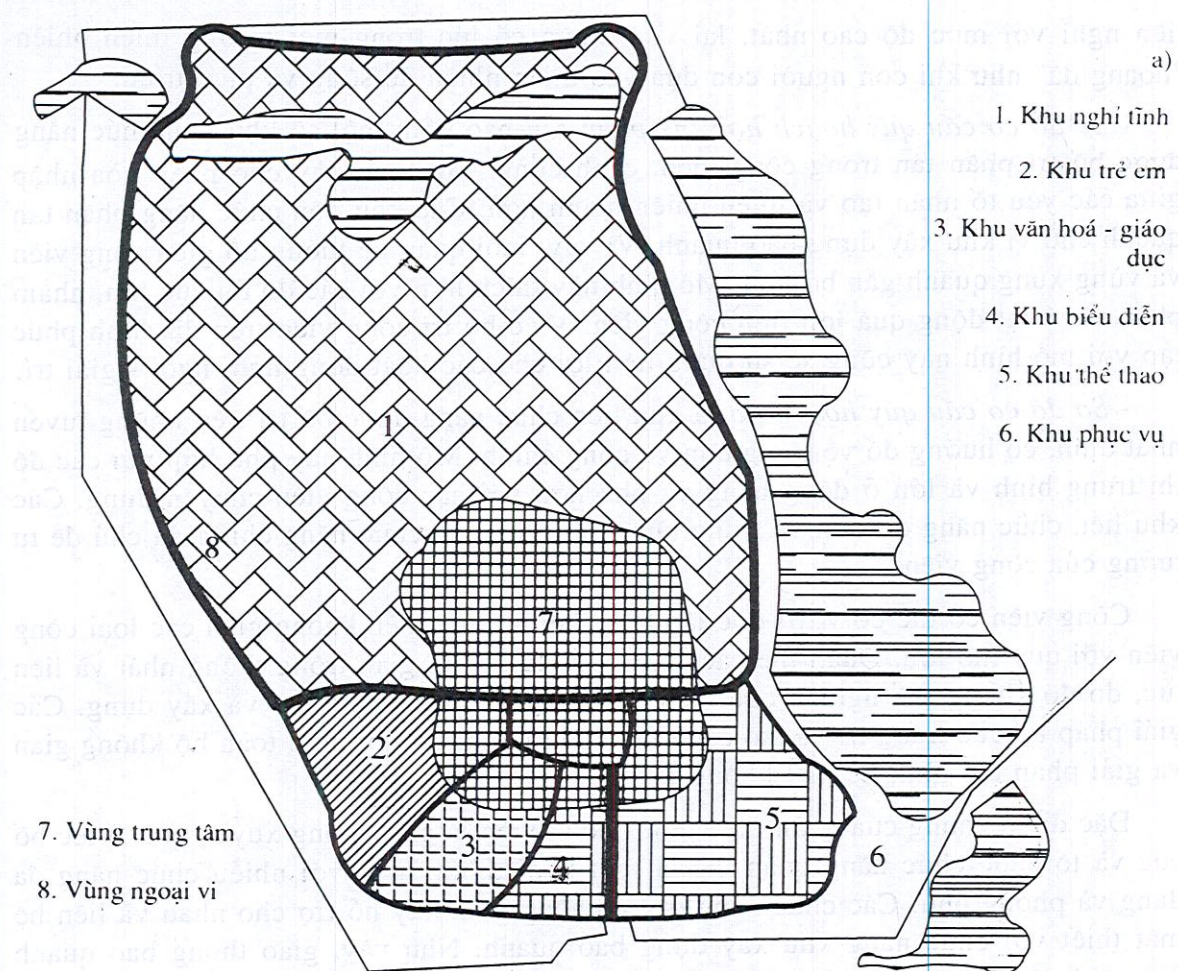
2- Trung tâm công viên (hoặc hệ thống trung tâm trong những trường hợp công viên có quy mô lớn và phức tạp. Trong đó bao gồm một trung tâm chính và các trung tâm phụ).

3- Hệ thống cổng và giao thông chính, bao gồm cổng chính và đường trục chính nối cổng với trung tâm, các cổng phụ nối với các hợp thể chức năng bằng các đường giao thông phụ.

Việc tổ chức trung tâm và hệ thống cổng, giao thông trong công viên tương tự như trong công viên theo khuynh hướng chức năng hóa công viên.

Với khuynh hướng cấu trúc hạt nhân, có 3 sơ đồ cơ cấu quy hoạch công viên : *tập trung, hợp thể phân tán và tia (hình 54)*.

- *Sơ đồ cơ cấu quy hoạch tập trung* là tập hợp toàn bộ các chức năng của công viên vào khu trung tâm, cạnh cổng chính tạo thành khu liên chức năng với mật độ nhân tạo cao nhất, hoàn thiện nhất. Khu đất còn lại của công viên là khu thiên nhiên (tự nhiên). Mô hình này gần với khuynh hướng phân cực cảnh quan xuất hiện trong những năm gần đây. Vấn đề là ở chỗ con người hiện đại vừa đòi hỏi môi trường sống



Hình 54: Các khuynh hướng bố cục vườn công viên.

a) Khuynh hướng hiện đại; b) Khuynh hướng hậu hiện đại.

b)

tiện nghi với mức độ cao nhất, lại vừa muốn có lúc trong môi trường thiên nhiên "hoang dã" như khi con người còn dựa vào thiên nhiên để sống và phát triển.

- *Sơ đồ cơ cấu quy hoạch hợp thể phân tán* bao gồm một số khu liên chức năng được bố trí phân tán trong công viên, cạnh cổng. Mô hình này cho phép hòa nhập giữa các yếu tố nhân tạo và thiên nhiên mạnh hơn. Các khu liên chức năng phân tán quanh chu vi khu xây dựng bao quanh. Vì vậy, mối quan hệ tương hỗ giữa công viên và vùng xung quanh gần bó hơn. Mô hình này thích hợp với các đô thị cực lớn, nhằm phân tán hoạt động quá lớn trên công viên. Việc bố trí công viên trên địa hình phức tạp với mô hình này cũng sẽ sử dụng tiện lợi cho các hoạt động nghỉ ngơi - giải trí.

- *Sơ đồ cơ cấu quy hoạch tia* là khu liên chức năng được bố trí trên những tuyến nhất định, có hướng đổ về trung tâm và cổng chính. Mô hình này phù hợp với các đô thị trung bình và lớn ở đồng bằng và phù hợp với các công viên chuyên dụng. Các khu liên chức năng đổ dồn về trung tâm - nơi thể hiện chức năng chính, là chủ đề tư tưởng của công viên.

Công viên có thể có vị trí độc lập hoặc kết hợp tạo nên không gian các loại công viên với quy mô lớn. Quần thể các công viên là không gian tổng thống nhất và liên tục, do đó không thể nghiên cứu tách rời trong quá trình thiết kế và xây dựng. Các giải pháp bố cục trang trí và tạo cảnh tác động lẫn nhau, chi phối toàn bộ không gian và giải pháp tạo hình bề mặt không gian.

Đặc điểm chung của quần thể vườn - công viên là giao thông xuyên qua. Việc bố cục và tổ chức chức năng quần thể là một khối thống nhất với nhiều chức năng đa dạng và phong phú. Các chức năng trong không gian này hỗ trợ cho nhau và liên hệ mật thiết với chức năng khu xây dựng bao quanh. Như vậy, giao thông bao quanh quần thể công viên phải được xem như một phần không gian tổng chung. Do đó phát huy được hiệu quả cao nhất trong việc tiếp cận của con người đô thị với thiên nhiên, với không khí trong lành và vẻ đẹp của công viên.

Quần thể công viên gồm hai không gian chủ yếu : không gian hình nêm và điểm.

Không gian hình nêm có quần thể công viên được hình thành trên cơ sở điều kiện thiên nhiên của mặt nước hoặc dải rừng hiện có. Quần thể vườn công viên của thành phố Canberra có hình nêm dọc theo dòng sông Monglo và các dải rừng dọc thung lũng. Chia cắt thành phố thành 7 khu tạo nên kiểu quy hoạch đô thị trong đô thị. Loại hình không gian này cho phép hình thành môi sinh đô thị thuận lợi nhất và cải thiện một cách hữu hiệu tình trạng môi trường đô thị.

Không gian hình điểm của quần thể công viên thường bao quanh hồ nước lớn. Đặc điểm chung của loại hình không gian này là bị bao kín cả bốn phía bởi khu xây dựng. Do đó nó có tác dụng cải thiện môi trường và hình thành mối quan hệ sinh thái rất lớn. Quần thể công viên kiểu này là thành phần không gian tổng chủ yếu của các đô thị nhỏ và trung bình. Cả hai loại hình không gian của quần thể công viên đều có các yếu tố thiên nhiên chiếm ưu thế trong việc tạo cảnh và trang trí. Địa hình, mặt nước và cây xanh về căn bản, ở dạng tự nhiên. Đồi núi, sông hồ và các mảng cây tạo nên

khung cảnh thiên nhiên trong đô thị. Công viên độc lập chủ yếu có không gian dạng điểm trong các khu xây dựng. Trong trường hợp này, mối quan hệ tương hỗ giữa không gian với khu xây dựng bao quanh biểu hiện chủ yếu ở ba hình thức:

- *Công viên trên địa hình cao* : Công viên sẽ được thụ cảm từ mọi hướng trong khu xây dựng với các lớp cảnh phong phú, có chiều sâu không gian.

- *Công viên trên địa hình bằng phẳng với khu xây dựng* : Ở đây, bề mặt khu xây dựng bao quanh hướng về công viên có ý nghĩa quyết định đến các giải pháp tạo cảnh và trang trí trong công viên.

- *Công viên trên địa hình thấp hơn khu xây dựng* : Mối liên hệ giữa khu xây dựng bao quanh với công viên là các sân trống và đường rộng thẳng chạy sâu vào trong công viên.

Ngoài ra, hiện nay đã xuất hiện thể loại công viên mới : công viên bảo tàng - nơi trưng bày các di sản văn hóa thế giới, hay của một nước. Nếu như trước đây, việc trưng bày các hiện vật chủ yếu trong tủ kính, thì ngày nay để hiện vật có giá trị lịch sử, không gian chức năng là bày hiện vật trong cảnh quan chứa đựng chúng. Tháp Eiffel bên bờ sông Seine, kinh thành Huế bên bờ sông Hương, v.v... (hình 55)

Việc tạo hình không gian trong công viên dựa trên tương quan giữa không gian kín (mảng cây) và không gian trống (rừng thưa, mặt nước, sân). Vấn đề còn lại là bố cục trang trí và tạo cảnh trong không gian trống ấy. Tuy nhiên, cũng phải nhận thấy rằng mối quan hệ tương hỗ của công viên và khu xây dựng bao quanh luôn luôn diễn ra trong quá trình phát sinh và phát triển của đô thị. Độ lồi lõm của mặt nền không gian trống và bề mặt khu xây dựng bao quanh quyết định đến giải pháp tạo cảnh và trang trí trong công viên. Ngược lại, giải pháp bố cục các yếu tố tạo cảnh đòi hỏi sự hòa hợp của hình thể không gian trống. Vì thế, giới hạn không gian của công viên phải là bề mặt của khu xây dựng bao quanh (hình 56).

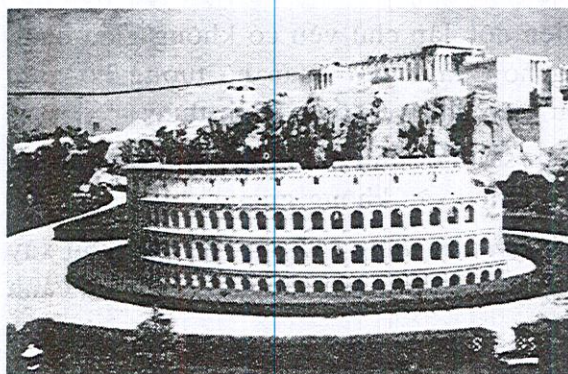
Loại hình cảnh quan nhỏ hơn công viên là *vườn*. Bao gồm : *vườn cảnh* (có ý nghĩa công cộng) và *vườn công trình* (trong khuôn viên của nhà ở và công trình - công cộng, công trình sản xuất, kho tàng).

Vườn cảnh (vườn hoa) có vị trí bên đường phố, quảng trường (xem ở mục 2, 3).

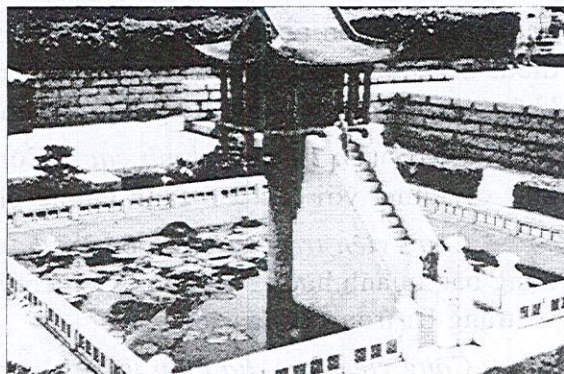
Vườn công trình là không gian - chức năng chuyển tiếp của công trình, do đó phong cảnh vườn bị chi phối bởi giải pháp kiến trúc công trình và ý đồ bố cục chung. Vườn công trình gồm 3 loại : vườn nhà ở, vườn công trình công cộng và vườn công trình sản xuất - kho tàng.

Vườn nhà ở, khi diện tích sân chiếm phần lớn khu đất được gọi là sân vườn nhà ở. Vườn nhà ở được xem như một căn phòng ngoài trời, là không gian chuyển tiếp chức năng sinh hoạt của gia đình ra ngoài phạm vi nội thất. Do đó việc thụ cảm phong cảnh vườn thường ở khoảng cách gần. Các chi tiết, bố cục tạo cảnh như chậu hoa, cây cảnh, đá... là thành phần chủ yếu.

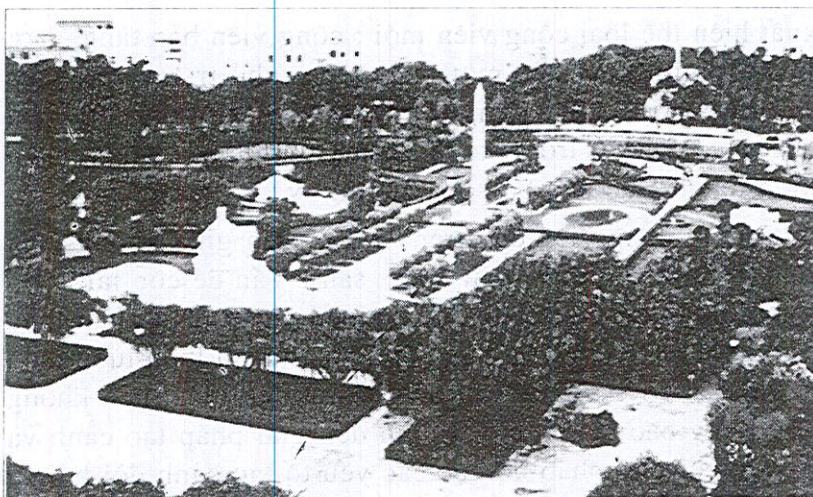
Chức năng của vườn nhà ở bao gồm : nghỉ ngơi, cải thiện môi trường và trang trí ngôi nhà. Vườn nhà ở ven đô và nông thôn còn thêm chức năng kinh tế và sản xuất.



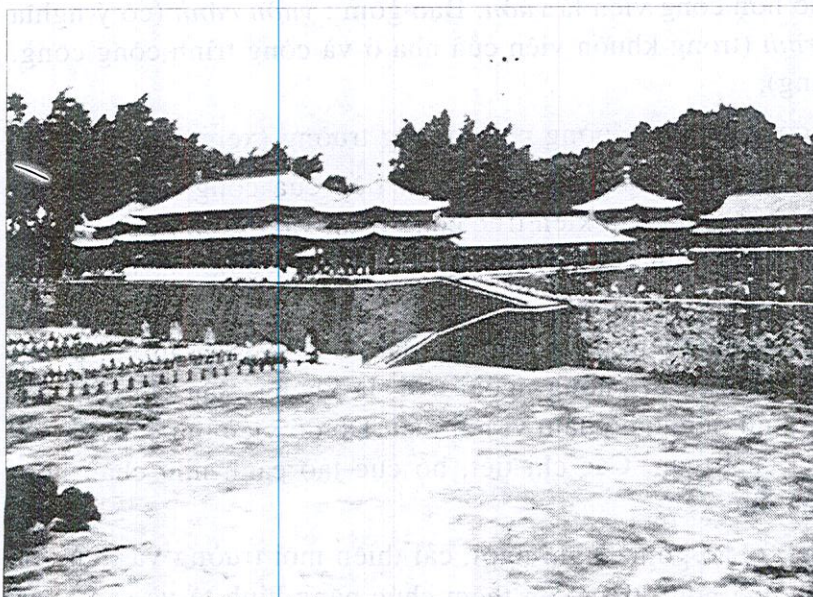
a)



b)



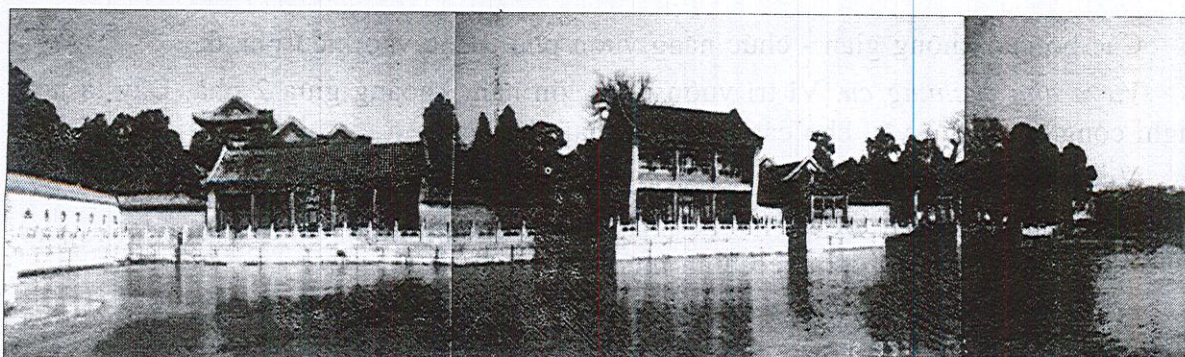
c)



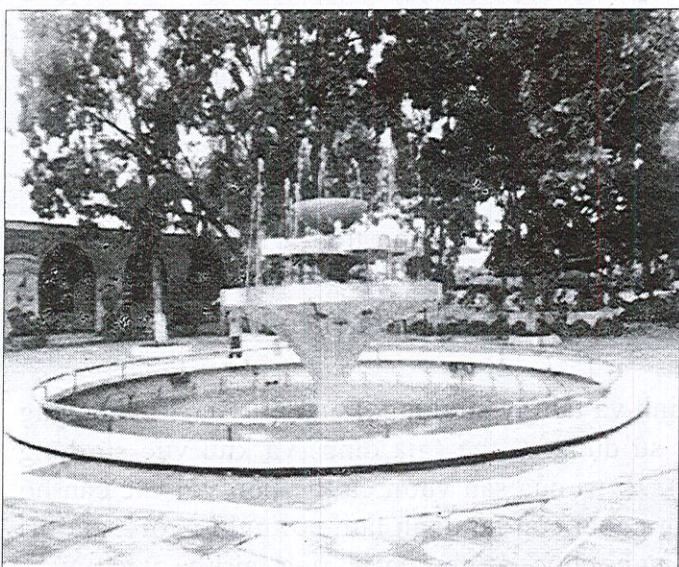
d)

Hình 55: Khu làng văn hoá các dân tộc ở Thâm Quyển, Trung Quốc - Một loại hình bảo tàng mới xuất hiện trong những năm gần đây - gần hiện vật trưng bày trong môi cảnh gốc nhằm tăng hiệu quả lịch sử.

- a) Đấu trường Coliser;
- b) Chùa Một cột, Hà Nội;
- c) Khu capitol, Washington;
- d) Cố cung Bắc Kinh.

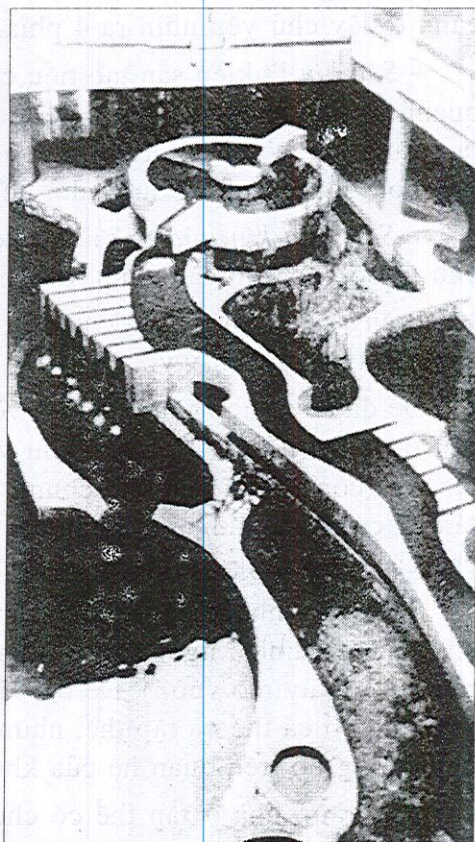


a)



b)

c)



d)

Hình 56: Bố cục mặt nước và cây xanh trong không gian.

a) Phong cảnh bờ hồ Côn Minh trong Di Hoà viên, Trung Quốc; b) Bể nước vòi phun trong khu giải trí Đầm Sen, thành phố Hồ Chí Minh; c) Hàng cau rụng trong bố cục vườn cảnh khách sạn Deawoo, Hà Nội; d) Sân trong thư viện thành phố Askhabad.



**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Các bố cục không gian - chức năng vườn phụ thuộc vào kiểu nhà ở.

Vườn nhà ở chung cư. Vị trí vườn phần lớn nằm khoảng giữa 2 nhà. Đây là nơi nghỉ công cộng chủ yếu cho các căn hộ ở hai nhà này.

Vườn gồm 2 vùng :

- Vùng sân vườn trước lối ra vào nhà, có chức năng trang trí và bố cục lối ra vào nhà. Vì thế, thường bố cục theo hình thức cân xứng.

- Vùng sân vườn sau nhà thường có diện tích lớn, bao gồm hệ thống sân nghỉ và đường dạo, sân chơi trẻ em.

Bố cục sân gồm 3 hình thức :

- + *Sân mở* là kiểu sân hầu như không có các yếu tố tạo cảnh trên sân. Việc ngắm cảnh ở đây chủ yếu nhìn ra 4 phía.

- + *Sân kín* là kiểu sân tạo tiểu cảnh để người nghỉ ngắm cảnh ngay trên sân. Xung quanh sân được bao kín bằng cây xanh hoặc tường trang trí. Ở đây các yếu tố nhân tạo đóng vai trò chính trong bố cục : bể nước trang trí ở dạng tĩnh, có vòi phun nhẹ hay non bộ, một dòng suối nhỏ uốn quanh v.v...

- + *Sân nửa kín nửa mở* là sự kết hợp giữa hai kiểu sân trên. Trên sân có một số yếu tố bố cục làm cận cảnh, còn trung và viễn cảnh nằm ngoài sân.

Riêng sân chơi trẻ em chủ yếu được bố trí các thiết bị chơi có hình thức nhỏ như cầu trượt, bập bênh v.v...

Để đáp ứng nhu cầu quản lý, vệ sinh và tâm lý sử dụng, khu đất giữa 2 nhà chung cư có thể tách làm 2 phần : khu vực sử dụng cá thể (gia đình) và khu vực sử dụng tập thể (công cộng của khu chung cư). Vị trí của sân vườn cá thể liền với các căn hộ tầng 1 của nhà chung cư. Phần đất bên ngoài còn lại dành làm nơi nghỉ ngơi - giải trí cho các hộ ở tầng 2 trở lên và là nơi nghỉ chốc lát cho người qua lại khu vực này.

Sân vườn nhà ở cá thể được giải quyết như sân vườn nhà ở biệt thự, bao gồm 2 chức năng chính : nghỉ ngơi - trang trí và kinh tế (với mức độ nhiều hay ít còn tùy thuộc vào quy mô vườn). Để bảo đảm không gian nhất quán giữa nội ngoại thất, giữa vườn nhà ở cá thể và tập thể, những yếu tố tạo cảnh và trang trí chủ yếu cần được tổ chức đồng bộ trên quan hệ của không gian tầng 1 với không gian trống.

Sân vườn nhà ở tập thể có chức năng nghỉ ngơi - giải trí công cộng. Loại vườn này được giải quyết tương tự như vườn cảnh. Nếu vườn có quy mô lớn, thường gồm 2 chức năng : vui chơi và nghỉ ngơi ứng với 2 khái niệm : "vùng ồn" và "vùng tĩnh".

Khu vui chơi có các sân bãi thể thao nhẹ và sân chơi trẻ em.

Khu nghỉ bao gồm các sân nghỉ của người lớn, sân chơi tĩnh (như chơi cờ, bia...)

Vườn công trình sử dụng công cộng là vùng chức năng phù trợ cho chức năng của công trình. Các giải pháp bố cục vườn và công trình có mối quan hệ tương hỗ trong tương quan tạo hình không gian, tạo cảnh và trang trí.

Trước đây, loại vườn này chỉ là khu đất được chừa lại sau khi xác định bố cục tổng thể công trình, do đó bố cục vườn hoàn toàn phụ thuộc vào giải pháp kiến trúc

tòa nhà. Hiện nay có xu hướng : Để sử dụng tối đa đất đai một cách có hiệu quả trong việc tạo dựng môi trường trong lành và có giá trị sử dụng, thẩm mỹ cao cần đặt vườn với các yếu tố thiên nhiên tham gia vào việc hình thành hình thể và trang trí công trình. Mặt bằng tầng 1 thường được chú ý nhiều nhất khi nghiên cứu đồng bộ, cùng lúc với mặt bằng vườn. Một phần của mặt bằng vườn là một bộ phận của mặt bằng công trình và ngược lại. Như vậy, các yếu tố đa dạng của thiên nhiên sẽ góp phần tạo nên cái riêng của kiến trúc công trình và là phương tiện biểu hiện có hiệu quả nhất tín hiệu thông điệp của ngôi nhà - một chức năng thông tin quan trọng và cơ bản của kiến trúc thời kì hậu công nghiệp.

Vườn công trình sản xuất – kho tàng có vị trí ngay lối cổng vào nhà máy, kho tàng hoặc giữa các phân xưởng. Chức năng của vườn gồm : nghỉ giải lao giữa ca và chờ ca ; Ngoài ra còn có chức năng trang trí cải thiện môi trường và là nơi nghỉ chốc lát của khách hàng.

Bố cục vườn tương tự vườn cảnh.

2. Thiết kế không gian chức năng phong cảnh sân - quảng trường là phong cảnh có nhiều yếu tố nhân tạo trong tạo hình không gian, tạo cảnh và trang trí bao gồm các sân và các quảng trường.

Các sân trong đô thị gồm : sân thể dục thể thao trong các quần thể thể thao, sân trong các trung tâm công cộng của đô thị.

Các quảng trường đô thị gồm : quảng trường trung tâm (đô thị), các quảng trường giao thông và các quảng trường trước các công trình công cộng lớn.

Các sân thể dục thể thao, do bảo đảm cho các hoạt động trên sân nên các yếu tố hình khối chủ yếu được bố trí ngoài phạm vi sân.

Sân trong các trung tâm công cộng có thể được tạo cảnh và trang trí bằng các yếu tố hình khối nhỏ, chi tiết và có giá trị tạo hình cao như bồn hoa, cây cảnh, cây bụi cắt xén, bể nước v.v...

Quảng trường trung tâm thường là nơi mít tinh, hội lễ của toàn đô thị, do đó quy hoạch quảng trường thường khoáng đạt, mở.

Quảng trường giao thông và các quảng trường trước công trình công cộng lớn thường được tổ chức vườn cảnh với quy mô nhỏ có ý nghĩa sử dụng toàn đô thị. Vườn cảnh có nhiều loại khác nhau : vườn tưởng niệm, vườn giải trí, vườn nghỉ v.v...

Vườn cảnh được phân thành hai vùng : Vùng trung tâm, tập trung nhiều yếu tố nhân tạo nhằm nhấn chức năng chính của vườn, và vùng ngoại vi chủ yếu là phong cảnh thiên nhiên sinh động làm nơi nghỉ chính của vườn.

3. Thiết kế không gian - chức năng phong cảnh đường phố có hai loại : đường phố có sân vườn hoặc boulevard và đường phố thông thường.

Không gian đường phố thông thường với chức năng chủ yếu là giao thông (cơ giới), do đó bố cục phong cảnh là cây bóng mát và một số thiết bị tín hiệu giao thông, quảng cáo...

Không gian đường phố có sân vườn và boulevard có bố cục phong cảnh rất phong phú.

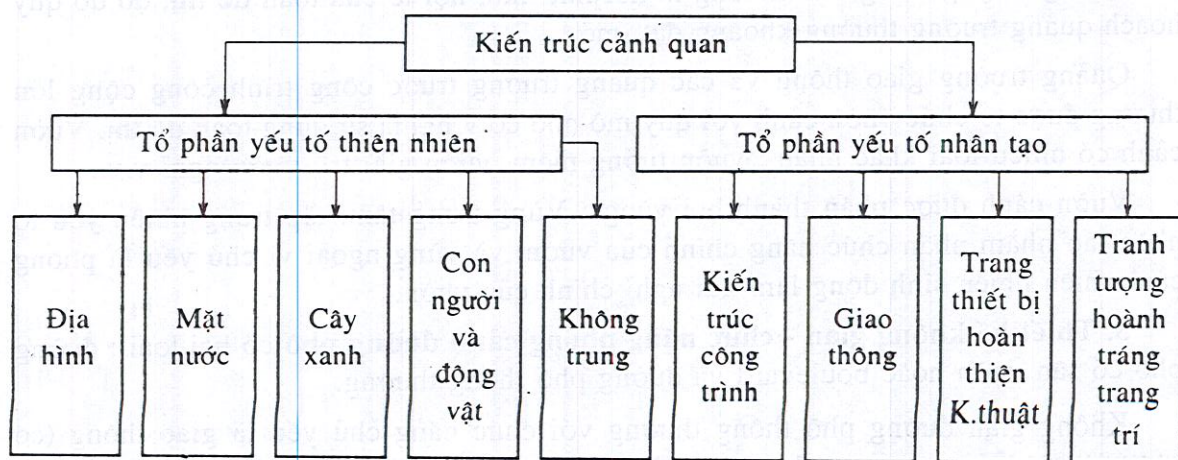
Boulevard là không gian xanh giữa lòng đường hoặc bên lề đường dành cho người đi bộ nghỉ ngơi trong chốc lát. Bố cục boulevard gồm có một số sân nghỉ và đường đi bộ với mục đích giúp người đi bộ tránh ảnh hưởng xấu do giao thông gây ra. Do đó cây trồng trong boulevard thường ít nhất một hàng cây thân gỗ che phía trên và hai hàng cây bụi che phía dưới. Một số kiến trúc công trình nhỏ như mái che, giàn... có thể kết hợp với cây trồng để tăng hiệu quả vệ sinh và mang lại ấn tượng phong cảnh sinh động hơn.

Sân vườn trên đường phố có hai loại : giữa lòng đường và trên vỉa hè. Trường hợp đầu thường là đường phố đi bộ với các yếu tố tạo cảnh như bồn hoa, cây xanh... trên mặt đường nhằm cải thiện môi trường và nâng cao hiệu quả nghệ thuật của phong cảnh đường phố và là không gian nghỉ ngơi - giao tiếp. Trường hợp sau được bố cục tương tự như vườn cảnh đô thị.

Nói chung chức năng của phong cảnh đường phố có vai trò quan trọng trong việc thụ cảm cảnh quan đô thị. Đó là không gian giao tiếp sinh động và phong phú. Đồng thời làm trực bố cục đô thị.

4. Bố cục tạo hình và trang trí các yếu tố tạo cảnh trong thiết kế cảnh quan

Các thành phần của kiến trúc cảnh quan bao gồm các tổ phần yếu tố thiên nhiên (địa hình, mặt nước, cây xanh, con người và động vật, không trung) và các tổ phần yếu tố nhân tạo (kiến trúc công trình, giao thông, các trang thiết bị hoàn thiện kỹ thuật, các tác phẩm của nghệ thuật hoành tráng - trang trí) (sơ đồ 7). Trong đó con người và động vật là những nhân tố quan trọng làm sống động cảnh quan, và góp phần không nhỏ trong giá trị thẩm mỹ của kiến trúc cảnh quan. Tuy nhiên con người và động vật luôn di động. Do đó không thể xác định cụ thể trong việc bố cục kiến trúc cảnh quan.



Sơ đồ 7 : Các thành phần kiến trúc cảnh quan

a. Địa hình

Trong kiến trúc cảnh quan, địa hình gồm hai nhóm chủ yếu : địa hình lớn, địa hình nhỏ.

- Địa hình lớn

Địa hình lớn là bề mặt đất có độ lồi lõm lớn, chia cắt không gian mạnh mẽ. Địa hình lớn được sử dụng trong kiến trúc cảnh quan ở hai giải pháp : giữ nguyên hình dáng địa hình và biến đổi hình dáng địa hình (hình 57a, b).

Địa hình bị thay đổi trong hai trường hợp :

+ Nhấn mạnh đặc điểm hình dạng địa hình (thường là nhấn mạnh chiều cao núi đồi).

+ Xử lý tạo dáng địa hình.

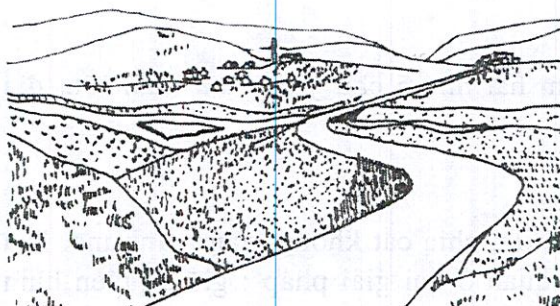
Tùy theo ý đồ kiến trúc, tư tưởng nghệ thuật và chức năng sử dụng mà có thể áp dụng một trong hai giải pháp trên hoặc kết hợp hai giải pháp đó. Trường hợp xử lý tạo dáng địa hình thường xảy ra trong kiến trúc cảnh quan nhằm kết hợp địa hình với kiến trúc sân đường và công trình. Ở đây do địa hình có quy mô lớn nên tỷ lệ công trình phụ thuộc vào tỷ lệ địa hình.

Nguyên tắc xử lý tạo dáng địa hình đã được áp dụng làm cơ sở cho các thủ pháp bố cục kiến trúc : Bậc dốc của các khán đài ở nhà hát Epidor (giữa thế kỷ IV trước Công nguyên), nhà hát Megalopolit, sân vận động ở Mylet (nửa đầu thế kỷ II trước Công nguyên) ở Hy Lạp đều dựa vào nền dốc của địa hình.

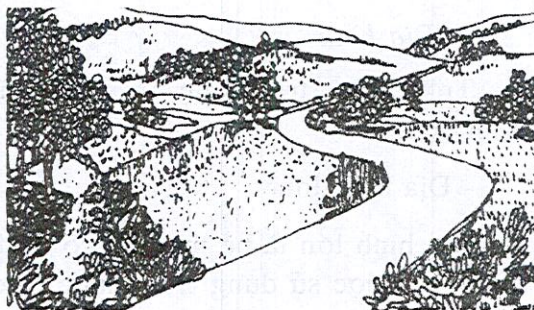
Theo tín ngưỡng, đền thờ các thần linh ở Cổ Hy Lạp phải được đặt ở vị trí cao nhất mà mọi nơi trong thành Aten đều có thể nhìn thấy. Đó cũng là một trong những nguyên cơ để mượn nguyên tắc nhấn mạnh độ cao địa hình trong việc chọn vị trí cho quần thể kiến trúc Acropolis trong việc biểu hiện ý đồ kiến trúc.

Quần thể tưởng niệm trên đồi Mamaev ở Stalingrat cũng lợi dụng nguyên tắc đó để thể hiện chủ đề tư tưởng của quần thể. Pho tượng : "Bà mẹ - Tổ quốc" trên đỉnh đồi có được sự khống chế cả một khoảng không gian bao la là nhờ sự cộng hưởng độ cao sẵn có của địa hình với chiều cao 52m của Pho tượng. Người mẹ với dáng đứng bước lên trước, tay phải giơ thanh kiếm tuốt trần, tay trái dang rộng về phía sau vẫy gọi, đầu quay nghiêng nhìn xuống phía dưới khu đồi thăm thẳm, mệnh mông như ẩn trong mình sự u buồn nhưng rất đỗi tự hào về sự hy sinh anh dũng của các chiến sỹ Hồng quân Liên Xô.

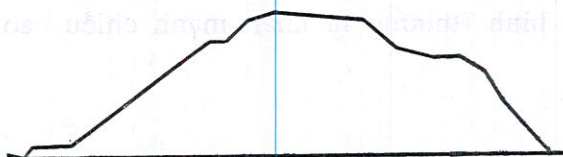
Do đó, có thể nhận thấy rằng, để nhấn mạnh một chủ đề tư tưởng nào đó hoặc gây sự chú ý của người xem tới một công trình nhất định người ta thường dùng thủ pháp nhấn mạnh địa hình.



a)



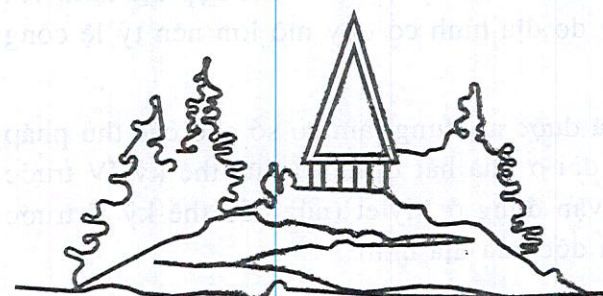
b)



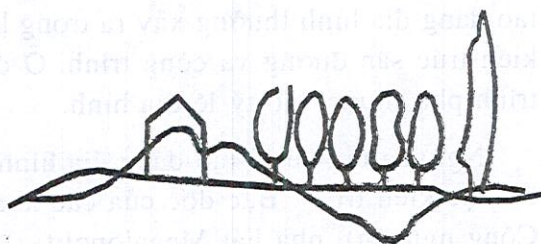
c)



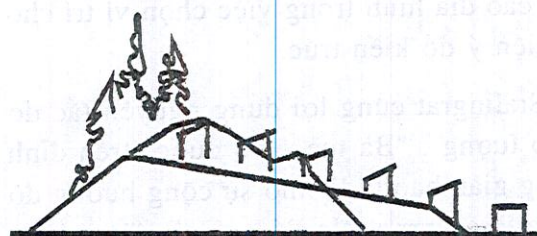
d)



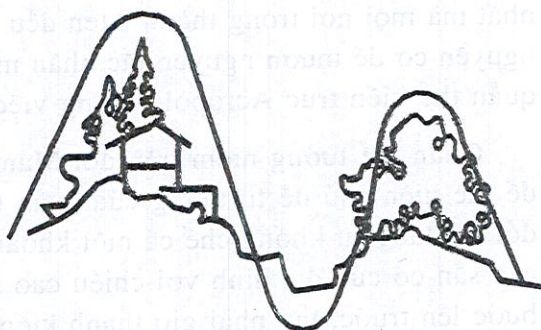
e)



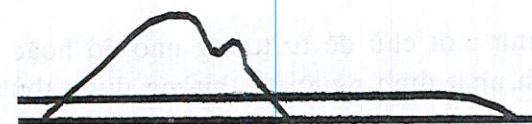
f)



g)



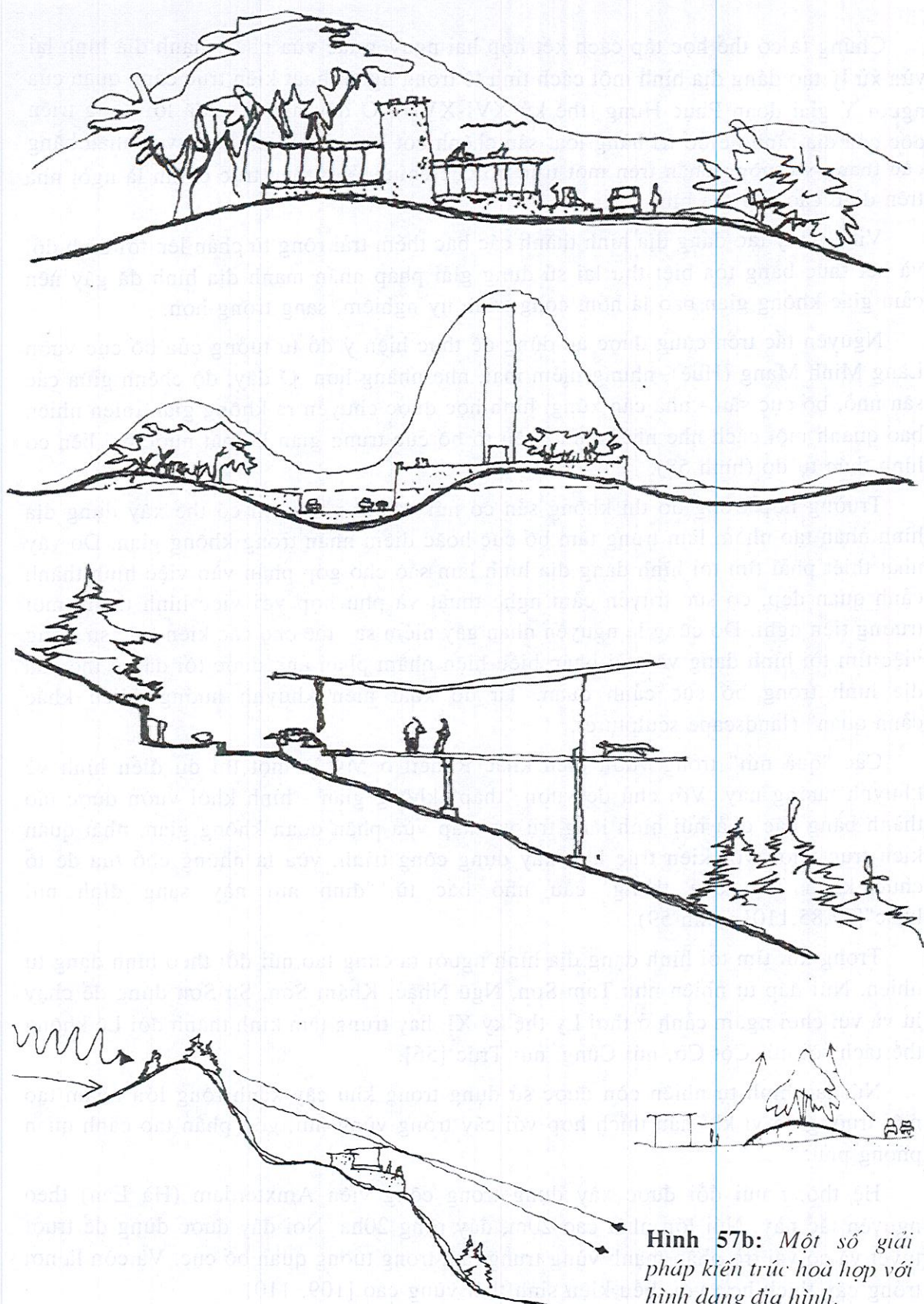
h)



i)

Hình 57a: Một số giải pháp xử lý địa hình.

a) Cảnh quan ban đầu; b) Cảnh quan biến đổi sau khi đưa cây xanh vào; c) Giữ nguyên địa hình; d) Hình dạng khu đất tự nhiên; e) Tầng độ cao địa hình; f) Hạ thấp địa hình; g) Biến dạng địa hình; h) Nhân đặc điểm địa hình khu đất; i) Phá vỡ địa hình phức tạp.



Hình 57b: Một số giải pháp kiến trúc hoà hợp với hình dạng địa hình.

Chúng ta có thể học tập cách kết hợp hai nguyên tắc vừa nhấn mạnh địa hình lại vừa xử lý tạo dáng địa hình một cách tinh tế trong nghệ thuật kiến trúc cảnh quan của người Ý giai đoạn Phục Hưng (thế kỷ XVI-XVII). Ở đây người ta đã lợi dụng triển dốc của địa hình để bố trí hàng loạt sân chênh cốt (terrasse) liên hoàn với nhau bằng cầu thang và tường chắn trên một trục bố cục chính. Kết thúc trục chính là ngôi nhà trên đỉnh cao của địa hình.

Việc xử lý tạo dáng địa hình thành các bậc thềm trải rộng từ chân lên tới đỉnh đồi và kết thúc bằng tòa biệt thự lại sử dụng giải pháp nhấn mạnh địa hình đã gây nên cảm giác không gian bao la hơn, công trình uy nghiêm, sang trọng hơn.

Nguyên tắc trên cũng được áp dụng để thực hiện ý đồ tư tưởng của bố cục vườn Lăng Minh Mạng (Huế), nhưng mềm mại, nhẹ nhàng hơn. Ở đây, độ chênh giữa các sân nhỏ, bố cục sân - nhà cân xứng, hình học được chuyển ra không gian thiên nhiên bao quanh một cách nhẹ nhàng nhờ yếu tố bố cục trung gian là mặt nước hai bên có hình thức tự do (hình 58).

Trường hợp trong đô thị không sẵn có núi đồi tự nhiên thì có thể xây dựng địa hình nhân tạo nhằm làm trung tâm bố cục hoặc điểm nhấn trong không gian. Do vậy nhất thiết phải tìm tòi hình dáng địa hình làm sao cho góp phần vào việc hình thành cảnh quan đẹp, có sức truyền cảm nghệ thuật và phù hợp với việc hình thành môi trường tiện nghi. Đó cũng là nguyên nhân gây niềm say mê cho các kiến trúc sư trong việc tìm tòi hình dạng và giải pháp biểu hiện nhằm phản ánh được tối đa ưu thế của địa hình trong bố cục cảnh quan. Từ đó xuất hiện khuynh hướng "điều khắc cảnh quan" (landscape sculpture).

Các "quả núi" trong vườn điêu khắc Rodeil ở Mỹ là một thí dụ điển hình về khuynh hướng này. Với chủ đề vườn "tháp" không gian - hình khối vườn được tạo thành bằng các quả núi hình lăng trụ và tháp vừa phân đoạn không gian, nhất quán kiến trúc vườn với kiến trúc khu xây dựng công trình, vừa là những chỗ tựa để tổ chức khán đài, cầu thang, cầu nhỏ bắc từ "đỉnh núi này sang đỉnh núi khác" [77,85,110] (hình 59).

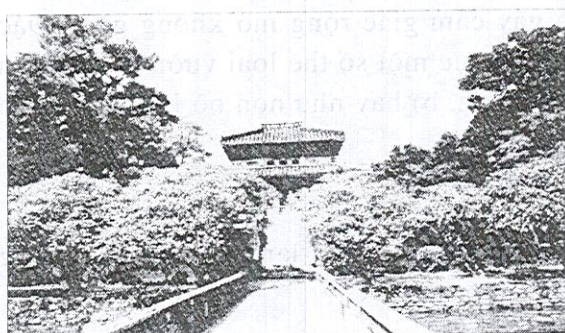
Trong khi tìm tòi hình dạng địa hình người ta cũng tạo núi đồi theo hình dạng tự nhiên. Núi đắp tự nhiên như Tam Sơn, Ngũ Nhạc, Khám Sơn, Sư Sơn dùng để chạy lũ và vui chơi ngắm cảnh ở thời Lý thế kỷ XI, hay trung tâm kinh thành đời Lê không thể tách rời núi Cột Cờ, núi Cung, núi Trúc [56].

Núi tạo hình tự nhiên còn được sử dụng trong khu cây xanh rộng lớn nhằm tạo môi trường có vi khí hậu thích hợp với cây trồng vùng núi, góp phần tạo cảnh quan phong phú.

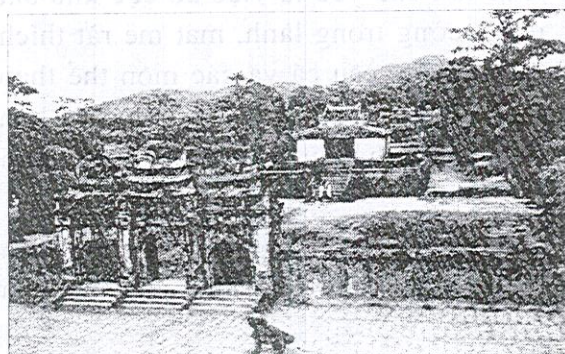
Hệ thống núi đồi được xây dựng trong công viên Amxterdam (Hà Lan) theo nguyên tắc này. Núi lớn nhất cao 20m, đáy rộng 20ha. Nơi đây được dùng để trượt tuyết và có vai trò nhấn mạnh vùng trung tâm trong tương quan bố cục. Và còn là nơi trồng cây thích hợp với điều kiện sinh thái vùng cao [109, 110].



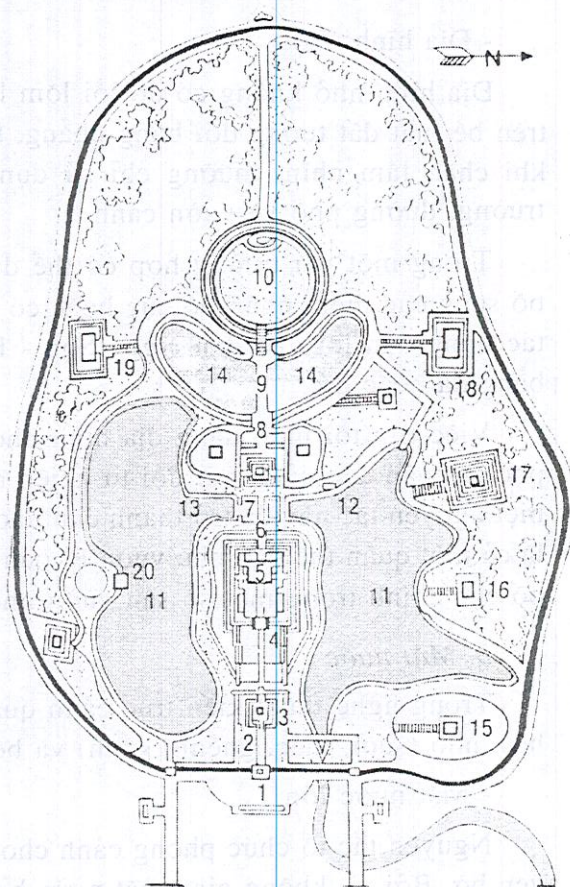
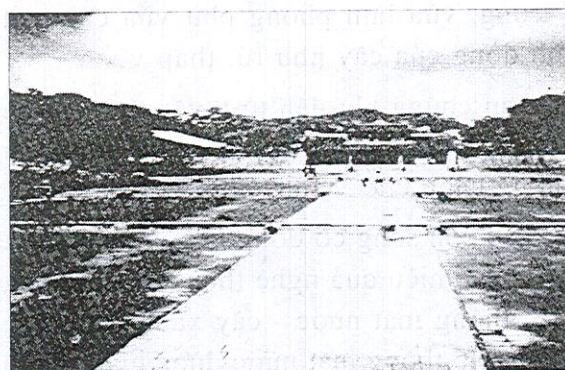
a)



c)



d)



b)

Hình 58: Bố cục vườn lăng Minh Mạng theo nguyên tắc nhấn mạnh và xử lý địa hình.

a) Tượng hâu trên sân châu nằm dưới chân đồi đã tăng thêm vẻ tôn nghiêm của khu Lăng; b) Mặt bằng: 1. Đại Hồng Môn; 2. Sân châu; 3. Nhà bia; 4. Hiền Đức môn; 5. Điện Sùng Ân; 6. Hoàng Trạch Môn; 7. Cầu Trung Đạo; 8. Minh Lâu; 9. Cầu Thông Minh Chính Trực; 10. Mộ Vua; 11. Hồ Trùng Minh; 12. Nghinh Lương quán; 13. Điều Ngư đình; 14. Hồ Tân Nguyệt; 15. Truy Tư Trai; 16. Quan Lan sở; 17. Linh Phương các; 18. Tả Tùng phòng; 19. Hữu Tùng phòng; 20. Hư Hoài tạ; c) Hồ Tân Nguyệt hai bên cầu Thông Minh Chính Trực được hình thành trên cơ sở xử lý thung lũng giữa 2 quả đồi; d) Các công trình chủ yếu nằm đối xứng trên đường "Thần đạo", trải dài từ đình xuống chân đồi; đ) Các tầng bậc sân dọc đường Thần đạo được hình thành nhờ việc xử lý sườn đồi; gây hiệu quả tôn nghiêm và không gian có chiều sâu.



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

- Địa hình nhỏ

Địa hình nhỏ không có độ lồi lõm lớn và nhiều, thường là các gò, đống, mô nổi trên bề mặt đất tương đối bằng phẳng, hay các triền sông, hồ. Do đó địa hình nhỏ ít khi chắn tầm nhìn, thường chỉ sử dụng trong các không gian nhỏ của sân quảng trường, đường phố và vườn cảnh.

Trong một vài trường hợp có thể dùng địa hình nhỏ để tạo ra không gian riêng, bổ sung các điểm nhấn bố cục hoặc có ý nghĩa định hướng tầm nhìn. Núi Nghiên có tác dụng dẫn lối vào đền Ngọc Sơn - Hà Nội. Chất liệu địa hình cũng rất đa dạng, bằng đá hoặc đất.

Việc tìm tòi hình dáng địa hình nhỏ và cách bố trí trong không gian thường mô phỏng phần nào cảnh núi đồi tự nhiên nhằm gây cảm giác rộng mở không gian. Đặc biệt nguyên tắc này đã trở thành chủ đạo trong bố cục một số thể loại vườn nhỏ. Vườn là cả một quần thể đảo như vườn Ryoan-ji (hình 60a, b) hay như non bộ là thành phần bố cục chính trong một số sân vườn nhỏ.

b. Mặt nước

Trong nghệ thuật kiến trúc cảnh quan mặt nước được chia làm 3 loại : lớn (sông hồ), nhỏ (suối, thác, ghềnh, kênh) và bề nước trang trí.

- Mặt nước lớn

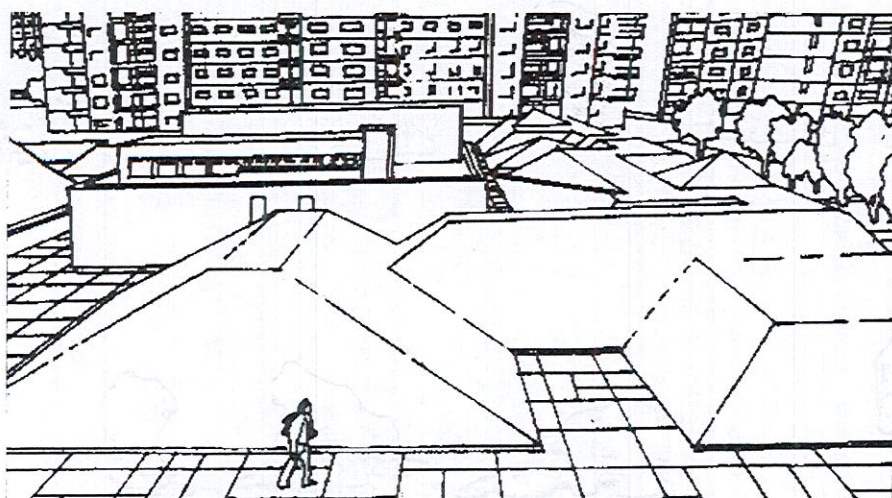
Nguyên tắc tổ chức phong cảnh cho mặt nước lớn chủ yếu là việc bố cục khu đất ven bờ. Bởi vì, không gian mặt nước bao la, môi trường trong lành, mát mẻ rất thích hợp cho các hoạt động vui chơi giải trí (như bơi thuyền, câu cá và các môn thể thao dưới nước khác). Những hoạt động này không thể không có các khu vực phục vụ làm các hoạt động phụ trợ ở ven bờ (như khởi động, nhà thuyền, chỗ ngồi nghỉ, phơi nắng v.v...).

Hơn nữa mặt nước lớn còn là trung tâm quần tụ của hệ thống vườn - công viên hay công viên đa chức năng hoặc tổ hợp các công trình kiến trúc (như quần thể nhà Hội đồng tương trợ kinh tế ở Moxeva).

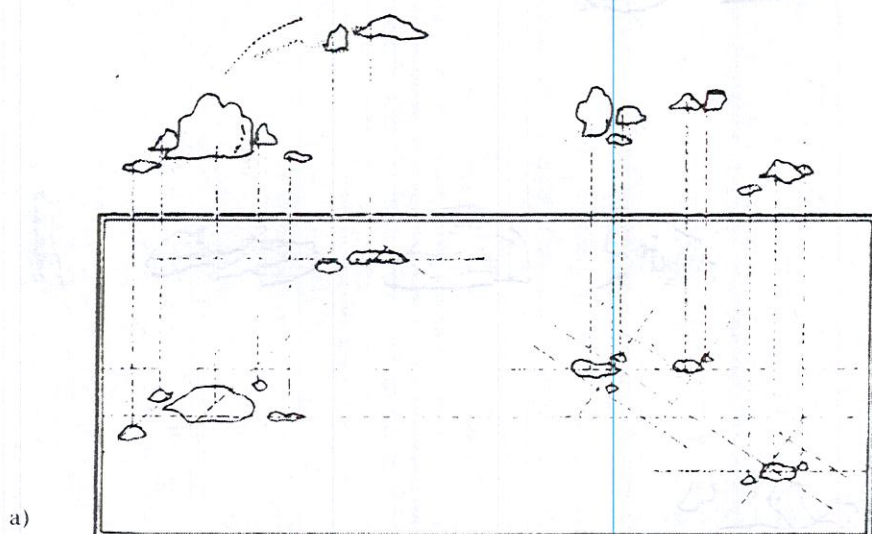
Trường hợp mặt nước là hạt nhân bố cục vườn - công viên việc tổ chức nghỉ ngơi - giải trí cũng như bố cục phong cảnh phải gắn bó chặt chẽ giữa mặt nước và bờ. Ở đây cây xanh ven bờ đóng vai trò rất quan trọng, vừa làm phong phú vừa chia cắt không gian mặt nước với những hình thái sinh động của cây như rủ, tháp v.v...

Việc mở cảnh trên bề mặt nước và sự cảm thụ chúng khi đến từ tuyến đường ven bờ, cầu cũng như từ thuyền trên các tuyến bơi là rất quan trọng. Nó quyết định sự phụ thuộc vị trí lẫn nhau và các giải pháp phong cảnh cho "vịnh" đảo và bán đảo.

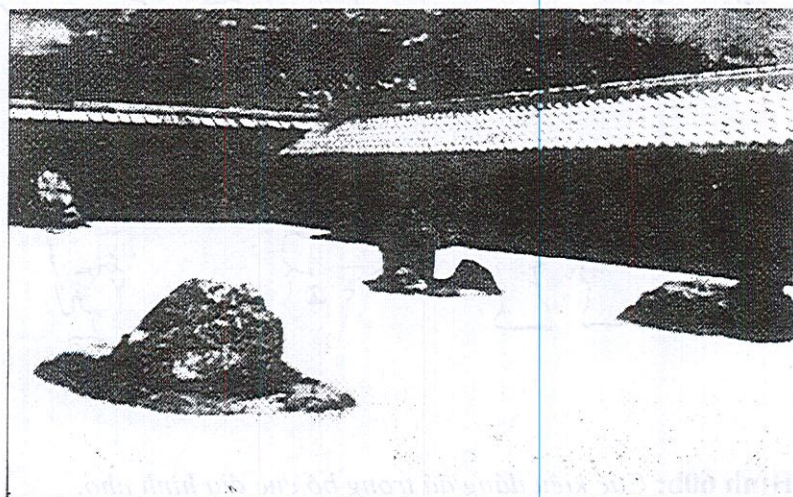
Đối với những đô thị vùng thượng lưu của các con sông có dòng chảy mạnh, dốc, mặt nước thường được xử lý tạo hình nhằm nâng cao hiệu quả nghệ thuật và sự phong phú trong việc sử dụng nghỉ ngơi - giải trí. Hệ thống mặt nước - cây xanh ở Erevan (SNG) là một thí dụ mẫu mực về nguyên tắc này. Hệ thống mặt nước được hình thành



Hình 59: Giải pháp tạo dáng địa hình nhân tạo theo khuynh hướng “điêu khắc cảnh quan” trong vườn khu ở Rodeil (Mỹ).



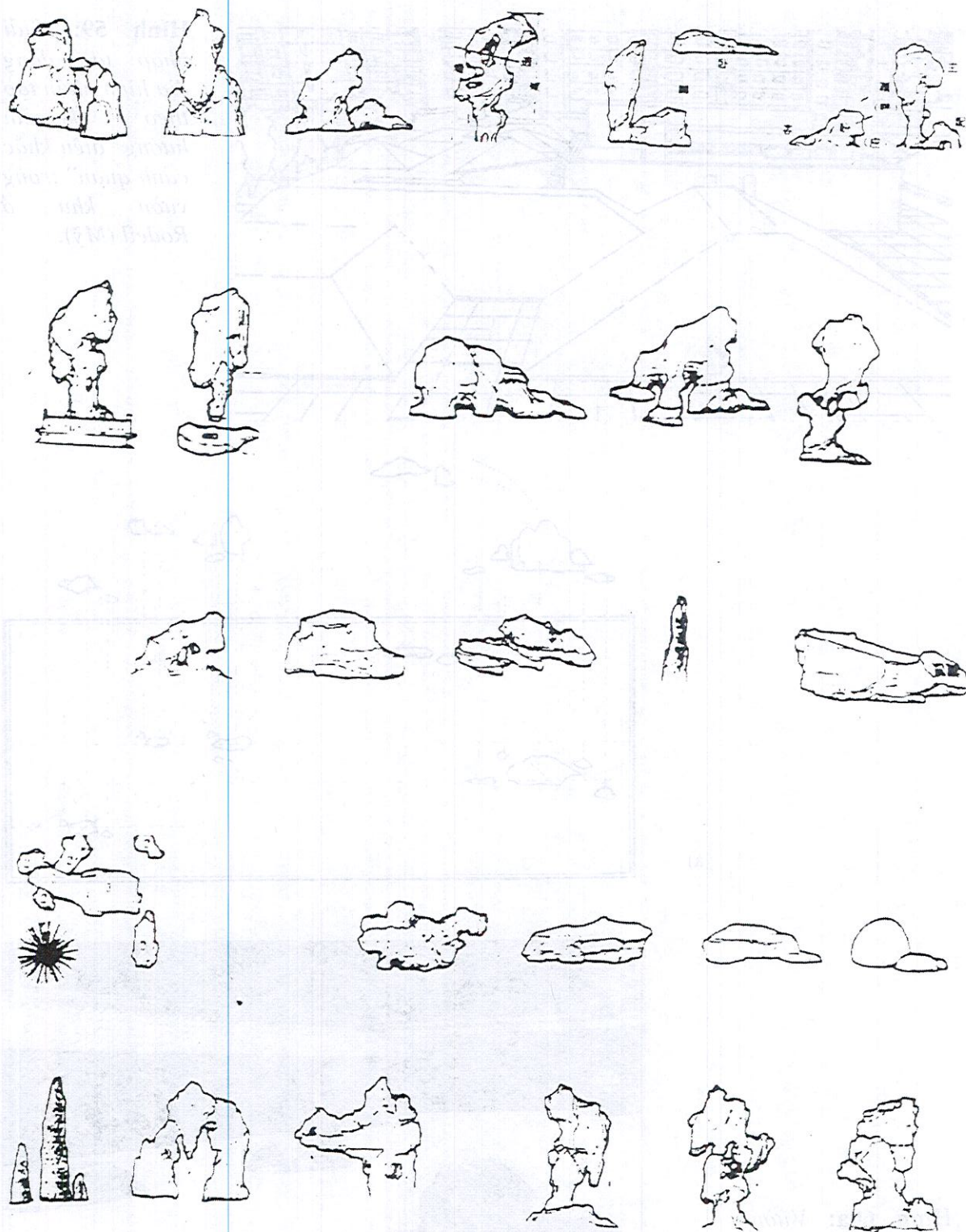
a)



b)

Hình 60a: Vườn Ryoan-ji ở Kyoto, Nhật Bản.

a) Mặt bằng;
b) Phối cảnh.



Hình 60b: Các kiểu dáng đá trong bố cục địa hình nhỏ.

trên cơ sở con sông Razdan. Do thành phố ở vùng núi, có độ dốc lớn nên mực nước sông rất hay thay đổi theo mùa và chảy mạnh. Người ta đã lợi dụng đặc điểm đó để tạo ra hệ thống không gian mặt nước khá đẹp với những âm thanh sôi nổi của tiếng thác đổ bằng việc xây dựng các đập tràn dọc sông, hình thành các hồ chứa nước. Trên cơ sở đó tổ chức vùng nghỉ ngơi-giải trí cho nhân dân thành phố.

Có trường hợp mặt nước lớn là "sườn tựa" cho các quần thể kiến trúc đô thị. Ở đây mặt nước mang tính chất trang trí và cải thiện môi trường là chính. Qua gương nước, chúng ta dễ dàng thụ cảm hình dáng kiến trúc và có cảm giác nhà mềm mại, bờ nước thường được kè, có thể bằng đá hay bằng bê tông cốt thép. Ven bờ là đường đi bộ dùng để dạo chơi.

Nguyên tắc này chỉ được dùng cho những đô thị nằm ở vùng hạ lưu không có lũ lụt như Moxcva, Paris, Budapest, Hải Phòng, Huế.

Ngoài mặt nước lớn là sông hồ ra, khu đất ven bờ biển cũng có ý nghĩa lớn trong việc hình thành cảnh quan đô thị (như Odetxa, Nha Trang, Hòn Gai, Cẩm Phả v.v...). Đó là các công viên, vườn, Boulevard dọc bờ biển, một trong những thành phần quan trọng nhất về mặt nghỉ ngơi - giải trí cũng như là nhân tố trung gian chuyển tiếp từ khu xây dựng thành phố ra không gian bao la của mặt biển (hình 61a, b).

- Mặt nước nhỏ

Mặt nước nhỏ đóng vai trò lớn trong việc hình thành cảnh quan đô thị, đặc biệt là về mặt trang trí. Mặt nước nhỏ thường làm bố cục trung tâm trong các sân trong của quần thể kiến trúc, trong các vườn nhỏ. Trong trường hợp này, mặt nước có thể ở dạng bố cục tự do hay hình học còn tùy thuộc vào bố cục chung của vườn và công trình kiến trúc, cũng như tính chất của công trình cần nghiêm trang hay vui nhộn.

Thông thường, trong các công trình có tính chất trang nghiêm như trụ sở làm việc của Hội đồng thành phố hay các quần thể kiến trúc cổ, mặt nước có dạng hình học.

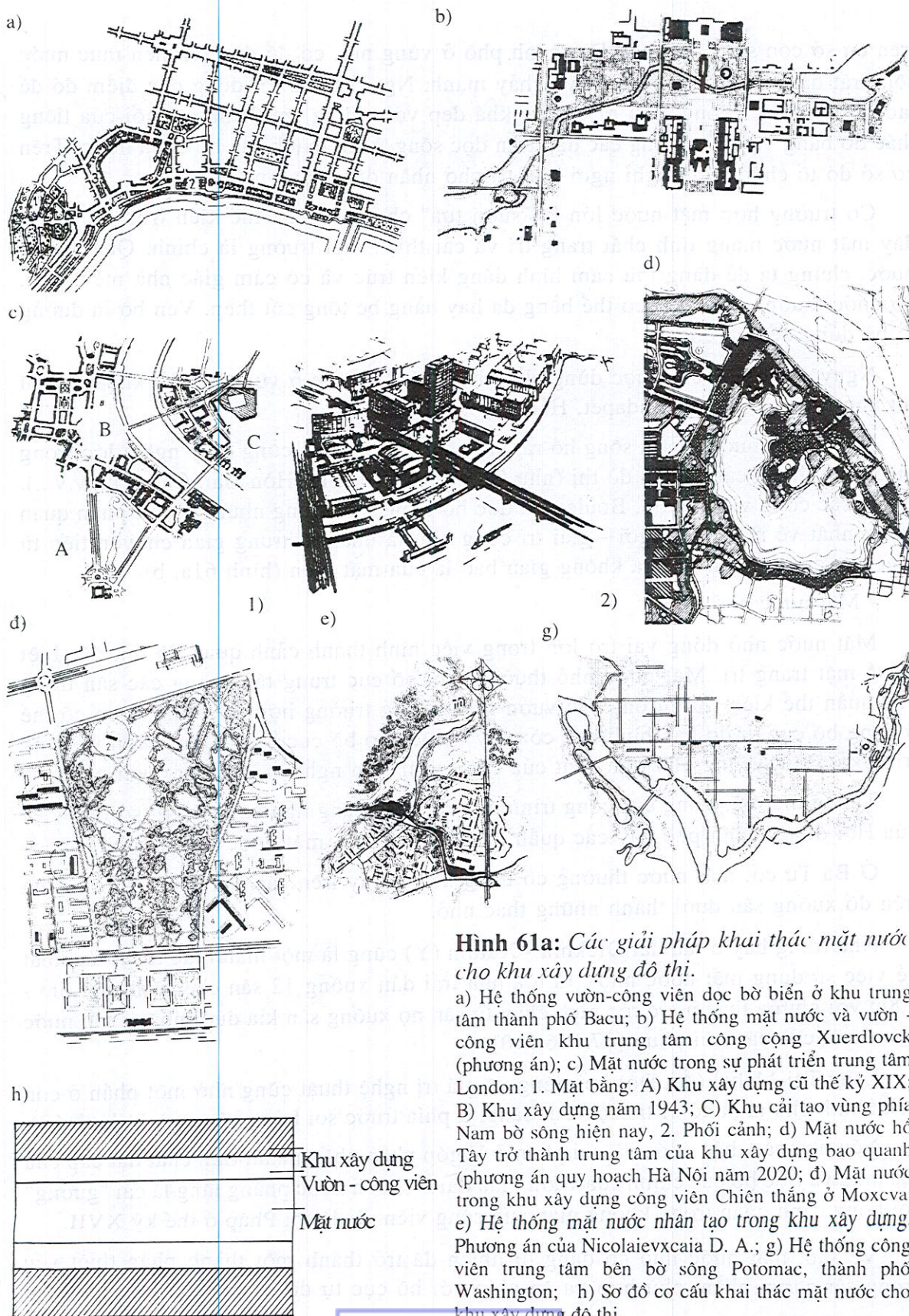
Ở Ba Tư cổ, mặt nước thường có dạng kênh chảy trên các sân cao. Nước từ sân trên đổ xuống sân dưới thành những thác nhỏ.

Nhà trưng bày ở lâu đài Dfekhin - Xutum (Ý) cũng là một mẫu mực tuyệt tác nhất về việc sử dụng mặt nước nhỏ : từ tòa nhà trải dần xuống 12 sân chênh nhau 1,5m - 1,8m với những thác nước róc rách chảy từ sân nọ xuống sân kia dưới những bụi nước mềm mại của các vòi phun [87,106,110].

Lăng Taj-Mahal (Ấn Độ) nổi tiếng về giá trị nghệ thuật cũng nhờ một phần ở con kênh hình chữ nhật có vị trí dọc trục lăng, ở phía trước soi bóng công trình (hình 62).

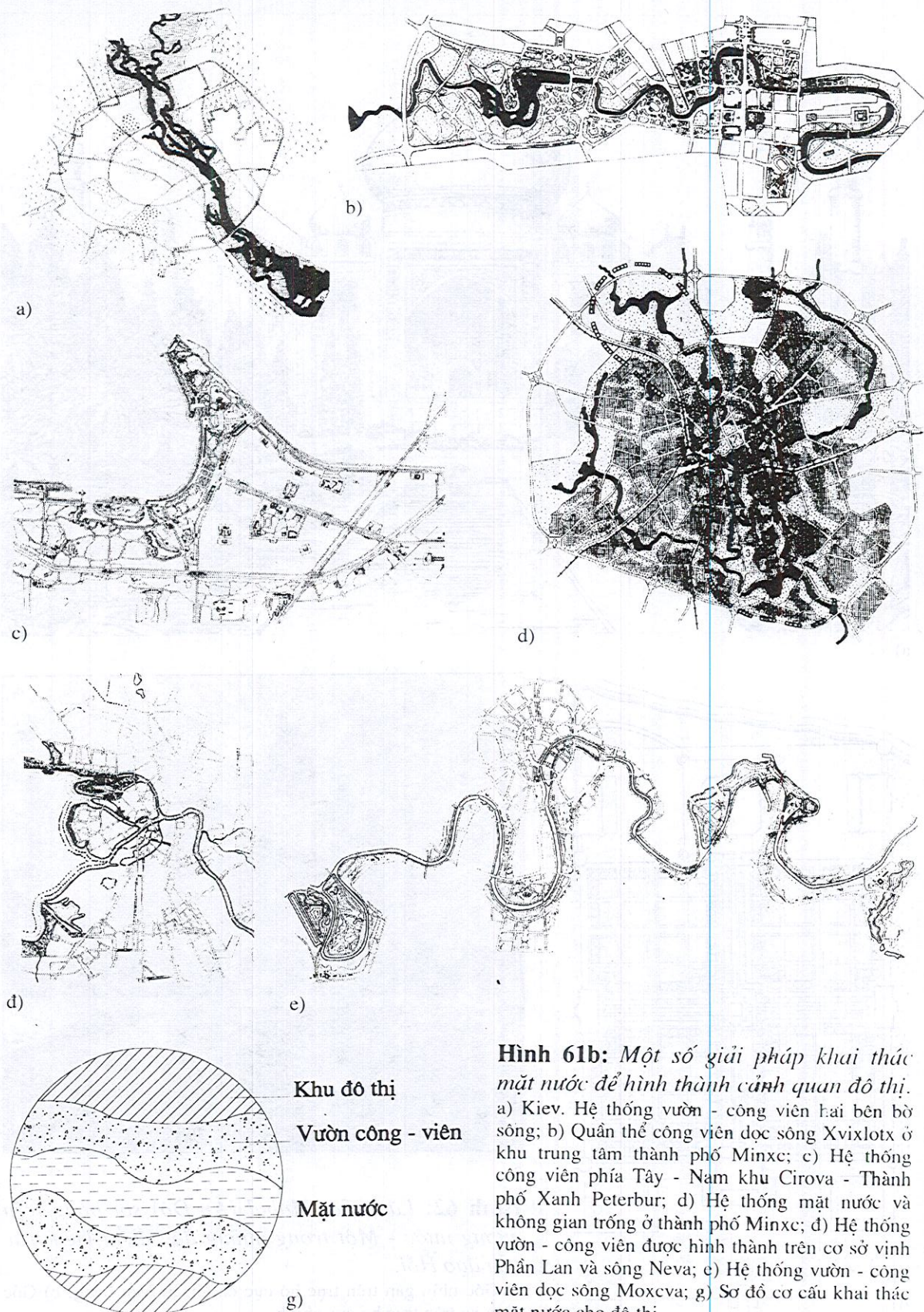
Nếu như các thác nước và vòi phun ở Ý góp phần nhấn mạnh tính chất dạt cấp của địa hình và trục bố cục chính của vườn - lâu đài thì kênh nước phẳng lặng là cái "gương" soi bóng cảnh quan trong không gian của công viên và đô thị Pháp ở thế kỷ XVII.

Về sau, mặt nước nhỏ có dạng tự nhiên đã trở thành một thành phần thiết yếu trong sân vườn nhằm phù hợp và ăn nhịp với bố cục tự do trong kiến trúc hiện đại



Hình 61a: Các giải pháp khai thác mặt nước cho khu xây dựng đô thị.

a) Hệ thống vườn-công viên dọc bờ biển ở khu trung tâm thành phố Bacu; b) Hệ thống mặt nước và vườn - công viên khu trung tâm công cộng Xuerdlovck (phương án); c) Mặt nước trong sự phát triển trung tâm London: 1. Mặt bằng: A) Khu xây dựng cũ thế kỷ XIX; B) Khu xây dựng năm 1943; C) Khu cải tạo vùng phía Nam bờ sông hiện nay, 2. Phối cảnh; d) Mặt nước hồ Tây trở thành trung tâm của khu xây dựng bao quanh (phương án quy hoạch Hà Nội năm 2020; đ) Mặt nước trong khu xây dựng công viên Chiến thắng ở Moxcva; e) Hệ thống mặt nước nhân tạo trong khu xây dựng. Phương án của Nicolaievxcaia D. A.; g) Hệ thống công viên trung tâm bên bờ sông Potomac, thành phố Washington; h) Sơ đồ cơ cấu khai thác mặt nước cho khu xây dựng đô thị.



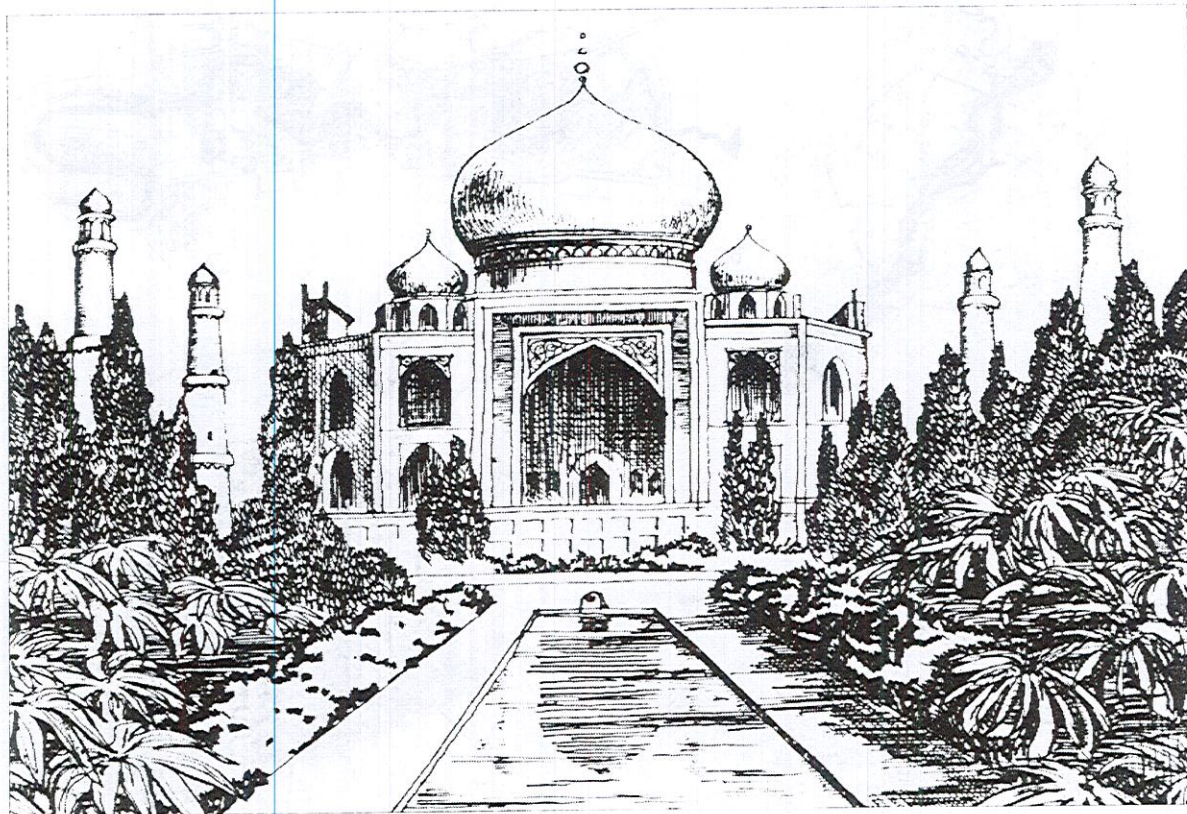
Hình 61b: Một số giải pháp khai thác mặt nước để hình thành cảnh quan đô thị.

a) Kiev. Hệ thống vườn - công viên hai bên bờ sông; b) Quần thể công viên dọc sông Xvixlotx ở khu trung tâm thành phố Minxc; c) Hệ thống công viên phía Tây - Nam khu Cirova - Thành phố Xanh Peterbur; d) Hệ thống mặt nước và không gian trống ở thành phố Minxc; đ) Hệ thống vườn - công viên được hình thành trên cơ sở vịnh Phần Lan và sông Neva; e) Hệ thống vườn - công viên dọc sông Moxeva; g) Sơ đồ cơ cấu khai thác mặt nước cho đô thị.

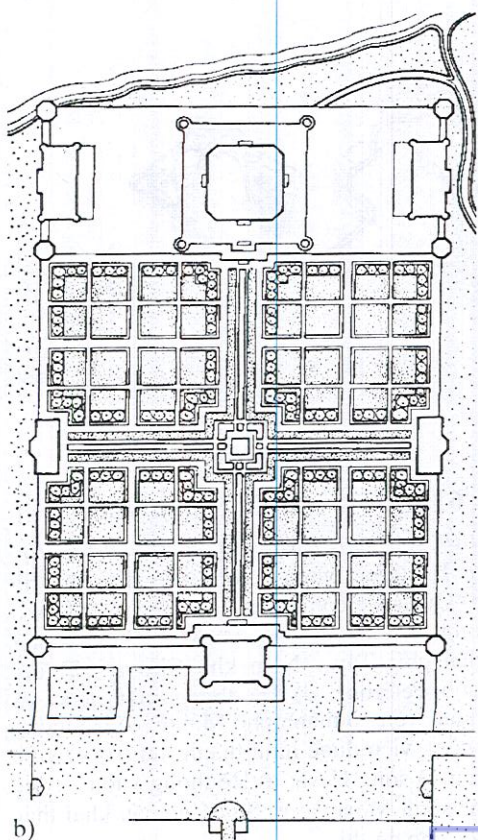


**THU VIỆN
HUBT**

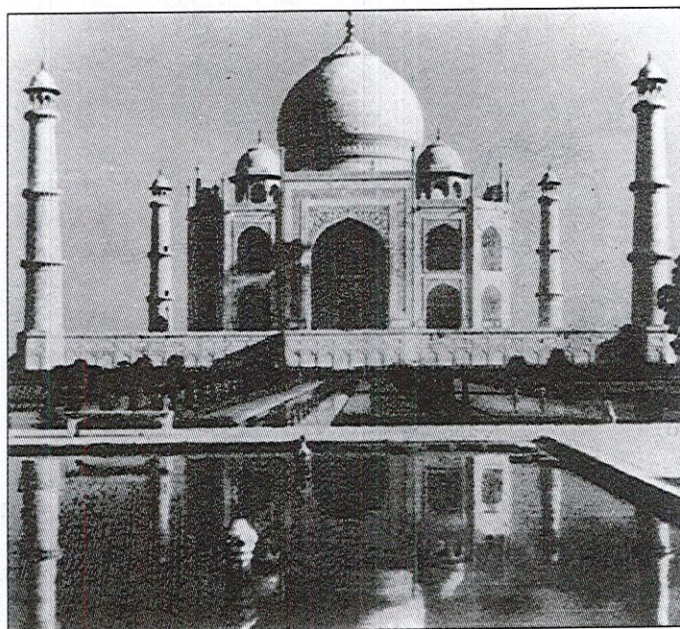
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



a)



b)



c)

Hình 62: Lăng Taj Mahal (Ấn Độ) soi bóng trên gương nước - Một trong những đặc điểm kiến trúc của đạo Hồi.

a) Góc nhìn gần trên trục bố cục chính; b) Mặt bằng; c) Góc nhìn xa trên trục bố cục chính.

(bố cục suối tự nhiên trong sân trong của khách sạn Thắng Lợi Hà Nội là một thí dụ về nguyên tắc này).

Trường hợp mặt nước nhỏ có đường bờ tự nhiên ít khi được bờ là thường được kết hợp với các tổ phần yếu tố thiên nhiên khác như cây xanh, địa hình hay kiến trúc nhỏ nhằm tăng cảm giác về phong cảnh thiên nhiên trong cảnh quan đô thị. Chẳng hạn, trên dòng suối có thể bố trí một số hòn đá tự nhiên với chiếc cầu nhỏ bắc qua.

Ở một số công trình có tính chất nghỉ ngơi - giải trí, để phục vụ cho ý đồ trang trí còn có thể sử dụng một số dạng mặt nước giả như suối cạn, ghềnh khô v.v... (thí dụ suối cạn ở khách sạn Vĩ Xuyên (Nam Định), biệt thự ở Đồ Sơn ...

Vào những năm gần đây, mặt nước bắt đầu được sử dụng với tư cách là những chi tiết bố cục của toà nhà chính. Các con kênh có mực nước cùng cốt với sân và bãi cỏ, bao quanh chu vi toà nhà sinh viên và nhà thờ ở trường Đại học Tổng hợp Xaxecxa (Anh) đã làm tăng hiệu quả chiều sâu không gian là một mẫu mực về nguyên tắc này. Ở đây con kênh được nghiên cứu như một chi tiết của toà nhà [110].

- Bể nước trang trí

Bể nước trang trí thường được bố trí trên đường phố, quảng trường, sân trong trong các trung tâm thương nghiệp, công cộng nhằm tô điểm thêm cảnh quan đô thị và cải thiện vi khí hậu khu vực cũng như có tác dụng giáo dục thẩm mỹ cho nhân dân. Đôi khi, bể nước trang trí cũng làm nhiệm vụ trung tâm bố cục (trường hợp không gian nhỏ như các sân nghỉ, quảng trường có quy mô bé, vườn hoa ...).

Thông thường bể nước trang trí có hai loại : bể nước động (có vòi phun) và bể nước tĩnh (lặng).

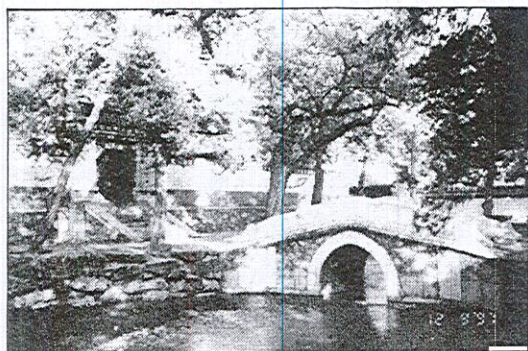
* Bể nước tĩnh

Bể nước tĩnh thường có hai dạng : bể nước tĩnh kết hợp với các yếu tố tạo cảnh khác (như non bộ ; cây dưới nước : sen, súng) và bể nước tĩnh thuần túy (không có sự kết hợp với các yếu tố khác).

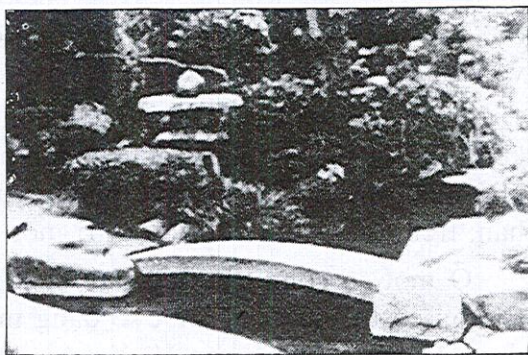
Bể nước có trang trí non bộ và thả cây, thường được bố trí trong sân nhà ở và một số công trình cổ làm nhiệm vụ trung tâm bố cục. Để thưởng thức nghệ thuật non bộ và cây thả dưới nước, người ta thường đứng gần. Do đó kích thước bể không lớn lắm, nếu bể nhỏ thì thường được đặt trên bệ có độ cao ngang tầm mắt để dễ quan sát, trường hợp này, vật liệu trang trí cho thành bể có ý nghĩa rất lớn.

Thành bể kết hợp với nước, nghệ thuật non bộ và cây để tăng giá trị trang trí của bể nước tĩnh.

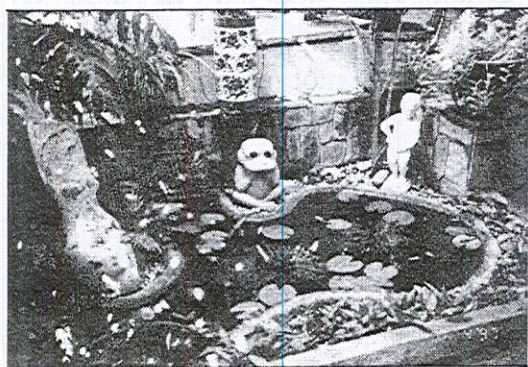
Bể nước tĩnh thuần túy thường làm nhiệm vụ soi bóng các yếu tố phong cảnh là chính. Vì thế, thành bể thường thấp hoặc có khi cùng cốt với nền sân. Khi bể nước có vị trí ở trước nhà, bể nước tĩnh kiêm luôn cả nhiệm vụ bố cục trung tâm của sân trước, hoặc cũng có thể làm trung tâm bố cục của các quảng trường đô thị, trong các khu trung tâm công cộng. Ở đây bể nước thường có quy mô lớn hơn bể nước tĩnh có kết hợp với các yếu tố tạo cảnh khác (hình 63).



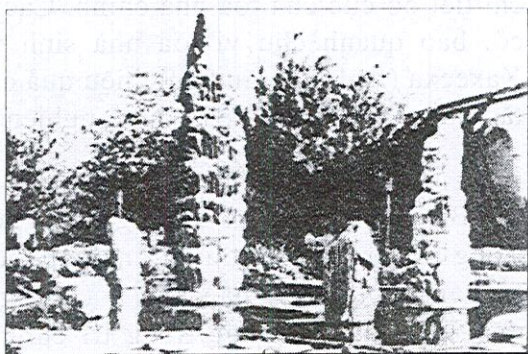
a)



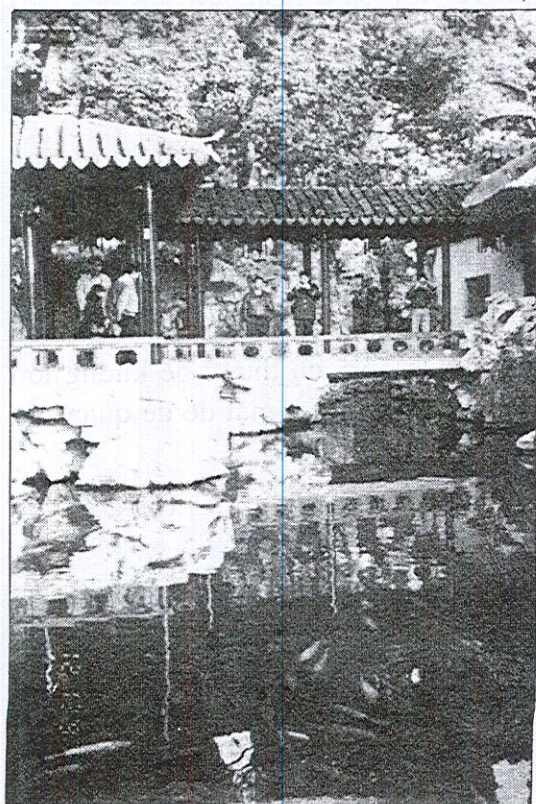
b)



c)



d)



d)



e)

Hình 63: Kiến trúc nhỏ kết hợp mặt nước.

a) Cầu trong Di Hoà viên - thành phố Bắc Kinh;
b) Cầu trong vườn thực vật ở Moxeva;
c) Kiến trúc nhỏ trong vườn nhà số 84/4, đường Hoàng Diệu 2 - quận Thủ Đức - thành phố Hồ Chí Minh;
d) Bố cục kiến trúc nhỏ trong bể nước ở thành phố Xotri;
e) Chòi và nhà cầu qua mặt nước trong vườn Dự - thành phố Thượng Hải;
f) Đường đi dạo qua mặt nước bằng những khối đá trong công viên Nhật Bản.

* Bể nước động

Bể nước động có tính trang trí cao nhờ sự sinh động của các tia nước (khi nước được tung mạnh hay toả nhẹ như khói, nhiều hay ít tia, tia xiên hay tia thẳng đứng v.v...) hay sự gợn sóng của bể nước cũng như âm thanh đa dạng do tia nước phát ra. Chính vì vậy bể nước động thường được dùng để tô điểm cho các quần thể kiến trúc cảnh quan đô thị, nhất là ở những chỗ tập trung đông người. Ngoài ra còn dùng bể nước động để làm mát môi trường nóng bức.

Bể nước động trên các quảng trường đô thị, ở các trung tâm thương nghiệp, trên các khu vực công cộng nằm trong bố cục chung của quần thể kiến trúc và là một trong những thành phần bố cục chính. Ở đây giá trị trang trí các bể nước động góp phần làm tăng giá trị nghệ thuật của quần thể kiến trúc.

Đối với các quảng trường trước các công trình công cộng lớn cũng cần phải theo nguyên tắc đó để nhấn mạnh tính hoành tráng của tòa nhà. Ở đây bể nước đóng vai trò bố cục chủ yếu của quảng trường nên cần có quy mô lớn, vòi phun mạnh khỏe. Để tăng cường giá trị trang trí, có thể kết hợp mặt nước với các vật liệu trang trí bằng đá, thép, thủy tinh tạo màu sắc góp phần tăng cảm giác lấp lánh của tia nước, đặc biệt có hiệu quả về ban đêm.

Trong bố cục các công trình kiến trúc độc lập được xây dựng vào những năm gần đây, bể nước động cũng bắt đầu được sử dụng với tư cách là những chi tiết bố cục của tòa nhà chính. Mẫu mực cho nguyên tắc này là hai bể nước hình chữ nhật với vòi phun được bố trí trước mặt chính nhà bảo tàng Lê Nin ở Taskent (SNG). Ở đây màn nước mỏng kết hợp với dạng hình học của công trình đã làm tăng sự hài hòa về bố cục hình khối không gian của kiến trúc hoành tráng [90].

Các bể nước động bố trí trên quảng trường, trước cổng công viên và trên sân trung tâm công viên thường được sử dụng làm trung tâm bố cục. Để đạt được điều đó, bể nước động cũng thường có quy mô lớn, nước phun mạnh.

Trong các vùng chức năng riêng biệt của công viên, sân trong, vườn nhỏ cũng có thể sử dụng bể nước động làm trung tâm bố cục. Nhưng ở các trường hợp này, bể nước động nên có quy mô bé, hình dạng bể tự nhiên, nước phun nhẹ, mỏng.

c. Cây xanh

Khác với điêu khắc, hội họa và các loại hình kiến trúc khác, nghệ thuật kiến trúc cảnh quan thường xuyên "thay da đổi thịt" theo nhịp "sống động" của môi trường thiên nhiên : cây đang đâm chồi nảy lộc, nước đang làm xói mòn đất đá, chim đang làm tổ...

Ở vùng ngoại đô, cây xanh thường được thụ cảm ở những mảng rộng, cảnh quan lớn do đó cây thường ở dạng tự nhiên.

Trong đô thị, để tổ hợp với khu xây dựng, thực vật thường ở dạng cây trồng theo mảng, rừng nhỏ, khóm cây, cây độc lập ... hình thức cây có thể ở dạng tự nhiên hay cắt xén, uốn theo hình thù nhất định.

Đặc biệt trong các không gian nhỏ của vườn, quảng trường hay sân trong v.v... cây thường được cắt xén, tỉa tót. Ở đây khoảng cách nhìn gần nên hình dáng và màu sắc cây rất quan trọng. Do đó, để sử dụng tối đa giá trị nghệ thuật và các tính chất khác của cỏ cây hoa lá cần nghiên cứu việc chọn loại cây và nguyên tắc phối kết cây xanh.

- Các loại cây cỏ hoa

Cây cỏ hoa có rất nhiều loại, được các nhà thực vật học phân ra thành cây họ đậu, cây họ dẻ ... cây thân gỗ, cây thân thảo ... Ở đây, với mục đích sử dụng trong nghệ thuật bố cục, cây được phân theo hình khối, dáng dấp, độ cao và màu sắc.

* Phân loại cây theo hình khối, dáng dấp

Phân loại cây theo hình khối, dáng dấp nghĩa là sự phân biệt theo hình thức cây (một thân, hai thân, nhiều thân hay không có thân), tiến trình sinh trưởng và phát triển theo mùa của hệ thân cành, tính chất tán cây (đặc rỗng, thưa thoáng). Hình dáng tán (tán tròn, tán hình nấm, tán hình trứng, tán phân tầng, tán hình tháp, tán có hình tự do, tán hình thuôn, tán rủ, tán chùm) và cấu trúc của hệ thân cành, hình thức lá (lá kim, lá bản) (hình 64).

* Phân loại cây theo độ cao

Tùy theo loài mà cây có độ cao khác nhau. Độ cao của cây ảnh hưởng đến sự phối kết cây xanh cũng như việc lựa chọn cây phù hợp với tính chất sử dụng (như cây cao che mát trên hè phố cho người đi bộ, cây thấp che bụi, chống ồn v.v...). Thông thường cây được chia theo các nhóm độ cao như sau : dưới 1m (cúc ngũ sắc, tai tượng, tóc tiên...) từ 1 - 3m (vạn tuế, dâm bụt, trúc đùi gà, mẫu đơn, tường vi...), từ 3 - 5m (tùng, trúc đào đỏ, mận, đào ...) từ 5 - 10m (mai, cau búng, phật bà, mai vàng, bưởi, hồng xiêm, móng bò tím...), từ 10 - 15m (bạch đàn liễu, bạch đàn đỏ, bàng lang nước, muồng hoa đào...) từ 15 - 20m (sanh, gạo, xà cừ...) trên 20m (chò chỉ, long não, thông đuôi ngựa...).

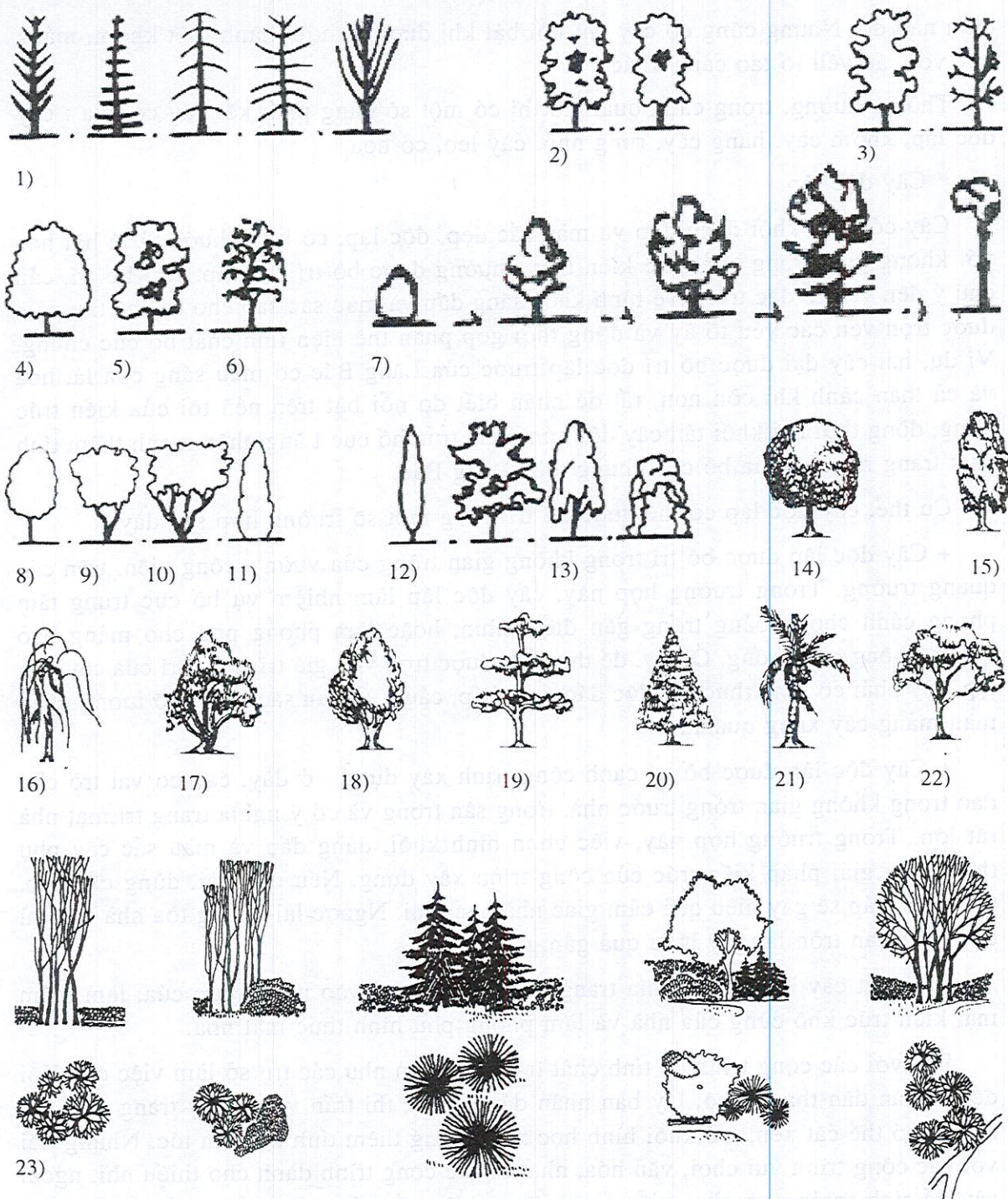
* Phân loại cây theo màu sắc hoa

Các loài hoa và màu sắc hoa ở nước ta rất phong phú, đa dạng, có loài cây tỷ lệ hoa nở chiếm phần lớn khối cây (đào, mai, hồng ...) ; có loài thì hoa chỉ "ẩn mình" trong những chùm lá mà giữa màu lá và hoa không có sự phân biệt là bao (sưa ...).

Màu sắc hoa thì đủ loại : đỏ, vàng, trắng, tím, hỗn hợp màu. Cấu trúc cánh hoa cũng rất đa dạng. Tất cả những đặc điểm trên có ảnh hưởng rất lớn đến việc phối kết tạo cảnh.

- Phối kết cây cỏ hoa

Để có được hiệu quả thẩm mỹ và chủ đề tư tưởng mong muốn, trong từng trường hợp cụ thể cần phải tìm tòi hình khối dáng dấp và màu sắc cây có tính truyền cảm nghệ thuật đáp ứng cao nhất cho ý đồ tác phẩm. Có cây chỉ đẹp, chỉ nổi bật về hình khối dáng dấp hay màu sắc trong trường hợp đứng độc lập ở một không gian nhất



Hình 64: Hình khối dáng dấp cây xanh.

1) Cấu trúc hệ thân cành; 2) Cây ở mùa nóng; 3) Cây ở mùa lạnh; 4) Cây có tán đặc; 5) Cây có tán rộng; 6) Cây có tán thưa thoáng; 7) Hình dáng và quy mô cây phụ thuộc quá trình sinh trưởng của cây xanh; 8) Cây một thân; 9) Cây hai thân; 10) Cây nhiều thân; 11) Cây không thân; 12) Cây lá kim; 13) Cây lá bản; 14) Tán cây hình tròn; 15) Tán cây hình thuẫn; 16) Tán cây rủ; 17) Tán cây hình tự do; 18) Tán cây hình trứng; 19) Tán cây phân tầng; 20) Tán cây hình tháp; 21) Tán cây hình chùy; 22) Tán cây hình nấm; 23) Các kiểu tạo hình khối dáng dấp cây xanh bằng cách phối kết các loại cây khác nhau.

định nào đó. Nhưng cũng có cây chỉ nổi bật khi được tổ hợp thành một khóm, mảng hay với các yếu tố tạo cảnh khác

Thông thường, trong cảnh quan đô thị có một số dạng phối kết cây cỏ hoa : cây độc lập, khóm cây, hàng cây, rừng nhỏ, cây leo, cỏ hoa.

* Cây độc lập

Cây có hình khối dáng dấp và màu sắc đẹp, độc lập, có kích thước tỷ lệ hài hòa với không gian trong quần thể kiến trúc, thường được bố trí độc lập. Khi bố trí, cần chú ý đến yếu tố đặc trưng về hình khối dáng dấp và màu sắc sao cho có thể thụ cảm được trọn vẹn các yếu tố ấy và đồng thời góp phần thể hiện tính chất bố cục chung. Ví dụ, hai cây đại được bố trí độc lập trước cửa Lăng Bác có màu sáng của lá, hoa và cả thân cành khi còn non, rất dễ nhận biết do nổi bật trên nền tối của kiến trúc Lăng, đồng thời hai khối tán cây đối xứng qua trục bố cục Lăng nhấn mạnh thêm tính chất trang nghiêm của bố cục chung toàn Lăng Bác.

Cụ thể, cây độc lập có thể được bố trí trong một số trường hợp sau đây :

+ Cây độc lập được bố trí trong không gian trống của vườn - công viên, trên các quảng trường. Trong trường hợp này, cây độc lập làm nhiệm vụ bố cục trung tâm phong cảnh cho khoảng trống gần điểm nhìn, hoặc làm phong phú cho mảng bao quanh không gian trống. Ở đây, để thụ cảm được trọn vẹn giá trị trang trí của cây độc lập, cây phải có hình thức tán độc đáo (rủ, tháp, cầu ...), màu sắc lá rực rỡ tương phản màu mảng cây xung quanh.

+ Cây độc lập được bố trí cạnh công trình xây dựng : ở đây, cây có vai trò chủ đạo trong không gian trống trước nhà, trong sân trong và có ý nghĩa trang trí mặt nhà rất lớn. Trong trường hợp này, việc chọn hình khối, dáng dấp và màu sắc cây phụ thuộc vào giải pháp kiến trúc của công trình xây dựng. Nếu nhà dài, dùng cây cao, tán hình tháp sẽ gây hiệu quả cảm giác nhà ngắn lại. Ngược lại những tòa nhà cao thì cây thấp, tán tròn lại gây hiệu quả gần gũi v.v...

Đặc biệt cây bụi có ý nghĩa trang trí rất lớn ở lối vào nhà, trước cửa, làm mềm mại kiến trúc khô cứng của nhà và làm phong phú hình thức mặt nhà.

Đối với các công trình có tính chất trang nghiêm như các trụ sở làm việc của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thị xã, thị trấn v.v..., cây trang trí ở lối ra vào có thể cắt xén, tạo khối hình học nhằm tăng thêm tính nghiêm túc. Nhưng đối với các công trình vui chơi, văn hóa, nhất là các công trình dành cho thiếu nhi, ngoài cây để sinh trưởng và phát triển tự nhiên ra, cây cắt xén cũng cần có hình thức vui nhộn, tự nhiên như chim muông, thú v.v...

+ Cây độc lập được bố trí bên lối đi, chỗ rẽ của con đường : trong trường hợp này, do tầm nhìn rất gần nên thường cây bụi được bố trí là những cây có hoa đẹp hay cây thân gỗ, có kích thước nhỏ mới mang lại hiệu quả thụ cảm trọn vẹn và tỷ mỹ - cây có thể ở dạng cắt xén hoặc phát triển tự nhiên.

Đối với cây để phát triển tự nhiên nên tổ hợp với một số yếu tố tạo cảnh khác như đá, mô đất, ghế đá v.v... Khi bố trí cây độc lập, để tăng cường hiệu quả trang trí cũng cần phải chọn nền có màu sắc tương phản, để làm nổi bật yếu tố trang trí của cây (nền cây thường là bầu trời xanh, cây và công trình xây dựng) (hình 65).

* Khóm cây

Khóm cây gồm một số cây được tổ hợp trong một bố cục tròn vẹn, riêng rẽ. Thành phần của khóm có thể là cây thân gỗ, cây bụi hay hỗn hợp cây thân gỗ và cây bụi. Cây trong khóm có thể khác nhau về độ lớn (nhỏ, trung bình, lớn), bố trí dày hay thưa, độ thưa thoáng của tán (tán cây thưa, trung bình rậm, tính chất ngoại hình của cây tạo khóm (đối xứng và không đối xứng, tương phản và đồng nhất, tĩnh và động). Do đó việc bố cục tạo hình khóm cây rất phong phú và đa dạng (hình 66a, b).

Đối với các khóm cây thân gỗ, ngoài việc tạo hình khóm bằng cách bố trí các cây tham gia trong khóm cần nghiên cứu màu sắc, cấu trúc lá và độ thưa thoáng của cây để nêu bật được đặc điểm của khóm cây. Chẳng hạn, có thể tạo cảm giác đồng nhất khi khóm cây cùng loài hoặc cảm giác sinh động vui tươi bằng việc tổ chức trong khóm cây có màu sắc và cấu trúc chủ đạo : cây lá kim màu xanh đậm nổi cao lên giữa những cây lá bản màu xanh nhạt, hoặc cây liễu rủ bên bờ nước có màu xanh nhạt kết hợp với khóm dừa nước màu xanh đậm v.v...

Những khóm cây bụi được bố cục tốt sẽ tạo ra những mảng màu trong phong cảnh và dễ gần gũi, bởi vì cây bụi thường thấp, độ phân cành có thể ở sát tận gốc, tạo tán cây ở dạng mảng trên mặt đất. Do đó màu sắc đẹp của lá hoa sẽ được biểu hiện rõ nét trên nền cỏ, đất và tường nhà.

Trong những khóm cây bụi nhiều loài (thường chỉ nên hai đến ba loài) cần chọn một loài cây chủ đạo (về hình khối dáng dấp và màu sắc của lá, hoa). Việc tổ hợp các loài cây sao cho nở hoa cùng một lúc để tạo ra những mảng màu nhất định (thí dụ, cây chủ đạo ở giữa có màu đỏ tươi còn xung quanh có màu hồng sẽ tạo được sự hài hòa và hình thành mảng màu lớn trong không gian). Hoặc chọn các loài cây có thời kỳ nở hoa khác nhau sao cho duy trì trong khóm cây mùa nào cũng có hoa.

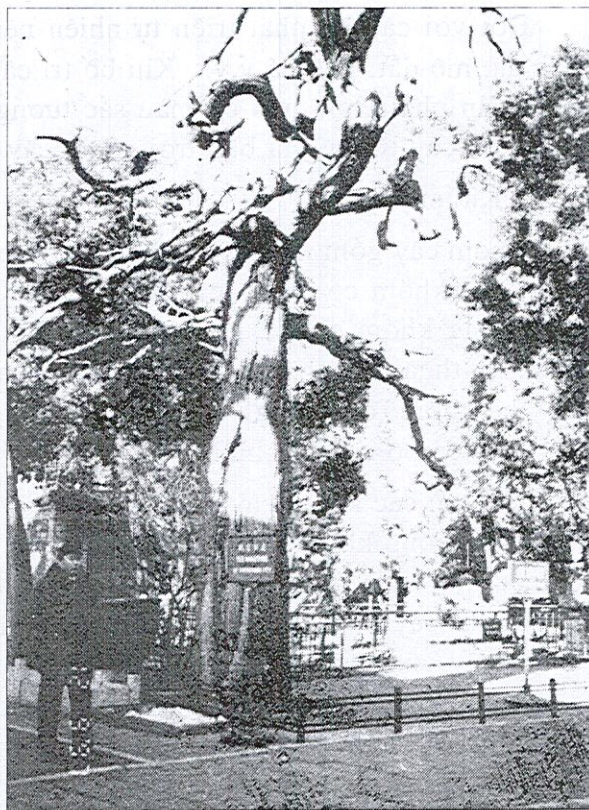
Để có được hình khối dáng dấp khóm cây theo ý muốn hoặc một chủ đề nào đó, có thể cắt xén khóm cây. Trong trường hợp này có thể tăng cảm giác khối cho công trình xây dựng trong cùng một tổ hợp. (Ví dụ, khóm cây có hình tròn giao nhau sẽ làm tăng cảm giác khối tròn của kiến trúc công trình). Khóm cây có thể được bố trí trong một số trường hợp sau đây :

- Khóm cây được bố trí trong khoảng trống của vườn, công viên, trên các quảng trường đô thị : ở đây, khóm cây làm nhiệm vụ chuyển tiếp sự chú ý của con người từ chỗ phân tán đến tập trung vào những nhân tố chính của quần thể cảnh quan trung tâm đô thị hay cảnh quan công viên. Chẳng hạn có thể dùng thủ pháp bố cục khóm cây như những "cánh gà" sân khấu làm tăng hay giảm chiều sâu của không gian (về mặt cảm giác) hướng mắt nhìn tập trung vào những điểm cần phô trương. Trường hợp



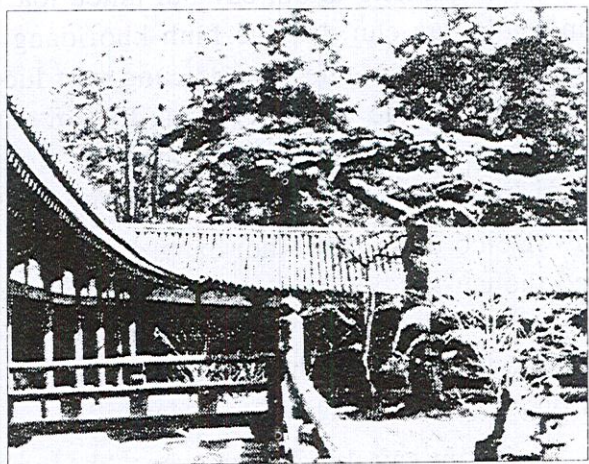
a)

c)



b)

d)

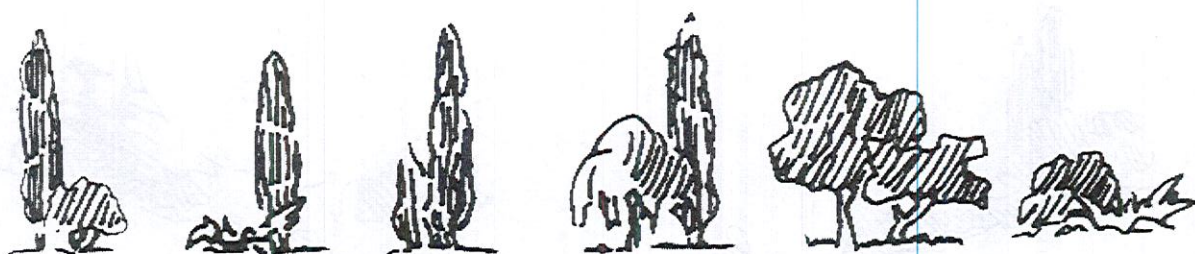


Hình 65: Cây độc lập trong bố cục cảnh quan.

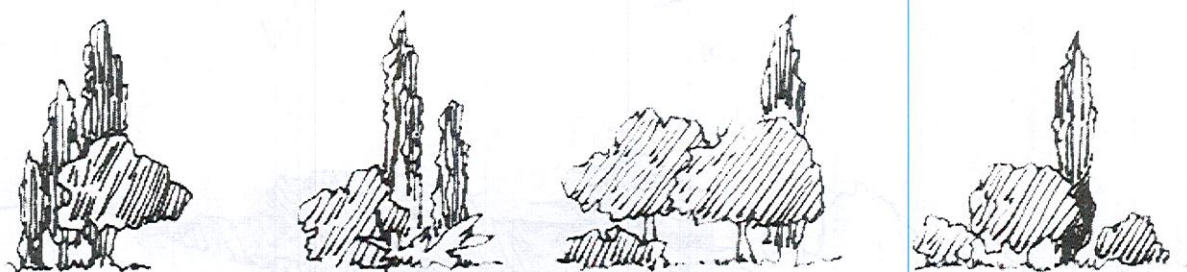
a) Cây cau búng trong bố cục sân khách sạn Daewoo Hà Nội; b) Cây trong vườn Ngự (Cổ cung - Bắc Kinh); c) Cây thông hơn 500 tuổi trong đền thờ đạo Khổng ở Bắc Kinh; d) Cây thông già trong trung tâm bố cục.

không gian trống nhỏ, trên các quảng trường, vườn hoa, bản thân khóm cây thường là trung tâm bố cục phong cảnh, do đó khóm cây cần có màu sắc và hình khối, dáng dấp đẹp, độc đáo, hay kết hợp với các yếu tố tạo cảnh khác.

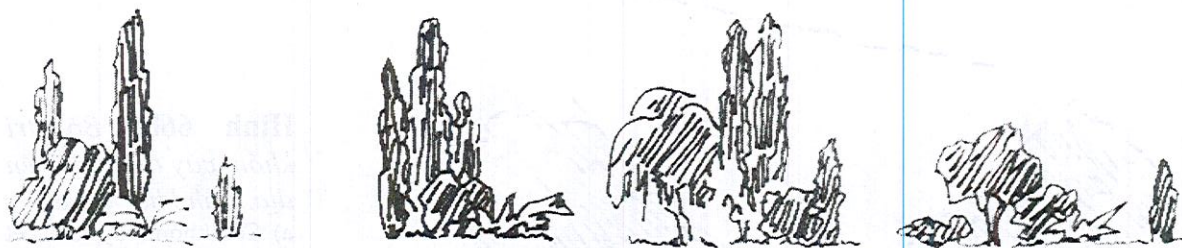
+ Khóm cây được bố trí bên công trình xây dựng : Trường hợp này khóm cây có tác dụng chi phối bố cục chung của quần thể kiến trúc do khóm cây là một thành phần bố cục có quy mô, hình khối đáng kể so với quy mô của công trình xây dựng. Do đó tương quan hình khối, dáng dấp và màu sắc của khóm cây với công trình cần



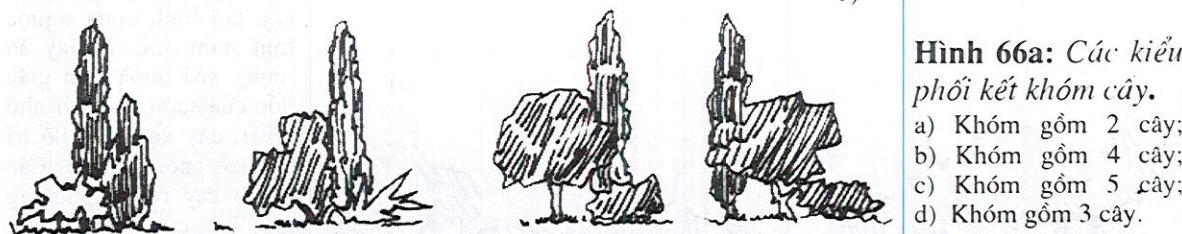
a)



b)



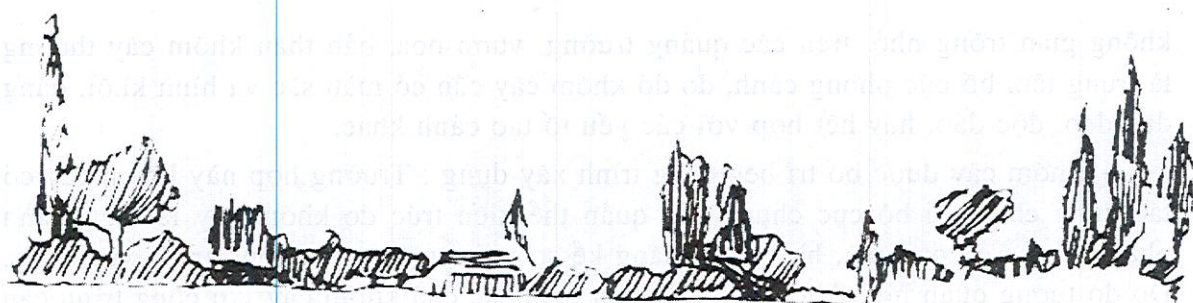
c)



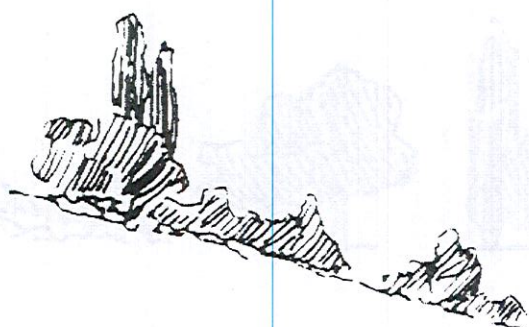
d)

Hình 66a: Các kiểu phối kết khóm cây.

- a) Khóm gồm 2 cây;
- b) Khóm gồm 4 cây;
- c) Khóm gồm 5 cây;
- d) Khóm gồm 3 cây.



a)



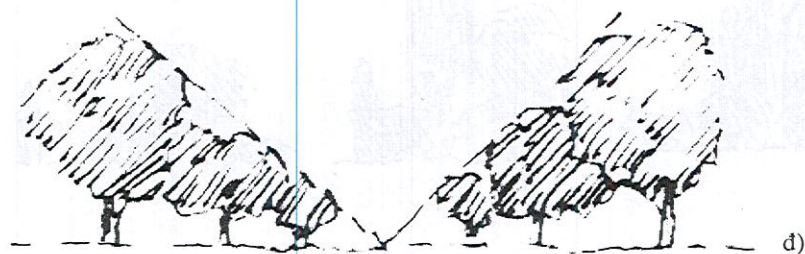
b)



c)



d)



e)

Hình 66b: Bố trí khóm cây thân gỗ trên địa hình khác nhau.

a) Các khóm cây gắn kết chặt chẽ với các thành phần khác của cảnh quan; b) Khóm cây nhấn độ dốc của sườn đồi; c) Các khóm cây tạo hình cong ngược trên sườn đồi; d) Gây ấn tượng xoá nhoà cảm giác dốc của sườn đồi, núi nhờ bố trí cây xanh; đ) Bố trí cây tạo phối cảnh; e) Các khóm cây rời rạc, không gắn kết các thành phần khác của cảnh quan.

được cân nhắc kỹ lưỡng. Có thể bố trí khóm cây bên cạnh cửa để nhấn mạnh lối ra vào chính, hướng dòng người tập trung vào phía đó. Hoặc khóm cây là yếu tố trung gian chuyển tiếp hình khối kiến trúc với phong cảnh xung quanh. Thí dụ khóm cây nhân có khối tròn bên cạnh nhà hát lớn Hà Nội gây ấn tượng chuyển tiếp hình mái tù, vòm cửa, khối tròn của cột trong nhà hát sang phong cảnh vườn hoa Cổ Tân bên cạnh.

+ Khóm cây được bố trí bên bờ nước : Trong trường hợp này, hình khối dáng dấp cũng như màu sắc khóm cây có ý nghĩa trang trí đặc biệt quan trọng, vì việc thụ cảm khóm cây ở phía bờ đối diện rất có ưu thế. Thông thường cây có hình thức rủ được sử dụng để tăng cường tính chất mềm mại của mặt nước như các khóm cây bạch đàn liễu, liễu rủ bên Hồ Gươm, hồ Bảy Mẫu (Hà Nội). Cần lưu ý khi chọn màu sắc của khóm. Khóm cây phải có màu sắc tương phản với cây hai bên và phía sau thì quan sát từ bờ bên kia mới thấy rõ được tính chất trang trí của khóm cây.

+ Khóm cây được bố trí ở cuối đường : Ở đây khóm cây làm nhiệm vụ khép kín phối cảnh. Có thể kết hợp khóm cây với các tác phẩm điêu khắc trang trí để nhấn mạnh điểm kết thúc trục đường và làm trung tâm bố cục phong cảnh con đường. Tác phẩm điêu khắc trang trí thường có màu sáng trên nền xanh tối của khóm cây, nhằm làm nổi tác phẩm điêu khắc.

* Hàng cây

Hàng cây là dạng rất quen thuộc với bất kỳ ai đi trên đường phố. Theo đúng như tên gọi của nó, hàng cây là cây trồng theo những đường nhất định, có thể thẳng hay tròn, hoặc cong v.v... Hàng cây, ngoài vị trí trên đường phố ra còn có trong vườn - công viên, trên sân, quảng trường trước nhà.

Mục đích của việc trồng cây theo hàng là nhằm phân đoạn không gian (thí dụ, hàng cây hai bên đường sẽ tạo nên không gian hẹp, kéo dài và gần như không gian hình học (khối chữ nhật), biểu hiện ý nghĩa và chức năng của không gian (thể hiện tuyến đi bộ trong bóng râm mát, tạo ánh sáng lấp lánh trên nền hè đường do tia nắng xuyên qua tán lá...) hoặc nhân tính chất phân vị đứng đều đặn của nhà v.v...

Cây trồng theo hàng có hai dạng cơ bản : *Dạng trồng thưa* và *dạng trồng dày*. Khái niệm trồng thưa ở đây là khoảng cách giữa hai tán cây cùng lứa chỉ được chạm nhau đối với cây thân gỗ và không được chạm nhau đối với cây bụi. Trồng dày phải là những cây có tán lá giao nhau và gây cảm giác hàng cây như một mảng liên tục.

• Hàng cây thưa

Hàng cây thưa có nhiều loại : một hàng, hai hàng hay nhiều hàng. Việc trồng cây theo hàng có vẻ đơn điệu nhưng rất phong phú. Qua lựa chọn hình khối tán, độ cao và những loài cây đặc trưng của địa phương có thể biểu đạt được ý đồ nhất định về một chủ đề nào đó.

Hàng bạch dương trước đài kỷ niệm Bà Mẹ - Tổ Quốc trong công viên tưởng niệm ở Treptov (Berlin - Cộng hòa Liên bang Đức làm nhớ lại phong cảnh nước Nga, quê

hương của các chiến sĩ Xô Viết đã ngã xuống trên mảnh đất này. Hàng cây có trên đường phố chính của khu ở công nhân nhà máy giấy Bãi Bằng (Phú Thọ) là đặc trưng cho phong cảnh vùng trung du (phương án thiết kế). Hàng dừa ven hồ Bảy Mẫu Hà Nội để tưởng nhớ đồng bào miền Nam ruột thịt. Hàng cây có hình tháp, thân thẳng, màu lá thẫm in trên nền trời. Cây có hình tán lá cân xứng rõ ràng nhấn mạnh tính chất đều đặn của đường phố hoặc thể hiện sự trang nghiêm của kiến trúc công trình như hàng vạn tuế hai bên Lăng Bác Hồ. Hàng cây cao, thưa, mảnh mai thanh thoát có thể "phá tan" hình thức nặng nề của kiến trúc công trình (hàng dừa nước trước nhà Ngân hàng Trung ương Hà Nội).

Hàng cây thưa thường được bố trí trên đường phố và trước công trình xây dựng.

+ Hàng cây trên đường phố : Ở đây, cây trồng thường cao tạo bóng mát hoặc xen lẫn với cây bụi thấp, vừa tạo bóng mát lại vừa ngăn được bụi, ồn.

Nếu hàng cây bên đường phố có tán chạm nhau sẽ tạo thành "vòm" thành "mái". Mùa hè đi trong vòm cây thì thật là dễ chịu ! Những bức "chạm lộng" của vòm cây và bóng đổ của nó xuống nền đường rất phong phú. Bức "chạm lộng" của cây càng phong phú nếu bố trí thêm một số loài cây có màu sắc tương phản với tán lá chủ đạo. Những hình ảnh như vậy, chúng ta có thể thấy được trên đường Hoàng Diệu, Phan Đình Phùng, Trần Phú và nhiều đường phố khác ở Hà Nội hay một số đoạn trên đường Lê Lợi (Huế), Quang Trung (Hải Phòng) v.v...

Khi bố trí cây trồng hai bên đường phố cần phải lưu ý đến vấn đề cải tạo môi trường. Mỗi một đường phố, yêu cầu cải thiện môi trường lại khác nhau : Tạo bóng mát trên đường phố Huế, khác với Phan Đình Phùng (Hà Nội), do trục đường nằm theo những hướng khác nhau.

Nói chung, về mùa nóng hướng chuyển dịch mặt trời ở nước ta từ Đông sang Tây, do đó trên đường phố theo hướng vĩ tuyến, phía dãy nhà quay mặt về phía Bắc thì không có tia mặt trời chiếu trực tiếp nên chỉ cần tạo bóng mát cho người đi bộ là chính. Cũng phía này, những nhà cao thì bản thân nhà sẽ tạo bóng mát cho vỉa hè. Bởi vậy, không cần trồng cây tạo bóng mát. Cây trồng ở đây chỉ có tính chất trang trí là chính.

Đối với mặt nhà phía đối diện, nghĩa là mặt nhà quay về phía Nam thì không cần tạo bóng mát cho mặt nhà. Do đó, dãy nhà hướng Nam chỉ cần được tổ chức cả hai phía vỉa hè (nếu chiều rộng vỉa hè đủ để bố trí) hay phía giữa vỉa hè và lòng đường một số hàng cây thân gỗ có độ cao trung bình để tạo bóng mát cho vỉa hè.

Trên đường phố theo hướng kinh tuyến phải tạo bóng mát không chỉ cho vỉa hè mà cả mặt nhà. Buổi sáng, mặt nhà và vỉa hè quay về phía Đông bị chiều nắng trực tiếp, còn buổi chiều, tia nắng mặt trời dọi vào vỉa hè và mặt nhà quay về phía Tây [83]. Trong trường hợp này, nếu mặt đường rộng, nên trồng cây cả hai phía vỉa hè là có hiệu quả che mát nhất. Cây trồng giữa vỉa hè và mặt nhà nên cao mới che mát cho mặt nhà được. Nếu chiều rộng đường hạn chế, chỉ có thể trồng về một phía giữa vỉa

hè và lòng đường thì nên trồng xen kẽ giữa cây thân gỗ cao và cây thân gỗ trung bình (cây cao che mát cho nhà còn cây cao trung bình che mát cho vỉa hè).

Đối với những tuyến giao thông chính có tàu điện, ô tô đi lại nhiều, nhất thiết phải trồng xen kẽ hàng cây bụi thấp với hàng cây thân gỗ để cản bụi và ồn. Vì tán cây thân gỗ, do cao nên chỉ có tác dụng tạo bóng mát, còn cây bụi thấp có tán sát mặt đất mới ngăn được bụi, ồn ngang tầm cao của con người.

Khi bố trí hàng cây thưa trên đường phố ngoài việc che nắng về mùa nóng còn cần lưu ý sưởi ấm vào mùa lạnh. Hơn nữa, ngay cả mùa nóng, "vòm cây" trên đường phố quá râm cũng sẽ gây ứ đọng không khí dưới tán cây do sự thông gió theo chiều đứng khó khăn. Để tránh tình huống đó có thể dùng thủ pháp trồng xen kẽ cây rụng lá bên cạnh cây thường xanh (hình 67).

Khi trồng cây trên đường phố cần lưu ý một số nguyên tắc chọn cây để tránh gây cản trở giao thông, làm hỏng đường :

Cây phải có thân thẳng, tránh nghiêng ra lòng đường, gỗ dai, tán gọn như sấu, chèo, lát hoa ; cây có rễ ăn sâu, vừa khó đổ lại vừa tránh phá vỡ vỉa hè và mặt đường (vì nếu có nhiều rễ ngang, nông sẽ đẩy trôi vỉa hè, mặt đường gây nứt, vỡ kết cấu hè đường) như muồng vàng nhạt, muồng vàng thẫm, nhội...). Độ phân cành của cây thấp nhất phải từ 3m trở lên. Cây có hoa và quả không hấp dẫn ruồi nhặng, làm mất vệ sinh đường phố.

+ Hàng cây trước công trình xây dựng : Ở đây hàng cây thường mang ý nghĩa trang trí, hỗ trợ giải pháp kiến trúc của công trình. Nếu nhà quá dài thì hàng cây sẽ phân đoạn nhà theo chiều đứng, "chia nhà" thành từng đoạn gây cảm giác nhà ngắn lại. Trường hợp hai hàng cây được bố trí cân xứng trước mặt nhà, nhấn mạnh thêm tính chất trang nghiêm của tòa nhà.

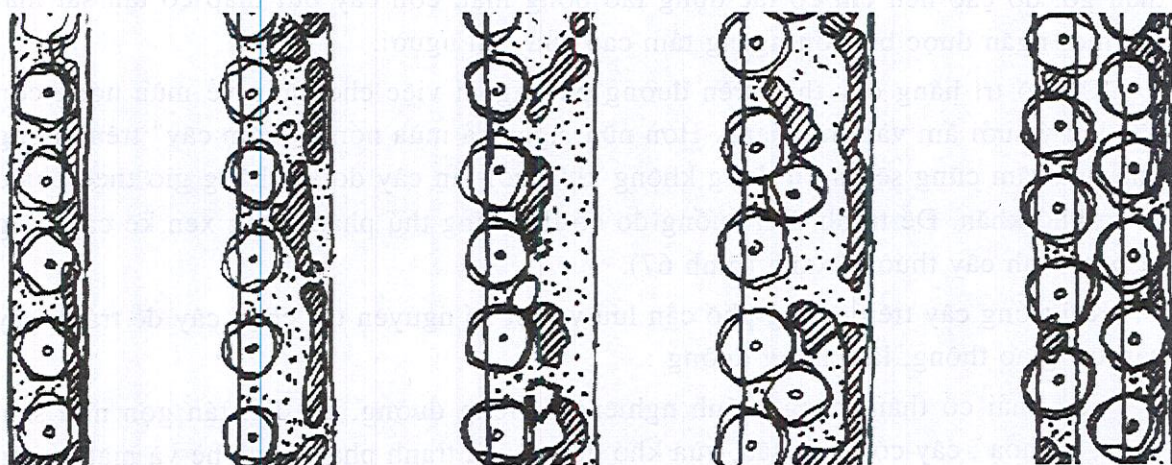
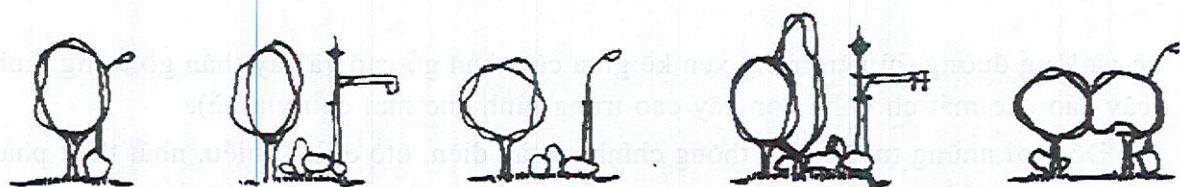
● Hàng cây dày

Hàng cây dày gồm ba loại : tường cây xanh, hàng rào cây xanh và đường viền.

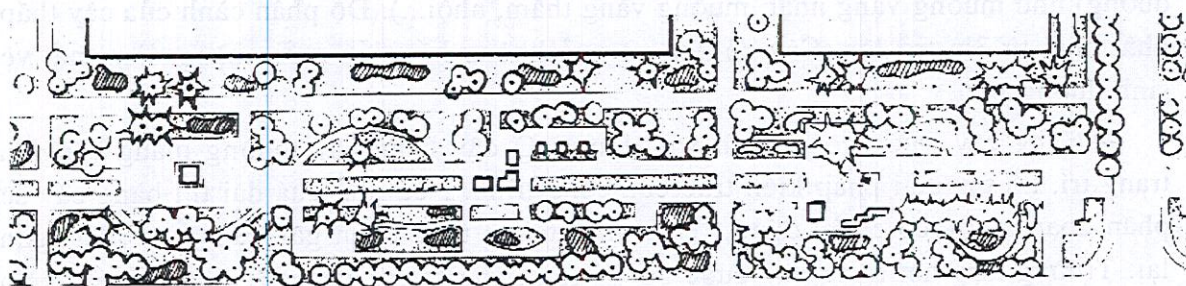
+ Tường cây xanh là hàng rào cây dày có độ cao trên 3m. Tường cây xanh có thể bằng cây thân gỗ, hoặc cây bụi, thường được sử dụng để vây kín một khu đất nhỏ. Không gian nhỏ, kín đó, trong các vườn - công viên thế kỷ XVII ở châu Âu được gọi là bosquet (hình 68).

+ Tường cây xanh trong bosquet có ý nghĩa rất quan trọng về mặt không gian chức năng. Tường cây xanh hình thành không gian kín, cân xứng, đồng thời bảo đảm tính chất độc lập cho các hoạt động bên trong.

Trong các vườn - công viên thế kỷ XVII, tường cây xanh thường có mặt cắt hình học và bao quanh không gian cũng có mặt bằng hình học, thường là vuông hoặc chữ nhật. Bên trong có bể nước trang trí, bồn hoa, sân chơi v.v...

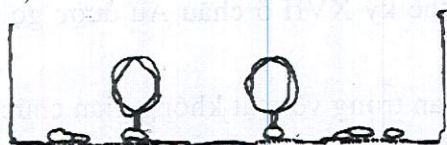


a)

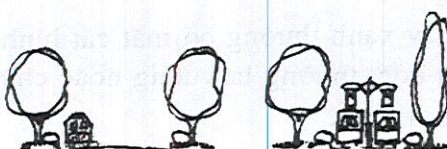


b)

b)



c)

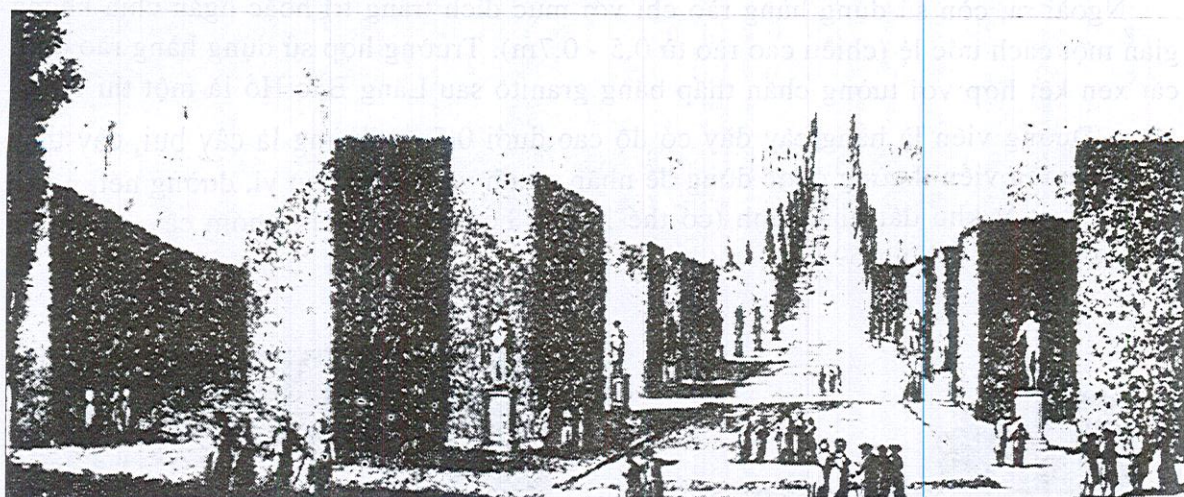


d)

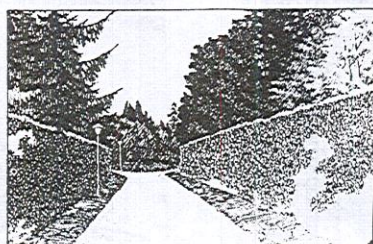


Hình 67: Các giải pháp bố trí hàng cây trên đường phố.

a) Các giải pháp kết hợp cây thân gỗ và cây bụi để chống ô nhiễm môi trường trên đường có phương tiện giao thông cơ giới; b) Giải pháp tổ chức phong cảnh một đoạn đường phố có boulevard; c) Giải pháp cây xanh đường phố chính; d) Giải pháp cây xanh đường ô tô và xe điện.



a)



b)

Hình 68: *Tường cây xanh và hàng rào cây xanh.*

a) Tường cây xanh cắt xén tạo không gian mở cho các tác phẩm điêu khắc trong vườn Boboli (Italy); b) Hàng rào cây trần cắt xén trong công viên Xtruxe ở thành phố Lvova.

+ Hàng rào cây xanh là hàng cây dày có độ cao từ 0,5 - 3m, thường là cây bụi.

+ Hàng rào cây xanh thường được dùng với chức năng bảo vệ hoặc làm ranh giới giữa các khu vực riêng rẽ. Ngoài ra hàng rào cây xanh còn mang tính chất trang trí ; che những bộ phận xấu của kiến trúc công trình.

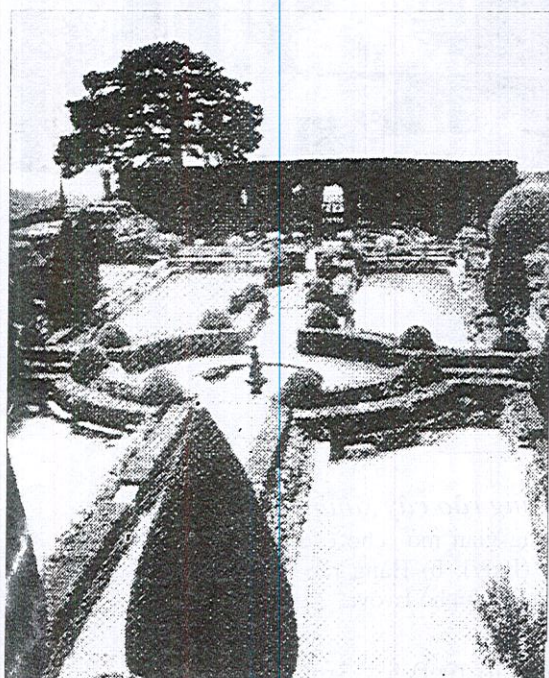
+ Hàng rào cây xanh có hai kiểu chủ yếu : hàng rào cây tự do (cây sinh trưởng và phát triển tự nhiên) và hàng rào cây cắt xén (có mặt cắt ngang theo một số kiểu hình học nhất định, như hình chữ nhật, hình thang v.v...).

Loài cây sử dụng trồng hàng rào cũng rất phong phú, có thể một loài hoặc nhiều loài. Trường hợp hàng rào cùng một loài cây dễ gây được ấn tượng ngăn cách dứt khoát, liên tục. Ngược lại hàng rào nhiều loài cây, màu sắc tương phản nhau, trồng nối tiếp nhau sẽ gây cảm giác đứt đoạn. Do đó, tùy thuộc ý nghĩa của công trình mà lựa chọn kiểu hàng rào cho phù hợp.

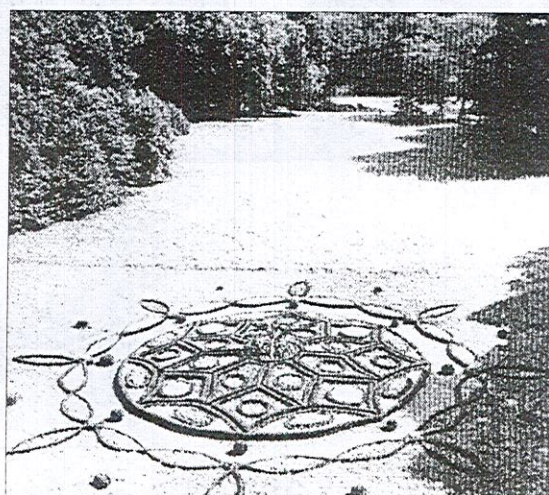
Đối với công trình cần được bảo vệ cẩn thận, hàng rào cây thường cao, cắt xén rõ ràng, cây cùng loài nhằm gây ấn tượng dứt khoát liên tục. Trường hợp này có thể kết hợp với hàng rào sắt hoặc bê tông cốt thép.

Ngoài ra, còn sử dụng hàng rào chỉ với mục đích trang trí hoặc ngăn chia không gian một cách ước lệ (chiều cao rào từ 0,5 - 0,7m). Trường hợp sử dụng hàng rào dưới cát xén kết hợp với tường chắn thấp bằng granitô sau Lăng Bác Hồ là một thí dụ.

+ Đường viền là hàng cây dày có độ cao dưới 0,5m, thường là cây bụi, cây thân thảo. Đường viền thường được dùng để nhấn mạnh và làm rõ chu vi, đường nét, ngoại hình của một khu đất nhất định (có thể là bồn hoa, vườn cảnh, khóm cây, khóm đá nghệ thuật v.v.) (hình 69).



a)



b)

Hình 69: Đường viền cây xanh cắt xén.

a) Đường viền cây xanh cắt xén theo Chủ nghĩa Baroque Italy; b) Đường viền bốn hoa trong công viên Podgarnic ở Cromerid (SNG).

Cây trong đường viền rất phong phú. Có thể là cây phát triển tự nhiên như tóc tiên viền vườn cảnh (trong Bảo tàng Mỹ thuật Hà Nội), gây cảm giác mềm mại của đường bao ; hoặc ở dạng cắt xén đều đặn như hàng dưới ở vườn Lăng Bác, quanh các bồn hình học gây ấn tượng nghiêm túc, khỏe.

* Rừng nhỏ

Rừng nhỏ là thành phần bố cục chủ yếu của cảnh quan công viên, chiếm diện tích lớn. Đó là thành phần hình khối chủ yếu tạo không gian trống trong công viên. Cây trong rừng nhỏ có thể một loài hay nhiều loài.

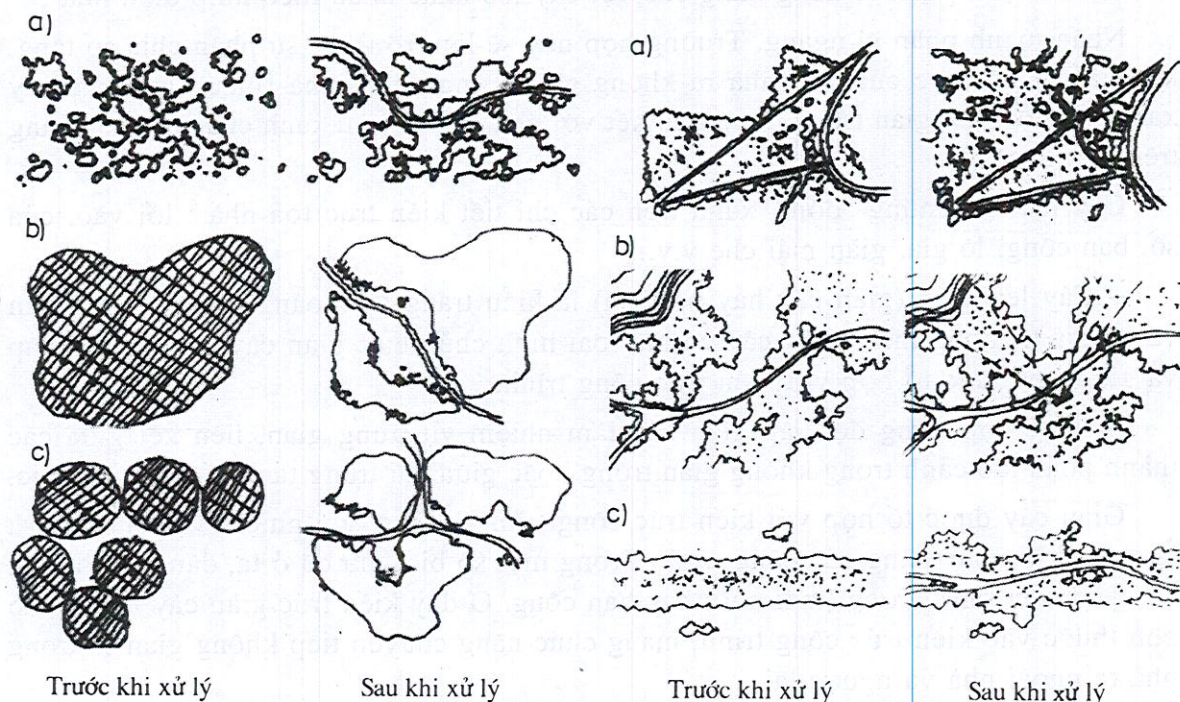
Rừng cây một loài thường gây ấn tượng mạnh mẽ về một vùng miền nào đó, như rừng Bàng Yên Thế, rừng Pơmu Tây Nguyên, rừng Thông Đà Lạt v.v... Hơn nữa, rừng cây một loài thường là nơi nghỉ ngơi tốt do kiểu rừng này không có lớp cây dưới tán rừng, dễ thông thoáng và có tầm nhìn tốt, có điều kiện tổ chức các hoạt động nghỉ ngơi giải trí (cắm trại, du lịch v.v...).

Nếu rừng cây cùng loài có tán màu xanh thẫm, đậm sẽ tương phản với không gian trống tràn ngập ánh sáng, mang lại xúc cảm nghệ thuật lớn.

Rừng cây nhiều loài (hỗn hợp) thì đa dạng về màu sắc, phong phú về hình dáng, là đặc trưng của rừng nhiệt đới, nhiều tầng, nhiều lớp.

Cây trồng trong rừng có thể theo hàng, phương pháp này dễ dàng áp dụng cơ giới hóa trồng trọt, chăm sóc nhưng không mang lại hiệu quả rừng cây tự nhiên. Có thể làm bớt cảm giác này bằng cách trồng thêm ở rìa rừng vài khóm cây có bố cục tự do, đồng thời tạo ra một vài khoảng trống bên trong rừng với đường bao tự nhiên.

Ngoài ra có thể trồng rừng bằng cách bố trí cây trên mặt bằng theo hình thức tự nhiên, hoặc tận dụng các mảnh rừng thiên nhiên hiện có để xử lý tạo cảnh. Trường hợp này dễ gây cho ta cảm giác thoải mái, tự nhiên hơn (hình 70).



Hình 70: Một số thủ pháp xử lý tạo cảnh mảng rừng thiên nhiên hiện có.

A) Trường hợp 1: a) Xử lý bằng cách đưa đường vào trong rừng; b) Tạo khoảng trống dọc đường; c) Tạo một số khoảng trống và đường. B) Trường hợp 2: a) Bỏ bớt cây tạo đường ven rừng; b) Mở cảnh về phía mặt nước; c) Mở đường xuyên rừng.

* Cây leo

Cây leo là loài cây chỉ "đứng" được khi dựa vào các yếu tố tạo cảnh khác như dàn, mặt nhà, tường chắn v.v... Do đó cây leo có tác dụng trang trí trực tiếp trên bề mặt kiến trúc. Đặc biệt cây leo chiếm vị trí chủ đạo trong kiến trúc pergola (giàn cây).

Cũng do cây leo sinh trưởng và phát triển nhanh, diện tích đất trồng lại chiếm ít nên chúng mang lại hiệu quả trang trí và cải thiện môi trường, cả những chỗ quá chật hẹp, không có điều kiện trồng cây lớn.

Nói chung cây leo sử dụng trong ba giải pháp bố cục trang trí sau đây :

+ Cây leo cùng loài được bố trí dọc tường, có diện tích lá phủ chiếm phần lớn mặt nhà. Dạng bố cục trang trí này sẽ mang lại hiệu quả mảng màu lớn biến đổi theo mùa trong năm mà màu lá cây là chủ đạo bên cạnh một số màu cố định của tường nhà. Trong trường hợp này, các cửa ra vào, cầu thang có màu tương phản với màu lá thường được chữa lại nhằm nhấn mạnh lối ra vào và làm sinh động mặt nhà.

Cũng do màu chủ đạo của mặt nhà là lá cây biến đổi theo mùa nên kiến trúc ngôi nhà thường xuyên có màu sắc biến đổi, gây được ấn tượng phong phú.

+ Các loài cây leo khác nhau được bố trí trên cùng mặt nhà : Thông thường có ba thủ pháp bố cục cây leo kết hợp mặt nhà :

Nhấn mạnh phân vị đứng bằng các vệt cây leo khác nhau theo nhịp điệu nhà ;

Nhấn mạnh phân vị ngang. Trường hợp này sẽ làm rõ thêm sự phân chia số tầng, kéo dài sự liên tục của mặt nhà ra không gian trống ngoài nhà (màu xanh của cây xanh trong không gian trống được liên kết với nhau bằng màu xanh của cây leo ngang trên mặt nhà).

Cây leo tạo những "đốm" xanh trên các chi tiết kiến trúc tòa nhà : lối vào, cửa sổ, ban công, lô gia, giàn mái che v.v...

+ Cây leo giàn (giàn cây hay pergola) là kiểu trang trí thoáng trong không gian và có giá trị bóng mát. Giàn cây có hai loại hình chủ yếu : giàn cây ở vị trí độc lập và giàn cây được tổ hợp với kiến trúc công trình.

Trường hợp đứng độc lập giàn cây làm nhiệm vụ trung gian, liên kết giữa các thành phần tạo cảnh trong không gian trống hoặc giữa hai trung tâm bố cục kiến trúc.

Giàn cây được tổ hợp với kiến trúc công trình thường làm nhiệm vụ trang trí và là một phần chức năng của công trình. Trong một số biệt thự cũ ở ta, dàn cây thường có vị trí trên sân thượng (mái nhà) hay ban công. Ở đây kiến trúc giàn cây hoàn toàn phụ thuộc vào kiến trúc công trình, mang chức năng chuyển tiếp không gian từ trong nhà ra ngoài nhà và ngược lại.

Giàn cây đặc biệt có vị trí quan trọng khi nhấn mạnh tính chất trang trí lối vào nhà, tạo hành lang sinh động (do ánh sáng lấp lánh của mặt trời xuyên qua tán lá và cấu trúc giàn xuống lối đi). Trong trường hợp này cây leo giàn mang ý nghĩa trang trí là chủ yếu. Ngoài ra, trong các kiến trúc nhỏ khác như tường chắn, mái che (thường có trong các khu chơi trẻ em, nơi chờ xe điện, ô tô buýt v.v... cây leo cũng có tác dụng trang trí lớn.

* Cỏ

Cỏ là yếu tố không thể thiếu được trong bố cục cảnh quan đô thị. Cỏ được sử dụng làm nền cho các khóm cây, cây độc lập, bồn hoa và các kiến trúc nhỏ. Ở đây, cỏ làm nhiệm vụ hoàn chỉnh bố cục và tạo nên sự hài hòa giữa các yếu tố tạo cảnh khác nhau.

Trên các quảng trường, sân bãi thể thao, cỏ thường là thành phần trang trí chính. Các thảm cỏ trên quảng trường Ba Đình Hà Nội vừa mang tính chất trang trí, vừa làm nhiệm vụ cải thiện môi trường và là nơi nghỉ ngơi cho quảng đại quần chúng.

Bố cục cỏ rất phong phú, có thể tạo nhiều hình dáng thảm cỏ khác nhau. Tự do như thảm cỏ trên các triền sông, hồ hay cân xứng đều đặn như những ô cờ vuông ở quảng trường đô thị, v.v... Ngoài ra, màu sắc cỏ cũng rất đa dạng, làm phong phú cảnh quan đô thị.

* Hoa

Hoa có ý nghĩa tinh thần rất lớn trong cuộc sống của con người. Hoa tặng bạn bè nhân ngày sinh, hoa trong ngày cưới, hoa trong ngày tết, ngày lễ và cả những ngày thường.

Cảnh quan có cả hoa sẽ trở nên vui tươi hơn, có giá trị giáo dục mỹ cảm cho con người cao hơn.

Hoa có hai loại : Hoa một năm là loài hoa thân thảo chỉ ra hoa một lần rồi tàn lụi đi (như cúc, layon, đồng tiền, huệ v.v...) và hoa nhiều năm, thường là loài hoa thân gỗ (như hồng, đào, mai v.v...).

Việc sử dụng hoa một năm với mục đích trang trí không kinh tế bằng hoa nhiều năm. Vì hoa một năm cứ hàng năm lại phải trồng mới. Nhưng hiệu quả trang trí của hoa một năm thường cao hơn vì hoa nhiều năm có thời gian nở hoa không ổn định, hơn nữa cuối mùa thường không đẹp.

Do đó, tùy ý nghĩa trang trí của cảnh quan mà lựa chọn các loài hoa cho thích hợp.

Trong cảnh quan, hoa thường được trồng ở bồn, chậu và parterre.

* Bồn hoa

Bồn hoa là một khu đất nhất định được trồng hoa đều khắp. Bồn hoa hầu như được bố trí ở khắp mọi nơi (trên đường phố, quảng trường, trong các công trình công cộng, nhà ở, trong các vườn - công viên). Đặc biệt do hoa có tính trang trí cao, màu sắc đẹp, rực rỡ, dễ đập vào mắt người xem nên thu hút được sự chú ý. Do đó bồn hoa được bố trí ở lối ra vào công trình, trên bãi cỏ hẹp, nơi ngồi nghỉ, chỗ rẽ của con đường nhằm thu hút sự chú ý.

Bồn hoa được bố cục làm hai nhóm : bồn hoa cân xứng đều đặn và bồn hoa tự nhiên.

+ Bồn hoa tự nhiên là bồn trồng hoa tự do, đường bao tự nhiên. Hoa trồng trong bồn có thể nhiều năm như thu hải đường, hồng... hay một năm như cúc ngũ sắc, cẩm chướng thơm, đồng tiền..., hoặc một loài như bồn hồng trên đường Bắc Sơn Hà Nội, hay nhiều loài (thường chỉ nên ba đến năm loài hoa, vì nhiều quá dễ gây loạn màu).

Trường hợp bồn nhiều loài hoa có thể chọn trồng các loài sao cho thời gian nở hoa của từng loài kế tiếp nhau để mùa nào trong bồn cũng có hoa nở. Đây là kiểu

"bồn hoa quanh năm" thường được dùng trang trí trong vườn - công viên, quảng trường đô thị và khu ở. Hoa ở đây thường là hoa nhiều năm.

Chọn loài hoa, phụ thuộc vào màu sắc hoa, nền (có thể là nền đất, cỏ, sỏi...) cũng như màu sắc xung quanh và chủ đề tư tưởng trong bố cục chung sao cho hài hòa và nổi bật.

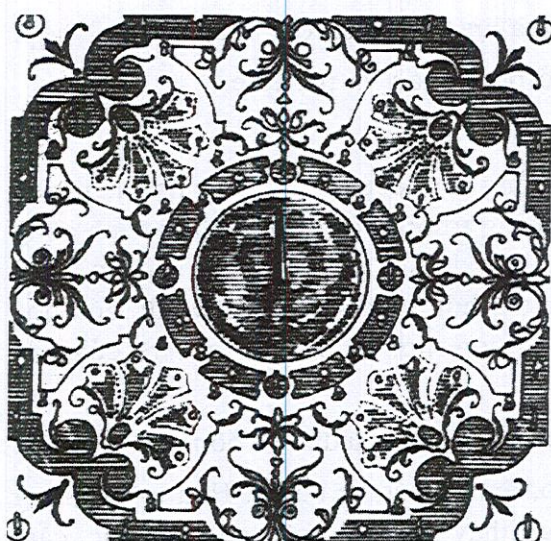
+ Bồn hoa cân xứng đều đặn là bồn có dạng hình học mà bên trong hoa cũng được trồng theo hàng lối nhất định. Trong vườn cổ của ta, bồn hoa thường có dạng hình vuông, chữ nhật hoặc tròn.

Hoa trong bồn cân xứng đều đặn, thường một loài để dễ biểu hiện được tính chất cân xứng đều đặn của bồn. Ví dụ : Bồn hình vuông thì mảng màu hoa cũng hình vuông. Loại bồn này thường được bố trí ở những nơi trang nghiêm, cần có màu sắc rực rỡ ; mảng màu lớn, để nhấn mạnh tính chất của vùng cảnh quan (chẳng hạn vùng cảnh quan di tích cách mạng thì có thể sử dụng hoa màu đỏ - màu tượng trưng cho cách mạng).

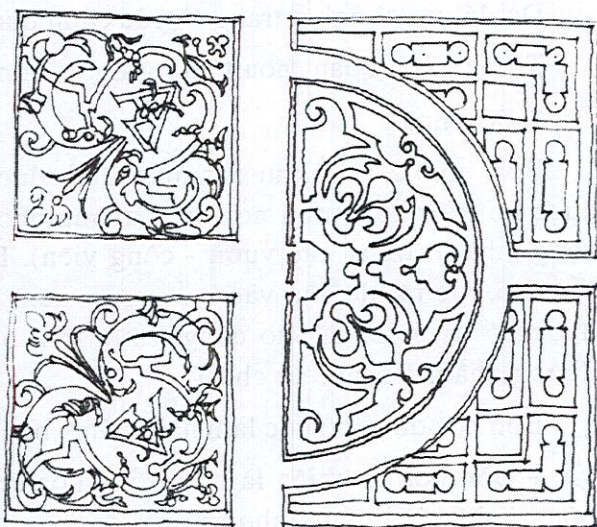
- Vườn hoặc ô hoa kiểu hoa văn (Parterre hoa)

Parterre hoa là khu đất được tổ chức đường dạo và nơi trồng hoa theo mẫu hình học cân xứng đều đặn, riêng biệt với các khu đất xung quanh. Do đó, đây là kiểu trang trí có hiệu quả nghệ thuật cao trên các sân công trình công cộng, quảng trường, trước cổng vào công viên hay trong cảnh quan của quần thể tưởng niệm.

Hoa trong Parterre thường được trồng dày, tạo mảng màu đặc, nhiều màu nhằm làm rõ đường nét, mảng trang trí parterre (hình 71).



a)



b)

Hình 71: Các loại parterre khác nhau.

a) Một trong những họa tiết trang trí trong parterre của một số nước Tây Âu; b) Một nửa mặt bằng parterre trước Château Neuf, đầu thế kỷ XVII ở Pháp.

Hình thức parterre rất phong phú, có thể hình một bông hoa, ngôi sao năm cánh hay họa tiết trang trí như trong thổ cẩm của các đồng bào dân tộc...

* Chậu hoa, cây cảnh

Chậu hoa cây cảnh thường được dùng để trang trí trên sân, hiên, hè, bên đường, lối vào nhà trong các lôgia, ban công hay quảng trường. Nếu sau Lăng Bác Hồ, trên các bậc sân thiếu các tổ hợp chậu hoa, cây cảnh với nhiều kiểu cây, loài hoa khác nhau thì thật kém phong phú và ít hấp dẫn người xem.

Tuy việc trồng cây hoa, cây cảnh trong chậu rất hạn chế, vì không phải tất cả các loài cây đều ưa sinh trưởng và phát triển trong "bọc đất" bé nhỏ đó, nhưng nghệ thuật tạo hình cây ở ta với một số loài nhất định rất điêu luyện và phong phú.

Cây thường được uốn theo hình dáng nhất định gọi là thế cây, như thế trực (thân cây thẳng), thế hoành (thân cây có dạng nằm ngang), thế phượng vũ (cây to có dáng như hình phượng múa), thế huỳnh đệ đồng khoa (một cây bé cạnh một cây rất to)... được rất nhiều người ưa thích. Còn hoa thì chậu cúc, chậu thủy tiên, chậu huệ... cũng rất nhiều người ưa chuộng (hình 72a, b).

Mấy năm gần đây, Hội thi hoa vào mùa xuân ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng... có nhiều thủ pháp bố cục chậu hoa, cây cảnh mới, báo hiệu những khả năng to lớn trong việc bố cục hoa vào cảnh quan ngày càng phong phú và đa dạng.

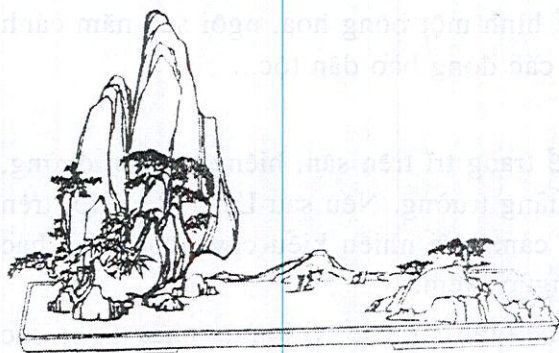
- Vấn đề lựa chọn cây cỏ hoa trong môi trường nhân tạo

Sinh thái của môi trường nhân tạo hoàn toàn khác với sinh thái của môi trường tự nhiên nên không phải cây nào cũng có thể đem trồng trong đó. Một số cây chò nâu (loài cây mà đã quen sinh trưởng và phát triển trong môi trường rừng theo tầng lớp) trên đường Hùng Vương Hà Nội kém phát triển và đang có nguy cơ còi cọc là một bài học cần rút kinh nghiệm. Bởi vậy việc lựa chọn cây trồng trong môi trường nhân tạo là rất quan trọng, cần phải tuân theo những nguyên tắc sau đây :

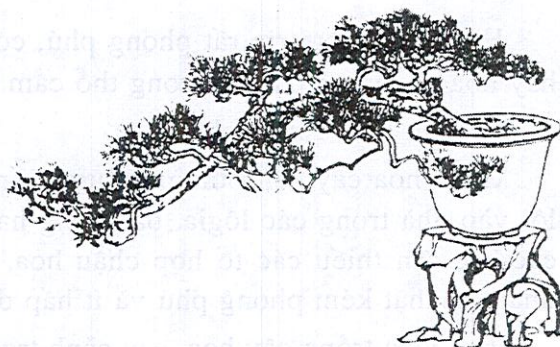
+ Phân bố cây theo vùng khí hậu : Khí hậu là một nhân tố sinh thái có ảnh hưởng sâu sắc tới cây trồng về nhiều mặt, nhiều khía cạnh, đặc biệt là sự phân bố thực vật.

+ Phân bố cây theo đặc điểm thổ nhưỡng : Trong các nhóm, loài cây theo vùng khí hậu còn cần tính đến cả điều kiện thổ nhưỡng. Trong thực tế thường gặp thổ nhưỡng có nhiều đặc điểm khác nhau trong cùng một vùng khí hậu. Hơn nữa có nơi lại ẩm hay khô hạn... Vì vậy cần phải phân biệt những loài cây thích nghi với từng điều kiện thổ nhưỡng khác nhau (như loài cây đòi hỏi đất màu mỡ, loài cây sinh trưởng và phát triển ở nơi đất xấu, bạc màu, loài cây sinh trưởng và phát triển ở vùng đất cát hay khô hạn, ẩm).

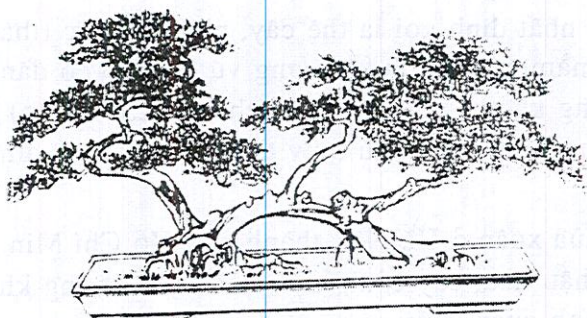
+ Phân bố cây theo độ ẩm không khí : Cây phản ứng rất khác nhau với độ ẩm không khí. Có loài chịu được không khí khô nhưng cũng có loài lại bị khô héo. Do đó cần phải phân biệt đặc điểm này của các loài cây mà chọn cho thích hợp. Ở đường phố, quảng trường, ... thường không khí khô nóng hơn vùng công viên, do đó đòi hỏi phải chọn cây chịu được hanh khô...



a)



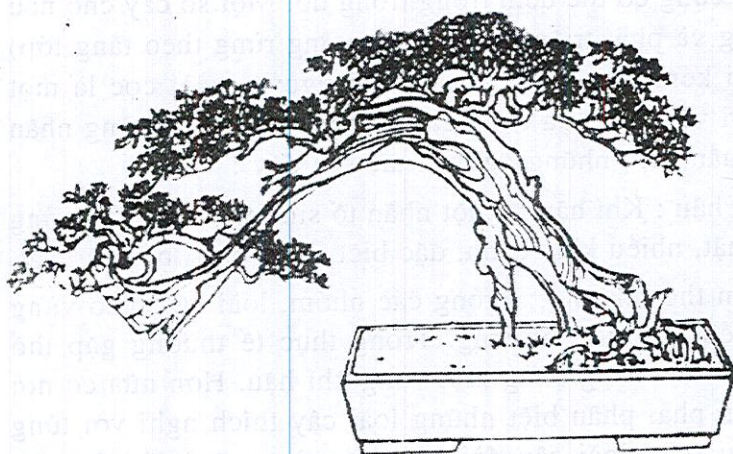
b)



c)



d)



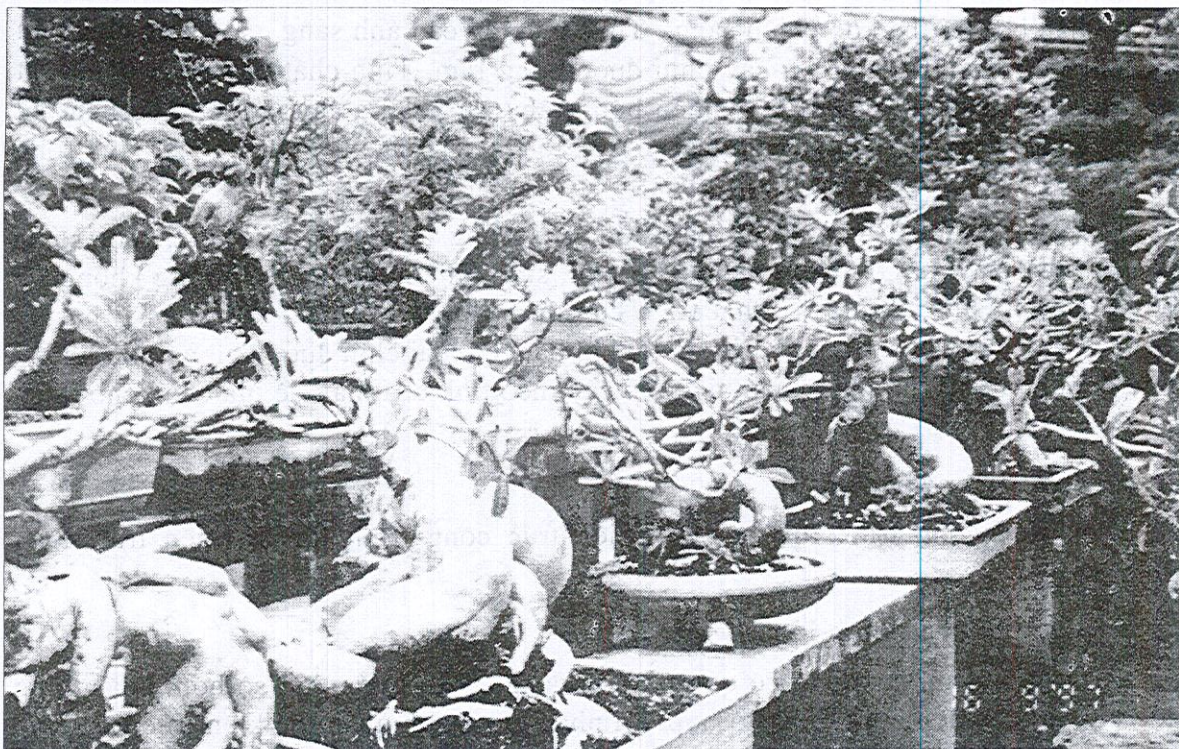
d)



e)

Hình 72a: Một số kiểu bố cục chậu cảnh.

a) Bốn cảnh đá - nước (Thủy thạch bốn cảnh); b) Kiểu hướng xuống nước (Lâm thủy thức); c) Kiểu qua cầu (Quá kiều thức); d) Kiểu rễ móc xích; đ) Thế nghiêng, thân võ - Tùng La hán; e) Kiểu hai thân.



a)



c)

Hình 72b: Bố cục chậu cảnh trong sân công viên giải trí Đầm Sen - thành phố Hồ Chí Minh.

a) Tổ hợp chậu cây đại (sứ); b) Thế trực; c) Tổ hợp chậu cây dưới đường tàu.



**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

+ Phân bố cây theo độ chiếu sáng : Theo mức độ cần ánh sáng, cây được chia làm hai loài : cây ưa ánh sáng và cây chịu được bóng râm. Tính chất này có ý nghĩa rất lớn trong điểm dân cư do có rất nhiều bóng râm bởi nhà và cây tạo ra. Cho nên khi trồng các loài cây khác nhau cần phải trồng sao cho cây ưa ánh sáng không nằm trong vùng bóng râm của cây khác hay nhà.

+ Phân bố cây theo mức độ chịu khí. Do trong quá trình sản xuất, một số xí nghiệp, nhà máy gây ô nhiễm bầu không khí, sự ô nhiễm đó đã ảnh hưởng không tốt đến quá trình sinh trưởng và phát triển của thực vật. Tuy nhiên, không phải bất kỳ loài cây nào cũng phản ứng như nhau với khí bẩn, có loài chịu được khí, có loài không chịu được. Vì vậy cần phải phân biệt loài cây theo tính chất này để lựa chọn cho thích hợp với từng vùng.

d. Kiến trúc công trình

Kiến trúc công trình thường gồm kiến trúc công trình lớn và kiến trúc công trình nhỏ

- Kiến trúc công trình lớn

Các công trình xây dựng có quy mô lớn đang có xu hướng đồ sộ hơn, hoặc đứng độc lập, hoặc nhiều công trình tổ hợp với nhau tạo thành quần thể kiến trúc lớn, chia cắt không gian một cách mạnh mẽ (hình 73, 74).

Trong trường hợp đứng độc lập, kiến trúc công trình lớn thường đóng vai trò nhấn mạnh không gian, làm yếu tố chủ đạo trong bố cục cảnh quan (như cầu Long Biên trong cảnh quan sông Hồng ; Phủ Chủ tịch trong phong cảnh đường Hoàng Văn Thụ (Hà Nội)... nhằm thu hút sự chú ý khi định hướng chuyển tiếp.

Bố cục của công trình thường chi phối bố cục xung quanh. Bộ cục đối xứng qua trục chính của biệt thự Ý thế kỷ XVI - XVII hoặc dinh thự Pháp thế kỷ XVII cũng là trục bố cục đối xứng của vườn. Trục bố cục cân xứng của quảng trường Ba Đình cũng trùng với trục bố cục Lăng Bác (Hà Nội)... Điều đó mang lại sự gắn bó hài hòa của một hệ thống hình khối không gian kiến trúc của nhà và không gian trống.

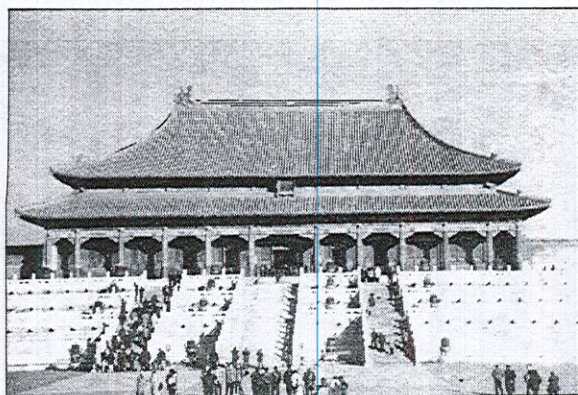
Trong tổ hợp các quần thể kiến trúc thường tạo thành các "thung lũng" (không gian kiến trúc lớn như quảng trường, sân trung tâm...) và các không gian trống nhỏ (sân trong).

Hình dạng không gian trống, quy mô và giải pháp bố cục của nó hoàn toàn tùy thuộc vào việc tổ hợp công trình kiến trúc.

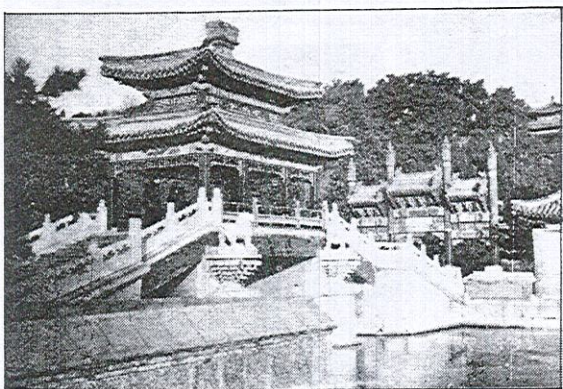
Nếu như trước kia, không gian trống có dạng hình học, cân xứng và khép kín do việc tổ hợp đối xứng của quần thể kiến trúc tạo ra thì ngày nay, xu hướng bố cục tự do đã tạo nên quần thể kiến trúc có hình khối sinh động phong phú. Không gian trống cũng có hình thức tự do hơn. Tuy nhiên, trong trường hợp này, còn tùy vào ý đồ bố cục và tính chất quần thể kiến trúc mà có thể tạo hình dáng không gian trống. Nếu công trình đòi hỏi trang nghiêm, tĩnh thì bố cục cân xứng đều đặn mang đến hiệu quả ngữ nghĩa cao.



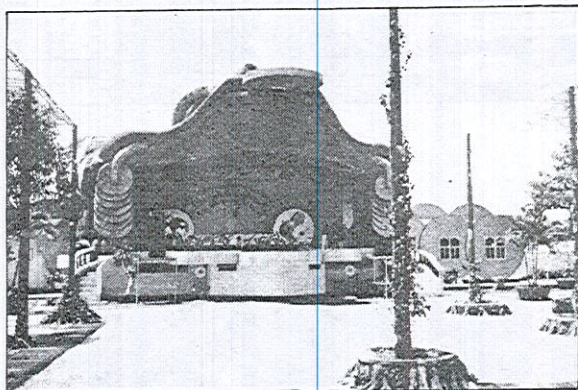
a)



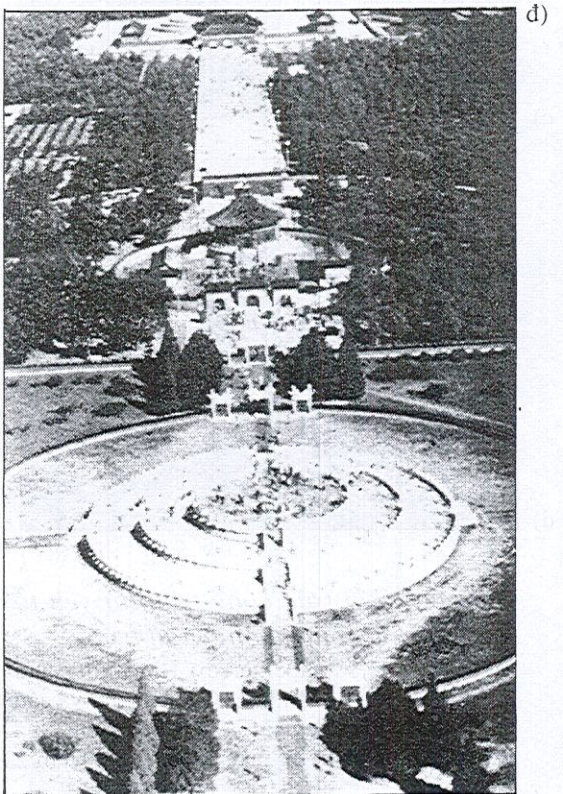
b)



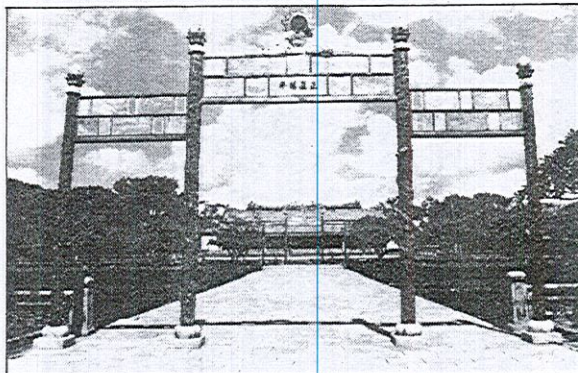
c)



d)



d)



e)

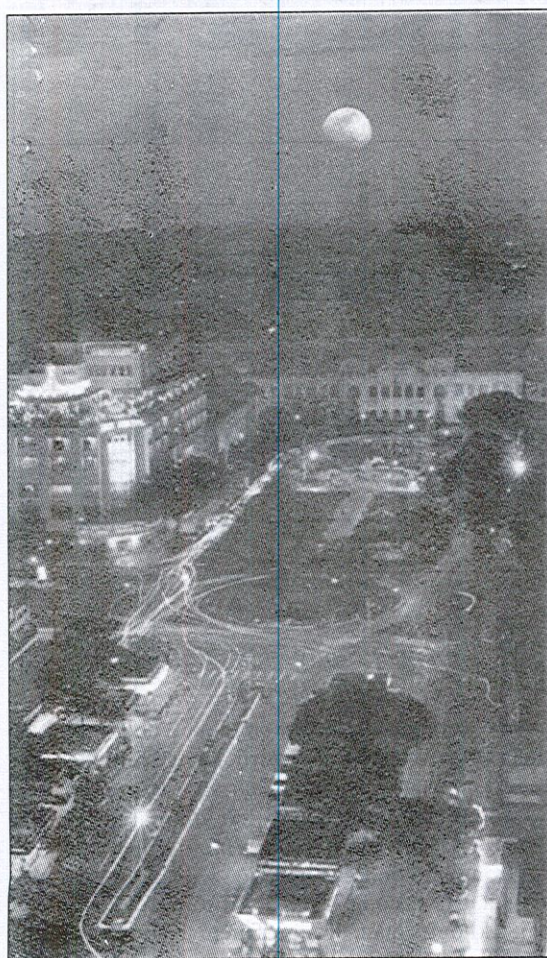
Hình 73: Kiến trúc công trình tạo không gian và tạo cảnh trong kiến trúc cảnh quan.

a) Kiến trúc công trình tạo không gian phố - phố cổ thành phố Thượng Hải; b) Kiến trúc công trình tạo cảnh và chế ngự không gian - Điện Thái Hoà (Cố cung, Bắc Kinh); c) Tổ hợp kiến trúc công trình với mặt nước trước cổng vườn Dục - thành phố Thượng Hải; d) Nhà biểu diễn ngoài trời trong khu du lịch suối Tiên - thành phố Hồ Chí Minh; đ) Kiến trúc công trình tạo trục bố cục chính và ngăn chia không gian trong Thiên Đàn Bắc Kinh; e) Cổng ngăn chia không gian ước lệ giữa không gian Ngọ môn và không gian Điện Thái Hoà - Đại Nội - Huế.

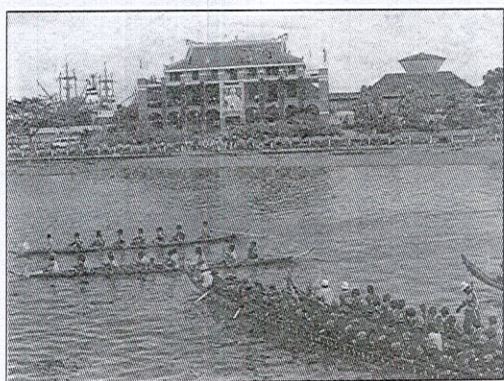


a)

b)



c)



d)

Hình 74: Kiến trúc công trình là yếu tố quan trọng trong không gian trống.

a) Thành phố Montpellier; b) Khu trung tâm thành phố Hồ Chí Minh; c) Gác chuông và cầu trước chùa Bối Khê, Hà Tây; d) Bến cảng Nhà Rộng là điểm nhấn thị giác bờ sông Sài Gòn.

Trong các sân trong, chi tiết kiến trúc mặt nhà có ý nghĩa rất lớn trong việc gây ấn tượng về quy mô không gian trong, về việc hài hòa giữa nhà và sân. Nếu các bức tường bao quanh sân có phân vị ngang, gây cảm giác không gian rộng hơn. Còn ngược lại không gian có vẻ nhưng hẹp hơn.

Để tạo nên sự gắn bó hài hòa nhà và sân thường sử dụng không gian chuyển tiếp như hành lang, hiên.

- Kiến trúc công trình nhỏ

Kiến trúc công trình nhỏ là yếu tố hình khối có quy mô nhỏ như quán sách, chòi nghỉ, băng chỉ đường... Do đó, kiến trúc công trình nhỏ thường chỉ là điểm trang trí trong không gian lớn, hoặc làm yếu tố cận cảnh, kết thúc phối cảnh hay báo hiệu chỗ rẽ của một con đường trong không gian của vườn nhỏ, quảng trường v.v... Kiến trúc công trình nhỏ cũng thường được tổ hợp với các yếu tố tạo cảnh khác để giới hạn không gian, nhấn ý đồ kiến trúc (như tổ hợp với mặt nước, địa hình và cây xanh hoặc giữa chúng với nhau và tổ hợp với kiến trúc công trình lớn (pegola trước cửa ra vào, trên mái...).

Kiến trúc công trình nhỏ tổ hợp với nước như thủy đình, chòi câu cá...

Quán nước - cây đa là hình ảnh quen thuộc của người dân nước ta từ bao đời nay.

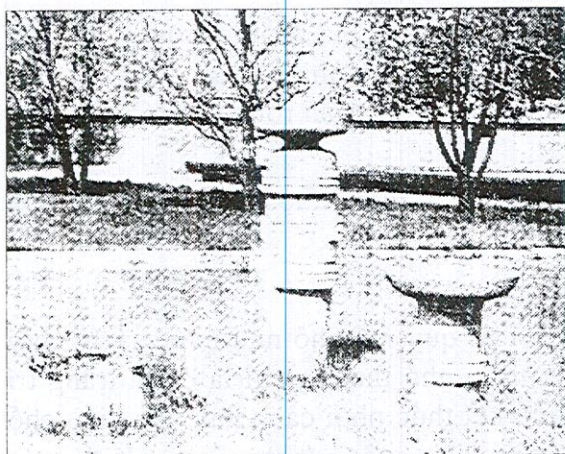
Kiến trúc công trình nhỏ tổ hợp với địa hình như tháp Bút bên núi Nghiên (đền Ngọc Sơn - Hà Nội).

Nói chung kiến trúc công trình nhỏ thường được sử dụng cho một số mục đích sau đây :

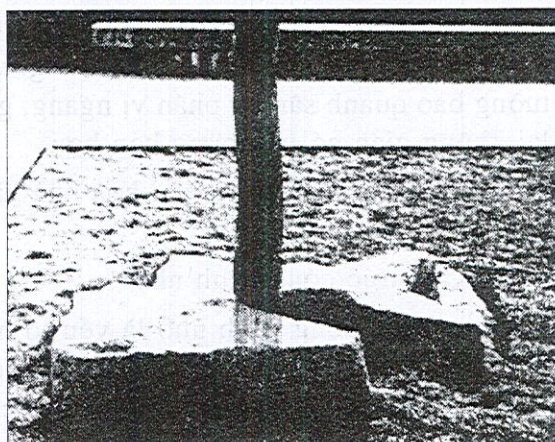
Kiến trúc công trình nhỏ dùng để che mưa, nắng (chòi hóng mát, chòi câu cá, chòi cờ, bình thơ, pegola) ; kiến trúc nhỏ dùng để trồng cây (chậu hoa, chậu cảnh) ; kiến trúc nhỏ dùng để nuôi chim, thú nhỏ (lồng chim, chuồng thú) ; kiến trúc công trình nhỏ dùng để trang trí (tường trang trí, hệ thống chiếu sáng nghệ thuật...) ; kiến trúc công trình nhỏ dùng để nghỉ (ghế đá...) ; kiến trúc công trình nhỏ dùng để điều chỉnh, hướng dẫn giao thông và hoàn thiện kỹ thuật đô thị (băng chỉ đường, tường chắn đất... (hình 75, 76, 77, 78, 79, 80).

- Giàn, là một công trình xây dựng nhỏ được tạo thành bằng tấm đan trên hệ thống cột. Do cấu trúc đó mà giàn có thể tạo được sự luân phiên của sáng tối khi ánh sáng dội qua khe hở của tấm đan, để thông gió. Giàn kết hợp với cây leo tạo nên mái che sinh động và nhiều bóng mát.

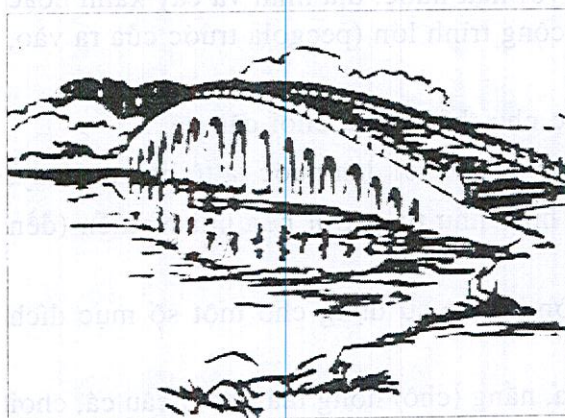
Vị trí giàn rất phong phú, khi cần tạo bóng mát cho người đi bộ thì giàn được sử dụng như một "hành lang" có mái phủ thoáng nhẹ. Trường hợp giàn có vị trí trong mảng cây xanh thì chỉ làm chức năng trang trí là chính, vì riêng mảng cây xanh đã đủ che mát. Còn trên các sân nghỉ quang đăng thì giàn lại có cả chức năng tạo bóng mát cho người nghỉ. Giàn trên sân cũng thường tạo nên những không gian nhỏ, những góc riêng biệt. Trường hợp này thường dùng để làm sân nghỉ, sân chơi trong không gian trong nhằm bảo đảm tính chất độc lập của sân với không gian xung quanh.



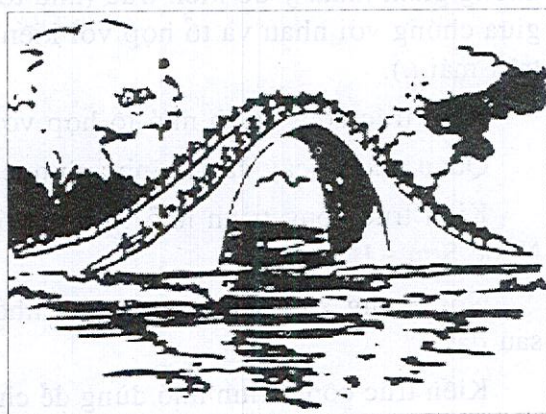
a)



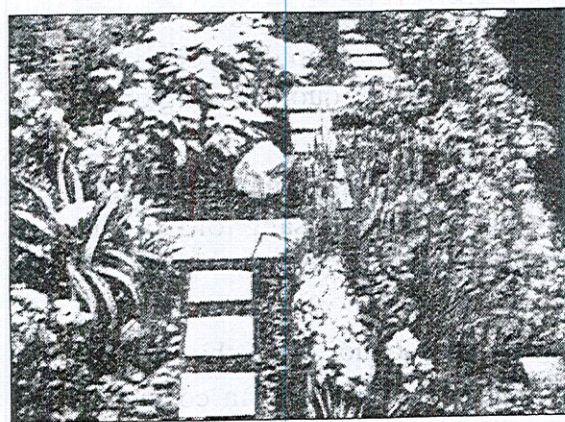
b)



c)



d)



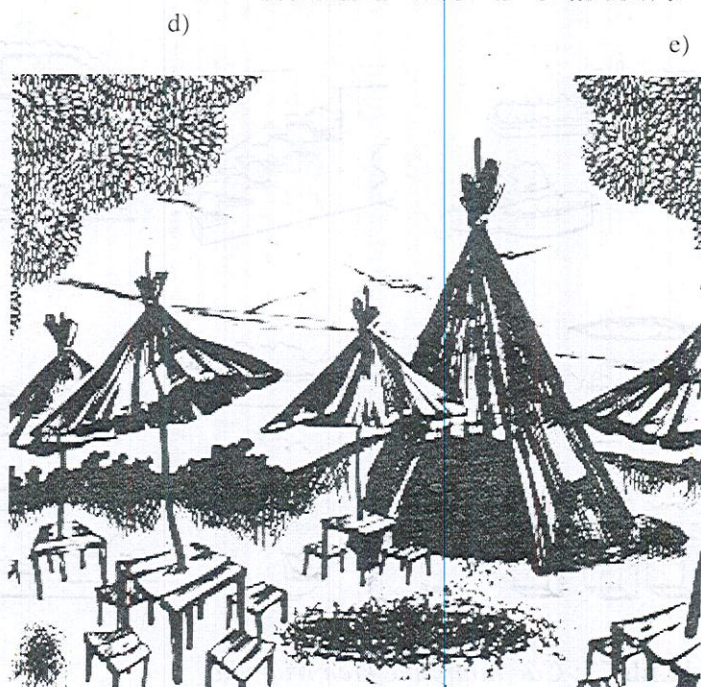
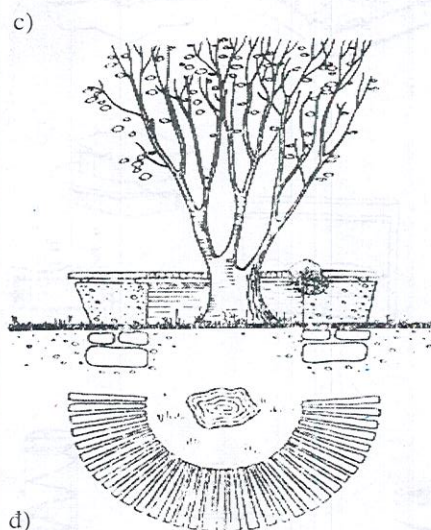
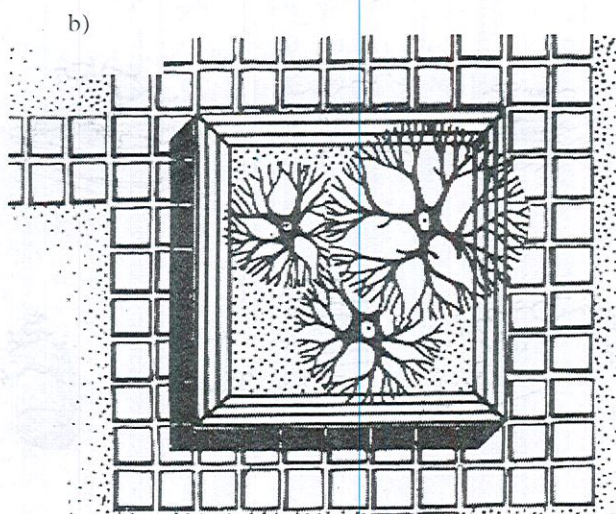
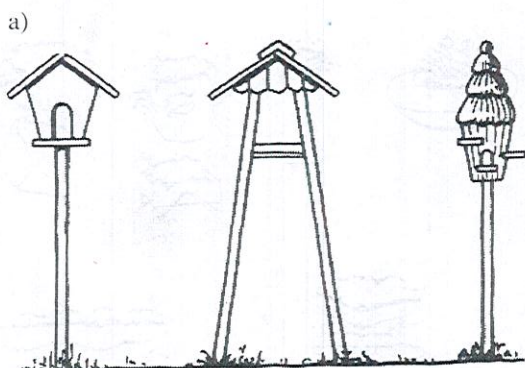
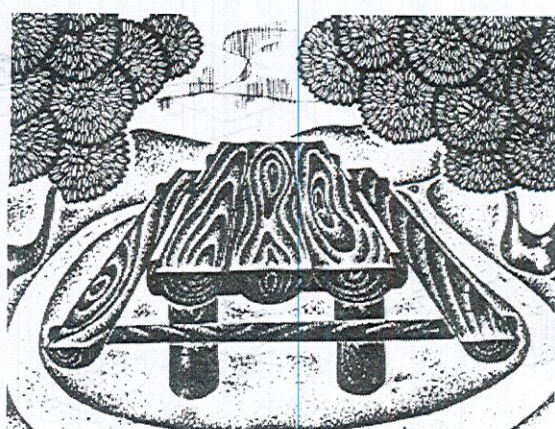
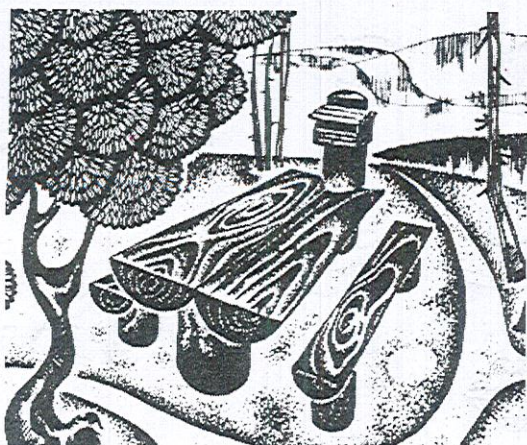
e)



f)

Hình 75: Các hình thức kiến trúc nhỏ.

a) Đèn giả bằng đá; b) Tăng đá cách điệu trong tư thế giữ cột; c) Cầu nhỏ; d) Cầu cong; e) Lối đi; f) Yếu tố trang trí trong không gian.

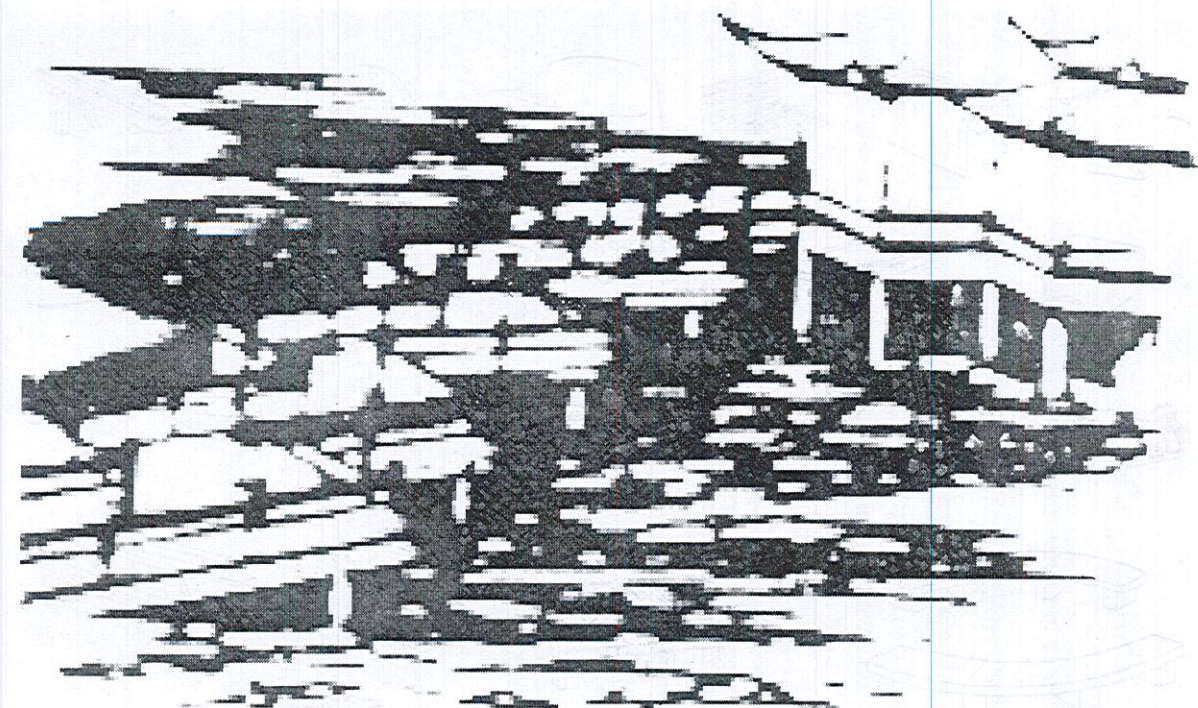


Hình 76: Các chi tiết hoàn thiện trong công viên rừng và vùng nghỉ ngơi - giải trí ngoại đô.

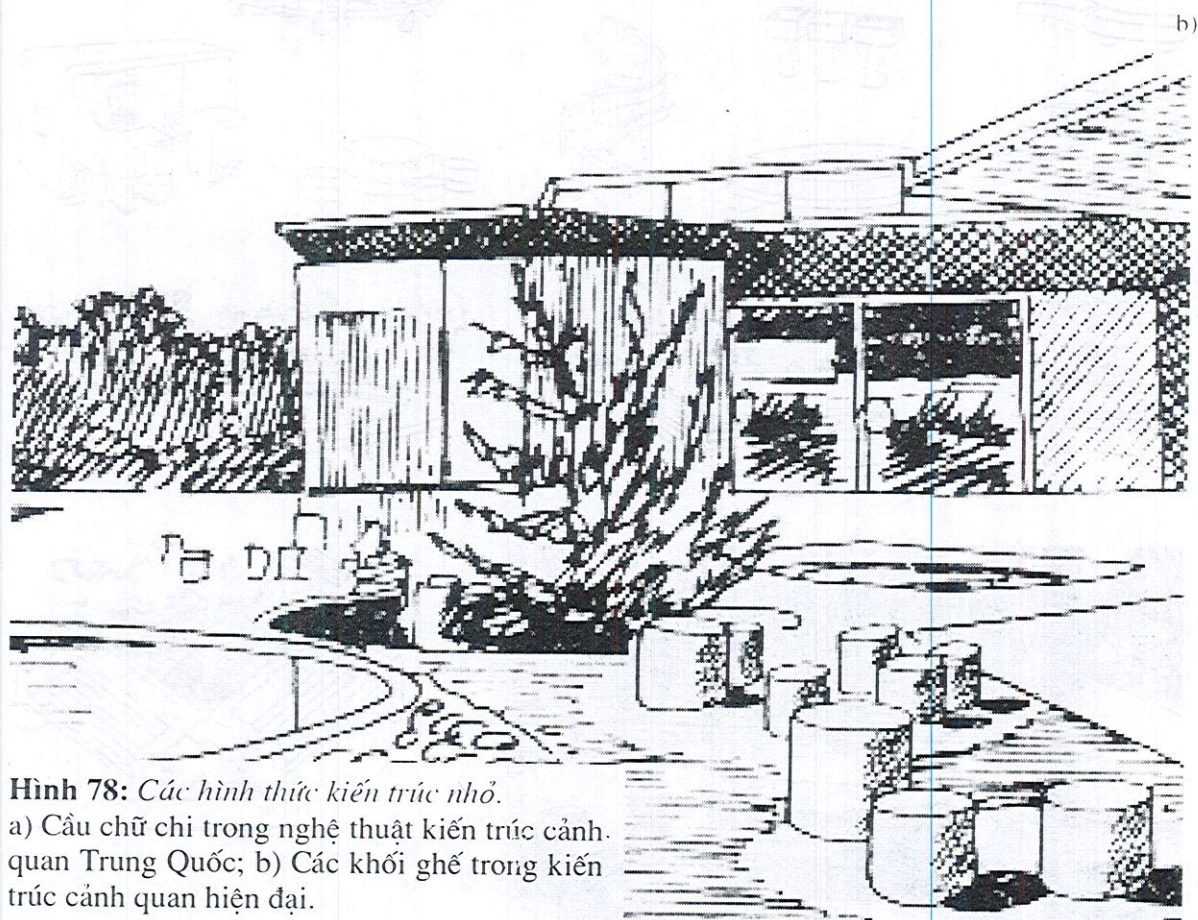
a), b) bàn ghế gỗ; c) các kiểu chuông chim; d) Mặt bằng sân nghỉ; đ) Kiểu ghế ôm gốc cây; e) Kiểu trại.



Hình 77: Các hình thức kiến trúc nhỏ.



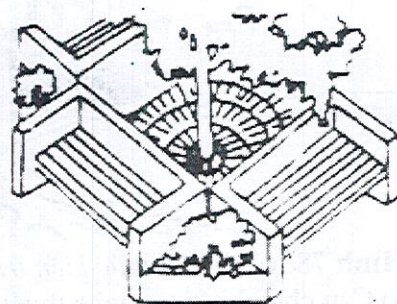
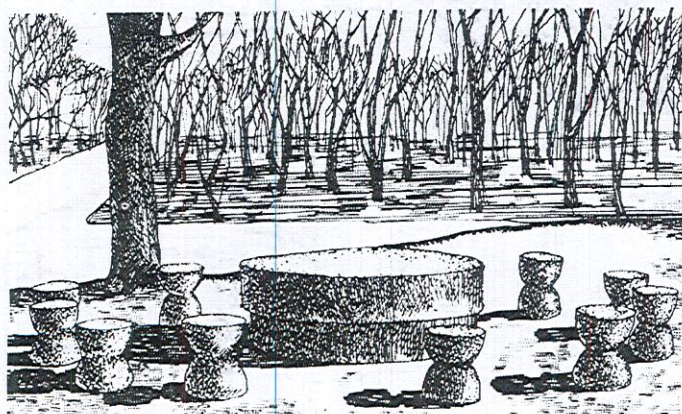
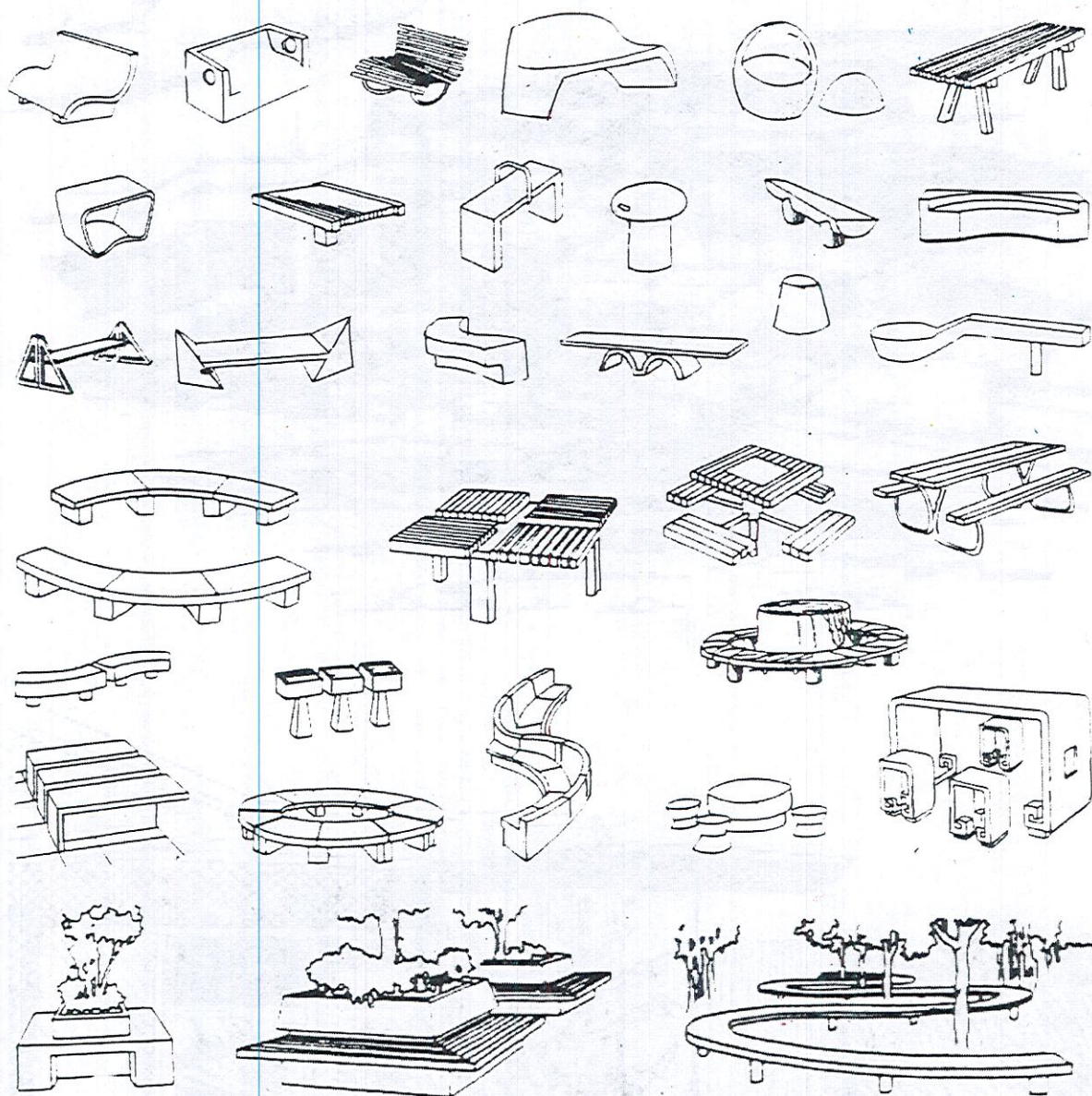
a)



b)

Hình 78: Các hình thức kiến trúc nhỏ.

a) Cầu chữ chi trong nghệ thuật kiến trúc cảnh quan Trung Quốc; b) Các khối ghế trong kiến trúc cảnh quan hiện đại.



Hình 79: Các kiểu ghế.

Để nhấn lối ra vào công trình xây dựng cũng có thể sử dụng giàn ở phía trước cửa. Giàn cũng có thể đứng độc lập, tổ hợp với nhà hay tường chắn hoặc liên kết nhà này với nhà khác để trang trí và liên kết không gian.

Kích thước của giàn có thể lấy chiều cao 2,5 - 3m, chiều rộng còn tùy thuộc vào lượng người sử dụng và ý đồ kiến trúc, có thể lấy 2 - 3m.

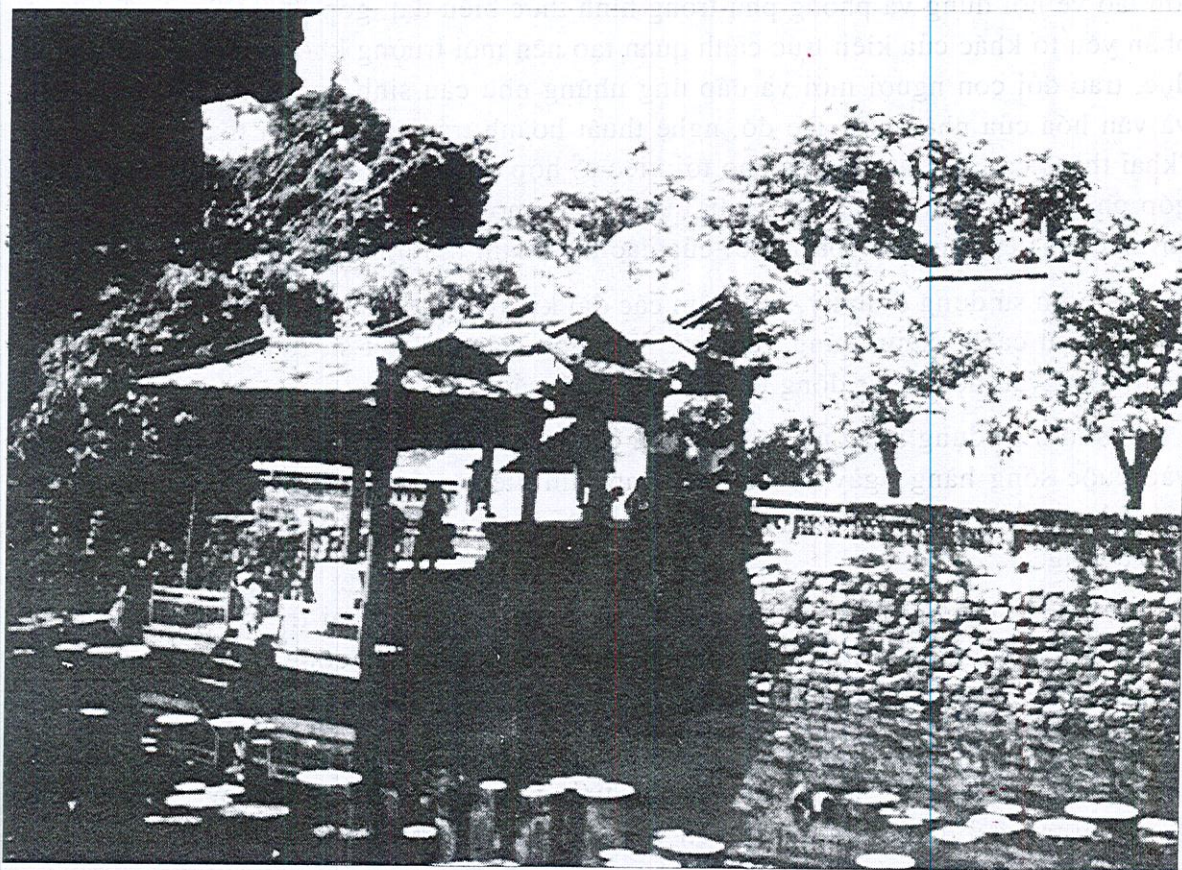
Việc tìm tòi dáng và vật liệu cho giàn rất phong phú và dễ mang lại hiệu quả trang trí cao và có sức truyền cảm nghệ thuật lớn. Ấn tượng nhẹ nhàng mềm mại có được trong khu sân trung tâm thương nghiệp Mamaits ở Rumani là nhờ giàn được cấu tạo bằng thép thanh mảnh.

Do đó tùy thuộc ý đồ kiến trúc, tính chất trang trí mà lựa chọn vật liệu giàn và cấu trúc giàn cho thích hợp. Vật liệu giàn có thể bằng gỗ, đá, thép hay bê tông cốt thép.

Chòi, là công trình xây dựng mà không có tường bao che, là nơi nghỉ ngơi yên tĩnh, đọc sách báo, chơi cờ, câu cá... Chòi thường được bố trí trong vườn, công viên, trong một số công trình văn hóa, trên các sân nghỉ, sân chơi trẻ em.

Do tính chất sử dụng tĩnh mà chòi chỉ chứa một số người nhất định, quy mô chòi thường 3,5 × 3,5m - 5m × 5m, cao từ 2,5m đến 3m.

Trong chòi thường được bố trí một số ghế và bàn chơi cờ.



Hình 80: Du Khiêm tạ đóng vai trò điểm xuyên đường bờ hồ Lưu Khiêm - vườn lăng Tự Đức

Chậu có ý nghĩa trang trí rất lớn trên các sân nghỉ, quảng trường, sân trung tâm công cộng, sân trước nhà và trong vườn - công viên.

Kiến trúc chậu rất phong phú và đa dạng, có thể hình vuông, hoặc chữ nhật, hay tròn, ... độ cao thông dụng 10 - 40cm.

Chậu thường được bố trí trực tiếp trên sân hoặc thảm cỏ, hay trên các bệ có độ cao thấp khác nhau. Giá trị nghệ thuật của chậu ở đây là kết hợp bố trí với cây cảnh, hoa nhằm góp phần làm không gian sinh động, phong phú. Ở đây, người xem thụ cảm cảnh ở khoảng cách gần, do đó chất liệu, màu sắc, hình dáng cũng như hoa văn của chậu rất quan trọng. Thông thường, ở ta chậu thường được trang trí bằng những bức tranh phong cảnh thiên nhiên hay các hình súc vật hoặc một sự tích cũ.

Trường hợp bố trí chậu trên các bệ thì không nên cao quá tầm mắt, chỉ nên bố trí thấp hơn tầm mắt một chút để người xem bao quát được toàn bộ chậu hoa hoặc chậu cảnh.

d. Các tác phẩm của nghệ thuật hoành tráng - trang trí

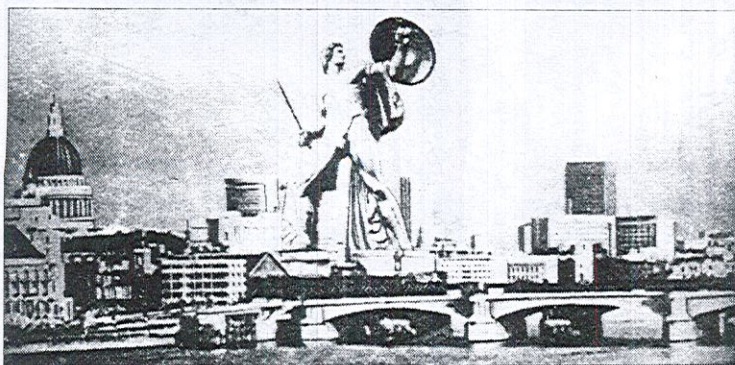
Nghệ thuật hoành tráng - trang trí chiếm một vị trí quan trọng trong cảnh quan. Ngày càng người ta càng nhận rõ, nghệ thuật hoành tráng - trang trí có sức khái quát lớn lao về nội dung và phong phú trong hình thức biểu đạt, góp phần cùng với các tổ phần yếu tố khác của kiến trúc cảnh quan tạo nên môi trường không gian có tính giáo dục, trau dồi con người mới và đáp ứng những nhu cầu sinh hoạt vật chất, tinh thần và văn hóa của nhân dân. Do đó, nghệ thuật hoành tráng - trang trí tham gia từ việc "khai thác" các bức tường nhà cho tới việc tổ hợp với không gian kiến trúc mà từ đó, góp phần hình thành quần thể cảnh quan trong môi trường. Có thể phân loại trên cơ sở mức độ tiếp xúc với con người của các tác phẩm tạo hình theo ba nhóm sau đây :

- Nhóm sử dụng định kỳ, bao gồm các đài kỷ niệm, các quần thể tưởng niệm phản ánh lịch sử cách mạng, dựng nước và giữ nước, các đài liệt sĩ, tượng đài những nhà hoạt động văn hóa, hoạt động cách mạng xuất sắc.

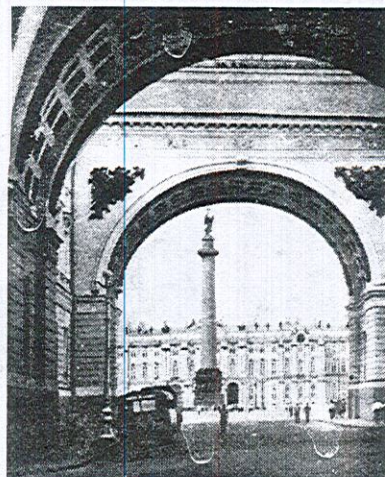
- Nhóm sử dụng hàng ngày, bao gồm các tác phẩm nghệ thuật trang trí thâm nhập vào cuộc sống hàng ngày trong quá trình làm việc, nghỉ ngơi, học tập, chữa bệnh, giáo dục thiếu nhi (như panô, biển quảng cáo, phù điêu, tượng trang trí trên sân, góc đường...).

- Nhóm sử dụng đột xuất, bao gồm các panô, áp phích bài trí trong những ngày lễ tết, trên các đường phố, quảng trường, sân ở các công trình công cộng với mục đích cổ động, thông tin nhanh, ngắn ngày.

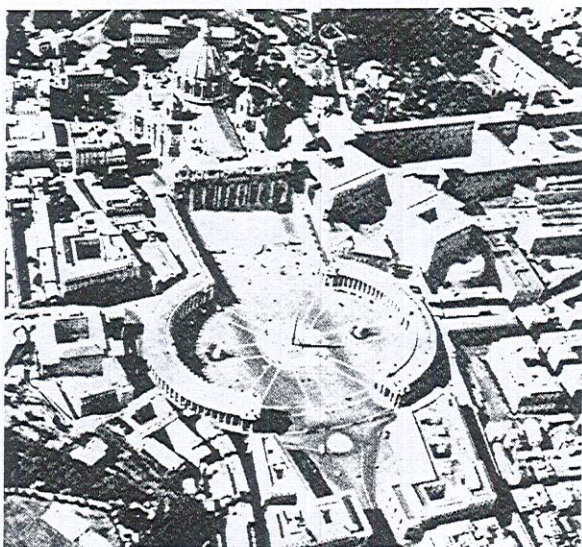
Phù hợp với vai trò ảnh hưởng của từng nhóm, vị trí của nhóm sử dụng định kỳ thường là khu đất biệt lập như quần thể tưởng niệm trên đồi Mamaev ở Stalingrat, đóng vai trò chủ đạo trong cảnh quan và dáng dấp của thành phố ; hay làm trung tâm bố cục trên đường phố, quảng trường hoặc trong các trung tâm công cộng như tượng Thánh Gióng ở thành phố Hồ Chí Minh (hình 81a, b, c, d, đ, e, g, h).



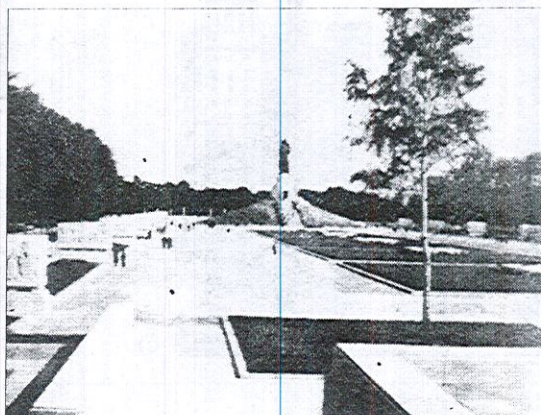
a)



b)



c)



d)



d)



e)

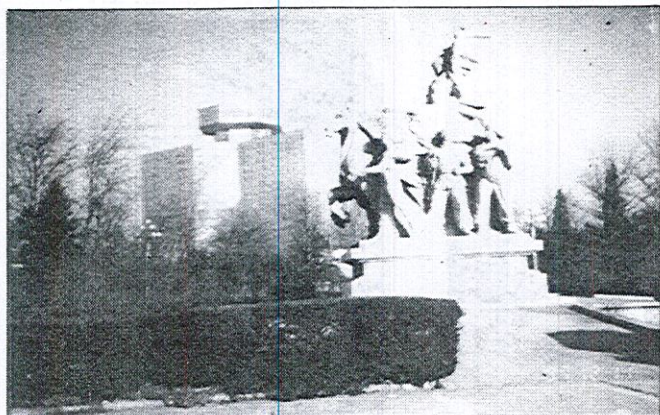
Hình 81a: Tượng đài trong không gian của kiến trúc cảnh quan.

a) Một trong những ví dụ về sự tổ hợp không thành công giữa điêu khắc với không gian (Theo Teo Croxbi) - thành phố Photomontag; b) Tượng đài của một trong những quảng trường trung tâm lịch sử thành phố Xanh-Peterbur; c) Tượng đài là bố cục trung tâm của quảng trường La Mã; d) Tượng đài tưởng niệm các chiến sĩ Xô Viết hy sinh trong trận chiến Berlin - Công viên tưởng niệm Treptov, Cộng hoà Liên bang Đức; đ) Đài kỷ niệm "Moxcva - thành phố anh hùng" có vị trí ở bên đường phố chính; e) Tượng đài Pitra I (1768-1782) là một tổ hợp hoà nghĩa giữa tượng và hệ - Thành phố Xanh-Peterbur.

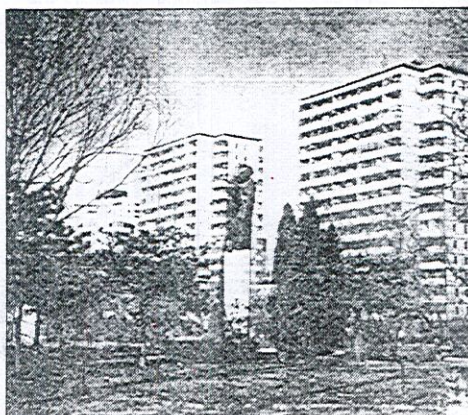


THƯ VIỆN
HUBT

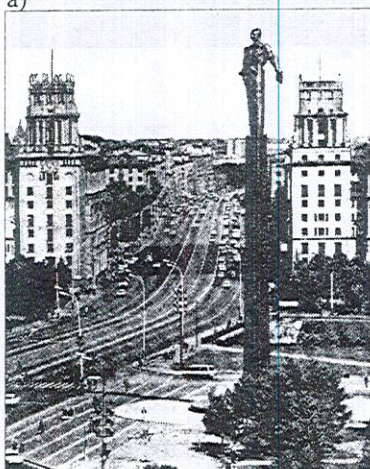
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



a)



b)



c)

d)



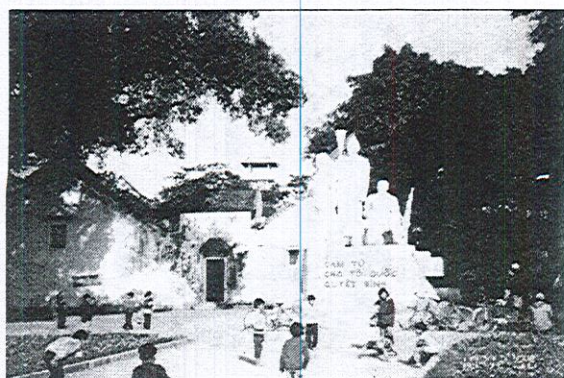
đ)



e)

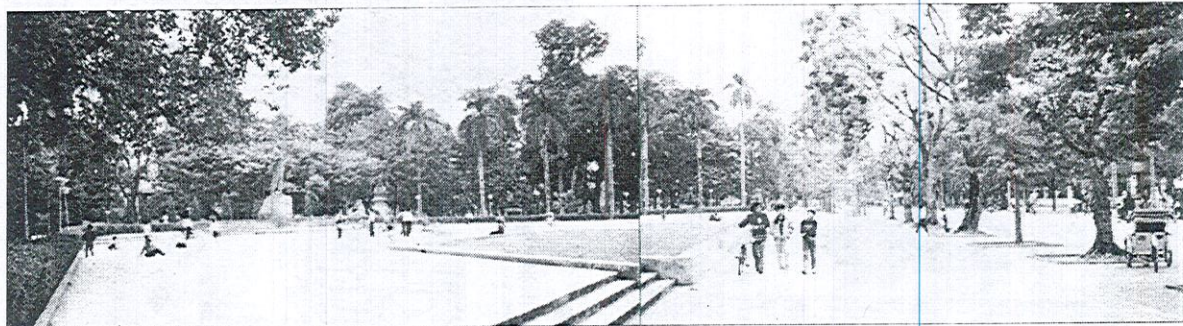
Hình 81b: Tượng đài trong không gian của kiến trúc cảnh quan.

a) Cụm tượng đài “Canh Nông” trước nhà Triển lãm Nông nghiệp, quận Triều Dương, thành phố Bắc Kinh; b) Tượng đài “Lao động” nằm trên dải cây xanh giữa hào nước và đường vành đai 2, quận Hải Điền, thành phố Bắc Kinh; c) Tượng đài Yuriu Gagarin bên đường phố Gagarin - Một trong những đường phố chính thành phố Moxcva có nhiều người qua lại; d) Tượng đài Ph. E. Djerdinxki được quy hoạch giữa quảng trường giao thông Djerdinxki - thành phố Moxcva; đ) Tượng đài Dj. Washington trên trục phố chính của thành phố Philadelphia; e) Tượng đài Reska xây dựng năm 1941-1950. Tác giả Bkafka, vị trí : trên trục chính trước làng Reska thuộc khu Karlín, thành phố Praha, Cộng hòa Séc.



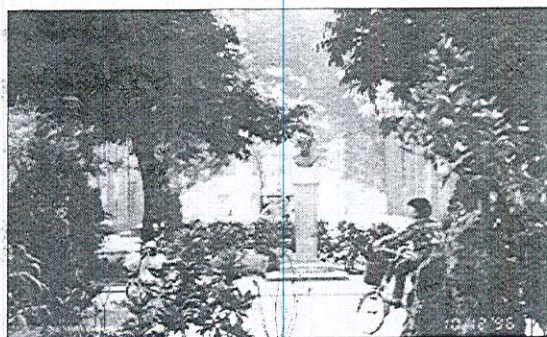
a)

b)



c)

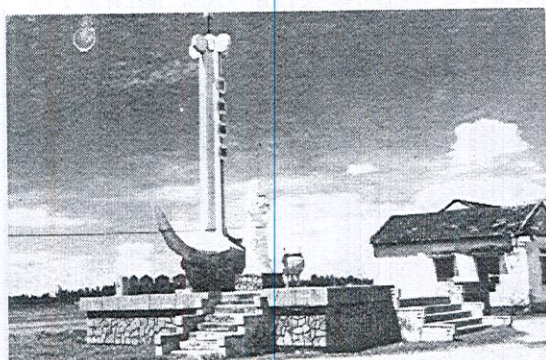
d)



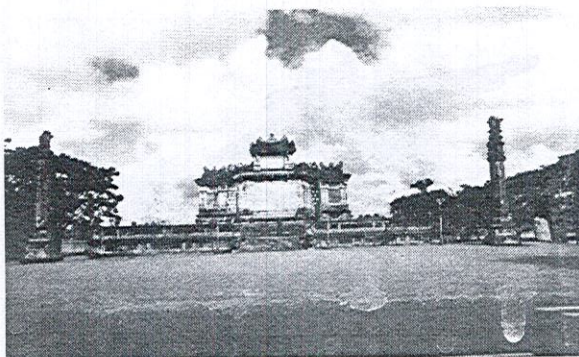
d)

Hình 81c: Tượng đài trong không gian của kiến trúc cảnh quan.

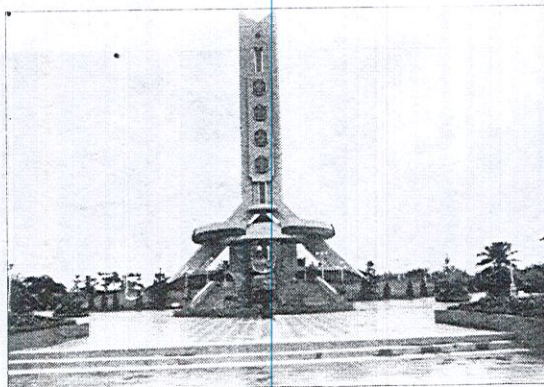
a) Tượng Bà mẹ Dũng sĩ nằm trên đài phân cách và ngã tư đường Điện Biên Phủ - Trần Cao Vân, thành phố Đà Nẵng. Vị trí không chế không gian ngã tư; Song hướng chính lại không trùng với tuyến đường có nhiều người qua lại là Điện Biên Phủ; b) Tượng đài “Cầm tử cho Tổ quốc quyết sinh” nằm bên đền Bà Kiệu - Hà Nội, đón trục đường Đinh Tiên Hoàng có nhiều người qua lại; c) Tượng đài Lê Nin bên đường Điện Biên Phủ - Một trong những đường phố chính thành phố Hà Nội có nhiều người qua lại; d) Tượng đài “Phú Lợi cầm thù” được quy hoạch trong trung tâm bố cục vườn nhà tù Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một; Bệ là mặt đất, biểu trưng khối tượng từ cõi âm vươn dậy - Tác giả phân kiến trúc: PTS. KTS. Hàn Tấn Ngạn; đ) Tượng Pasteur nằm trên trục bố cục dọc của vườn hoa Pasteur.



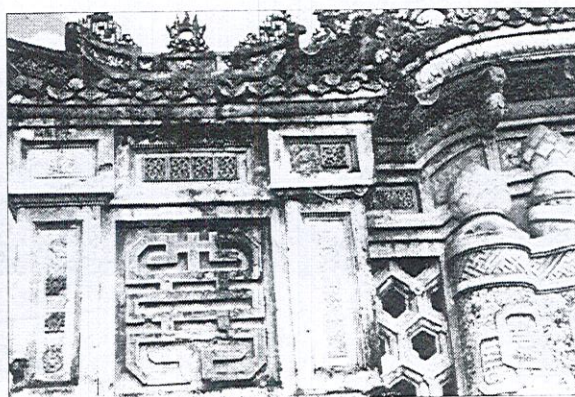
a)



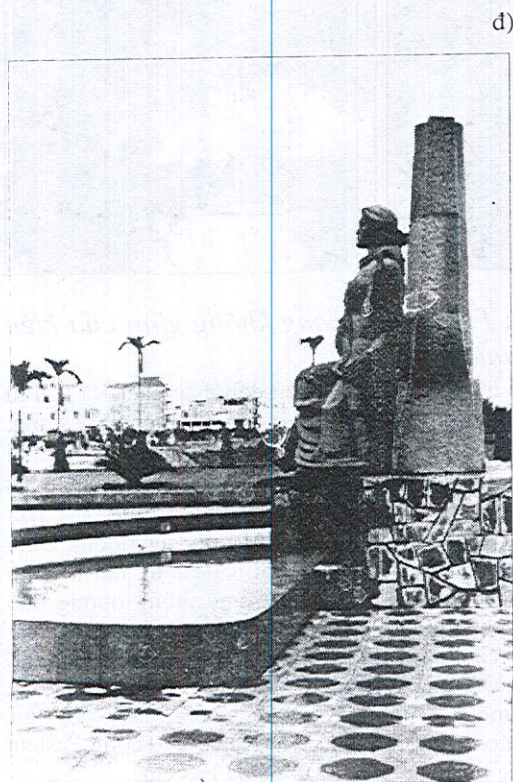
b)



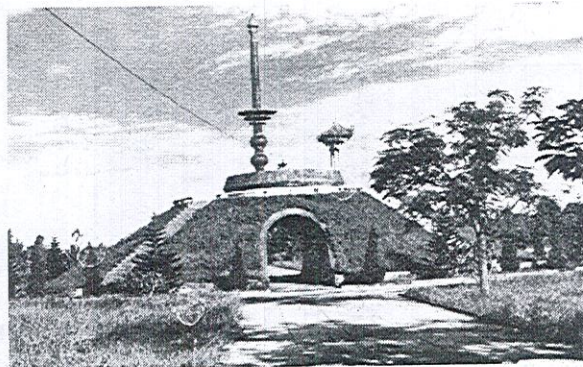
c)



d)



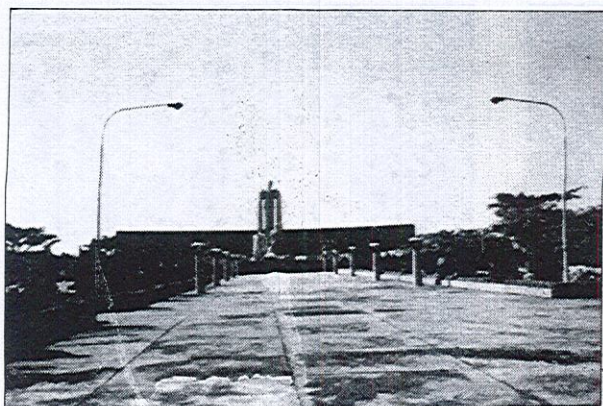
d)



e)

Hình 81d: *Tượng đài trong không gian của kiến trúc cảnh quan.*

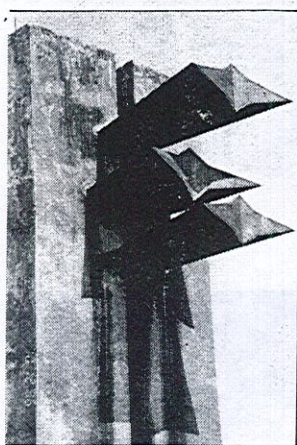
a) Đài liệt sĩ ở xã Phú Tân, huyện Phú Vang, thành phố Huế, nằm trên đường Thuận An (sau đổi là Nguyễn Sinh Cung); b) Đài Chiến sĩ trận vong. Đài được chọn vị trí trên bờ sông Hương, cạnh phố Lê Lợi và trước cổng Trường Quốc học Huế; c) Đài tưởng niệm Đà Nẵng nằm vuông góc với đường 2/9, trước quảng trường 2/9. Phía sau là sông Hàn. Hướng đài nhìn về phía N - TN; d) Chi tiết trang trí mặt đài chiến sĩ trận vong theo mô típ kiến trúc Nguyễn; đ) Nhóm tượng trước đài tưởng niệm Đà Nẵng; e) Đài tưởng niệm thành cổ Quảng Trị.



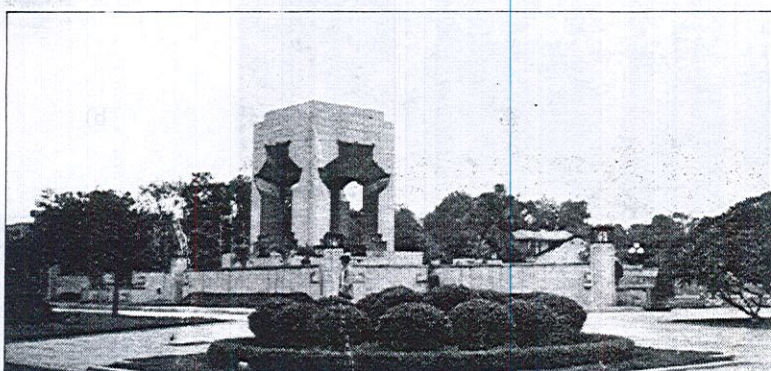
a)



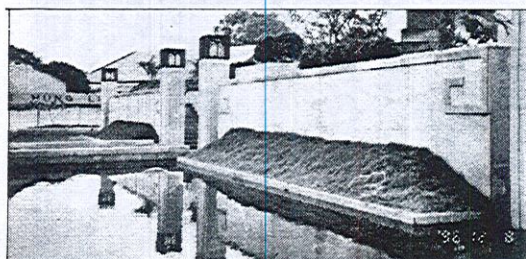
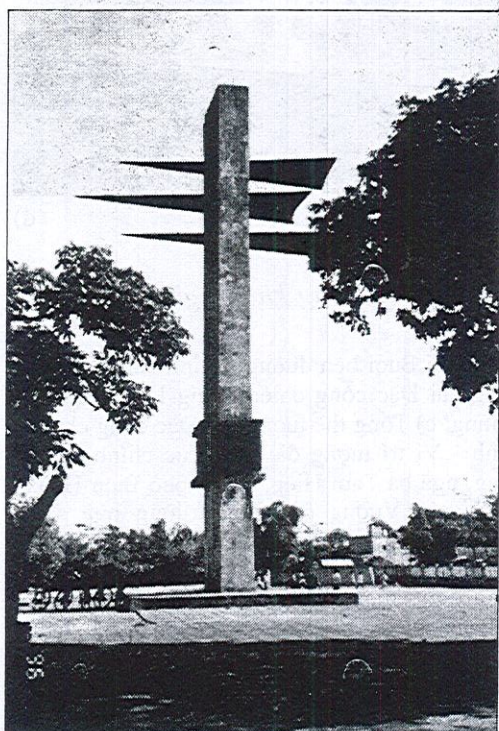
b)



c)



d)



d)

c)

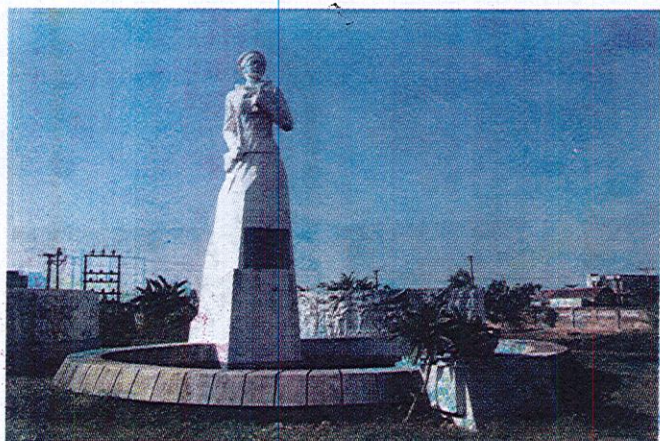
Hình 81d: Tượng đài trong không gian của kiến trúc cảnh quan.

a) Tượng đài “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” trong nghĩa trang liệt sĩ thành phố Hồ Chí Minh, bên xa lộ Hà Nội - Hướng chính tượng đài quay về phía B-TB. Buổi sáng và chiều ánh sáng mặt trời đều bị trượt bên mặt cạnh, do đó không nhìn rõ hình hài cũng như chi tiết tượng; b) Chi tiết quần thể tượng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; c) Chi tiết đài chiến thắng Ngọc Hồi, Hà Nội; d) Đài tưởng niệm liệt sĩ vô danh trên đường Bắc Sơn, Hà Nội. Vị trí đầu đường Bắc Sơn, ngã ba giao giữa đường Bắc Sơn với đường Hoàng Diệu; e) Đài chiến thắng Ngọc Hồi nằm chìm sâu bên quốc lộ 1A nên không tiếp cận thường xuyên với người đi lại trên tuyến đường này; e) Chi tiết bệ và bề nước xung quanh đài liệt sĩ vô danh.



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



a)



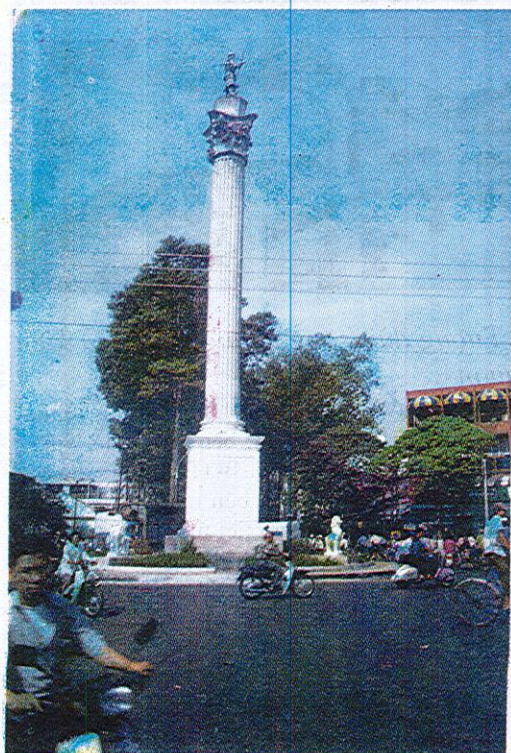
b)



c)



d)



d)

Hình 81e: Tượng đài trong không gian của kiến trúc cảnh quan.

a) Tượng đài Mạc thị Bưởi bên đường 5, tỉnh Hải Dương;
b) Chi tiết tượng đài Đặc công chiến thắng Long Bình - chất liệu gốm nung;
c) Tổng thể tượng đài Đặc công chiến thắng Long Bình - Vị trí tượng đài trên trục chính công viên Chiến thắng, ngã ba Tam Hiệp, thành phố Biên Hoà;
d) Tượng An Dương Vương ở quảng trường ngã sáu đường Ngô Gia Tự, Nguyễn Tri Phương, thành phố Hồ Chí Minh. Không gian bao quanh quá hẹp không tương ứng với quy mô tượng; đ) Tượng Trần Hưng Đạo nằm trên bến Bạch Đằng, bên sông Sài Gòn. Chất liệu không hài hoà, tượng BTCT giả đồng, bề mặt đá rửa. Các mảng phù điêu được khắc chưa rõ nét, sơ sài do đó khó đọc được nội dung.



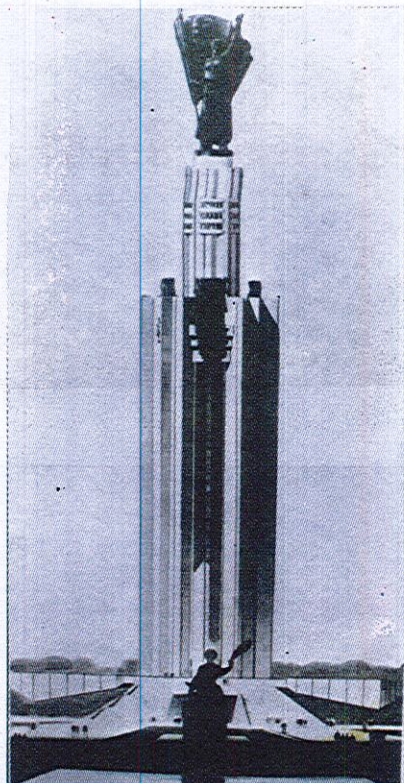
a)



c)



d)



b)



đ)

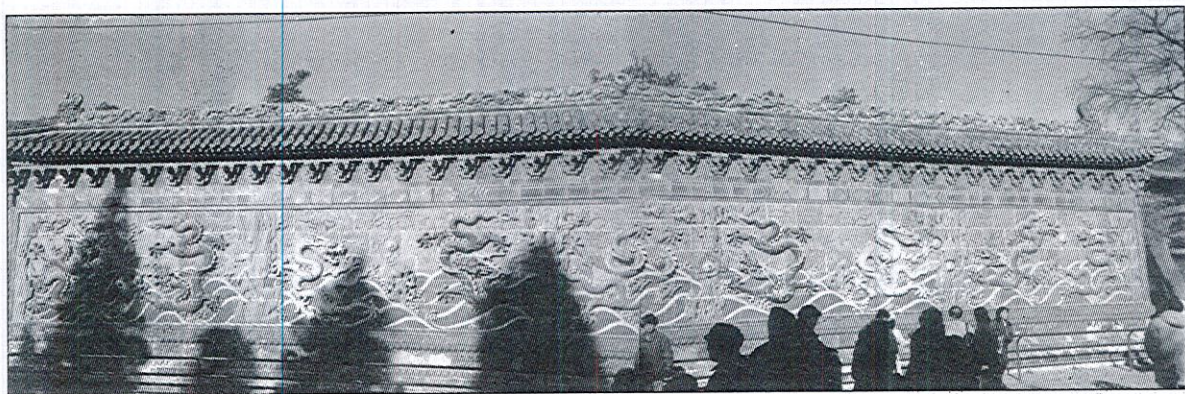
Hình 81g: Tượng đài chiến thắng và biểu tượng trong không gian của kiến trúc cảnh quan.

a) Đài tưởng niệm Anh hùng nhân dân có vị trí trung tâm trên quảng trường Thiên An môn, trên trục "Thần đạo" của Cố Cung; được xây dựng năm 1948 với khối kiến trúc vươn cao và được kết thúc bằng đường nét mái cổ truyền;
b) Tượng đài Chiến thắng trên đồi Poclona ở Moxcva (phương án thiết kế năm 1979); c) Biểu tượng thành phố Bắc Hải nằm trên quảng trường vịnh Bắc Bộ, trung tâm thành phố, xây dựng năm 1989; d) Đài tưởng niệm anh hùng Thượng Hải bên bờ sông Hoàng Phố và đại lộ Trung Sơn Đông Nhất; đ) Đài tưởng niệm liệt sĩ Bắc Hải nằm trong công viên Trường Xanh ở bên phố Trường Xanh - thành phố Bắc Hải.

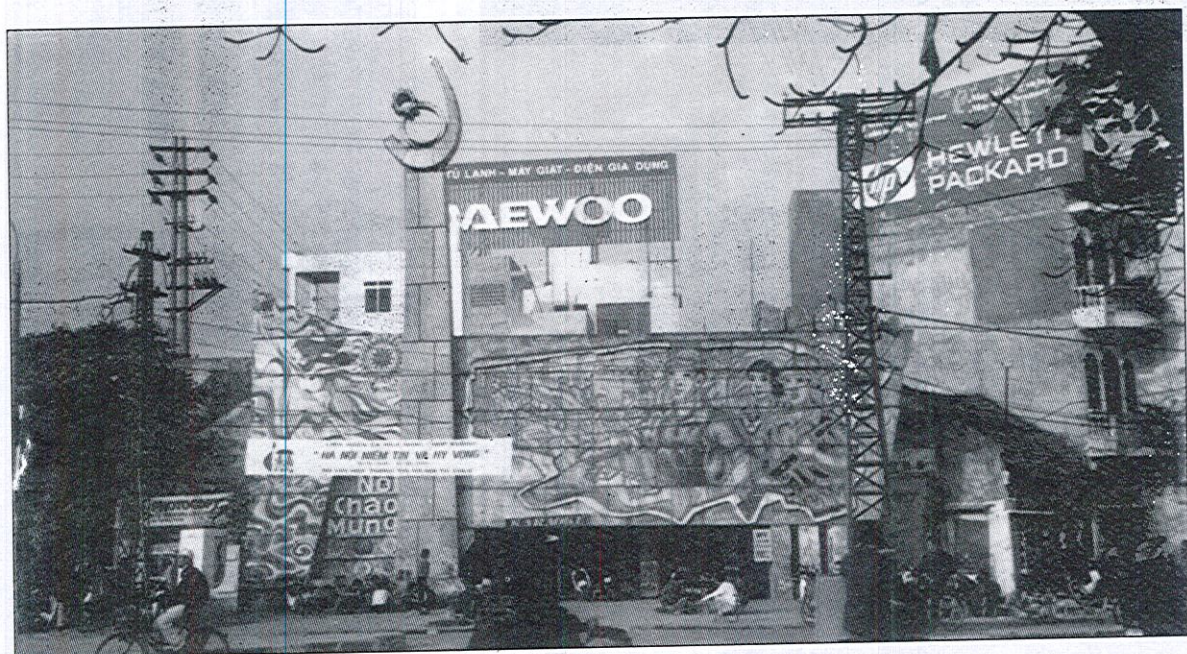


THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



a)



b)



Hình 81h: Tranh và phù điêu khắc hoành tráng trong không gian của kiến trúc cảnh quan.

a) Tranh “Cửu rồng” trong công viên Bắc Hải thành phố Bắc Kinh là một trong những điểm nhấn bố cục trong công viên; b) Tranh “Quân dân Hà Nội xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” nằm ở góc ngã tư Ở Chợ Dừa Hà Nội đã không biểu đạt được nội dung tới người xem do nằm trong không gian giao thông cơ giới nên không đủ thời gian để đọc tranh; c) Phù điêu hoành tráng là một bộ phận quan trọng làm rõ nghĩa cho tượng đài - Trích đoạn phù điêu dân tiếp tế lương thực cho quân lính Quang Trung trong quần thể tượng đài Quang Trung.

Trường hợp các tác phẩm của nghệ thuật hoành tráng được tổ hợp với kiến trúc công trình thì chúng thường đóng vai trò chuyển tiếp nội dung tư tưởng của công trình ra không gian bên ngoài. Ở đây quy mô tượng nhỏ, là yếu tố phụ của quần thể kiến trúc.

Nhóm sử dụng hàng ngày thường là các pho tượng nhỏ, panô, tường trang trí... để bố cục thành các góc không gian nhỏ, ấm cúng trong các vườn - công viên, sân ; trang trí trong các công trình công cộng, nhà ở; ở những chỗ rẽ của con đường, có tác dụng khép kín phối cảnh hay chuyển tiếp không gian (hình 82 a, b).

Các tác phẩm hoành tráng - trang trí ở nhóm sử dụng đột xuất thường là những panô cổ động, tuyên truyền dùng để trang trí, giáo dục trong ngày lễ, tết nên hay được bố trí ở nơi người hay qua lại (như trên các đường phố, quảng trường, các trụ sở làm việc, các trung tâm dịch vụ công cộng).

Để phát huy được vai trò giáo dục và thẩm mỹ to lớn của nghệ thuật hoành tráng - trang trí trong cảnh quan, khi xác định địa điểm xây dựng cần phải tuân theo những nguyên tắc cơ bản sau đây :

- Tượng hoành tráng là một tác phẩm nghệ thuật điêu khắc có hình khối, khác với hội họa hoành tráng và phù điêu, phải có không gian rộng để thụ cảm. Vì vậy tượng đài, các quần thể tưởng niệm phải được bố trí ở các quảng trường trung tâm, nơi tụ họp đông người, ở vườn - công viên mới bảo đảm bao quát được mọi phía và pho tượng mới được thụ cảm rõ nhất.

Nội dung và giá trị tư tưởng của tượng đài và biểu tượng chủ yếu thể hiện ở đường bao. Chi tiết bên trong đường bao của tượng đài và biểu tượng chỉ là phụ họa cho giá trị tư tưởng và nội dung mà đường bao của nó đã thể hiện. Do đó có thể quan sát tượng đài và biểu tượng ở bất kỳ tốc độ giao thông. Điều này minh chứng cho kinh nghiệm của thế giới có nhiều tượng đặt ở ngã ba, ngã tư hay bên lề đường.

- Các sự kiện lịch sử, cần phải được xác định chuẩn xác vị trí, nơi xảy ra sự kiện ấy trong mặt bằng thành phố để xây dựng biểu tượng (đài tưởng niệm).

- Tượng đài danh nhân, về cơ bản cần chọn vị trí gần nhiều sự kiện và là sự kiện quan trọng với nhân vật anh hùng.

- Mục tiêu cơ bản của việc xây dựng tượng đài và biểu tượng là giáo dục tinh thần đấu tranh bất khuất hay sự lao động cần cù, sáng tạo ; những cống hiến to lớn cho sự nghiệp khoa học kỹ thuật hay văn học - nghệ thuật... Do đó vị trí xây dựng tượng đài và biểu tượng phải là nơi thường xuyên tiếp xúc với nhân dân. Có thể, hiệu quả giáo dục mới cao và có tính phổ cập.

- Việc xác định quy mô xây dựng (độ cao, rộng, tính quần thể của tượng đài và biểu tượng) còn tùy thuộc vào tầm cỡ và ý nghĩa của sự kiện lịch sử và nhân vật. Từ đó để có kiến nghị về không gian và quy mô hình khối kiến trúc công trình bao không gian.



a)



b)



c)



d)



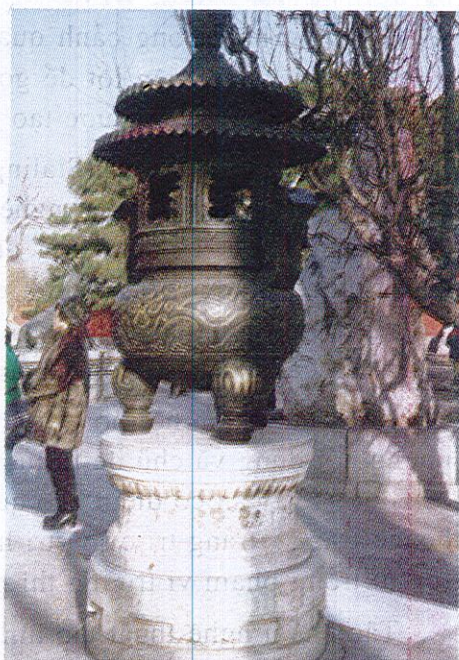
d)

Hình 82a: Điều khắc trang trí trong không gian của kiến trúc cảnh quan.

a) Rộng bậc thang và hoa tiết điêu khắc trang trí trên trụ cổng Lăng Khải Định - thành phố Huế ; b) Rộng trang trí quanh khối kiến trúc trong vườn hoa "Con cóc" Hà Nội; c) Tượng châu hai bên sân châu trong Lăng Khải Định; d) Chi tiết rộng trong vườn hoa "Con Cóc" Hà Nội; d) Cột bê và bể nước trong bố cục vườn chim của khu giải trí hồ Kỳ Hoà, thành phố Hồ Chí Minh.



a)



b)



c)



d)



d)

Hình 82b: Điều khắc trang trí trong không gian của kiến trúc cảnh quan.

a) “Tiền sảnh” của Ngự viên, Bắc Kinh - sư tử bằng đồng được phối kết với non bộ làm điểm nhấn và trang trí trong sân; b) Đinh đồng với các họa tiết trang trí phức tạp là một trong những thành phần trang trí không thể thiếu trong bố cục biểu hiện quyền lực và tạo nên sự trang nghiêm trong khu Cố Cung - Bắc Kinh; c) “Bọ ngựa” - một trong những tác phẩm điêu khắc trang trí trong khu du lịch Suối Tiên - thành phố Hồ Chí Minh; d) “Tiểu phẩm cá hoá rồng” trong khu du lịch Suối Tiên - thành phố Hồ Chí Minh; đ) Điều khắc trang trí “Vân mây hoá long” trên thềm rồng của khu diện Lam Kinh, Thanh Hoá - một trong những yếu tố điêu khắc không thể thiếu được trong bố cục kiến trúc cảnh quan cung đình.

- Trường hợp trong cảnh quan đô thị có núi đồi thì chính những hình dạng địa hình đó sẽ là điều kiện tốt để gợi ý bố cục quần thể tưởng niệm. Thiên nhiên, kiến trúc và tượng đài phải được tạo thành một khối thống nhất.

Địa hình đồi Mamaev (Stalingrat) là điều kiện để gợi ý cho việc bố cục quần thể tưởng niệm có sức biểu đạt nghệ thuật và tính tư tưởng cao. Chủ đề chính của quần thể tưởng niệm : "Tổ quốc gọi" được tượng trưng bằng pho tượng : "Bà mẹ - Tổ quốc" - Pho tượng có vị trí trên đỉnh đồi, nổi cao nhất. Dẫn lên đỉnh đồi, dọc hai bên là những khóm tượng có tính chất tượng trưng, mô tả diễn biến của cuộc chiến đấu anh dũng của các chiến sĩ Hồng quân Liên Xô để phòng thủ và giải phóng thành phố.

Các tác phẩm hội họa và phù điêu của nghệ thuật hoành tráng - trang trí đều có những nội dung và chủ đề tư tưởng nhất định. Do đó đòi hỏi phải có nhiều thời gian để "đọc" ; và cần có điểm bao quát được thuận lợi nhất. Vì vậy, tác phẩm nghệ thuật hoành tráng - trang trí có vị trí hợp lý là trong các vùng đi bộ với khoảng cách nhìn tối ưu trong phạm vi trường thị giác (góc hình nón 28°).

Tác phẩm nghệ thuật tạo hình hoành tráng là một loại hình điêu khắc - kiến trúc mang tính tư tưởng sâu sắc và vì thế có ý nghĩa giáo dục (khác với tạo hình trang trí). Đó là chức năng chủ yếu của tạo hình hoành tráng.

Tác phẩm hoành tráng bao gồm : Tượng đài, biểu tượng (đài tưởng niệm) và phù điêu - tranh hoành tráng.

Trong đó tượng đài và biểu tượng (đài tưởng niệm) là một công trình vĩnh cửu, đi vào tâm trí của con người từ thế hệ này sang thế hệ khác. Do đó đòi hỏi việc lựa chọn danh nhân và sự kiện lịch sử phải có những giá trị tư tưởng trường tồn, tiêu biểu. Tượng đài không chỉ dành cho các danh nhân mà còn có thể là tập thể người (vô danh) đại diện cho một cộng đồng người làm nên một sự kiện lịch sử nào đó. Còn danh nhân, bao gồm : danh nhân anh hùng dân tộc và danh nhân văn hóa. Song nhìn chung, trên cơ sở sử học kiến trúc sư cần xác định :

1. Danh nhân anh hùng dân tộc
2. Danh nhân văn hóa
3. Sự kiện lịch sử

Với các tiêu chí xác định như sau :

Danh nhân anh hùng là những người có công đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ tổ quốc, lập và xây dựng đất nước ; Ngoài giá trị này có thể một danh nhân còn có những giá trị khác (danh nhân văn hóa), song đây là giá trị chủ yếu cần được chọn để liệt vào danh nhân anh hùng. Danh nhân anh hùng có nhiều, từ người làm vua đến người lính, từ nhà yêu nước đến người dân. Do đó cần chọn nhân vật tiêu biểu; gắn bó với Hà Nội, như An Dương Vương, Lý Thái Tổ, Lê Thái Tổ, Lý Thường Kiệt...

Danh nhân văn hóa là những nhân tài, có những cống hiến lớn lao cho sự nghiệp khoa học - kỹ thuật, văn học - nghệ thuật như thầy giáo Chu Văn An, nhà y học nổi

tiếng Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, nhà sử học Ngô Sĩ Liên, Phan Huy Chú, nhà thơ Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Xuân Diệu.

Sự kiện lịch sử là những chiến công hiển hách chống giặc ngoại xâm, hay các mốc thời gian đánh dấu giai đoạn (thời kỳ) phát triển của đất nước... như chiến thắng Đống Đa, cách mạng Tháng Tám 1945, ngày giải phóng Thủ đô 10/10/1954, trận Điện Biên Phủ trên không năm 1972...

Quy hoạch hệ thống tượng đài, mà thực chất là hệ thống không gian tượng đài và đài tưởng niệm (biểu tượng) là một việc cần làm, cùng với quy hoạch không gian đô thị để định hình sẵn nội dung, ý nghĩa cũng như các điểm nhấn mạnh của không gian. Đó là không gian thẩm mỹ, không gian giáo dục và không gian tổ chức các hoạt động lễ hội và nghỉ ngơi - giải trí.

Vì vậy, việc có sẵn không gian để rồi đi tìm loại hình, quy mô và tính chất của tượng đài cho thích hợp là một việc làm gượng ép mà thực tế đã chứng minh nhiều trường hợp không thành công. Do đó quan niệm cho là quy hoạch không gian sẽ phải đi trước hoàn toàn không đúng, mà cần có sự kế thừa của quy hoạch hệ thống tượng đài.

Xu hướng chung : quy hoạch hệ thống không gian tượng đài - một bộ phận của quy hoạch hệ thống kiến trúc cảnh quan - là tiền đề cho việc quy hoạch không gian đô thị.

Phụ lục 1

PHƯƠNG PHÁP, TRÌNH TỰ VÀ NỘI DUNG THIẾT KẾ ĐỒ ÁN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

I. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ

1. Thiết kế theo phương pháp trình tự (thông thường)

Việc thiết kế theo trình tự, nghĩa là lần lượt tiến hành những công việc sau đây :

1. Nghiên cứu nhiệm vụ thiết kế
2. Tìm hiểu quy hoạch chung điểm dân cư có khu đất thiết kế
3. Thực địa khu đất, điều tra khảo sát và sưu tầm tài liệu
4. Thiết kế
 - a. Thiết kế sơ bộ
 - b. Thiết kế kỹ thuật
 - c. Thiết kế thi công
5. Xét duyệt và hoàn thiện hồ sơ

2. Thiết kế theo phương pháp mô hình

Trong thiết kế kiến trúc phương pháp mô hình đã được thí nghiệm và áp dụng ở những nước tiên tiến trên thế giới vào những năm gần đây.

Thực chất của phương pháp này là :

1. Chuẩn bị mẫu cây (cây thân gỗ và cây bụi) đặc biệt có tỷ lệ gần như thật và với màu sắc tương ứng theo mùa trong một năm, nền, mặt nước, nhà ...
2. Các mẫu cây được đặt trên mô hình khu đất, khắc nổi theo phác thảo của tác giả.
3. Bề mặt mô hình khu đất được phủ 1 lớp hóa học sao cho mẫu cây bám chặt để khi di chuyển chúng vẫn theo kích thước cần thiết.

Trong quá trình bố trí trên mô hình, tất cả các yếu tố của cảnh quan được sắp xếp một cách tiện lợi và tìm được dễ dàng giải pháp bố cục hợp lý đã vạch ra trong bản phác thảo.

4. Khi mô hình làm xong đem chụp ảnh toàn bộ và từng phần của mô hình. Sau đó phim sẽ được rửa với những tỷ lệ cần thiết

Ưu điểm của phương pháp này là :

1. Không phải vẽ mất nhiều công sức.
2. Có tính kinh tế cao, vì phương pháp mô hình cho phép làm nhanh và có hiệu quả nghệ thuật (do tác giả có thể kiểm tra dễ dàng đề xuất bố cục của mình bằng một vài phương án).

II. TRÌNH TỰ VÀ NỘI DUNG THIẾT KẾ

1. Trình tự thiết kế

Thông thường khi thiết kế một công trình kiến trúc cảnh quan cần tiến hành lần lượt các công việc như sau :

1. Nhận nhiệm vụ
2. Lập các bước thiết kế và các tài liệu ban đầu làm cơ sở cho việc thiết kế.
3. Thiết kế
4. Xét duyệt và hoàn chỉnh hồ sơ.

2. Nội dung thiết kế

1. Nhận nhiệm vụ

Cơ quan thiết kế giao nhiệm vụ cho chủ nhiệm đồ án.

Sau khi nhận nhiệm vụ thiết kế, chủ nhiệm đồ án tiến hành nghiên cứu nhiệm vụ thiết kế.

Trường hợp chưa có nhiệm vụ thiết kế do cơ quan đặt hàng đưa, thì chủ nhiệm đồ án công trình thảo ra (thông thường, phần lớn nhiệm vụ thiết kế là do chủ nhiệm đồ án lập) với sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan kiểm tra vệ sinh, kiến trúc sư trưởng thành phố và quận cũng như các cơ quan có liên quan. Đối với công viên thiếu nhi và khu đất cảnh quan trường học thì phối hợp với cơ quan giáo dục và đoàn thanh niên; đối với vườn nhà trẻ, mẫu giáo phối hợp với ủy ban bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh; đối với cảnh quan khu thể thao phối hợp với cơ quan thể dục thể thao, đối với công viên văn hóa và nghỉ ngơi phối hợp với các cơ quan văn hóa và thông tin, cơ quan giáo dục, Ủy ban nhân dân và Ủy ban bảo vệ sức khỏe. Ở những đô thị lớn thì tùy mức độ công trình thiết kế ở cấp nào mà phối hợp với cơ quan cấp đó.

Nhiệm vụ thiết kế thảo ra phải đem thông qua các cấp có thẩm quyền. Hiệu quả của việc thảo ra nhiệm vụ thiết kế phần lớn phụ thuộc vào chất lượng của giải pháp thiết kế. Mặt khác, nhiệm vụ của mỗi loại cảnh quan khác nhau là do ý nghĩa và quy mô của nó. Sau đây là nội dung tóm tắt:

2. Nội dung nhiệm vụ thiết kế của các loại cảnh quan

Công viên văn hóa và nghỉ ngơi, công viên thể thao, công viên rừng, công viên thiếu nhi, vườn, công viên ở các nhà an dưỡng và nhà nghỉ.

- Vị trí và giới hạn khu đất, đặc tính của nó và các công trình xây dựng xung quanh.
- Nội dung công tác văn hóa - giáo dục cần có.
- Tính toán số lượt người đến xem.
- Danh mục, số lượng, mật độ và đặc tính của một vài công trình và sân diễn hình.
- Nguyên tắc quy hoạch và kiến trúc.
- Hoàn thiện khu đất.
- Chuyên ngành yêu cầu giữ nguyên hay cải tạo cảnh quan hiện có, sự cần thiết thành lập vùng bảo vệ, hồ chứa nước v.v...

- Mức độ giá trị xây dựng

- Trình tự tiến hành

* Vườn bách thảo và bách thú:

- Vị trí và giới hạn khu đất, đặc tính của nó và các công trình xây dựng xung quanh.
- Nội dung công tác văn hoá - giáo dục cần có
- Tính toán số lượt người đến xem
- Danh mục, số lượng, mật độ và đặc tính của một vài công trình và sân diễn hình.
- Số lượng, danh mục và nguyên tắc bố trí động vật, và thực vật theo sơ đồ khoa học.
- Nguyên tắc quy hoạch và kiến trúc
- Hoàn thiện khu đất.
- Chuyên ngành yêu cầu (bảo quản hay cải tạo cảnh quan hiện có, sự cần thiết thành lập vùng bảo vệ, hồ chứa nước ...
- Mức độ giá trị xây dựng
- Trình tự tiến hành

* Vườn dạo, boulevard, vườn cảnh ở các công trình nhà hành chính, công trình thiếu nhi, trường học, trường đại học, câu lạc bộ, cơ quan nghiên cứu khoa học và nhóm nhà ở.

- Giới hạn và quy mô khu đất
- Mật độ tính toán
- Danh mục, số lượng, mật độ, quy mô và đặc tính nhà, công trình và sân.
- Nguyên tắc quy hoạch và kiến trúc.
- Hoàn thiện
- Mức độ giá trị xây dựng

* Vườn bệnh viện và xí nghiệp công nghiệp

- Giới hạn và quy mô khu đất.
- Mật độ tính toán.
- Danh mục, số lượng, mật độ, quy mô và đặc tính nhà, công trình và sân.
- Nguyên tắc chuyên ngành về tính chất và phân bố cây xanh.
- Nguyên tắc quy hoạch và kiến trúc
- Hoàn thiện
- Mức độ giá trị xây dựng

* Vùng cách ly, cây xanh phòng cháy và cải tạo chất đất.

- Giới hạn và quy mô khu đất.
- Ý nghĩa
- Nguyên tắc chuyên ngành

3. Lập các bước thiết kế và các tài liệu ban đầu làm cơ sở cho việc thiết kế :

Trong thiết kế cảnh quan thường bao gồm thiết kế theo 3 bước : thiết kế sơ bộ, thiết kế kỹ thuật và thiết kế thi công ; (đối với công trình nhóm A, B) hoặc 2 bước : thiết kế sơ bộ và thiết kế thi công (đối với công trình nhóm C). Việc lựa chọn các bước thiết kế phụ thuộc vào quy mô và tầm quan trọng của đề tài.

Sau khi lựa chọn các bước thiết kế mới tiến hành công tác điều tra khảo sát. Bởi vì khối lượng và nội dung của công tác điều tra khảo sát còn tùy thuộc vào các bước thiết kế. Thông thường khối lượng và nội dung công tác điều tra khảo sát gồm có các tài liệu và số liệu sau đây :

* Các tài liệu ban đầu làm cơ sở cho việc thiết kế cảnh quan :

a. Các tài liệu về vùng chức năng hiện trạng và tương lai của các điểm cư dân như vị trí khu nhà ở hiện tại và thiết kế, khu đất của các công trình công cộng, nhà hành chính và trường học, vị trí khu đất công nghiệp, kho tàng và thị chính, nơi quần chúng thường tập trung đông (sân vận động, quảng trường ...).

b. Các tài liệu về phương tiện giao thông bên ngoài (đường sắt, ô tô, đường thủy, nhà ga, sân bay lớn, bến tàu).

c. Các tài liệu về mạng lưới kỹ thuật hiện có và thiết kế như cấp nước, cấp hơi đốt, cấp điện và hệ thống cống rãnh.

d. Ngoài ra còn có các số liệu về : số dân hiện tại và tương lai trong vùng hoặc điểm dân sự cũng như từng khu vực. Số tầng và mật độ công trình trong các khu ở khác nhau ; sức chứa của các cơ quan điều trị, các công trình thiếu nhi, thể dục, thể thao và các công trình công cộng khác ; tính chất sản xuất của các xí nghiệp công nghiệp, bảng cân bằng khu đất (tỷ trọng công trình, đường và không gian trống).

Những số liệu đó là nằm trong các tài liệu thiết kế quy hoạch. Vị trí của tất cả các thành phần có trong quy hoạch đã được thể hiện rõ trên mặt bằng toàn thể, trong đồ án thiết kế chủ yếu của quy hoạch và trên các sơ đồ kỹ thuật hạ tầng. Số liệu về dân số, số lượng và sức chứa của các công trình công cộng khác nhau đã có trong bản báo cáo thuyết minh đồ án quy hoạch. Vì vậy, khi thiết kế hệ thống cảnh quan chung cho toàn đô thị hay từng điểm dân cư phải sao lại đồ án quy hoạch và thuyết minh.

Đôi khi, việc thiết kế hệ thống cảnh quan được làm đồng thời với việc thiết kế quy hoạch hay thậm chí làm trước khi có quy hoạch. Lúc đó cần phải có mặt bằng vị trí vùng miền hay điểm dân cư. Với tỉ lệ 1 : 10.000, 1 : 25.000, hoặc 1 : 50.000 (đối với đô thị lớn), trên đó thể hiện rõ các yếu tố thiên nhiên.

* Các số liệu ban đầu làm cơ sở cho việc thiết kế cảnh quan điểm dân cư :

Các số liệu ban đầu nằm trong những tài liệu sau đây :

1. Số liệu về khí hậu :

- Nhiệt độ cao nhất, thấp nhất và trung bình trong tháng
- Lượng mưa trong tháng.
- Độ ẩm tuyệt đối và độ ẩm tương đối trong tháng.
- Số ngày râm trong tháng.
- Hướng và lưu lượng gió trong tháng.
- Tình hình bão và gió Phơn Tây Nam.

2. Số liệu về địa hình khu đất :

- Đặc điểm địa hình thay đổi trên khu đất (hướng của sườn dốc và các mái dốc theo phương Đông, Tây, Nam, Bắc ; cốt thiên nhiên).
- Phân tích chất đất và sự phân bố các loại đất trên phạm vi khu vực.
- Đặc tính cơ hóa của đất.
- Chiều sâu của lớp đất.

3. Số liệu về địa chất thủy văn

- Chế độ nước ngầm.
- Vị trí và đặc điểm hiện tượng đất trượt, chỗ xói lở.
- Đặc tính nước (lượng nước, chiều sâu, tình hình lũ lụt)
- Phân tích hóa học và vi trùng học trong nước.
- Đặc tính công trình thủy lợi.

4. Số liệu về cây xanh hiện trạng trên khu đất

- Đặc tính và vị trí cây xanh có trên khu đất với việc xác định loài, giống, tuổi, giá trị trang trí.
- Tình trạng vệ sinh, bệnh tật, sâu bọ có hại và cây xanh của khu đất kế cận.

5. Tài liệu về việc hoàn thiện khu đất :

- Kiểu và kết cấu đường.
- Nguồn cấp nước, độ dài và đường kính ống của mạng lưới.
- Hệ thống cống rãnh.
- Hệ thống cấp năng lượng và chiếu sáng.

- Công trình kỹ thuật (cầu, bậc thang, bờ xây).
- Kiểu và độ dài hàng rào.

6. Tài liệu về các nhà hiện trạng, các trang thiết bị và bài trí trang trí

- Danh mục, ý nghĩa, số lượng, diện tích, số tầng, vật liệu, kết cấu, mức độ hư hỏng của nhà.
- Kiểu và số lượng thiết kế.
- Đặc tính của vôi phun và các tác phẩm điêu khắc.

7. Tài liệu về tình hình các khu đất kế cận

- Kiểu công trình xây dựng.
- Xí nghiệp công nghiệp và tính chất của nó.
- Đường sắt, đường trục chính.
- Thực vật.
- Mặt nước.
- Công trình công cộng.
- Tính chất hoàn thiện.

8. Tài liệu về quy hoạch điểm dân cư

- Khi thiết kế công viên (không kể công viên rừng và công viên bảo tồn) cần có mặt bằng điểm dân cư chứa khu đất thiết kế, trên đó thể hiện tình hình hiện tại và tương lai của khu đất theo thiết kế quy hoạch với tỷ lệ 1 : 500 ÷ 1 : 10.000 và thuyết minh.

- Khi thiết kế công viên rừng, công viên bảo tồn và vùng bảo vệ cần có mặt bằng tổng thể với các khu đất xung quanh tỷ lệ 1 : 10.000 ÷ 1 : 25.000 và thuyết minh chi tiết.

- Khi thiết kế các loại cảnh quan có ý nghĩa khu vực nằm trong và ngoài khu xây dựng, cần có mặt bằng điểm dân cư hiện trạng và đồ án quy hoạch khu vực có công trình cảnh quan thiết kế với tỷ lệ 1 : 2000 ÷ 1 : 1000 và thuyết minh chi tiết.

- Khi thiết kế các loại cảnh quan có ý nghĩa cục bộ nằm trong và ngoài khu đất xây dựng cần có mặt bằng điểm dân cư hiện tại và đồ án quy hoạch bao gồm khu đất thiết kế và khu đất kế cận trong bán kính 200 - 500 mét với tỷ lệ 1 : 2000 ÷ 1 : 5.000, và thuyết minh chi tiết.

9. Tài liệu trắc địa

- Để phác thảo ở thiết kế sơ bộ cần có mặt bằng khu đất thiết kế, trên đó thể hiện địa hình, mặt nước cây, đường, mạng lưới thiết bị ngầm, nhà và công trình. Nếu khu đất có diện tích là 2 ha thì tỷ lệ bản đồ là 1 : 500 ; 2 ha ÷ 100 ha là 1 : 1000 ÷ 1 : 2.000 và diện tích khu đất lớn hơn 100 ha thì tỷ lệ bản đồ là 1 : 2000 ÷ 1 : 5000.

- Để nghiên cứu cho giai đoạn thiết kế kỹ thuật cần có mặt bằng khu đất với tỷ lệ : 1 : 500, trên đó thể hiện tất cả các công trình, mạng lưới hoàn thiện, đường đồng mức với khoảng cách giữa 2 đường là 0,5m (0,25m dùng cho địa hình phức tạp), các mảng và nhóm cây.

- Để nghiên cứu cho giai đoạn thiết kế thi công cần có mặt bằng khu đất với tỷ lệ 1 : 500, trên đó thể hiện tất cả các công trình, mạng lưới hoàn thiện đường đồng mức với các khoảng cách giữa hai đường là 0,25m (0,1m dùng cho địa hình phức tạp) thể hiện rõ nhóm, từng cây thân gỗ và bụi cây, các khoảng đất bài trí hoa.

4. Thiết kế

- * Giai đoạn chuẩn bị

Thiết kế là giai đoạn đầu của công tác xây dựng và là giai đoạn quan trọng nhất. Vì vậy trước khi bắt tay vào thiết kế chính thức, cần phải nghiên cứu kỹ nhiệm vụ thiết kế, phân tích và đánh giá các tài liệu và số liệu ban đầu, thực địa nhiều lần trên khu đất thiết kế và lân cận, nghiên cứu các dạng cây trồng, các thiết bị và các yếu tố khác cần đưa vào.

*** Thiết kế :**

Việc thiết kế là phần việc nghiên cứu các giải pháp quy hoạch kiến trúc và kỹ thuật được thể hiện dưới dạng bản đồ, sơ đồ và tài liệu viết từ sơ bộ đến cụ thể mang ra thực hiện trên hiện trường xây dựng. Việc thiết kế này theo các bước đã chọn và không phải chỉ kết thúc sau khi bàn giao toàn bộ hồ sơ thiết kế cho cơ quan đặt hàng mà công việc còn kéo dài sau khi công trình đã thi công xong.

a. Khối lượng và nội dung thiết kế sơ bộ

1. Bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1 : 2000 ÷ 1 : 5000. Trên đó thể hiện rõ ranh giới khu đất thiết kế, đường hiện có và đường thiết kế, đường quốc lộ và đường sắt, mặt nước. Ngoài ra còn thể hiện hiện trạng và thiết kế các khu đất kế cận.

2. Mặt bằng toàn thể tỷ lệ 1 : 500 ; 1 : 1000 ÷ 1 : 2000 (khi khu đất có diện tích > 50 ha) bao gồm khu đất thiết kế và các khu đất lân cận. Đây là hồ sơ chủ yếu của thiết kế sơ bộ cần được thể hiện hết sức chu đáo. Trên đó thể hiện rõ ranh giới khu đất thiết kế, cây xanh hiện có và cây xanh thiết kế. Loại và giống cây cụ thể, mặt nước (tự nhiên và nhân tạo), nhà, sân, đường, các công trình kỹ thuật (cầu cống rãnh v.v...) và các thiết bị trang trí (vòi phun, tượng).

3. Các bản đồ mạng lưới hoàn thiện khu đất thiết kế có tỷ lệ như mặt bằng toàn thể bao gồm :

*** Bản đồ cấp nước :**

- Vị trí và sơ đồ cấp, độ dài và tiết diện đường ống cho sản xuất, sinh hoạt, (phòng cháy, vệ sinh, tưới cây và mặt đường ...), áp lực nước tính toán cho tiêu chuẩn tiêu thụ nước tối đa theo yêu cầu của mỗi loại.

- Vị trí và trữ lượng nguồn cấp nước, loại nguồn cấp (mạng lưới cấp nước chung của điểm dân cư, giếng, nước mặt (sông, biển), các loại thiết bị cấp nước.

*** Bản đồ thoát nước và tiêu nước ngầm :**

- Sơ đồ mạng lưới và lưu lượng nước thoát, tính toán chảy vào mạng lưới.

- Sơ đồ cụ thể mạng lưới chung và hệ thống từng nhà, chi tiết mối nối với hệ thống tiêu thủy chung của điểm dân cư hoặc xử lý nước thoát riêng, tiết diện cống rãnh, lưới thu và các hố kiểm tra.

- Hệ thống thu nước ngầm trào ra và các biện pháp làm khô chỗ lầy.

*** Đồ án cung cấp điện :**

- Xác định công suất tiêu thụ năng lượng điện, điện chiếu sáng của nhà, mô tơ, chiếu sáng bên ngoài, quảng cáo, chiếu sáng, vòi phun v.v...

- Sơ đồ mạng lưới tuyến điện và mối nối với nguồn cung cấp (trạm biến thế, riêng hay của điểm dân cư).

*** Đồ án san nền tiêu thủy :**

- Các nguyên tắc quy hoạch san nền đất, bậc thềm, cầu thang, dốc thoải v.v. ...)

- Hướng và kích thước, kết cấu của lòng đường.

4. Thuyết minh bao gồm : việc phân tích quy hoạch hiện trạng khu đất, công trình, cây xanh, việc miêu tả các điều kiện thiên nhiên và giải pháp thiết kế với lập luận cho tất cả đề xuất, đưa ra bảng cân bằng đất đai.

5. Yêu cầu và kế hoạch thực hiện :

a. Thời hạn và tiến độ xây dựng.

b. Khối lượng công việc xây dựng, hoàn thiện và cây xanh chủ yếu.

c. Yêu cầu vật liệu xây dựng và giống cây chủ yếu.

d. Yêu cầu máy móc, điện năng, nước và các phương pháp làm thỏa mãn yêu cầu đó.

e. Yêu cầu nhân lực.

f. Các phương pháp thi công công trình.

6. Khái toán công trình.

Khái toán giá thành (theo đơn giá hiện hành cho tất cả công việc).

b. Khối lượng và nội dung thiết kế kỹ thuật

Thiết kế kỹ thuật được thảo ra trên cơ sở thiết kế sơ bộ đã được thông qua. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật bao gồm :

1. Mặt bằng toàn thể tỷ lệ 1 : 500. (Mặt bằng khu đất thiết kế). Trên đó thể hiện rõ cây xanh hiện có và thiết kế theo loài ; nhà ; sân, đường ; mặt nước ; cầu ; cầu thang ; tường cột, vòi phun, tượng v.v... (hình 83) có ghi các kích thước chủ yếu (hoặc tách phần sân đường, công trình để ghi kích thước của bản vẽ cấm mốc sân đường và công trình).

2. Bản vẽ trồng cây tỉ lệ 1 : 500. Trên đó thể hiện cụ thể từng loại cây, vị trí và khoảng cách giữa các cây (hình 84).

3. Các mặt cắt kiến trúc toàn bộ khu đất và những chỗ phức tạp ở tỷ lệ 1 : 200 ÷ 1 : 500. Các đồ án này thể hiện các giải pháp hình khối cây xanh và công trình, cũng như quy hoạch sân nền.

4. Các đồ án hoàn thiện khu đất : ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật chủ yếu làm rõ thêm các đồ án hoàn thiện ở giai đoạn thiết kế sơ bộ.

5. Thuyết minh bao gồm mô tả chi tiết có dẫn chứng về các giải pháp kiến trúc quy hoạch và việc bố trí nhà, sân, các loài cây, vòi phun, tượng v. v... tính toán sức chứa và khả năng cho phép của các nhà và công trình dự kiến, tính toán bảng cân bằng đất đai hiện có và thiết kế (diện tích đường, nhà, sân, mặt nước, thảm cỏ, hoa số lượng theo loại cây thân gỗ, cây bụi).

6. Bản dự toán tổng hợp. Tính toán giá thành tất cả các công việc về quy hoạch, cây xanh, hoàn thiện, trang trí, xây dựng và trang thiết bị cho nhà và công trình.

7. Yêu cầu và kế hoạch thực hiện.

a. Biểu đồ tiến độ công việc.

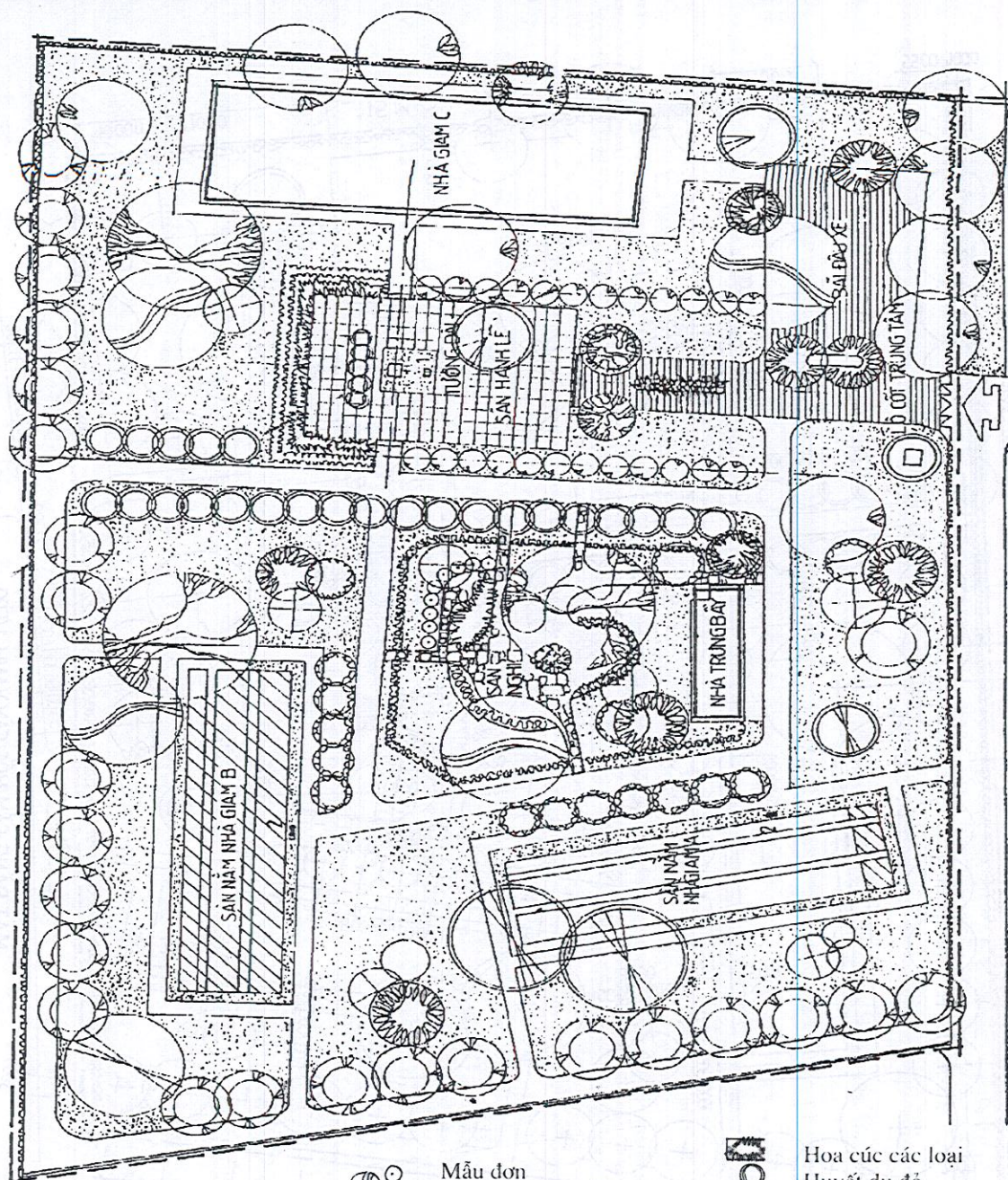
b. Yêu cầu nhân lực, vật liệu, giao thông, máy móc, nước, năng lượng điện.

c. Đặc tính các phương pháp sản xuất

d. Mặt bằng tổng thể biện pháp thi công tỷ lệ 1 : 500 - trên đó thể hiện việc bố trí tất cả các công trình hiện có (kho, xưởng, nhà ở công nhân v.v...) và các đường phụ trợ. Thể hiện biểu đồ hoạt động của máy chính.

c. Khối lượng và nội dung đồ án thi công :

Khi thiết kế theo 2 giai đoạn thì đồ án thi công được nghiên cứu đồng thời với thiết kế kỹ thuật, thiết kế theo 3 giai đoạn thì đồ án thi công được nghiên cứu trên cơ sở đồ án thiết kế kỹ thuật đã được thông qua. Đồ án thi công bao gồm :



Hình 83: Mặt bằng tổng thể sân vườn nhà tù Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương - Một trong những thành phần hồ sơ chủ yếu của thiết kế cảnh quan. Tác giả PTS.KTS. Hàn Tất Ngạn - Thiết kế - thi công năm 1995.



- Mẫu đơn
- Muống hoa đào 9 cây
- Lộc vùng 8 cây
- Móng bò tím 6 cây
- Cỏ
- Sân lát đá xẻ màu đen
- Sân đường bê tông
- Sân đường xếp đá xẻ
- Đường rải đá dăm
- Lư hương
- Tường rào hiện trạng
- Sân nhà giam phục hồi
- Giới hạn thiết kế
- Biển báo

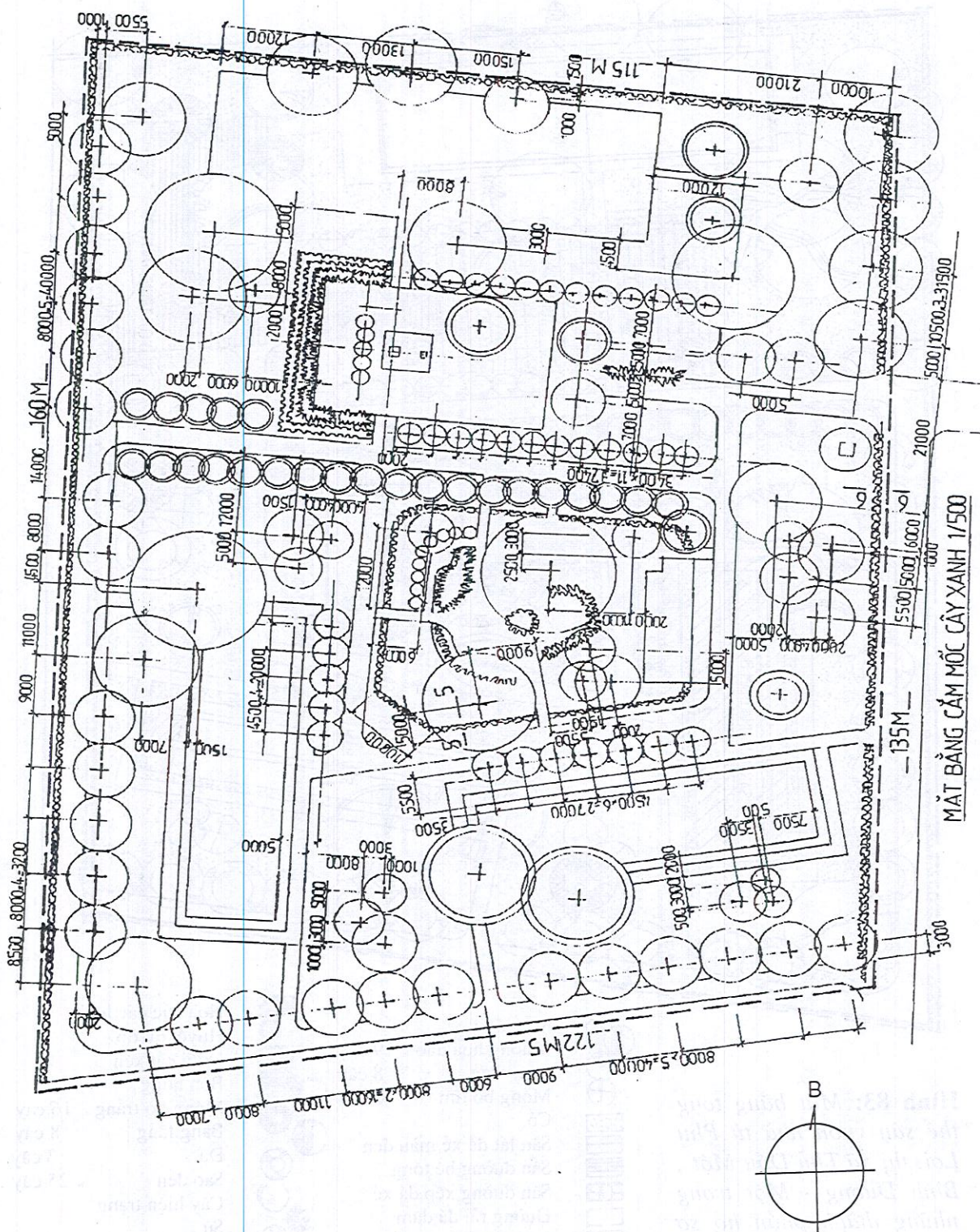


- Hoa cúc các loại
- Huyết dụ đỏ
- Duối cát xén
- Bồn hồng
- Móng bò trắng 16 cây
- Bàng lằng 8 cây
- Đa 3 cây
- Sao đen 25 cây
- Cây hiện trạng
- Sứ
- Mít
- Bà đậu
- Tre
- Dầu
- Cau



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



Hình 84: Mặt bằng cắm mốc cây xanh sân vườn nhà tù Phú Lợi - Một trong những thành phần hồ sơ chủ yếu của thiết kế cảnh quan. Tác giả PTS.KTS. Hàn Tất Ngạn - Thiết kế - thi công năm 1995.

1. Bản đồ cắm mốc sân đường tỉ lệ 1 : 500. Bản đồ cắm mốc bao gồm toàn bộ khu đất hay một phần khu đất. Trên đó thể hiện rõ kích thước nhà, sân, đường, mặt nước, cột điện hình... Khoảng cách giữa các yếu tố với nhau và giữa các yếu tố với điểm cố định như nhà, đường v.v... hiện có.

2. Bản vẽ trồng cây có cùng tỷ lệ với bản đồ cắm mốc sân đường... Trên đó thể hiện chính xác cây độc lập, hàng cây và nhóm cây thân gỗ và cây bụi, khóm hoa và bồn hoa. Bảng danh mục cây trồng và số lượng của từng loài.

3. Khi các chi tiết của việc bài trí hoa và parterre phức tạp thì sẽ được nghiên cứu bằng tỷ lệ 1/1.

4. Xét duyệt và lập hồ sơ

Qua xét duyệt của cơ quan có thẩm quyền, nếu đã thỏa thuận thì nộp luôn hồ sơ, nếu chưa được chấp thuận thì phải lập lại hồ sơ theo yêu cầu ở buổi xét duyệt.

Toàn bộ hồ sơ phải có chữ ký cho từng bản vẽ và phải qua kiểm tra của những người chuyên môn có nhiều kinh nghiệm và thẩm quyền.

Hồ sơ cần được in và đóng thành nhiều bộ, có chữ ký của thủ trưởng đơn vị.

Phụ lục 2

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ CÔNG VIÊN

2.1. Mục đích xây dựng công viên (trung tâm có ý nghĩa đa năng)

- Nghỉ ngơi - giải trí thông qua các hoạt động văn thể, tham gia các trò chơi, nghỉ tĩnh, động ...
- Trau dồi tri thức thông qua các hoạt động truyền tin, văn hóa - giáo dục, khoa học - kỹ thuật và nghệ thuật.
- Tĩnh dưỡng trong môi trường trong lành của công viên.

2.2. Tính toán số lượt người đến công viên

Số lượt người đến các công viên cấp đô thị chiếm 12% toàn bộ dân số của đô thị đó. Tuy nhiên không chỉ có người dân đô thị mà của cả những người ở vùng phụ cận, du khách nơi xa đến. Số lượng này rất dao động tùy theo sức hút của từng đô thị. Có thể tính bình quân 15 - 20% dân số toàn đô thị. Trong đó có 50% số người đến công viên, tức số người ngoài đô thị đến công viên chiếm 7,5 - 10% dân số đô thị (lấy trung bình 8%). Công thức tính số lượt người đến công viên sẽ như sau :

$$A = 20\% M.$$

A : Số lượt người đến công viên/ngày.

M : Dân số đô thị.

A : Số lượt người đến toàn bộ công viên cấp đô thị.

Để xác định số lượt người đến cho một công viên không phải chia bình quân cho số lượng công viên và phải tính đến các yếu tố sau :

- Vị trí công viên thiết kế trong mặt bằng tổng thể đô thị. Thông thường công viên trung tâm có vị trí ở trong khu công trình công cộng chính của đô thị, hoặc có mối quan hệ trực tiếp với trung tâm đô thị.

- Quy mô của mặt nước trong công viên có thể tổ chức các hoạt động nghỉ ngơi - giải trí trên mặt nước.

- Sự tiện lợi trong giao thông đối với vị trí các công viên khác nhau trong mặt bằng đô thị.

Thông thường, do tính đa năng và vị trí của công viên trung tâm, số lượt người đến công viên này thường chiếm khoảng 50%, tức 10% dân số đô thị. Còn lại là của các công viên khác, cấp đô thị.

Số lượt người đến công viên không phải cùng một lúc. Thường hệ số ca kíp là 1,5 - 2 lần.

$$k = 1,2 - 2$$

Số người đến công viên cùng một lúc là :

$$B = A \times a \times k$$

B: Số người đến công viên cùng một lúc.

A : Số lượt người đến các công viên cấp đô thị.

a : Tỷ lệ số lượt người đến công viên thiết kế.

k : Hệ số ca kíp

Chú ý :

+ Trong các ngày lễ, tết, số lượng người đến công viên cùng một lúc có thể tăng 1,5 - 2 lần.

+ Số lượng trẻ em đến công viên chiếm 25% số lượng người đến công viên. Số người đến công viên được tính là cơ sở xác định sức chứa và khả năng lưu thông của công viên, các công trình và hệ thống dịch vụ.

2.3. Tính toán đất đai, dung tích công trình kiến trúc trong công viên trung tâm

Để xác định danh mục và công suất các công trình kiến trúc cần phải tính toán số lượng người đến ở các vùng chức năng khác nhau của từng công viên. Tỷ lệ phân bố số lượng người như sau :

- Khu văn hóa - giáo dục :	25 - 30%.
- Khu thể dục - thể thao :	10 - 12%.
- Khu dạo chơi, nghỉ ngơi yên tĩnh :	30 - 35%.
- Khu biểu diễn, vui chơi :	12 - 15%.
- Khu dịch vụ công cộng :	<u>10 - 12%.</u>
	100%

Trong trường hợp áp dụng khuynh hướng liên hợp chức năng trong tổ chức cơ cấu công viên thì vận dụng tỷ lệ trên sao cho hợp lý.

Tỷ lệ trên có thể tăng giảm còn phụ thuộc vào mối quan hệ của các công trình trong công viên với vùng bao quanh và tính chất của nó. Ví dụ khu thể dục thể thao sẽ có sân vận động cấp đô thị thì tỷ lệ người đến tăng lên tới 20%. Và như vậy các khu khác giảm xuống so với chỉ tiêu trên ; về mùa đông cũng sẽ giảm xuống khoảng 3 lần.

Chú ý : Số lượng người đến sân vận động tăng lên trong trường hợp trên nằm ngoài số lượng người đến công viên theo tính toán.

Các công trình cụ thể được xác định như sau :

a. Tòa nhà trung tâm sử dụng quanh năm, bao gồm phòng triển lãm, nơi diễn thuyết công cộng, thư viện, dịch vụ, quầy bar, phòng gửi mũ áo, trạm truyền thanh, ban quản lý công viên, y tế, vệ sinh.

b. Nhà hát ngoài trời có thể tổ chức biểu diễn và chiếu phim, video.

c. Sân vận động. Trong trường hợp kiêm chức năng sân thể thao cấp đô thị, có khán đài. Dưới khán đài có nơi giữ mũ áo cho các cầu thủ, nhà tắm, phòng xoa bóp, y tế, kho dụng cụ thể thao, hành chính, vệ sinh, dịch vụ công cộng.

d. Các sân thể thao khác như bóng rổ, bóng chuyền, quần vợt, sân điền kinh, thể dục, nhà tập bắn ...

đ. Bể bơi, có phòng giữ mũ áo cho vận động viên, phòng tắm, phòng xoa bóp, y tế, tủ quần áo, quầy bar, khán đài, cầu nhảy, hành chính, phòng huấn luyện viên.

e. Chòi nghỉ.

f. Sân khiêu vũ, biểu diễn.

g. Sân chơi trẻ em.

i. Các quầy dịch vụ công cộng.

j. Khu phục vụ có kho bãi, garage.

k. Quầy bán vé, phòng chú dẫn, gửi đồ v.v...

l. Khu vệ sinh công cộng.

Danh mục các công trình trên có thể biến đổi tùy theo sự phát triển kinh tế và văn hóa - xã hội nhằm ngày càng nâng cao chất lượng nghỉ ngơi - giải trí của con người.

2.4. Yêu cầu về quy hoạch và bố cục kiến trúc công viên

- Cơ cấu quy hoạch công viên phải phù hợp với quy hoạch tổng thể khu vực xung quanh công viên.

- Xác định vị trí cổng công viên phải trên cơ sở đón hướng người đến nhiều nhất.

- Khi xác định vị trí sân và công trình kiến trúc phải dựa trên ý nghĩa, chức năng của chúng và đồ thị đi lại của người đến công viên, bảo đảm mối liên hệ gần nhất, thuận tiện nhất từ cổng đến các công trình có đông người. Tính toán khoảng cách vệ sinh, chiếu sáng và yêu cầu phòng cháy.

- Ưu tiên sử dụng cây địa phương để trồng trong công viên.

- Tận dụng tối đa các yếu tố thiên nhiên và nhân tạo hiện có trên khu đất xây dựng công viên.

- Bố cục kiến trúc cần được thể hiện rõ ràng các trung tâm, trục bố cục chính phụ. Chú ý lối dẫn vào công trình, các sân trung tâm. Kiến trúc các công trình trong công viên phải hòa nhập vào cảnh quan chung nhưng đồng thời là những điểm nhấn của các bức tranh phong cảnh, đặc biệt là tòa nhà trung tâm.

Tỷ lệ các thành phần kiến trúc trong công viên cần phải bảo đảm như sau :

Công trình :	2 - 3%.
Sân :	8 - 10%.
Đường :	7 - 8%.
Cây xanh :	80%
	100%

2.5. Yêu cầu san nền, tiêu thủy

Quy hoạch san nền phải đảm bảo lưu lượng nước mưa chảy trên bề mặt nhanh, không làm xói mòn đường và bờ nước.

Trong khu trung tâm tập trung nhiều công trình cần phải dự kiến hệ thống ống thoát nước mặt, chôn ngầm.

2.6. Yêu cầu cấp nước

Công viên phải được đảm bảo nước ăn và vệ sinh, chữa cháy, tưới cây, vòi phun. Trong công viên phải thiết kế 2 hệ thống cấp nước :

- Tưới cây, tưới đường, vòi phun lấy từ nguồn nước mặt (hồ, kênh, sông ...).

- Sinh hoạt được lấy từ nguồn nước sinh hoạt đô thị.

2.7. Yêu cầu thoát nước

Toàn bộ nước thải trong công viên phải được thải vào trong hệ thống thoát nước chung của đô thị. Các khu vệ sinh và thùng rác phải bảo đảm bán kính không vượt quá 500 - 600 m.

2.8. Yêu cầu chiếu sáng, thông tin

- Cần có trạm biến thế riêng chuyên dùng cho công viên. Hệ thống dây đặt ngầm để tránh đổ cây, gây cảnh, làm đứt. Trong khu vực trung tâm và đường trục chính, nguồn sáng bố trí cách nhau không quá 30 m, còn khu khác không quá 50 m.

- Dự kiến hệ thống truyền thanh cho tất cả các công trình sử dụng công cộng (trừ khu dạo chơi và nghỉ ngơi yên tĩnh). Hệ thống điện thoại phân bố đồng đều trong công viên và dây dẫn được đặt ngầm.

2.9. Giá thành xây dựng công viên

- Giai đoạn khái toán tính theo suất đầu tư trên một ha khu đất công viên.

- Giai đoạn dự toán tính theo đơn giá hiện hành của địa phương và định mức dự toán Bộ Xây dựng.

Phụ lục 3

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ NGOẠI THẤT

3.1. Mục đích - yêu cầu

Nội ngoại thất là hai thực thể có mối quan hệ hữu cơ, gắn bó (còn gọi là không gian trong và ngoài nhà), tạo nên không gian kiến trúc. Do đó, trong thiết kế cần thể hiện rõ mối quan hệ giữa công năng và thẩm mỹ của nội và ngoại thất ; Đây là điều kiện tạo nên tính hợp lý và thống nhất, tính quần thể của không gian kiến trúc cũng như giải pháp hợp lý cho ngoại thất.

3.2. Nội dung

1. Tổ chức công năng và không gian bên ngoài nhà. Sử dụng các thành phần tạo không gian để ngăn chia và tạo dựng không gian bên ngoài phù hợp với công năng, tạo sự phong phú, đa dạng, có ngữ nghĩa nhất định.

2. Trang trí không gian ngoại thất bằng các chất liệu, màu sắc và họa tiết trên bề mặt không gian như xử lý chất liệu và hình dạng lát bề mặt đất, các kiểu mặt nước, cây...

3.3. Thành phần hồ sơ

1. Sơ đồ tổ chức cơ cấu chức năng, tỷ lệ 1/500. Yêu cầu thể hiện rõ mối quan hệ giữa nội thất và ngoại thất.

2. Mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/100 ÷ 1/200. Yêu cầu thể hiện rõ các thành phần kiến trúc ngoại thất, sân đường, cây xanh, các thành phần tạo không gian như tường chắn đất, triển dốc, mặt nước ... và các yếu tố tạo cảnh khác. Chú thích, trong đó ghi đầy đủ tên và đặc trưng chủ yếu của các loài cây (như độ cao, rộng tán, màu lá v.v...); Mối quan hệ nội ngoại thất về công năng và giải pháp bố cục qua mặt bằng tầng 1 của công trình.

3. Mặt cắt, tỷ lệ 1/200 ÷ 1/100. Yêu cầu thể hiện rõ giải pháp xử lý cốt nền ngoại thất ; mối quan hệ độ cao nền với công trình kiến trúc cũng như kích thước, hình dạng các yếu tố tạo cảnh và trang trí trong không gian bên ngoài.

4. Một số phối cảnh minh họa.



**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Phụ lục 4
ĐẶC TÍNH CỦA MỘT SỐ CÂY TRỒNG THƯỜNG GẶP

A. CÂY BÓNG MÁT

Số TT	Tên cây	Tên khoa học	Cây cao (m)	Đường kính tán (m)	Hình thức tán	Dạng lá	Màu lá xanh	Kì rụng lá cành (tháng)	Kì nở hoa (tháng)	Màu hoa
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Ban	Bauhinia variegatalinn	6-8	3-4	Tự do	bản	nhạt	11-1	12-4	Tím, trắng
2	Bạch đàn trắng	Eucalyptus resinifera smith	12-15	5-7	thuôn	bản	nhạt	-	4-5	vàng ngà
3	Bạch đàn chanh	Eucalyptus maculata var citriodora	25-40	6-8	thuôn	bản	nhạt	-	5-6	trắng xanh
4	Bạch đàn đỏ	Eucalyptus hobusta smith	15-20	5-8	thuôn	bản	nâu	-	8-9	trắng ngà
5	Bạch đàn lá liễu	Eucalyptus exerta f.v. muell	12	3-5	thuôn rủ	bản	nhạt	-	5-6	trắng ngà
6	Bụt mọc	Taxodium distichum rich	10-15	5-7	tháp	kim	sẫm	2-3	4-5	xanh hồ thủy
7	Bách tán	Araucaria excelsa r.br	40	4-8	tháp	kim	sẫm	4-5	4-5	xanh lam
8	Bàng	Terminalia catappa linn	15-20	10	phân tầng	bản	xanh	2-3	7-8	xanh
9	Bông gòn	Ceiba Pentandra gaertn	20-30	6-10	phân tầng	bản	nhạt	2-4	3-4	trắng
10	Bằng lăng	Lagerstroemia flosreginae retz	15-20	8-10	thuôn	bản	sẫm	2-3	5-7	tím hồng
11	Chiêu liễu	Terminalia tomentosa wight	15-30	8-15	trứng	bản	vàng	3-4	5-6	trắng ngà
12	Chò nâu	Dipterocarpus tonkinensis chev	30-40	6-10	tròn	bản	nhạt	-	8-9	vàng ngà
13	Chùm bao lớn	Hydnocarpus anthelmintica pierre	15-20	8-15	trứng	bản	nhạt	-	1-3	hồng
14	Dầu nước	Parashrea stellata kur	35	8-10	tháp	bản	nhạt	-	5-6	trắng ngà
15	Dáng hương	Pterocarpus pedatus pierre	20-25	8-10	tròn	bản	vàng	3-4	-	vàng
16	Dâu da xoan	Spondias lakonensis	6-10	6-8	tròn	bản	nhạt	2-3	4-5	trắng ngà
17	Dái ngựa	Swietenia mahogani jacq	15-20	6-10	trứng	bản	sẫm	1-2	4-5	vàng nhạt
18	Đa búp đỏ	Ficus elastica roxb	30-40	25	tự do	bản	sẫm	-	11	vàng



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
19	Đẻ	<i>Ficus religiosa</i> linn	18-20	15-20	trứng	bản	đỏ	4	5	trắng ngà
20	Đa lông	<i>Ficus pilosa</i> rein	15-20	15-20	tự do	bản	sẫm	-	11	vàng ngà
21	Đài loan tương tư	<i>Acacia confusa</i> merr	8-10	5-6	tự do	bản	sẫm	-	6-10	vàng
22	Đậu ma	<i>Longocarpus formosanus</i>	13-15	12-13	tròn	bản	sẫm	-	4-5	tím nhạt
23	Giới	<i>Sizygin samarangense</i> merr et perr	10-12	6-8	trứng	bản	vàng	-	4-5	trắng xanh
24	Gạo	<i>Gossampinus malabarica</i> merr	20-25	8-12	phân tầng	bản	nhạt	2-4	3-4	đỏ tươi
25	Gáo	<i>Sarcocephalus cordatus</i> miq	18	8-10	tự do	bản	vàng	-	4-5	vàng nhạt
26	Gội trắng	<i>Aphanamixis grandifolia</i> bl.	40	15	trứng	bản	vàng	-	3-4	xanh
27	Hoàng lan	<i>Michelia champaca</i> linn	15-20	6-8	tháp	bản	nhạt	-	5-6	vàng
28	Hồ	<i>Sophora japonica</i> linn	15-20	7-10	trứng	bản	sẫm	-	5-6	vàng
29	Kim giao	<i>podocarpus wallichianus</i> C.presl	10-15	6-8	tháp	bản	sẫm	-	5-6	vàng
30	Liễu	<i>Salix babylonica</i> linn	7-10	4-6	rủ	bản	nhạt	1-3	4-5	vàng nhạt
31	Lộc vừng	<i>Barringtonia racemosa</i> roxb	10-12	8-10	tròn	bản	sẫm	2-3	4-10	đỏ thắm
32	Long não	<i>Cinnamomum camphora</i> nees et ebern	15-20	8-15	tròn	bản	nhạt	-	3-5	vàng
33	Lai	<i>Aleurites moluccana</i> willd	8-10	6-8	trứng	bản	nhạt	-	5-6	vàng
34	Lai tua	<i>Cananga odorata</i> hook	15-20	6-8	thuôn	bản	nhạt	-	7-8	xanh
35	Lim xẹt (lim vàng)	<i>Peltophorum tonkinensis</i> a.chev	25	7-8	tròn	bản	vàng	1-3	5-7	vàng
36	Muồng vàng chanh	<i>Cassia fistula</i> l.	15	10	tròn	bản	nhạt	-	6-9	hoàng yến
37	Muồng hoa đào	<i>Cassia nodosa</i> linn	10-15	10-15	tròn	bản	nhạt	4	5-8	hồng
38	Muồng ngủ	<i>Pithecolobium saman</i> benth	15-20	30-40	tròn	bản	vàng	1-3	6-7	hồng đào
39	Muồng đen	<i>Cassia siamea</i> lamk	15-20	10-12	tròn	bản	sẫm	-	6-7	vàng
40	Mỡ	<i>Manglietia glauca</i> bl.	10-12	23	thuôn	bản	sẫm	-	1-2	trắng
41	Móng bò tím	<i>Baninia purpurea</i> l.	8-10	4-5	tròn	bản	nhạt	-	8-10	tím nhạt

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
42	Muối	Mangifera foetida Lour	15-20	8-12	tự do	bản	sẫm	-	2-3	vàng hung
43	Me	Tamarindus indica L.	15-20	8-10	trứng	bản	nhạt	-	4-5	vàng nhạt
44	Ngọc lan	Michelia alba de	15-20	5-8	thuôn	bản	vàng nhạt	-	5-9	trắng
45	Nhân	Euphorbia longan (Lour) Steud	8-10	7-8	tròn	bản	sẫm	-	2-4	vàng ngà
46	Nhội	Bischofia trifolia Hook f.	10-15	6-10	tròn	bản	nhạt đỏ	-	2-3	vàng nhạt
47	Nụ	Garcinia Cambodien vesque	10-15	6-9	tháp	bản	sẫm hồng	-	4-5	vàng ngà
48	Nhựa ruồi	Ilex rotunda Thunb.	20	6-8	tự do	bản	sẫm	-	4-5	trắng lục
49	Núc nác	Oroxylum indicum Vent	15-20	9-12	phân tầng	bản	nhạt	-	6-9	đỏ
50	Phượng tây	Delonix regia Raf	12-15	8-15	tự do	bản	nhạt	1-4	5-7	đỏ
51	Sấu	Dracontomelum mangiferum B.l	15-20	6-10	tròn	bản	sẫm	-	3-5	xanh vàng
52	Sếu (cơm nguội)	Celtis sinensis Pers	15-20	6-8	trứng	bản	sẫm	12-3	2-3	trắng
53	Sưa	Alstonia scholaris R.Br.	15-20	5-8	phân tầng	bản	nhạt	5-8	10-12	xanh
54	Sao đen	Hopea odorata Roxb	20-25	8-10	thuôn	bản	sẫm	2-3	4	trắng
55	Sung	Ficus glomerata Roxb	10-15	8-10	tự do	bản	nhạt	-	-	xanh lục
56	Sì	Ficus benjamina Linn	10-20	6-8	tự do	bản	sẫm	-	6-7	-
57	Sanh	Ficus indica Linn	15-20	6-12	tự do	bản	sẫm	-	6-7	trắng xám
58	Sứa	Dalbergia tonkinensis Prain	8-10	-	thuôn	bản	nhạt	-	4-5	xanh
59	Sau sau	Liquidambar formosana Hance	20-30	8-15	trứng	bản	nhạt vàng	-	3-4	-
60	Sến	Bassia pasquieri H.Lec	15-20	10-15	tròn	bản	sẫm	-	1-3	trắng
61	Sung hoa	Citharexylon quadrifolia	10-12	6-8	trứng	bản	nhạt	-	5-6	vàng
62	Tếch	Tectona grandis Linn	20-25	6-8	thuôn	bản	vàng	1-3	6-10	trắng
63	Trôm	Sterculia foetida L.	15-20	8-15	tròn	bản	nhạt	2-4	4-5	trắng nâu
64	Thần mát	Milletia ichthyothona Drake	15	4-7	trứng	bản	nhạt	11-1	3-4	đỏ nhạt.
65	Thung	Tetrameles nudiflora	30-40	5-8	thuôn	bản	nhạt vàng	-	3-4	trắng
66	Thần mát hoa tím	Milletia ichthyothona	10-12	3-6	thuôn	bản	nhạt	-	5-6	nâu vàng tím



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
67	Thị	<i>Diospyros bubra</i> h.lee	20	8-12	trứng	bản	sẫm	-	4-5	vàng nâu
68	Trấu	<i>Aburites montana</i> wils	8-12	5-7	phân tầng	bản	nhạt	3-4	3-4	trắng hồng
69	Trám đen	<i>Canarium nigrum</i> engler	10-15	7-10	tròn	bản	nhạt	-	1-2	trắng
70	Thông nhựa hai lá	<i>Pinus merkusii</i>	30	8-10	tự do	kim	sẫm	-	5-6	xanh lam
71	Thông đuôi ngựa	<i>Pinus massoniana</i>	30-35		tháp	kim	vàng nhạt	-	4	xanh lam
72	Vú sữa	<i>Chrysophyllum cainito</i> linn	12	6-8	tròn	bản	nâu	-	9-10	vàng ngà
73	Vông đông	<i>Hura crepitans</i> l.	15	8-10	trứng	bản	sẫm	-	7-9	đỏ
74	Vông	<i>Erythrina indica</i> linn	8-10	6-8	trứng	bản	nhạt	1-4	4-5	đỏ
75	Vàng anh	<i>Saraca dives</i> pierre	7-12	8-10	tròn	bản	sẫm	-	1-3	vàng sẫm
76	Xà cừ	<i>Khaya senegalensis</i> a.Juss	15-20	10-20	tự do	bản	nhạt	-	2-3	trắng ngà
									5-7	

B. CÂY TRANG TRÍ

Số TT	Tên cây	Tên khoa học	Độ cao (m)	Đường kính tán (m)	Hình thức tán	Dạng lá	Màu lá xanh	Kì rụng lá trơ cành (tháng)	Kì nở hoa (tháng)	Màu hoa
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Angitôn	Antigonon leptopus Hook	5-7	-	(leo)	bản	nhạt	12-2	6-10	hồng nhạt
2	Bông nổ	Serissa foetida Comm	0,7-1	-	-	bản	sẫm	-	11-5	trắng
3	Bánh hời	Ervatamia divaricata (L.) Burk	2-4	1,5-2	tròn	bản	sẫm	-	4-10	trắng
4	Bìm bìm	Ipoemea hederacea Jacq	10-15	-	(leo)	bản	nhạt	-	5-7	tím
5	Cúc ngũ sắc	Comspos, bipinnatus cav.	0,5-0,8	-	(cây hoa)	kim	nhạt	-	5-6	hồng, trắng, đỏ
6	Cau	Areca catechu Linn	10-20	2-3	tròn	bản	sẫm	-	4-5	vàng ngà
7	Cau bụi	Chrusalidocarpus lutescens wendl	5-7	2-3	chùm	bản	nhạt	-	5-6	vàng ngà
8	Cọ cành	Trachycarpus fortunei (Hook) Wendl	8-16	4-5	tròn	bản	nhạt	-	1-2	vàng
9	Cọ xẻ	Livistona chinensis (tacq) R.Re	8-10	4-5	chùm	bản	nhạt	-	2-4	vàng ngà
10	Cau búng	Roys tonea Regia Ofcook	7-25	5-6	tròn	bản	sẫm	-	10-11	vàng ngà
11	Chuối giẻ quạt	Ravenala madagas cariensis sonn	5-10	5-6	tròn	bản	nhạt	-	5-7	đỏ
12	Chuối hoa	Canna hybrida Horst	1-1,5	0,5-1	tròn	bản	nhạt	-	8-10	đỏ, da cam, vàng
13	Cẩm chướng thơm	Dianthus chinensis	0,3-0,4 0,5-1	-	-	bản	bạc	-	11-3	đỏ, hồng, trắng, vàng, tím, nhạt, xanh, vàng
14	Dạ hương	Cestrum nocturnum Linn	1,5-2	1,5-2	tròn	bản	nhạt	-	3-10	đỏ, hồng, trắng, vàng, tím, nhạt, xanh, vàng
15	Dừa lằng (dừa gỗ)	Pandanus tectorius Parkins	4-5	2-3	tự do	bản	nhạt	-	4	vàng ngà
16	Dâm bụt	Hibiscus rosa sinensis L.	2-3	1-2	tự do	bản	sẫm	-	5-9	đỏ tía



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
17	Dưới lá tron (chè tàu)	Acalypha evradii Gagnep	2-3	0,5-1,5	tự do	bản	nhạt	-	9-10	vàng ngà
18	Đùng đình	Cassytha mitis Lour	2-10	5-6	chùm	bản	sẫm	-	3-4 11-12	vàng ngà
19	Đỗ quyền	Rhododendron indicum	1-2	0,6-1	tròn	bản	nhạt	-	1-3	đỏ, hồng, tím
20	Đại	Plumeria rubra Linn.	5-8	4-6	tròn	bản	nhạt	12-2	4-10	đỏ, trắng, vàng
21	Đắng tiêu	Campsis radicans Seem	5-10	-	(leo)	bản	nhạt	12-2	5-9	đỏ nhạt
22	Đại vàng	Allamanda cathartica Linn	3-5	-	(leo)	bản	nhạt	-	5-10 6-7	vàng tươi
23	Huyết dụ	Cordyline terminalis (linn). Kunth	1-2	0,5-0,8	tròn	bản	nâu đỏ	-	-	-
24	Hoa mộc	Ohmantnus fragrans Lour	2-2,5	1-2	tròn	bản	sẫm	1-2	1-8 2-6	trắng
25	Hoa trà	Camellia	1-2	1-1,5	tròn	bản	sẫm	-	11-4	bạch hồng đỏ.
26	Hoa thiên lí	Telosma cordatum (Burm.f) Merr	5-6	-	(leo)	bản	nhạt	-	6-9	xanh, vàng
27	Hoa dừa cạn	Catharanthus roseus (L.) Don	0,4-0,8	-	-	bản	nhạt	-	1-12	trắng, tím hồng
28	Hoa mào gà	Celosia Cristata L.	0,7-1	-	-	bản	tím	-	1-12	đỏ, tím vàng
29	Hoa sen	Nelumbo nucifera Gaertn	2-3	-	(dưới nước)	bản	nhạt	11-1	6-8	hồng, trắng
30	Hoa sen cạn	Tropaeolum Majus.L.	1-1,5	-	(leo)	bản	nhạt	-	4-7	trắng, đỏ, da cam
31	Hoa Xó	Salvia Splendes	0,4-0,5 0,8-1	-	-	bản	sẫm	-	1-3 5-6	đỏ
32	Lựu cánh	Punica granatum Linn	3-4	1-3	trứng	bản	nhạt	12-2	4-6	đỏ tươi
33	Móng bò trắng	Bauhinia alba Ham	2-3	1-2	trứng	bản	sẫm	2	5-10	trắng

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
34	Mẫu đơn	<i>Ixora coccinea</i> Linn	1-3	0,8-1	tròn	bản	nâu hồng	-	7-8	đỏ, trắng, vàng
35	Mai vàng	<i>Ochna Harmandii</i>	2-5	1-2	tròn	bản	vàng nhạt	12-2	2-3	vàng
36	Móng rồng	<i>Artabotrys ucratus</i> Merr	-	-	(leo)	bản	sẫm	-	5-6	xanh hoa lí
37	Móc diều	<i>Bougainvillea Spectabilis</i>	8-10	-	(leo)	bản	sẫm	-	1-12	đỏ, vàng,
38	(Hoa giấy)	Willd								tím
39	Mai	<i>Sinocalamus giganteus</i> (munro) Acanus	12-15	-	thuôn	bản	sẫm	-	-	-
40	Ngâu	<i>Aglaia duperreana</i> Pierre	3-5	2-3	tròn	bản	sẫm	-	5-9	vàng
41	Ngô đồng cánh	<i>Jatropha podagrica</i> Hook	0,8-1,5	0,7-1	tự do	bản	nhạt	-	4-10	đỏ
42	Phật bà	<i>Podocarpus macrophyllus</i> Don	5-8	3-4	tròn	bản	sẫm	-	5-6	trắng
43	Phù dung	<i>Hibiscus mutabilis</i> (Linn)	3-6	3-4	tròn	bản	-	1-2	4-7	trắng hồng
44	Quỳnh	<i>Phyllocactus grandis</i> Lem	0,5-1,5	< 1	tự do	bản	sẫm	-	8-12	trắng
45	Trúc đùi gà	<i>Bambusa ventricosa</i> McClure	2-3	1-2	tự do	bản	sáng	-	-	-
46	Tre vàng sọc	<i>Bambusa vulgaris</i> Schrad Ex. Wendl	10-12	3-5	tự do	bản	vàng	-	-	-
47	Trắc bách diệp	<i>Biota orientalis</i> (L) Enld	4-5	2-3	tháp	kim	sẫm	-	3-4	trắng
48	Tùng	<i>Sabina chinensis</i> (Linn) Antoine	4-7	2-4	tháp	kim	sẫm	-	-	-
49	Tai tượng	<i>Acalypha Wickersiana</i> M.Arg	0,5-1		thuôn	bản	nâu	-	-	-
50	Tường vi	<i>Lagerstroemia indica</i> Linn	2-3	2-3	tự do	bản	đỏ	1-2	6-7	đỏ hồng
51	Trúc đào vàng	<i>Thevetia Peruviana</i> . Pers	3-5	4-5	tự do	bản	nhạt	-	5-10	vàng
52	Thanh táo	<i>Justicia gendarussa</i> Linn	0,5-1,5	-		bản	nhạt	-	-	-
53	Thu hải đường	<i>Begoniaceae</i>	0,15-0,4		thuôn	bản	-	-	1-12	hồng
54	Vạn tuế	<i>Cycas revoluta</i> Thunb	1-2	1,5-2	chùm	bản	nâu đỏ sẫm	-	-	-

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. D. L. Armand. *Khoa học về cảnh quan*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội 1983
2. Phan Thuận An. *Kiến trúc cổ đô Huế*. Công ty quản lý di tích lịch sử và văn hóa Huế 1990
3. Nguyễn Văn Chiến. *Mỹ thuật môi trường - Truyền thống và hiện đại*. Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật số 6/88
4. *Con người khoa học kỹ thuật*. Tập 2. NXB Sự thật. Hà Nội 1982
5. Võ Văn Chi, Dương Ngọc Minh, Trịnh Minh Tân. *Non bộ*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội 1983
6. *Các xu hướng phát triển khoa học kỹ thuật đến năm 2000*. NXB Khoa học và Kỹ thuật - Hà Nội 1983
7. Trịnh Đánh. *Giới thực vật trong lịch sử trái đất*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội 1983
8. Triệu Thúc Đan, Nguyễn Quân, Phạm Công Thành, Nguyễn Trần. *Nghệ thuật hoành tráng*. NXB Văn hóa. Hà Nội 1981
9. *Địa lý học và vấn đề môi trường*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội 1979.
10. Đuxlôvôi V., Polêkhốp V. N. *Con người và thành phố*. NXB Xây dựng, Hà Nội 1982.
11. Trần Văn Giàu. *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*. NXB Khoa học và Xã hội. Hà Nội 1980.
12. Phạm Kim Giao, (chủ biên) *Quy hoạch đô thị*. NXB Xây dựng. Hà Nội 1991.
13. Đặng Thái Hoàng. *Kiến trúc Hà Nội thế kỷ XIX – XX*. NXB Hà Nội, 1985.
14. Nguyễn Phi Hoanh. *Một số nền mỹ thuật thế giới*. NXB Văn hóa. Hà Nội 1978.
15. Nguyễn Phi Hoanh. *Lịch sử mỹ thuật Việt Nam*. NXB Khoa học và Xã hội. Hà Nội 1982.
16. Lê Văn Hảo. *Huế giữa chúng ta*. NXB Thuận Hóa. Huế 1984.
17. Trần Hợp, Vũ Văn Chuyên. *Tìm hiểu thế giới màu xanh*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội 1987.
18. Trần Hợp. *Bonsai. Cây kiểng cổ*. NXB Nông nghiệp, 1993.
19. Hoàng Hải. *Sự hài hòa và liên tục trong không gian kiến trúc*. Tạp chí Kiến trúc số 1/89.
20. Đỗ Xuân Hải. *Trang trí vườn cảnh*. NXB TP. Hồ Chí Minh, 1995.
21. Hiến Chương "Chân trời năm 2000". *Một nền kiến trúc vững bền vì một thế giới vững bền*. Tạp chí Kiến trúc số 5/95.
22. Lê Hồng Kế. *Đề cập bước đầu đến sinh thái đô thị trong quá trình quy hoạch và xây dựng điểm dân cư ở Việt Nam*. Luận án PTS. Hà Nội 1989.
23. Lê Công Kiệt, Nguyễn Thiện Tịch. *Kỹ thuật bonsai*. Hội hoa lan cây cảnh. Trường Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 1993.
24. Đặng Quý Khoa. *Cảnh sắc thiên nhiên với công trình kiến trúc*. Tạp chí Kiến trúc số 1/91.

25. Vũ Tự Lập. *Cảnh quan địa lý miền Bắc Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội 1976.
26. Nguyễn Ngọc Lân, Trịnh Sanh. *Núi non nước ta*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội 1982.
27. Lukin IU.A., Xcacberosicop V. C. *Nguyên lý mỹ học Mác – Lênin*. NXB Sách giáo khoa Mác – Lênin. Hà Nội 1984.
28. Thu Linh, Đặng Văn Lung. *Lễ hội truyền thống và hiện đại*. NXB Văn hóa. Hà Nội 1986.
29. Trần Lâm, Hồng Kiên. *Diễn biến các loại hình kiến trúc cổ Việt Nam*. Tạp chí Kiến trúc số 2 - 3/87 ; 4/87 và 1/88.
30. Nguyễn Luận. *Di dai thị giác*. NXB Mỹ thuật. Hà Nội 1990.
31. Trần Lâm. *Quanh nghệ thuật tạo hình thời Nguyễn*. Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật số 3/91.
32. Pierre Merlin. *Quy hoạch đô thị*. NXB Thế giới, Hà Nội 1994.
33. *Một số văn bản quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng đô thị*. NXB Xây dựng. Hà Nội 1993.
34. Lê Văn Nin. *Những vấn đề về việc bố trí cây xanh trong các khu nhà ở với việc dự tính đến điều kiện khí hậu tự nhiên*. Luận án PTS kiến trúc. Moxcva 1979.
35. Hàn Tất Ngạn. *Kiến trúc cảnh quan đô thị*. NXB Xây dựng. Hà Nội 1990.
36. Hàn Tất Ngạn. *Kiến trúc cảnh quan đô thị*. NXB Xây dựng. Hà Nội 1996.
37. Hàn Tất Ngạn. *Nghệ thuật vườn – công viên*. NXB Xây dựng. Hà Nội 1994.
38. *Những vấn đề quy hoạch đô thị và dân cư*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội 1984.
39. Nôvicop Ph. *Tìm tòi hình tượng kiến trúc*. NXB Xây dựng. Hà Nội 1981.
40. *Nghệ thuật tạo hình bonsai và non bộ Trung Quốc*. Hoàng Nam Sơn. NXB Mỹ thuật. Hà Nội 1995.
41. E.P. Odum. *Cơ sở sinh thái học*. Tập 2. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội 1979.
42. Pertxik E. N. *Quy hoạch vùng*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội 1978.
43. Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng. *Mỹ thuật của người Việt*. NXB Mỹ thuật. Hà Nội 1989.
44. Nguyễn Quân. *Tượng đài – một câu hỏi cần được đặt ra*. Tạp chí Kiến trúc số 1/91.
45. Lê Bá Thảo. *Thiên nhiên Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội 1977.
46. Phạm Ngọc Toàn, Phạm Tất Đắc. *Khí hậu Việt Nam*. Hà Nội 1978.
47. Hoàng Như Tiếp. *Quan hệ giữa quy hoạch vùng lãnh thổ và quy hoạch xây dựng đô thị*. NXB khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội 1978.
48. Nguyễn Thị Thanh Thủy. *Bố cục phong cảnh vườn – công viên*. Luận án PTS. Hà Nội 1985.
49. Lê Phương Thảo, Phạm Kim Chi. *Cây trồng đô thị*. Tập 1 - Cây bóng mát. NXB Xây dựng. Hà Nội 1980.
50. Lê Phương Thảo, Phạm Kim Chi. *Cây trồng đô thị*. Tập 2 - Cây trang trí. NXB Xây dựng. Hà Nội 1993.

51. Trương Hữu Tuyên. *Trồng cây xanh đô thị*. NXB Nông nghiệp. Hà Nội 1983.
52. Lê Công Thành. *Điều khắc và môi trường*. Tạp chí Mỹ thuật số 4/87.
53. Chu Quang Trứ. *Kiến trúc truyền thống trong khai thác và chế ngự thiên nhiên*. Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật số 3/91.
54. Chu Quang Trứ. *Xây dựng môi trường tượng đài*. Tạp chí Kiến trúc số 1/91.
55. Trần Ngọc Thêm. *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. NXB TP. Hồ Chí Minh, 1996.
56. Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán. *Hà Nội nghìn xưa*. Sở Văn hóa Thông tin. Hà Nội 1975.
57. UBKHXHVN. *Viện Ngôn ngữ học. Từ điển tiếng Việt*. NXB Khoa học và Xã hội. Hà Nội 1988.
58. Viện Nghệ thuật - Bộ Văn hóa. *Mỹ thuật thời Lý*. NXB Văn hóa. Hà Nội 1973.
59. Viện Nghiên cứu Nghệ thuật - Bộ Văn hóa. *Mỹ thuật thời Trần*. NXB Văn hóa. Hà Nội 1977.
60. Viện Nghệ thuật - Bộ Văn hóa. *Mỹ thuật thời Trần*. NXB Văn hóa. Hà Nội 1977.
61. *Văn hóa vì con người*. NXB Văn hóa và Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật. Hà Nội 1993.
62. Viện Sử học. *Đô thị cổ Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội 1989.
63. Vaxiliep Đ., Glukharop I., Miakova M. *Quy hoạch nông thôn*. NXB Nông nghiệp. Hà Nội 1983.
64. Architecture Méditerranéenne. Revue semestrielle Internationale d'architecture ISSN^o 761 - 7909.
65. Architecture d'aujourd'hui. Paysages. 218. 1981.
66. Blin P. L' AUA : Mythe et réalités. L' atelier d' urbanisme et d'architecture. 1960. 1985. Electa Moniteur. Paris 1988.
67. Johnson H. L' art des jardins. Fernand Nathan. Paris 1980.
68. Marie H. Jardins Français classiques des 17^e à 18^e siècles. Paros études Vincent. Fréal 1949.
69. Urbanisme paysage. 1979.
70. Jencks C. The language of post - modern architecture. The Sixth Edition. Academy Edition. London 1991.
71. Geoffrey and Susan Jellicoe. The Landscape of Man. Shaping the environment from prehistory to the present day. Thames and Hudson Ltd, London, 1995.
72. Simonds J. O. Architecture. A Manual of Site Planning and Design. McGraw - Hill, Inc. New York St. Louis San Francisco Auckland Bogota Caracas Lisbon London Madrid Mexico Milan Montreal New Delhi Paris San Juan Singapore Sydney Tokyo Toronto, 1983, 1961.
73. Urban planning. McGraw - Hill, Inc 1988.
74. Edmund N. Bacon. Design of cities. Revised Edition. Penguin Books 1982.
75. Kevin Lynch. The Image of the City. The M. I. T. Press. Printed in the United States of America 1965.

76. Алферов И.А., Антонов В.Л., Любарский Р.Э. Формирование городской среды. М., 1977. Стройиздат
77. Архитектурная композиция садов и парков. М., 1980. Стройиздат
78. Иконников А. В., Степанов Г. П. Эстетика социалистического города. М., 1963. Стройиздат
79. Иконников А. В. Архитектура города. М., 1972. Стройиздат
80. Косаревский И. А. Композиция городского парка. Киев, 1977.
81. Крошус В. Р. Город и рельеф. М., 1979. Стройиздат
82. Ландшафтная архитектура. М., 1963. Стройиздат
83. Лунц Л. Б. Городское зеленое строительство. М., 1974. С.
84. Линч К. Образ города. Пер. с англ. М., 1982. Стройиздат
85. Ландшафтная реконструкция городских садов и парков Киев 1982. "Будівельник"
86. Микулина Е. М., Баулина В. В. Охрана природы и задачи ландшафтной архитектуры. М., 1979 "Знание"
87. Микулина Е. М. История садово-паркового искусства и эволюция среды. Диссертация на соискание ученой степени доктора архитектуры. М., 1984.
88. Микулина Е. М. Взаимодействие города и окружающей среды. М., 1985.
89. Мержанов Б. М. Архитектурный облик жилой застройки. М., 1979. Стройиздат
90. Николаевская З. А. Водоемы в ландшафте города. М., 1975.
91. Озеленение городов. Киев. 1966. "Будівельник"
92. Приходько П. И. Ландшафтная композиция малого сада. Киев. 1976. "Будівельник"
93. Посохин М. В. Город для человека. М., 1980. Стройиздат
94. Посохин М. В. Архитектура окружающей среды. М., 1989. С.
95. Рубцов Л. И. Проектирование садов и парков. М., 1973. С.
96. Рубцов Л. И. Деревья и кустарники в ландшафтной архитектуре. Киев., 1977. "Будівельник"
97. Балакшина Е. С. Внешнее благоустройство микрорайона. М., 1964. Стройиздат
98. Бунин А. В., Саваренская Т. Ф. История градостроительного искусства, в 2-х т. М., 1969. Стройиздат
99. Бархин М. Г. Архитектура и человек М., 1979. Наука.
100. Базарова Э. Л. Вопросы формирования ландшафта в городах научных центров. Диссертация на соискание ученой степени кандидата архитектуры М., 1980.

101. Велев П. Пешеходные пространства городских центров. Пер. с болг. М., 1983. Стройиздат
102. Вергунов А. П. Город и природное окружение. Диссертация на соискание ученой степени доктора архитектуры М., 1985.
103. Горбачев В. Н. Архитектурно-художественные компоненты озеленения городов М., 1983. Наука.
104. Горохов В. А. Лунц Л. Б. Парки Мира. М., 1985. Стройиздат.
105. Дивакова М. Н. Восстанавливаемые ландшафты в объемнопространственной композиции городов. Диссертация на соискание ученой степени кандидата архитектуры. М., 1988.
106. Жирнов А. Д. Искусства паркостроения. М., 1977 Стройиздат
107. Залесская Л. С. Курс ландшафтной архитектуры. М., 1964. С
108. Залесская Л. С. Вопросы ландшафтной архитектуры. Архитектура СССР 1970 N°8.
109. Залесская Л. С., Микулина Е. М. Элементы городского ландшафта. В КН.: Зеленые территории в ландшафте современного города. М., 1971. Стройиздат
110. Залесская Л. С., Ландшафтная архитектура. М., 1979. С.
111. Родинчкін І. Д. Чоловік серед відпочинку. Київ., 1977. "Б"
112. Саймондс Дж. О. Ландшафт и архитектура. Пер. сангл. М., 1965. Стройиздат
113. Северин С. И. Комплексное озеленение в благоустройстве городов. Киев., 1975. "Будівельник"
114. Сычева А. В. Охрана природы и архитектура. Минск., 1976.
115. Сычева А. В. Титова. Ландшафтный дизайн .Минск, 1984. "высшая школа"
116. Справочник, проектировщика градостроительства. М., 1978
117. Саваренская Т. Ф. Западноевропейское градостроительство. М., 1987. Стройиздат
118. Тиц А. А., Воробьева Е. В. Пластический язык архитектуры М., 1986 .Стройиздат
119. Черкасов М. И. Эстетика ландшафтной архитектуры М., 1976.
120. Чернявская Е. Н. Памятники ландшафтной архитектуры в зоне влияния крупного города. Диссертация на соискание ученой степени кандидата архитектуры М., 1980.

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	3
Chương một : NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN	5
I.1. Khái niệm chung về cảnh quan	5
1. Cảnh quan vùng	8
2. Cảnh quan đô thị	8
3. Cảnh quan nông thôn	10
I.2. Khái niệm, đối tượng và nhiệm vụ của kiến trúc cảnh quan	10
1. Khái niệm kiến trúc cảnh quan	10
2. Đối tượng và nhiệm vụ của kiến trúc cảnh quan	11
3. Khái niệm quy hoạch cảnh quan	12
4. Khái niệm thiết kế cảnh quan	12
Chương hai : LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN	16
II.1. Những đặc trưng của sự hình thành và phát triển kiến trúc cảnh quan thời kỳ tiền công nghiệp.	17
II.2. Những đặc trưng của sự hình thành và phát triển kiến trúc cảnh quan thời kỳ công nghiệp.	55
II.3. Những đặc trưng của sự hình thành và phát triển kiến trúc cảnh quan thời kỳ hậu công nghiệp	61
II.4. Mối quan hệ tương hỗ giữa kiến trúc cảnh quan và quy hoạch không gian trong quá trình hình thành và phát triển vùng miền và điểm dân cư	71
II.5. Các nhận xét chủ yếu	78
Chương ba : QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ CẢNH QUAN	86
III.1. Các nguyên tắc bố cục cảnh quan	86
1. Các cơ sở của việc bố cục cảnh quan	86
2. Kỹ xáo tạo hình - trang trí không gian - cảnh quan	88

3. Các quy luật bố cục chủ yếu	100
III.2. Quy hoạch cảnh quan	103
1. Quy hoạch cảnh quan vùng - nông thôn	103
2. Quy hoạch cảnh quan đô thị	110
3. Quy hoạch cảnh quan các quần thể trong đô thị	118
III.3. Thiết kế cảnh quan (loại hình chủ yếu)	123
1. Thiết kế không gian - chức năng cảnh quan vườn - công viên	123
2. Thiết kế không gian - chức năng phong cảnh sân - quảng trường	135
3. Thiết kế không gian chức năng phong cảnh đường phố	135
4. Bố cục tạo hình và trang trí các yếu tố tạo cảnh trong thiết kế cảnh quan	136
Phụ lục 1. Phương pháp, trình tự và nội dung thiết kế đồ án kiến trúc cảnh quan	196
Phụ lục 2. Nhiệm vụ thiết kế công viên	206
Phụ lục 3. Nhiệm vụ thiết kế ngoại thất	209
Phụ lục 4. Đặc tính của một số cây trồng thường gặp	210
Tài liệu tham khảo	217
Mục lục	222

KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

(Tái bản)

Chịu trách nhiệm xuất bản :

TRỊNH XUÂN SƠN

Biên tập nội dung :

TRƯỜNG KIM HOÀN

Biên tập kỹ thuật hình :

TRƯỜNG KIM HOÀN

HÀN TẤT NGẠN

ĐÌNH VĂN ĐỒNG

Bìa :

BẢO LONG - HỮU TÙNG

Chế bản điện tử :

PHÒNG MÁY TÍNH NXB

Sửa bản in :

THU DUNG - BÌNH MINH

In 300 cuốn khổ 19 x 27cm tại Xưởng in Nhà xuất bản Xây dựng. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 120-2014/CXB/185-04/XD ngày 16/01/2014. Quyết định xuất bản số 51-2014/QĐ-XBXD ngày 18/3/2014. In xong nộp lưu chiểu tháng 4-2014.





THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG

37 LÊ ĐẠI HÀNH - QUẬN HAI BÀ TRUNG - HÀ NỘI

TEL : 9761159 - 9760271 (269-226) - 8218785 - 9760216 - 9780401 - FAX : 84.4.8215369

TÀI KHOẢN SỐ : 710A.00328 - NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG KHU VỰC II - HAI BÀ TRUNG - HÀ NỘI

Mời tìm đọc

- **Kiến trúc cổ Việt Nam** (tái bản).
- **Thăng Long Hà Nội 10 thế kỷ đô thị hóa**
- **Những giáo huấn vàng ngọc về kiến trúc.**
- **Kiến trúc công trình công cộng**
- **Kiến trúc nhà ở**
- **Nguyên lý thiết kế kiến trúc**
- **Nghệ thuật tổ chức không gian kiến trúc**
- **Kiến trúc và khí hậu nhiệt đới Việt Nam.**
- **Kiến trúc cảnh quan đô thị**
- **Mẫu nhà ở căn hộ cao tầng cho các đô thị lớn**
- **Mẫu nhà dân tự xây**
- **Dữ liệu kiến trúc sư**
- **Thiết kế nội thất** (có minh họa)
- **Từ điển Anh - Việt kiến trúc và xây dựng**
- **Tiếng Anh trong kiến trúc và xây dựng**



9 786048 202682



Giá : 86.000đ

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ